

Truyện Tranh
THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ
PHẬT THÍCH CA

Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Việt Nam thực hiện
Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế) ấn tống với Bản Quyền

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Truyện Tranh
THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ
PHẬT THÍCH CA

Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC



Cách Trình bày	9
----------------	---

A-na-luật

11

[Thiên nhân đệ nhất]

I. Từ 7 năm xuống 7 tháng rồi 7 ngày	13
II. Từ chối lời cầu hôn của một cô gái	20
III. A-na-luật bị mù vì không chịu ngủ	23
IV. Phật vá áo cho A-na-luật	28
V. Ba người sống hoà thuận trong rừng vắng	31
VI. Cảm hoá đạo tặc	34
VII. Thiên nhân nhìn được khắp nơi	39

A-nan

45

[Đa văn đệ nhất]

I. Người em chú bác rất được Phật tin yêu	47
II. Người thị giả trong 25 năm sau cùng của Phật	58
III. Một trí nhớ độc nhất vô nhị	63
IV. Đau đầu vì phụ nữ	64
V. Tôn giả A-nan trong chuyến đi cuối cùng của Phật	71
VI. Sau ngày Phật nhập diệt	73

Ca-chiên-diên

79

[Luận nghĩa đệ nhất]

I. Thi tài diễn giảng với anh cả	81
II. Bài kệ trên tấm bia đá	85
III. Mong muốn các giai cấp trong xã hội được bình đẳng với nhau	91
IV. Luận về tư cách của bậc trưởng thượng	94
V. Giải đáp các nguyên nhân của việc tranh cãi	99
VI. Giúp cô gái nghèo	101
VII. Trái rộng tình yêu ra khắp nơi	106

Đại Ca-diếp

(Đầu đà đệ nhất)

111

- I. Pho tượng thiếu nữ bằng vàng 113
- II. Hai vợ chồng cùng xuất gia 121
- III. Đại Ca-diếp giúp đỡ Thiện Tâm 127
- IV. Chuyên tâm tu hạnh đầu đà 129
- V. Những mẫu chuyện đáng nhớ về Đại Ca-diếp 131
- VI. Đại Ca-diếp độ bà lão nghèo 136
- VII. Gây dựng lòng tin trong dân chúng 137
- VIII. Vị Tổ đầu tiên của Phật giáo 138

La-hầu-la

(Mật hạnh đệ nhất)

145

- I. Cậu bé vương giả sống thiếu tình cha 147
- II. Người sa di đầu tiên của Phật giáo 151
- III. La-hầu-la rất ham học và nhẫn nhục 157
- IV. La-hầu-la bị Phật rầy về tội nói dối 165
- V. La-hầu-la đắc quả A-la-hán 169

Mục-kiến-liên

(Thần thông đệ nhất)

171

- I. Do đâu Mục-kiến-liên có được thần thông 173
- II. Thần thông đệ nhất 175
- III. Mục-kiến-liên được phép sử dụng thần thông 184
- IV. Mục-kiến-liên và lễ Vu lan 192
- V. Muốn nghe tiếng nói của Phật từ xa 195
- VI. Mục-kiến-liên và Liên Hoa Sắc 199
- VII. Trả hết mọi nghiệp xưa 202

Phú-lâu-na

(Thuyết pháp đệ nhất)

211

- I. Phú-lâu-na được Phật thọ ký 213
- II. Vị tỷ kheo ưa nói thẳng 218
- III. Nơi đâu cũng là quê hương 223
- IV. Thuyết pháp cho vua Tần-bà-sa 227
- V. Một tỷ kheo dũng cảm 232
- VI. Kháng nghị với trưởng lão Đại Ca-diếp 236

Tu-bồ-đề

239

(Giải-không đệ nhất)

I. Chuyện lạ lúc Tu-bồ-đề chào đời	241
II. Quy y Phật	245
III. Chỉ khát thực nơi nhà giàu	249
IV. Rơi lệ trên hội Bát nhã	251
V. "Cái KHÔNG" là cái gì ?	257
VI. Người đầu tiên nghênh đón Đức Phật trở về từ cõi Trời Đạo Lợi	260
VII. Mưa hoa trong động đá	264
VIII. Chư thiên thăm bệnh	267

Upali

269

(Trì-luật đệ nhất)

I. Các giai cấp ở Ấn-độ	271
II. Ngay ngày xuất gia, đã là sư huynh của 6 thanh niên thuộc dòng họ Thích Ca	278
III. Phật khuyên Upali sống giữa tăng chúng	280
IV. Một lời nói đủ sức cứu lấy danh giá của một phụ nữ bị hàm oan	288
V. Upali, người trì luật đệ nhất	293
VI. Upali hỏi Phật về giới luật	296
VII. Upali và phép thăm nuôi bệnh nhân	300
VIII. Kết tập tạng Luật	302

Xá-lợi-phất

303

(Trì-huệ đệ nhất)

I. Từ thời niên thiếu tới lúc đắc quả A-la-hán	305
II. Cung kính thấy, hết lòng với bạn đồng tu và tận tâm với đệ tử	318
III. Độ cho một người làm công quả trong chùa	323
IV. Gương nhân nhục và khiêm tốn	325
V. Bị đánh mà cũng không giận	329
VI. Bị Phật rầy	332
VII. Những giây phút sau cùng	335

Cấp Cô Độc

345

(Nam cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)

I. Cấp Cô Độc, người giàu nhất thời Đức Phật	347
II. Cấp Cô Độc tặng vườn Kỳ Viên cho Giáo hội	353
III. Bị khánh kiệt tài sản rồi lại giàu như cũ	362
IV. Một số hoạt động khác của Cấp Cô Độc	374
V. Cấp Cô Độc trở thành Đế Thích Thiên Chủ	379

Visakha	381
<i>(Nữ cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)</i>	
I. Cô gái hiền thực	383
II. Nàng dâu hiền	389
III. Tinh xá Đồng Viên Trùng Các	399
IV. Vài mẫu chuyện về Visakha	403
 Tài liệu tham khảo	 407

Trong lúc còn trụ thế, Đức Phật có 10 đệ tử rất xuất sắc. Thuở đó, Phật đã khen mỗi vị *giỏi nhất* về một lãnh vực, nhưng không đánh giá vị nào đứng nhất, vị nào đứng nhì, ba... trong tăng đoàn. Điều này thật dễ hiểu : đã đắc quả Chánh Đẳng Chánh Giác thì vị nào cũng giỏi cả. Giả sử có dịp ngồi bên nhau, hẳn mười vị A-la-hán này sẽ không bao giờ nhận mình là người giỏi. Thế thì có ai dám nói mình là “người giỏi hơn người”!

Do vậy, trong bộ sách này, chúng tôi trình bày cuộc đời và sự nghiệp của các Ngài theo thứ tự của vần tên A, B, C... và không đánh số. Ngoài ra, nếu có bài này dài hơn bài kia, ấy là vì chúng tôi không đủ tư liệu, chớ không cố ý chép nặng về vị này mà nhẹ về vị kia.

A-na-luật	<i>Thiên nhân đệ nhất.</i>
A-nan	<i>Đa văn đệ nhất.</i>
Ca-chiên-diên	<i>Luận nghĩa đệ nhất.</i>
Đại Ca-diếp	<i>Đầu đà đệ nhất.</i>
La-hầu-la	<i>Mật hạnh đệ nhất.</i>
Mục-kiền-liên	<i>Thần thông đệ nhất.</i>
Phú-lâu-na	<i>Thuyết pháp đệ nhất.</i>
Tu-bồ-đề	<i>Giải không đệ nhất.</i>
Upali	<i>Trì luật đệ nhất.</i>
Xá-lợi-phất	<i>Trí huệ đệ nhất.</i>

Ngoài việc trình bày cuộc đời Thập Đại Đệ Tử của Phật, chúng tôi còn chép thêm cuộc đời của ông *Cấp Cô Độc* và bà *Visakha*, hai cư sĩ đã cúng dường nhiều vàng bạc cho Giáo hội.

A - NA - LUẬT

(Thiên nhân đệ nhất)



A-na-luật
[Thiên nhân đệ nhất]

I. Từ 7 năm xuống 7 tháng rồi 7 ngày

Thân vương
Sukkoda là chủ
ruột của Thái tử
Tất Đạt Đa. Ngài
có 2 con trai :
Mahanama và
A-na-luật.*

*A-na-luật thông
minh, tánh tình
hoà nhã, được
các cô gái mến
yêu, nhưng
chàng lại lơ là
chuyện vợ chồng.*



Ngày Phật trở về quê hương lần thứ nhất, ở Ca-tỳ-la-vệ có rất nhiều người xuất gia : trong hoàng tộc thì có Nan-da, La-hầu-la ; ngoài dân chúng có tới mấy trăm người. Bấy giờ Mahanama đến gặp em mình.

A-na-luật,
nhiều người đã theo
Phật. Gia đình ta cũng
nên có một người. Anh
nhường vinh dự
này cho em.



* Xem gia phả của Thái tử Siddhatta, trang 19.







A-na-luật thuật lại chuyện mình bị mẹ “ép buộc” như thế nào. Bhaddiya nghe xong, ngồi im lặng thật lâu, rồi nói :





Hai người bạn trẻ – thân thiết nhau từ thuở nhỏ – tiếp tục “cò kè” với nhau. Cuối cùng Bhaddiya nói :

Thôi
được rồi ! Hỡi
người bạn thân nhất,
hãy cho tôi
7 NGÀY.

Hay lắm !
Bảy ngày sau,
chúng ta ra đi. Tôi
sẽ rủ thêm nhiều
bạn nữa.



A-na-luật chạy như bay về nhà, báo tin cho thân mẫu. Bà mẹ trầm ngâm một thoáng rồi tươi nét mặt.

Ài mà ngờ
Bhaddiya lại có
một quyết định cao đẹp
như vậy. Đây hẳn là
phước phần của
con mình.

Mẹ cho
con xuất gia
không ?

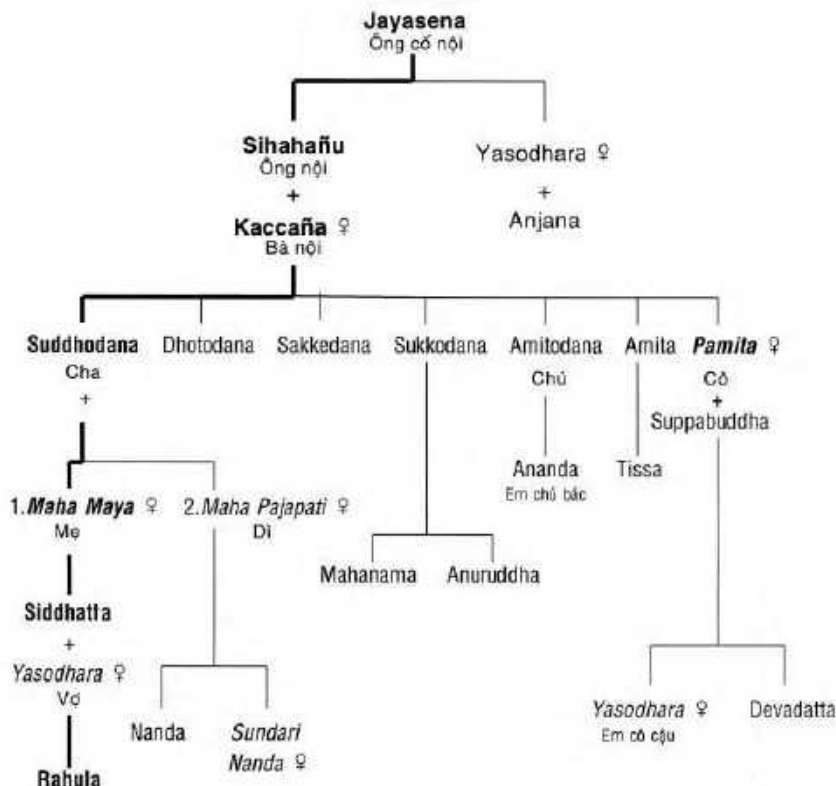
Mẹ không
nuốt lời hứa
dâu ! *



* Mời quý bạn xem *Chuyến xuất gia của A-na-luật* ở bài Upali.

6. Gia phả của Thái tử Siddhatta

HỌ BÊN NỘI



1. Vua **Jayasena** (của nước Sakya) có 2 người con, **Sihahanu** và Yasodhara.
2. Vua Sihahanu lấy vợ là bà **Kaccana** sinh ra 7 người con : người con cả là **Suddhodana** và con gái út là Pamita.
3. Vua Suddhodana lấy người vợ thứ nhất, là bà **Maha Maya** sinh ra Thái tử Siddhatta, lấy vợ thứ hai là Maha Pajapati sinh ra Nanda và Sundari Nanda.
4. Thái tử Siddhatta lấy công chúa Yasodhara của nước Koliya, sinh ra **Rahula** (Công chúa Yasodhara trùng tên với bà ngoại Yasodhara của Thái tử). Mặt khác, cô Pamita lấy chồng là Suppabuddha sinh ra công chúa Yasodhara và hoàng tử Devadatta.

II. Từ chối lời cầu hôn của một cô gái

Sau khi xuất gia, tỳ kheo A-na-luật rất tinh tấn trong việc tu hành. Ngày nọ, Đại đức rời Kỳ Viên, đi giáo hoá ở vùng xa. Trên đường làng vắng vẻ, không có nơi dành riêng cho các tỳ kheo nghỉ trọ. Trời sầm tối. Mây đen phủ kín không gian.



Đại đức ghé vào một ngôi nhà, xin tạm trú. Rủi thay ! Mọi người đều đi vắng, trừ một cô gái.



Đại đức còn đang do dự thì mưa đã nặng hạt. Thiếu nữ tiếp khách rất niềm nở, nhưng nhà tu vẫn cứ ngồi yên, tham thiền, không để ý đến “những lời gợi ý” của nữ chủ nhân.

Đêm đã khuya. Bốn bề im vắng. Trong ánh sáng lung linh của ngọn đèn dầu, cô gái bước đến bên Đại đức.

Không
biết tại sao vừa
thấy thầy, là em đem
lòng cảm mến. Thầy
còn trẻ, hãy hoàn
tục...

...và
cưới em. Chúng ta
sẽ sống đời giàu sang,
hạnh phúc.



Càng nói, thiếu nữ càng bạo dạn hơn, toan nắm lấy bàn tay của A-na-luật, nhưng nhà sư trẻ nhắm mắt lại, dụi dụi nói :

Hãy dừng lại !
Tôi là người xuất gia,
đã từ bỏ mọi lạc thú trên
đời ! Cô hãy để lòng
bình thần trở lại.



Trước lời lẽ cương quyết của Đại đức, thiếu nữ bưng bình, hổ thẹn và hối hận.

Xin Đại đức
tha thứ cho sự
nóng nổi của
con.



Sáng hôm sau, cô gái nhờ A-na-luật giúp mình được *quy y* Phật. Về sau, cô trở thành một nữ cư sĩ rất thuần thành.

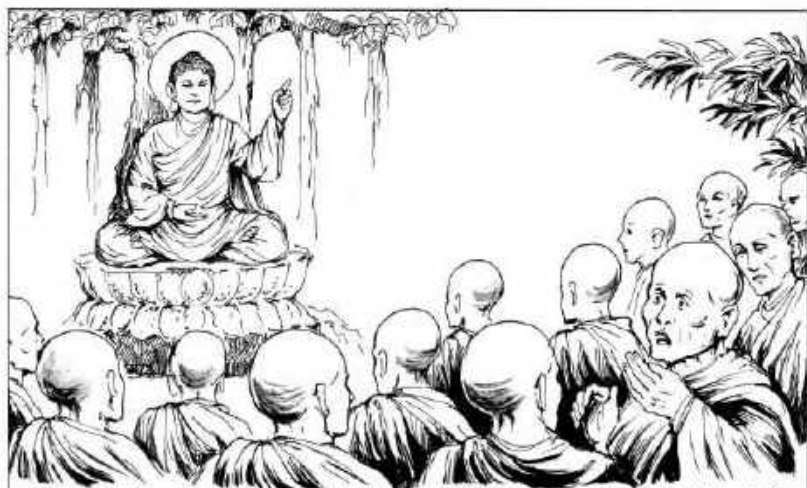


Sau khi nghe A-na-luật kể lại chuyện này, Phật đưa ra một giới luật : *Từ nay các tỳ kheo không được sống trong nhà của một nữ nhân, càng không được ngủ chung phòng với họ.*

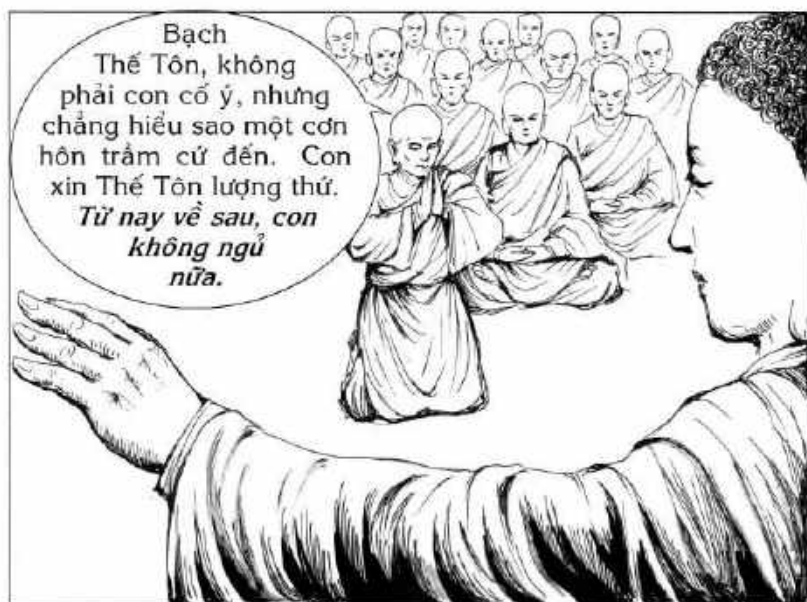
III. A-na-luật bị mù vì không chịu ngủ



Hôm đó các tỷ kheo đang chăm chú nghe Phật giảng, riêng A-na-luật ngồi ngủ gục.



Phật nhìn về phía người phạm lỗi, không nói một lời. Bảy giờ một tỷ kheo xô nhẹ A-na-luật. Đại đức giật mình...





Thế rồi kể từ hôm đó, A-na-luật tinh tấn tu hành liên tục : từ sáng đến tối, hết đêm đến ngày.



Một thời gian sau, đôi mắt Đại đức sùng húp.



Phật lo lắng.

Này A-na-luật, tu hành không đúng mức hoặc thái quá đều không tốt.

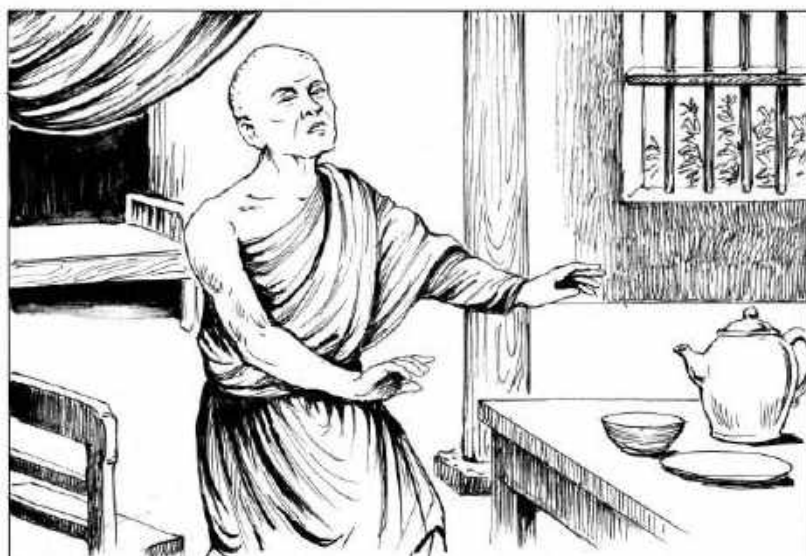
Bạch Thế Tôn, con đã phát nguyện *không ngủ nữa* ! Con không thể trái lời nguyện.



Phóng dật : Buông thả, thả lỏng thân và tâm ★ **Cảnh giới :** Lãnh vực, khung cảnh ★ **Vô vi :** Không sanh diệt, không biến đổi.

Ít lâu sau, Phật sai người đến khám bệnh cho A-na-luật.

Bạch
Thế Tôn, tôn giả
A-na-luật chỉ cần ngủ
trở lại là hết
bệnh.



Nhưng A-na-luật vẫn không ngủ, cuối cùng phải bị mù.

IV. Phật vá áo cho A-na-luật

Thế là mọi sinh hoạt hằng ngày của A-na-luật trở nên khó khăn. Các tỷ kheo khỏe mạnh, đủ sức đi nhiều... đã sốt ruột phần của mình cho A-na-luật, nhờ vậy việc ăn uống của tôn giả cũng tạm ổn.



Nhưng khi 3 chiếc áo của tôn giả rách nhiều chỗ thì tôn giả không giải quyết được. Ngày nọ A-nan nhìn thấy, hỏi :

Sao huynh không vá áo ? Mặc áo cũ hay mới không quan trọng, nhưng phải kín đáo, tề chỉnh.

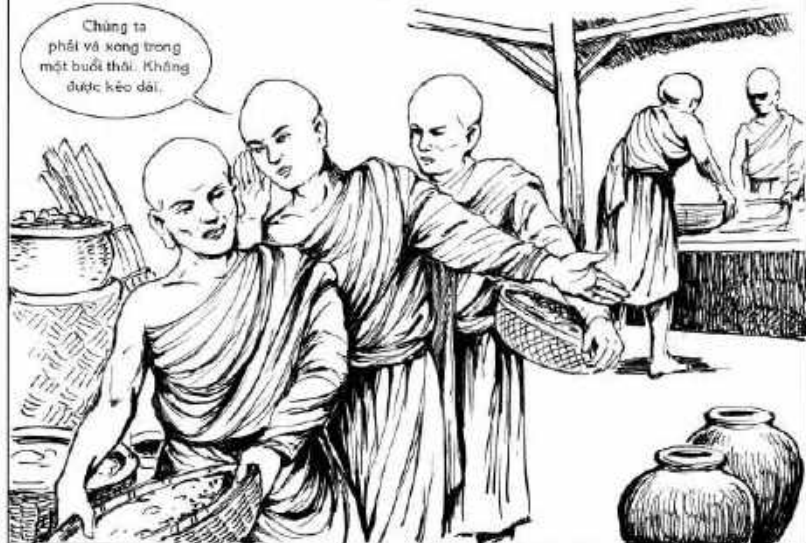
Đệ sẽ trở lại vá áo cho huynh.

Tiểu đệ không xỏ kim được. Mong huynh giúp cho.



A-nan về tỉnh xá, mời vài tỷ kheo đi vá áo cho A-na-luật.

Chúng ta
phát vá xong trong
một buổi thôi. Không
được kéo dài.



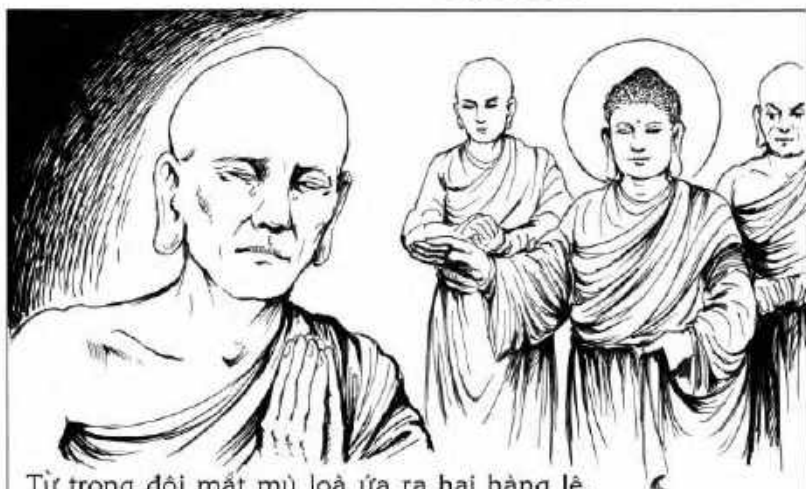
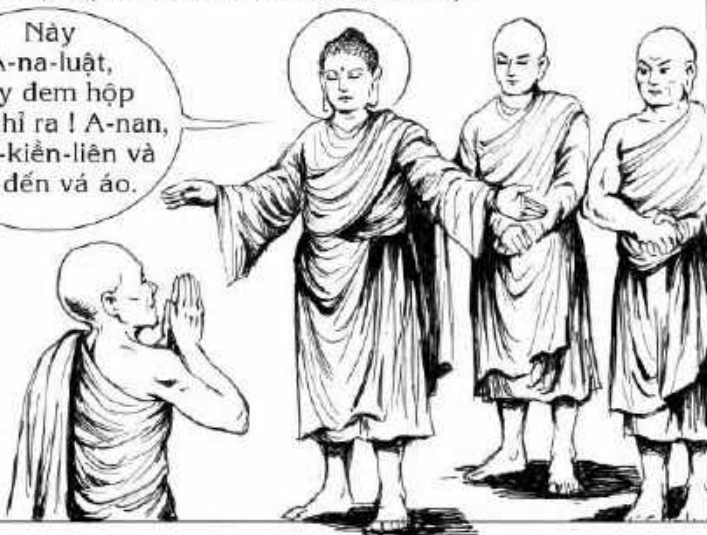
Tuy A-nan nói thì thầm nhưng Phật vẫn nghe rõ cả. Từ trong Hương phòng, Ngài phóng âm thanh về phía A-nan.

Này A-nan,
sao thầy không mời
Ta đi vá áo cho
A-na-luật.



A-nan xúc động. Mục-kiền-liên cũng xin đi. Thế rồi Phật và hai đại đệ tử đến trú xứ của A-na-luật.

Này
A-na-luật,
hãy đem hộp
kim chỉ ra ! A-nan,
Mục-kiền-liên và
Ta đến vá áo.



Từ trong đôi mắt mù loà ứa ra hai hàng lệ.
Sau buổi sáng hôm đó, ba y rách của A-na-luật được lành lặn, đẹp đẽ hẳn lên... giống như tâm hồn của chủ nhân nó đang đẹp đẽ gấp nhiều lần so với ngày xưa.

V. Ba người sống hoà thuận trong rừng vắng

Cuối mùa mưa năm 581 trước Tây lịch, Phật đi về phía rừng Trúc Lâm, nhưng bị người gác rừng chặn lại.

Xin Ngài chờ vào. Ở trong đó có 3 vị thánh đang tu hành.

Nếu ông vào nói có người đến thăm, thì 3 vị đó sẽ ra ngay.



Quả nhiên, một lát sau, A-na-luật, Kimbila và Nandiya xuất hiện. Nhận ra Thế Tôn, cả ba rất vui mừng, mời Phật vào rừng, đỡ y bát, trải toạ cụ và lấy nước rửa chân Phật.

Các thầy có được an tịnh không? Việc đi hoằng hoá và khát thực có dễ dàng không?

Bạch Thế Tôn, chúng con rất an tịnh. Mọi việc ở đây đều dễ dàng.



— Các thầy có thương mến và có sống hoà hợp với nhau không ? — Phật hỏi tiếp.

— Chúng con thương mến và sống hoà hợp với nhau như sữa với nước. — A-na-luật đáp.

Kimbila và Nandiya cũng xác nhận rằng cả ba như là một.

A-na-luật kể cho Phật nghe công việc hằng ngày của ba người như sau :

— Sau buổi ngồi thiền đầu tiên trong ngày, chúng con đi khát thực. Ai trở về sớm nhất thì nhanh tay sắp đặt chỗ ngồi, đi lấy nước uống, nước rửa mặt và đặt một cái chậu sạch tại nơi này.

— Sau đó, vị này mới đi rửa mặt, rửa chân, san bột thức ăn của mình vào chậu sạch (đây là phần thức ăn dành cho vị nào không khát thực đủ một phần ăn).

— Xong xuôi, vị đó ngồi xuống, quán niệm và thọ trai.

— Nhờ vậy, khi hai vị kia về thì nước rửa, nước uống,... đã có sẵn ; họ chỉ việc ngồi xuống rửa tay, rửa chân, rửa mặt và thọ trai.



— Sau buổi thọ trai, ba người cùng đi dọn dẹp : thức ăn còn dư sẽ được đem đổ tại một khoảng đất không có cỏ cây hoặc không có động vật nào sinh sống.

— Rồi rửa bình bát, rửa chậu và úp ngược xuống !

— Ai thấy hết nước uống thì tự động châm thêm, thấy vại nước rửa bị lúng, thì đi xách nước, đổ vào cho đầy, thấy nhà vệ sinh không sạch thì đi chùi rửa.

— Việc nào cần nhiều người làm thì cùng nhau chung sức, không đợi lên tiếng mời gọi.

— Cứ mỗi 5 ngày, cùng nhau ngồi lại một lần để trao đổi kinh nghiệm học tập.

Phật nghe xong, khen cả 3 đệ tử này.



VI. Cảm hoá đạo tặc



Đêm đó vô số ngôi sao chiếu lấp lánh trên bầu trời đen thẳm. Trăng lưỡi liềm toả ánh sáng ít ỏi của nó xuống khu rừng có tôn giả A-na-luật đang ngồi thiền.



Không gian đang vắng lặng bỗng có tiếng chân người ở xa xa. Rồi tiếng động ấy to dần, rõ dần và sau cùng xuất hiện một toán người đang đi về hướng của tôn giả. Khi thấy họ đến gần, tôn giả đứng hăng để báo “ở đây có người”.

Đó là bọn cướp vừa ăn hàng về. Chúng hết hoảng, rút dao ra, bao vây "con người khả nghi", nói nhỏ với nhau :

Ta bị lộ rồi !
Phải giết người này,
Lão phá việc làm
ăn của bọn
minh.



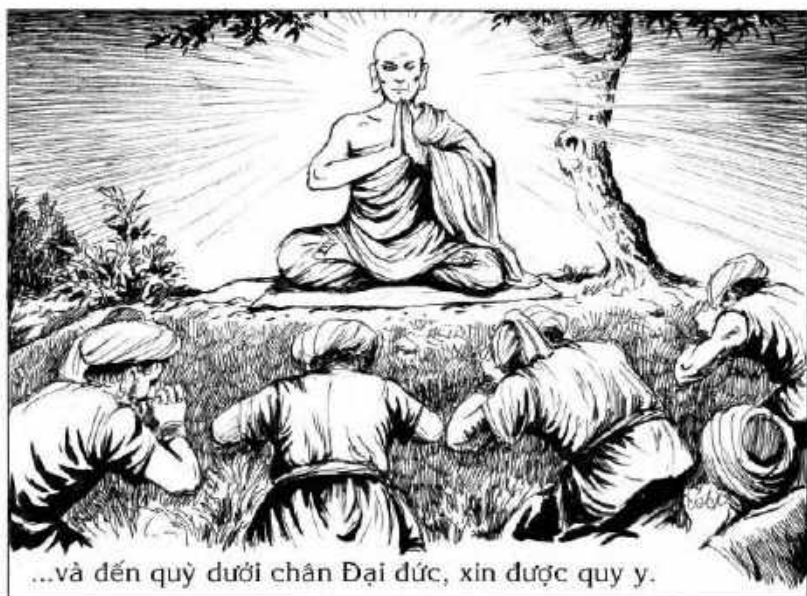
Các người
giết ta thì rất dễ.
Nhưng sau khi ta chết,
các người cũng khó
toàn mạng.







Huyền diệu thay những lời của tôn giả A-na-luật. Trong phút chốc, thiện nghiệp ngày xưa của bọn cướp bỗng sống dậy, chúng liền vứt bỏ khí giới...



...và đến quỳ dưới chân Đại đức, xin được quy y.



Bình minh lên với muôn ngàn tia nắng rực rỡ, xoa sạch bóng đen và lòng người cũng bừng sáng y như Đất, Trời : những người vừa giác ngộ đem tiền bạc cướp được trả lại cho chủ của nó.



Các gia đình mất của rất vui mừng, nhưng liền đó, họ nhận ra rằng mọi vật đều vô thường, nên cùng nhau xin quy y, làm cư sĩ.

VII. Thiên nhãn nhìn được khắp nơi

Do không chịu ngủ, A-na-luật bị mù, nhưng nhờ tinh tấn thực hành thiền định, Đại đức đã đạt được *thông thiên nhãn*. “Mắt Trời” không những nhìn thấy mọi vật chung quanh y như mắt thường mà còn nhìn thấy suốt cõi âm và cõi thiên. Bấy giờ A-na-luật đến gặp Xá-lợi-phất, nói :

— Thưa sư huynh, đệ có thể nhìn thấy hàng vạn thế giới, tinh thần đệ sáng suốt, thân thể mạnh khoẻ... nhưng không hiểu sao tâm hồn đệ chưa thoát khỏi các phiền não nhỏ nhặt.

— Khi hiện đệ nghĩ rằng mình có thể nhìn thấy hàng vạn thế giới, tinh thần sáng suốt... thì đó chính là lúc lòng tự mãn xuất hiện. Còn lúc hiện đệ thấy mình chưa thoát ra khỏi các phiền não nhỏ nhặt... thì đó chính là lúc đệ bị các hoài nghi quấy nhiễu. *Hãy xua đuổi các tư tưởng có hại đó ra khỏi tâm trí mình*

A-na-luật trở về chỗ ẩn cư, tiếp tục ngồi thiền và cố loại trừ các tư tưởng bất thiện nói trên. Cuối cùng ngài đắc quả A-la-hán.



Sau đây là vài hình ảnh mà A-na-luật nhìn thấy nhờ có thiên nhãn.

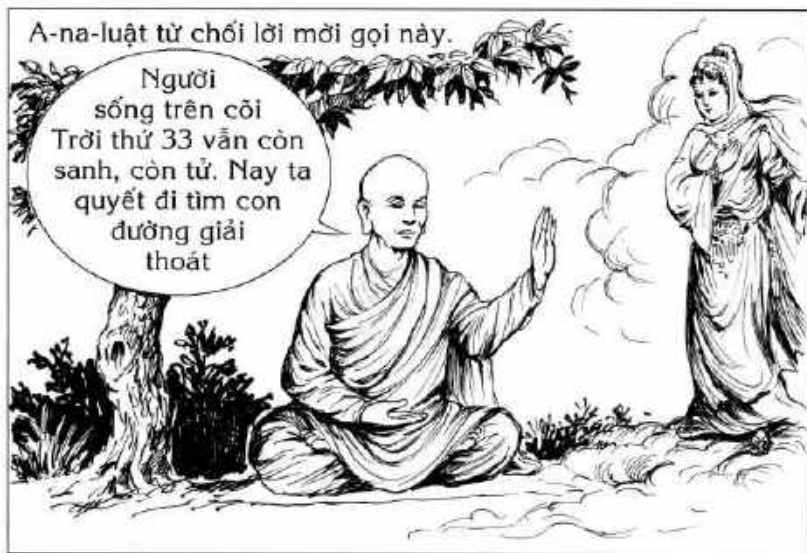
1. Lúc tôn giả ẩn cư tại một khu rừng vắng, một tiên nữ từ cõi Trời thứ ba mươi ba hiện xuống*, đến đứng kế bên.

Ông hãy
phát nguyện được
chấm dứt tuổi thọ để
trở về cõi Trời, sum
họp với thiếp.



A-na-luật từ chối lời mời gọi này.

Người
sống trên cõi
Trời thứ 33 vẫn còn
sinh, còn tử. Nay ta
quyết đi tìm con
đường giải
thoát



* Đây là người vợ cũ của tôn giả lúc tôn giả làm Đế Thích Thiên Chủ. Khi tôn giả xuống trần dưới lột thân xác phàm “Vương tử A-na-luật”, ngài “bị quên hết” các chuyện của tiền kiếp, nhưng tiên nữ thì vẫn còn nhớ.

2. Có lần một số tiên nữ đến vây quanh A-na-luật, khoe :



Các tiên nữ liền làm theo “lời yêu cầu thầm kín” của A-na-luật, rồi múa hát, cố lời cuốn nhà tu. Thế nhưng tỷ kheo vẫn ngồi tham thiền, khiến các tiên nữ chán nản, kéo đi nơi khác.

A-na-luật đem việc mình nhìn thấy tiên, hỏi Phật :

— Bạch Thế Tôn, nhờ đâu mà một nữ nhân được sanh lên Thiên giới ?

— Đó là những phụ nữ có đủ 8 phẩm hạnh sau đây :

1. Sau khi lập gia đình, nữ nhân đó biết chiều chuộng và thân ái đối với chồng.
2. Lịch sự với khách của chồng, nhất là với cha mẹ chồng.
3. Chu toàn mọi việc trong gia đình.
4. Chăm sóc kẻ ăn người ở trong nhà.
5. Không phung phí tài sản của chồng.
6. Không cờ bạc, không uống rượu và phải tìm mọi cách giúp chồng thoát khỏi “hai tai hoạ” đó.
7. Quy y và giữ 5 giới cấm.
8. Thường xuyên bố thí và giúp đỡ những người nghèo khó.



3. Sau khi quan sát các cảnh khổ của nữ giới ở địa ngục, A-na-luật hỏi Phật :

— Bạch Thế Tôn, các nữ nhân nào bị đọa vào địa ngục ?

— Nữ nhân nào có 5 tội xấu sau đây sẽ bị đọa vào địa ngục :

1. Không tin tưởng chánh pháp.
2. Không biết hối hận khi đã làm điều xấu xa.
3. Không sợ tội lỗi.
4. Hay nóng giận và thô lỗ.
5. Ưa tin nhầm.



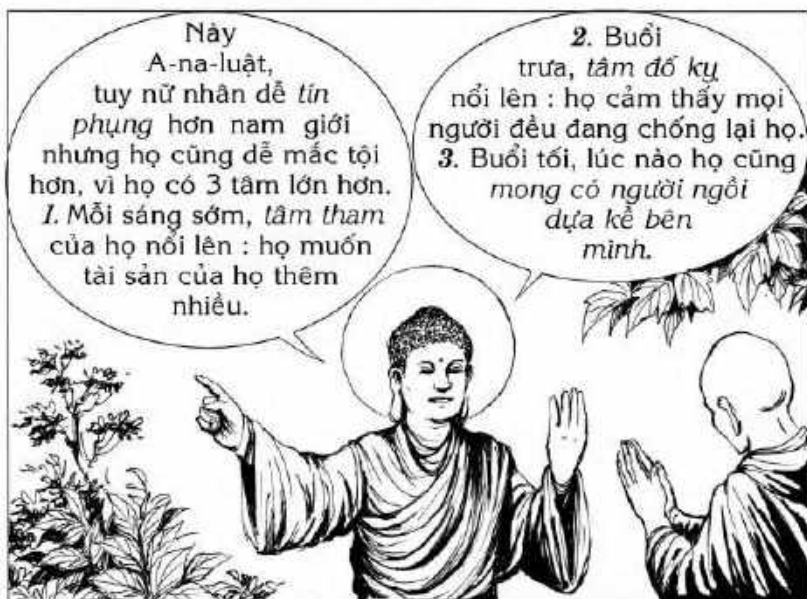
Trong một dịp khác, A-na-luật lại hỏi Phật :

Bạch
Thế Tôn, nữ nhân
rất dễ tin theo lời Thế Tôn,
nhiều lòng từ hơn nam giới,
nhưng sao họ bị đoạ vào
địa ngục nhiều hơn.



Này
A-na-luật,
tuy nữ nhân dễ tin
phụng hơn nam giới
nhưng họ cũng dễ mắc tội
hơn, vì họ có 3 tâm lớn hơn.
1. Mỗi sáng sớm, tâm tham
của họ nổi lên : họ muốn
tài sản của họ thêm
nhiều.

2. Buổi
trưa, tâm đố kỵ
nổi lên : họ cảm thấy mọi
người đều đang chống lại họ.
3. Buổi tối, lúc nào họ cũng
mong có người ngồi
dựa kê bên
mình.



4. Năm 546 trước Tây lịch, trong “*Chuyến đi cuối cùng*” từ Vương Xá đến Kusinara, Phật dẫn theo vài đệ tử, trong đó có A-na-luật và A-nan. Tại Kusinara, Phật nhập Niết bàn giữa hai cây sa la song thọ. Mọi người có mặt hết sức buồn bã. Từng lúc một, họ muốn biết “*hiện giờ Thế Tôn đang ở đâu*”.

Với **thiên nhân đệ nhất** của mình, A-na-luật đã trả lời các câu hỏi của họ, nhờ đó bầu không khí bớt căng thẳng.

Trong lúc hoả táng, nhiều hiện tượng lạ đã xảy ra : Tám tộc trưởng người Malla không khiêng nổi xác thân Phật ; châm lửa mãi mà giàn hoả vẫn không cháy...

Với thiên nhân của mình, A-na-luật giải thích các nguyên nhân của việc đó. Mọi người nghe xong, bớt lo lắng*.



* Xin xem chi tiết các chuyện này trong bài “*Cuộc Hành Trình Cuối Cùng*” trong quyển truyện tranh Lịch sử Phật Thích Ca.

A - NAN

(Đa văn độ nhất)



A-nan
(Đa văn đệ nhất)

I. Người em chú bác rất được Phật tin yêu

Thần phụ của Thái tử Tất Đạt Đa và thần phụ của A-nan là hai anh em ruột*. Như vậy Thái tử Tất Đạt Đa và A-nan là anh em chú bác. A-nan nhỏ hơn Thái tử 19 tuổi.



Vào ngày sinh ra A-nan, trong nhà có nhiều điều vui vẻ nên A-nan** được đặt tên là Ananda, có nghĩa là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ.



Lớn lên, A-nan có dung mạo rất đẹp, mắt tợ hoa sen xanh, thân hình cân đối, sáng rõ.

* Xem gia phả của Thái tử Siddhatta, trang 19.

** A-nan-da : dịch âm từ chữ Ananda. Để gọn nhẹ, chúng tôi chép là A-nan.



Trong chuyến trở về cố hương lần đầu tiên, Phật làm lễ xuất gia cho Nanda và La-hầu-la. Sau đó Ngài rời nước Sakya, sang miền Bắc nước Kosala, rồi đến trú tại làng Anupiya của bộ tộc Malla.



Lúc ấy ở Sakya có 6 thanh niên dòng họ Thích Ca quyết định xuất gia, trong đó có A-nan, mới 18 tuổi. Khi tới biên thủy của 2 nước Sakya - Kosala, họ gặp người thợ cắt tóc còn trẻ, tên là Upali, nhờ chỉ đường sang Kosala.



Sau khi 6 vương tử vượt qua biên giới thì Upali vội vã chạy theo, nói rằng mình cũng muốn xuất gia.

Thế rồi cả 7 người kéo tới làng Anupiya, gặp Phật, ngỏ lời xin được xuất gia. Phật nhận lời. Ngay từ lúc gia nhập vào giáo hội, A-nan chuyên cần tu học. Sau mùa an cư kiết hạ đầu tiên của mình, A-nan đã chứng quả Dự lưu, được Phật thương mến và quý trọng.*



* Đó không phải hoàn toàn vì hai Ngài là anh em chú bác trong kiếp này mà còn vì trong quá khứ, hai Ngài đã *nhiều lần* "làm việc chung với nhau". Xem bộ **Tiền Thân Đức Phật**.

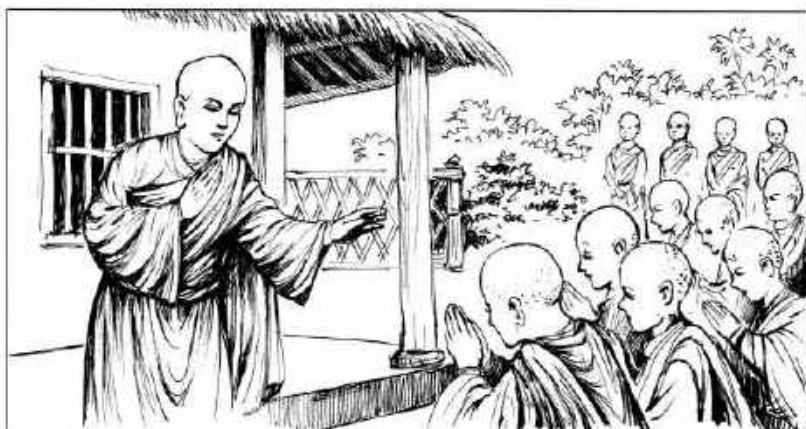


Thật vậy, A-nan rất được Phật tin cậy : tuy mới 20 tuổi mà A-nan đã được Phật giao nhiệm vụ trấn áp bệnh dịch hạch. Số là, năm 585 trước Tây lịch, Phật đang chuẩn bị an cư kiết hạ tại Vương Xá thì sứ thần của nước Licchavi sang gặp vua Tần-bà-sa, báo tin rằng Tỳ-xá-ly đang bị hạn hán nặng : dân chúng đói khổ, nhiều người đã chết vì nóng, vì đói. Sứ thần yêu cầu vua Tần-bà-sa thuyết phục Phật sang cứu hạn.

Nhận lời yêu cầu này, Phật cùng với vài đệ tử vượt sông Hằng. Ngay khi Ngài vừa đặt chân lên nước Licchavi thì khắp nơi đều có mưa.



Sau đó Phật dạy kinh Bảo Châu cho Đại đức A-nan, dặn Đại đức tụng kinh này để trấn áp bệnh dịch hạch. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đại đức đã làm xong nhiệm vụ. Đại đức theo Phật đến Ca-tỳ-la-vệ thăm vua Tịnh Phạn, dự lễ hoả táng vua, rồi cùng Phật về Vương Xá.



Một sáng kia, Đại đức rất kinh ngạc khi thấy hoàng hậu Gotami và khoảng 50 nữ nhân hoàng tộc – ăn mặc như khất sĩ – đến nhờ mình xin với Thế Tôn cho họ xuất gia. Đại đức đã hoàn thành nhiệm vụ đó một cách tốt đẹp : nhờ vậy giáo hội tỷ-kheo-ni được ra đời.



Trong 20 năm hoàng pháp đầu tiên của Phật, tuy không phải là thị giả của Phật, nhưng A-nan luôn sống kề cận bên Ngài, cùng chia sẻ những thành công và cùng chịu đựng những khó nhọc và khổ nhục.

1. Hai thầy trò bị xua đuổi tại Kosambi

Sau khi vua Tần-bà-sa và vua Ba-tư-nặc quy y Phật, số tín đồ của Phật lên tới nhiều ngàn người. Bấy giờ Ngài muốn sang thủ đô Kosambi của nước Vamsa để mở đạo tiếp.

Trước đó ít lâu, nhiều thương gia ở Kosambi có ghé qua Xá Vệ nghe Phật thuyết pháp. Triệu phú Ghosita đã dành một khu vườn để Phật sử dụng : *như vậy là mọi việc có vẻ rất thuận lợi*. Nhưng, việc mở đạo ở đây đã đem đến cho Phật nhiều chuyện phiền hà : nào là vua Udena tiếp đón lạnh nhạt, nào là vụ “*cái ghè nước*” khiến Ngài buồn đến nỗi phải vào rừng Parileyya sống cô độc trong mùa an cư thứ 10. Nhưng khổ nhất, là vụ bà thứ phi Magandiya của vua Udena.



Số là, trong khi nhập hạ thứ 9 tại Kosambi, Phật gặp gia đình của Magandiya. Đó là một thiếu nữ Bà-la-môn xinh đẹp mà cha mẹ nàng mong sẽ gả nàng vào nơi xứng đáng. Một sáng kia, Phật nhìn khắp thế gian, thấy đã đến lúc cần phải độ cho vợ chồng người này, bèn đến nơi vào lúc hai vợ chồng đang cúng tế thần lửa. Trước vẻ đẹp của Phật, người chồng rất hài lòng, mời Phật nán lại, chờ ông một chốc. Hai vợ chồng chạy đi tìm con gái.

Khi đó Phật ấn mạnh bàn chân xuống đất, cố ý để lại dấu chân trên mặt đất mềm, rồi đến ngồi tại một chỗ cách đó không xa.

Khi cả 3 người trở lại, bà mẹ nhìn dấu chân Phật thì hiểu rằng đây là bàn chân của một người đã tận diệt hết mọi dục vọng. Bà nói ý này cho chồng biết. Chồng bà chế nhạo, bảo rằng không có người đàn ông nào không say mê nhan sắc của phụ nữ. Nói xong, ông đến bên Phật, lễ nghị gả con gái. Phật trả lời :

Ta không thích
thủ trong dục lạc
của ái tình. Thế xác con
người đây ở trọ, ta không
muốn sở đến nó, dầu
chỉ bằng chân.



Nghe Phật nói vậy, hai vợ chồng người Bà-la-môn chứng ngay quả Bất Lai, nhưng cô gái thì lại cảm thấy mình bị khinh khi. Cô thầm nghĩ :

*Không yêu
ta thì thôi, sao lại chê
tấm thân đẹp đẽ của ta là
ô trọc. Rồi đây ông
sẽ biết.*



Ít lâu sau, vua Udena nước Magandiya về làm thứ phi. Thế là bà này xúi giục bọn tôi tớ và nô lệ xua đuổi Phật.

*Ông điên
rồi sao ? Người
đẹp đẽ thì nói là xấu
xa, còn gã gánh phân
thì cho là đẹp đẽ.
Hãy đi ra khỏi
nơi này !*



Rất đau khổ trước những lời nhục mạ đó, Đại đức A-nan đến bên Phật, nói :

— Bạch Thế Tôn, người ta đang chửi mắng chúng ta ! Xin Thế Tôn hãy rời khỏi nơi này !

— Này A-nan, Ta sẽ đi đâu ?

— Bạch Thế Tôn, đi sang thị trấn khác !

— Nếu ở đó người ta cũng chửi mắng, thì Ta lại đi đâu ?

— Bạch Thế Tôn, thì đến một thị trấn khác nữa.

— Này A-nan, nơi nào gặp chuyện khó khăn thì Ta phải dàn xếp cho ổn thoả rồi sau đó hãy đi ! Nhưng ai đã chửi Ta ?

— Bạch Thế Tôn, ai cũng chửi cả.

— Không sao đâu. Họ chỉ chửi trong 7 ngày thôi. Đến ngày thứ 8, họ không chửi nữa.

2. A-nan đi xin cám ngựa về nuôi Phật

Năm 578 trước Tây lịch, Phật an cư mùa mưa tại Veranja, gần thành Xá Vệ. Bấy giờ nước Kosala bị mất mùa, dân chúng đói khổ. Các tỳ kheo đi khát thực, nhiều lần phải về tay không. Phật cũng chịu chung cảnh ngộ đó, tuy nhiên Ngài không đồng ý để cho Mục-kiền-liên “đảo lộn” lớp đất mặt ngõ hầu tìm trong đó những gì có thể ăn được. Ngài cũng không đồng ý để cho người đại đệ tử thần thông đệ nhất này rút ngắn quãng đường từ Xá Vệ đến những nơi không bị mất mùa, để cho các tỳ kheo đến đó khát thực. May mắn thay, tôn giả A-nan đã gặp một lái buôn ở vùng Bắc Ấn đem 500 con ngựa đến đây bán. Người lái buôn tặng A-nan một ít cám.



3. Phật và A-nan bàn việc may kiểu áo phước điền y



Một hôm Phật và A-nan đứng trên đồi cao nhìn xuống cảnh đồng : ở đó những thửa ruộng vàng xen với những thửa ruộng xanh ; từng ô ruộng đầy màu sắc ấm no trải dài tới tận chân trời.

Phật nói :

— Này A-nan, cảnh ruộng lúa này rất xinh. Nếu Ta may *một kiểu áo cà sa mang hình ảnh của ruộng lúa*, thì nó có đẹp không ?

— Bạch Thế Tôn, mỗi khát sĩ tu học nghiêm chỉnh sẽ là một thửa ruộng tốt mà trên đó các cư sĩ có thể gieo các hạt giống phước đức cho hiện tại và tương lai. *Cùng đường, học hỏi và tu học theo vị khát sĩ ấy, tức là gieo những hạt giống phước đức. Con sẽ làm theo ý Thế Tôn, sẽ may một kiểu áo cà sa cho các vị khát sĩ và đặt tên cho kiểu áo ấy, là phước điền y (áo ruộng phước).*



II. Người thị giả trong 25 năm sau cùng của Phật

Trong 20 năm đầu tiên kể từ ngày Phật thành đạo, có rất nhiều người đã làm thị giả cho Ngài : Đó là Nagassamala, Nagita, Upavana, Sunakkhatta, Cunda, Sagala và Meghiya. Một ngày kia, Phật nói :
— Này các tỷ kheo, nay Ta đã già, và khi Ta bảo *“Chúng ta hãy đi đường này”* thì vài người trong tăng chúng lại đi đường khác, có người còn làm rơi bình bát và y của Ta xuống đường. Vậy bây giờ hãy chọn ra một tỷ kheo luôn luôn hầu cận Ta.



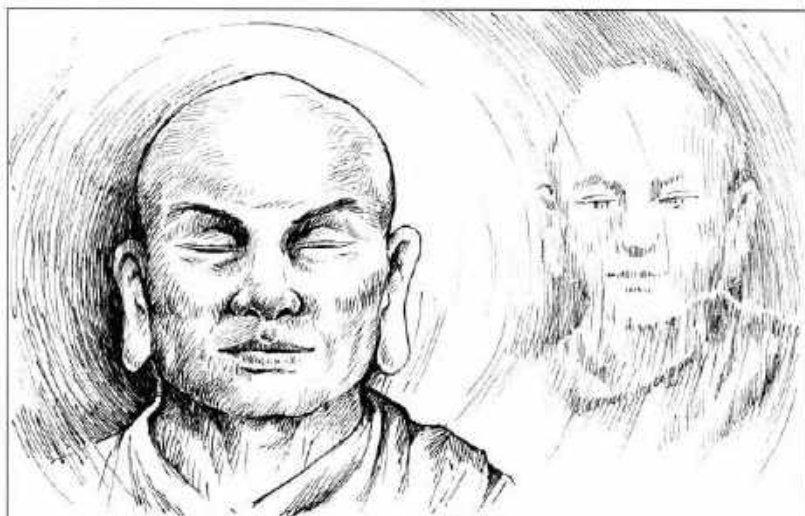
Liên đó tăng chúng đồng đứng lên. Trưởng lão Xá-lợi-phất, nói lớn :

Bạch Thế Tôn,
con muốn hầu hạ
Thế Tôn.



Lời thỉnh cầu
của thầy đã được
Ta biết trước.
Thôi đủ rồi.





Mục-kiên-liên liền nhập định để xem coi Thế Tôn muốn chọn ai làm thị giả.

Sau khi xuất định, Mục-kiên-liên nói với các tỷ kheo :

Này các
hiền giả, Thế Tôn
muốn chọn hiền giả
A-nan làm
thị giả.





— Này A-nan, ở ngoài thôn xóm kia có một toà lâu đài to lớn, cửa cái đặt ở hướng Đông. Khi cửa ấy được mở ra thì lúc mặt trời lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng tới tận vách phía Tây. Cũng vậy, Đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả làm thị giả, mà khi hiền giả nhận lời thì mọi việc sẽ rất tốt đẹp.

— Thưa tôn giả, rất khó làm thị giả cho Thế Tôn. Con voi 60 tuổi* rất hùng dũng, sức mạnh vô cùng, đủ ngà, đủ vóc ; khó làm vừa ý, nghĩa là khó coi sóc. Đức Thế Tôn cũng vậy, khó làm vừa ý, nghĩa là khó làm thị giả cho Thế Tôn.

— Này hiền giả A-nan, hoa ưu đàm đúng thời mới nở. Đức Thế Tôn cũng vậy, đúng thời mới xuất hiện, hiền giả hãy nhận lời làm thị giả cho Thế Tôn đi ! Kết quả tốt đẹp lắm !

* Lúc này Phật 55 tuổi và A-nan 36 tuổi.

Sau khi thuyết phục được A-nan, Mục-kiền-liên đến bên Phật :
— Bạch Thế Tôn, con đã khuyên hiền giả A-nan làm thị giả, nhưng hiền giả chỉ nhận lời khi được Thế Tôn ban cho 8 điều. Hiền giả A-nan nói với con như vậy :

- * Nếu Thế Tôn (sẽ) không ban cho tôi chiếc y mà người ta đã cúng dường cho Thế Tôn.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) không ban cho tôi các thức ăn mà Ngài đã khát thực được.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) không cho phép tôi cùng ở trong Hương phòng của Ngài.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) không cho tôi đi theo Ngài đến những nơi mà Ngài được mời.

Nhưng :

- ❖ Nếu Thế Tôn (sẽ) đi với tôi đến nơi mà tôi được mời.
- ❖ Nếu tôi (sẽ) được phép giới thiệu các hội chúng (từ các vùng xa xôi hay từ nước ngoài) đến yết kiến Thế Tôn.
- ❖ Nếu tôi (sẽ) được phép đến gặp Ngài để hỏi, mỗi khi có điều gì người ta nói mà tôi chưa hiểu.
- ❖ Nếu bất cứ khi nào Thế Tôn thuyết pháp mà tôi phải vắng mặt, thì Ngài (sẽ) thuyết pháp lại cho tôi nghe, ngay lúc tôi trở về...

Nếu được như vậy thì tôi sẽ hầu hạ Thế Tôn.

Sau khi Mục-kiền-liên dứt lời, Phật ban cho A-nan tám đặc ân nói trên (bốn điều “không” và bốn điều “có”).

Kể từ hôm đó cho đến suốt 25 năm làm thị giả cho Phật, A-nan đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Rất khó giải thích hai chữ “thị giả của Phật”. Thật vậy, *tôn giả A-nan đã làm công việc của “một người hầu” và công việc của người phụ tá.*



● Trong công việc của một người hầu cận Phật, mỗi buổi sáng, A-nan phải đem nước rửa mặt, dụng cụ đánh răng, trải toạ cụ sẵn trước khi Phật dùng bữa điểm tâm.

Sau khi đi khất thực xong, A-nan phải nhanh chân về tinh xá sửa soạn nước cho Phật rửa chân.

Khi thọ thực, A-nan sẽ ăn sau Phật, và còn có nhiệm vụ xem các vật thực còn lại trong bình bát của Phật, đem tặng cho dân nghèo hoặc các tỷ kheo kém đức.

A-nan còn lo việc quét dọn tinh thất, giặt giũ y phục, lau rửa bình bát của Phật. Những lúc Thế Tôn mỗi một, A-nan kiêm luôn việc xoa bóp.



● Trên cương vị phụ tá của một giáo chủ, A-nan là người truyền đạt những lời dạy của Phật đến người nhận lãnh, bất kể giờ giấc nào. A-nan còn thay mặt Phật đi gặp đại diện hoặc lãnh đạo các giáo phái.

Với tấm lòng kính trọng và yêu quý Phật vô biên, A-nan định hy sinh tánh mạng mình để cứu Phật khi một con voi hung dữ đang điên cuồng lao về phía Phật với tốc độ kinh hồn. Nhưng Phật đã dùng thần thông đẩy A-nan lên không gian và tự mình chế ngự voi dữ.

Tuy không cần phải cứu Phật, nhưng hành động hy sinh của A-nan đã làm cho người đời thán phục.

Phật đã nói về A-nan như sau : "A-nan là người đệ tử phục vụ Như Lai rất đặc lực. Khi Như Lai cần điều gì thì A-nan làm ngay, không để Như Lai phải đợi chờ".



III. Một trí nhớ độc nhất vô nhị

Tôn giả A-nan có cái duyên may là suốt 43 năm theo Phật, ngài luôn luôn được kề cận bên Phật. Nhờ vậy nên đã **nghe nhiều, hiểu nhiều, và nhớ nhiều** hơn các bạn đồng tu. **Khối óc của tôn giả được ví như một cái máy ghi âm cực kỳ tốt : một khi tôn giả nghe xong, là máy đã thu rồi !** Lúc nào cần nghe lại, cứ “vặn máy” là các lời giảng của Phật được phát lại ngay !



Các quyển kinh Phật mà ngày nay ta đọc đều là những lời thuật lại các lời giảng của Phật. Việc thuật lại do tôn giả A-nan đảm trách. Vì thế các bài kinh thường khởi đầu bằng bốn chữ : “**Như vậy tôi nghe**”, rồi tiếp theo đó là những lời kể lại của ông A-nan.

Ngày xưa, Phật không viết sách để lưu các bài giảng, cho nên, nếu thuở ấy không sản sinh ra một người có trí nhớ siêu việt như ông A-nan, một người **đa văn đệ nhất** thì không biết ngày nay chúng ta có kinh Phật không ?

Cái trí nhớ quý báu của ông A-nan còn giúp ông thành công trong việc điều hành Giáo hội. Trước nhiều ngàn tỷ kheo và Phật tử, mỗi khi ông tiếp xúc với ai một lần, là ông nhớ luôn người ấy với các tánh tình, vóc dáng của họ. Vì vậy khi gặp lại họ, ông dễ dàng thu phục họ và đưa họ vào con đường chánh pháp.

Tóm lại, nếu Phật pháp là một kho tàng vô giá thì tôn giả A-nan là người bảo vệ kho tàng ấy.

IV. Đau đầu vì phụ nữ

Việc Đại đức A-nan giúp bà Gotami được xuất gia đã khiến phái nữ dành cho nhiều cảm tình. Rồi nhờ có tướng mạo đẹp dễ, tánh tình dễ mến, tôn giả đã “bị” nhiều thiếu nữ đem lòng luyến ái : cả những cô gái chưa quy y lẫn các tỷ-kheo-ni.

1. Cô Prakiti yêu Đại đức A-nan

Một hôm sau khi đi khát thực xong, trên đường về, Đại đức A-nan khát nước, bèn ghé vào một cái giếng tại một xóm nghèo. Bấy giờ cô Prakiti đang kéo nước lên. Đây là một cô gái tuy thuộc giai cấp Chiên-đà-la nhưng lại có nhan sắc. Thấy Đại đức xin nước, cô ngần ngừ, không dám trao, vì sợ làm ô uế những người thuộc dòng dõi cao sang. Đại đức nói :
— Người xuất gia không hề phân biệt giai cấp.

Cô gái trao nước và kịp nhận ra các nét đẹp trai cùng những lời nói dễ thương của người khách trẻ tuổi.

Thế là ngay từ giây phút ấy, lòng cô lưu luyến theo từng bước chân của người tu sĩ đang đi xa dần. Những ngày tiếp theo, cô và mẹ cô mời Đại đức về nhà thọ trai. Được vài lần, Đại đức thấy lo lắng trước các “cử chỉ rất lạ” của thiếu nữ. Từ đó Đại đức không tới nhà nữa.

Cô gái tương tư, nằm dài, bỏ cả ăn uống. Bị mẹ cật vấn, cô thú nhận rằng mình yêu ông A-nan. Bà mẹ hoảng hốt, giải thích rằng mối tình ngang trái này cần phải được chấm dứt ngay. Nhưng cô đem cái chết ra đe dọa ; vì vậy một sáng kia, bà đón đường, mời Đại đức vào nhà, vì “có việc cần kíp”. Đại đức thấy mình cũng cần vào đó *một lần chót* để khuyên giải. Nhưng Đại đức bị bà này cho uống một “thứ nước lạ” nhằm mục đích sẽ làm cho Đại đức đáp lại mối tình của con bà. Tuy vậy, Đại đức vẫn còn đủ sáng suốt nhận ra sự việc, bèn ngồi xuống, dùng khí công đuổi chất độc ra khỏi cơ thể...

Trong khi đó, tại Kỳ Viên, Phật thấy vắng A-nan, bèn hỏi. Các tỷ kheo đáp rằng “không thấy A-nan ở đâu cả”. Một tỷ kheo nói rằng những ngày gần đây Đại đức thường đi khát thực trong xóm nghèo. Phật bảo tỷ kheo này đi tìm A-nan.

Một lát sau, vị tỷ kheo sử giả, Đại đức A-nan và hai người phụ nữ cùng vào gặp Phật. Đại đức A-nan thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Phật hỏi cô gái :

— Con thương thấy A-nan lắm, phải không ?

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con muốn làm vợ A-nan.

— Thấy A-nan là tu sĩ. Nếu con muốn làm vợ thầy, con phải xuất gia trong một năm và tu học cho tinh tấn. Tới chừng đó, nếu con còn muốn làm vợ thầy thì con sẽ được toại nguyện.

Hai mẹ con cô gái mừng rỡ, thấy sự việc diễn tiến tốt đẹp hơn cả nỗi mong chờ của mình, liền đồng ý ngay. Từ đó, tại tinh xá của tỷ-kheo-ni, Prakiti cố gắng tinh tấn trên đường tu học.



Nhưng sau nửa năm, cô gái giác ngộ, nhận thấy rằng trước đây mình đã sai lầm, nên đâm ra hối hận. Một sáng kia, tỷ-kheo-ni này đến quỳ trước chân Phật, khóc và sám hối, nguyện suốt đời sống trong Giáo hội.

2. Một tỳ-kheo-ni yêu A-nan

Một tỳ-kheo-ni đem lòng say đắm Đại đức nhưng cô khó đến gặp Đại đức. Một hôm cô già vờ bị bệnh rồi nhờ người đến nói với Đại đức :

— Thưa tôn giả, một tỳ-kheo-ni nhờ con đến báo với Đại đức rằng cô đang đau nặng, sợ khó qua. Cô ấy mong được gặp tôn giả một lần cuối.

Sáng sớm hôm sau, trên đường đi khát thực, A-nan tạt ngang, thăm người bệnh. Nào ngờ cô gái y phục không chỉnh tề ; cô nhìn A-nan với đôi mắt tình tứ. Đại đức thấy vậy, bước thụt lùi. Cô gái hiểu rõ cái tình ý mà A-nan “dành cho mình”, thì hổ thẹn và hối hận. Cô ngồi dậy, chỉnh trang lại y phục, trải tọa cụ mời Đại đức ngồi.



Đại đức A-nan giảng điều hơn lẽ thiệt và cuối cùng tỳ-kheo-ni này tỉnh ngộ, không mơ tới chuyện yêu đương nữa.

3. “Nhức đầu” vì hai tỳ-kheo-ni

Sau ngày Phật nhập diệt, A-nan trên 60 tuổi, thế mà vẫn bị hai tỳ-kheo-ni tên là Thullananda và Thullatissa quyến luyến mãi. Khi thấy trưởng lão Đại Ca-diếp rầy A-nan, hai cô này lên tiếng bênh vực tôn giả A-nan bằng cách nói những lời vô lễ với Đại Ca-diếp*.



Tuy vị Tổ đầu tiên của Phật giáo không áp dụng kỷ luật với hai tỳ-kheo-ni, nhưng hai người ấy đã lạng lẽ hoàn tục vì thấy “A-nan không chú ý đến mình”.

* Xem bài Đại Ca-diếp.

4. A-nan và các cung nữ

Một hôm các nữ nhân của vua Ba-tư-nặc suy nghĩ như sau : *“Chúng ta như đang bị nhốt trong một cái hộp, không hề được đặt chân đến tinh xá ! Bọn ta phải yêu cầu Hoàng thượng cử một tỷ kheo đến đây thuyết pháp”*.

Vua chấp nhận lời yêu cầu này, hỏi “nên mời ai”. Các nữ nhân mong muốn tôn giả A-nan vào giảng đạo.

Được một thời gian, ngày nọ vua bị mất một viên ngọc quý, liền ra lệnh khám xét tất cả mọi người trong nội cung. Các nữ nhân bị tra hỏi, bị quấy rầy.

Trưa hôm đó, tôn giả vào cung, thấy đám đệ tử của mình mặt mày sầu khổ, bèn hỏi :

— Hôm nay có chuyện gì vậy ?

— Thưa thầy, đại vương bị mất một viên ngọc và chúng con đang bị tra xét.

Sau khi an ủi họ, tôn giả vào gặp vua.

— Tâu đại vương, phải chăng ngài mất một viên ngọc ?

— Quả nhân đã cho lục soát nhiều nơi, nhiều người, mà vẫn chưa có kết quả.

— Tâu đại vương, không cần phải làm phiền nhiều người mà vẫn có cách.

— Cách nào ?

— Đại vương có thể cho tập hợp tất cả những kẻ đáng nghi ngờ, trao cho mỗi người một bó rơm và nói : *“Sáng mai, hãy đặt bó rơm vào chỗ này...”*. Làm như thế, tên tội phạm sẽ kín đáo đặt viên ngọc vào bó rơm...

Nói xong, tôn giả ra về. Vua làm theo lời dặn của A-nan, nhưng 3 ngày sau vẫn chưa có kết quả. Bấy giờ tôn giả đến thăm vua, hỏi :

— Tâu đại vương, đại vương đã thu được ngọc chưa !

— Thưa tôn giả, chưa.

— Tâu đại vương, hãy đặt một ghè nước tại một góc kín đáo trong sân. Treo màn bốn bên ghè và ra lệnh cho những người từng lui tới trong nội cung phải vào đó rửa tay rồi mới ra về.



Hết thầy mọi người sống trong nội cung và những người thường lui tới nơi này cũng được lệnh tập trung. Trong lúc mọi người đang nôn nóng chờ tới lượt mình "đi rửa tay" thì tên trộm lo lắng, nghĩ thầm :

*Sự việc đã
đến hồi nguy hiểm.
Một khi tôn giả A-nan
không chịu bỏ cuộc
thì ta phải trả lại
thôi.*



Thế rồi anh ta cố giữ vẻ bình tĩnh ; khi tới phiên, anh ta đi vào trong phòng, bỏ viên ngọc vào ghè nước. Lúc mọi người rửa tay xong, vua cho lật úp ghè nước : viên ngọc kia rồi.

5. A-nan được tặng vải

Ngày nọ khi tôn giả A-nan đang thuyết pháp trong nội cung của vua Ba-tư-nặc thì có người mang tới 1000 tấm y. Vua sai đem cất 500 tấm còn 500 tấm đem tặng cung nữ. Hôm sau, các cung nữ đem dâng hết cho tôn giả. Vua lấy làm lạ, hỏi :

— Ta có ban nhiều y mới, sao các người không đắp ?

— Tâu đại vương, chúng con đã cúng dường cho tôn giả A-nan.

— Tôn giả nhận cả 500 tấm ?

— Tâu vâng.

Nhà vua tức giận, đến tỉnh xá, vào phòng riêng của tôn giả, đánh lễ rồi ngồi xuống, nói :

— Các cung nữ có nghe pháp không ?

— Thưa đại vương, có.

— Thế nào ? Họ có cúng dường các thượng y và hạ y không ?

— Thưa, họ cúng 500 tấm y rất quý !

— Và tôn giả nhận cả ?

— Thưa vâng.

— Thưa tôn giả, dường như Thế Tôn không cho phép người xuất gia nhận nhiều vải đến thế ?

— Thưa, Thế Tôn cho phép mỗi tỷ kheo sử dụng 3 y, nhưng không hề ngăn cấm các tỷ kheo nhận lấy những gì được cúng dường. Do vậy bản tăng đã nhận 500 tấm y đó để tặng lại cho các tỷ kheo đang mang y cũ, mòn.

— Nhưng các tỷ kheo ấy sẽ làm gì với các y cũ ?

— Với những tấm y cũ, họ làm thượng y. — A-nan đáp.

— Với thượng y cũ, họ sẽ làm gì ?

— Họ sẽ làm tấm nệm.

— Với tấm nệm cũ, họ làm gì ?

— Làm tấm thảm trải đất.

— Với tấm thảm trải đất cũ, họ sẽ làm gì ?

— Làm khăn lau chân.

— Với khăn lau chân cũ, họ sẽ làm gì ?

— Họ cắt nhỏ ra, trộn với bùn, đất, để làm vách nhà.

— Cho đến khăn lau chân hư cũ, cũng còn sử dụng sao ?

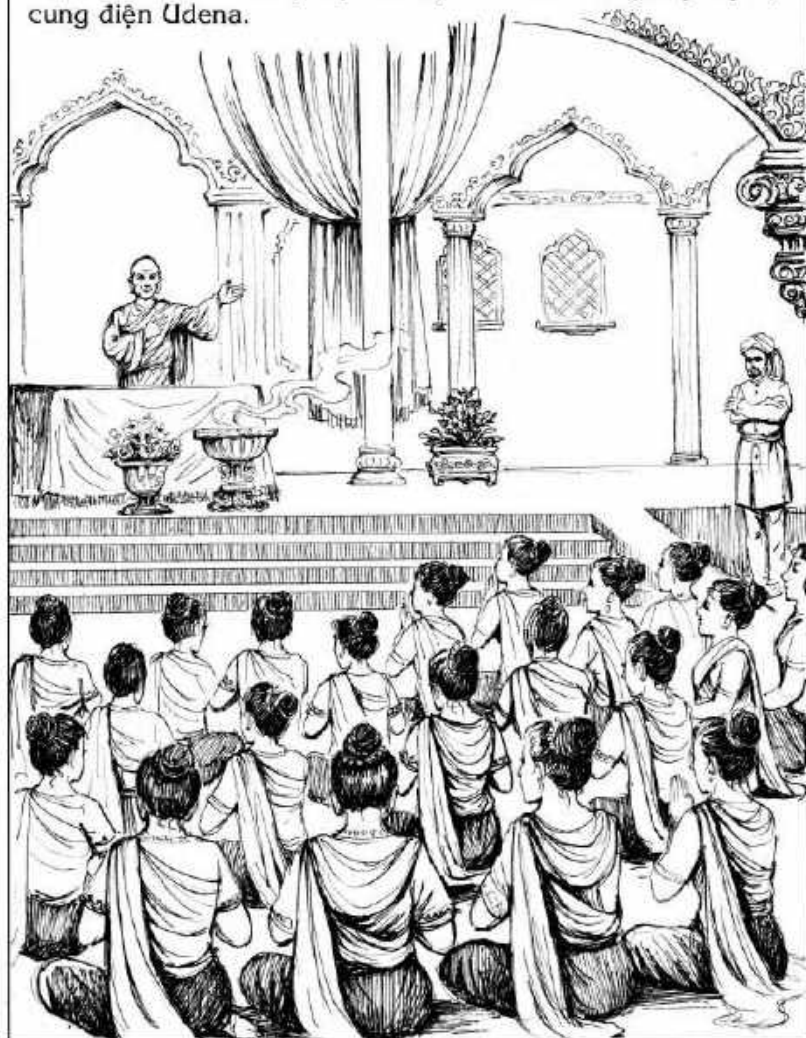
— Vâng, thưa đại vương. Chúng tôi không bao giờ huỷ hoại đồ vật cúng dường. Tất cả đều được tận dụng.

Vua đổi giận làm vui, đem 500 tấm y còn lại đến tỉnh xá...



6. A-nan thuyết giảng tại cung điện Udena

Trước kia, thủ phi Magandiya của nước Vamsa xúi người xưa đuổi Phật, nhưng hơn 35 năm sau, sau ngày Phật nhập diệt, vua Udena cho phép trưởng lão A-nan thuyết pháp tại cung điện Udena.



V. Tôn giả A-nan trong chuyến đi cuối cùng của Phật

Cuối năm 546 trước Tây lịch, Phật quyết định đi lên miền Bắc. Khởi hành từ thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, Phật vừa đi vừa giảng pháp, lần lượt dừng chân tại *Ambalatthika, Nalanda, Pataligama, Pataliputta, Kotigama, Nadika*. Lúc đến *Tỳ-xá-ly*, Ngài dặn các đệ tử an cư mùa mưa ở chung quanh thành này, còn mình thì đến *Baluva*.

Bấy giờ Phật bị bệnh và biết đã đến ngày nhập diệt, nhưng vì chưa nói lời từ biệt với các đệ tử nên Ngài cố nhiếp phục cơn đau, duy trì mạng sống thêm một thời gian nữa. Hết bệnh, Phật vào *Tỳ-xá-ly* khát thực. Trên đường về, Phật và A-nan ghé điện thờ Capala, nghỉ trưa. Nhân dịp này Phật nói: — “*Này A-nan, ai đã tu bốn thân tức, tu tập nhiều lần thật lâu luyện, thật chắc chắn, thật bền vững... thì nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này A-nan, Như Lai đã tu được như thế, cho nên nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*”.

Đó là những lời Phật gợi ý cho A-nan... nhưng vì lúc ấy tôn giả quá lo lắng cho sức khỏe của Phật, đầu óc bối rối nên không hiểu được ý nghĩa nằm tiềm ẩn trong câu nói trên. Vì vậy mặc dầu Phật nhắc lại câu “*nếu muốn thì có thể sống thêm*” tới lần thứ ba mà tôn giả vẫn làm thinh.

Thế rồi Phật nói tiếp :

— Này A-nan, bây giờ hãy đi làm các việc của thầy đi !

Khi A-nan rời Phật chưa bao lâu thì Ác Ma xuất hiện, nói :

— Bạch Thế Tôn, nay đã đến lúc Thế Tôn nhập diệt, vậy thì Thế Tôn hãy nhập diệt đi !

— Này Ác Ma, ngươi hãy tin rằng : “*Như Lai sẽ nhập diệt. Sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ nhập diệt*”.



Thần tức : Quyền năng siêu nhiên, đi như bay, không bị trở ngại bởi bất cứ việc gì. Đây là 6 pháp thần thông mà sách Phật có nói tới.

Về phần A-nan, sau khi lo xong các công việc của mình, tôn giả quay trở lại với Phật, Phật nói :

— Này A-nan, hôm nay, tại đây, tại điện thờ Capala này, Như Lai đã tuyên bố từ bỏ thọ hành. Sau 3 tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết bàn.

A-nan cầu xin Phật sống thêm, nhưng Phật từ chối :

— Này A-nan, đã trễ rồi ! Ban này Như Lai đã gợi ý đến 3 lần mà thầy không nhận thấy, lúc đó nếu thầy nói lên lời thỉnh cầu 3 lần thì có thể Như Lai sẽ nhận lời rồi. Nay, Như Lai đã nói một cách dứt khoát rằng : “*Như Lai sẽ nhập diệt sau 3 tháng, bắt đầu từ hôm nay*” thì có lý đâu Như Lai lại phản lại lời hứa của mình ?

Sau đó Phật và các đệ tử tiếp tục đi tới *Rừng Đại Lâm, Bhandagama, Hatthigam, Ambagama, Jambugama, Bhoganagara*, và *Pava*. Chính tại *Pava*, sau khi ăn món nấm độc của người thợ rèn *Cunda*, Phật bị đau bụng, nên việc đi về hướng Bắc rất chậm. Cuối cùng phái đoàn cũng đến sông *Kakuttha*, sông *Hirannavati*, và rừng cây sa la ở *Kusinara*.

Bấy giờ Phật rất mệt, sai A-nan trải chỗ nằm giữa hai cây sa la song thọ, đầu quay về hướng Bắc.

Đêm đó Phật nhập diệt.



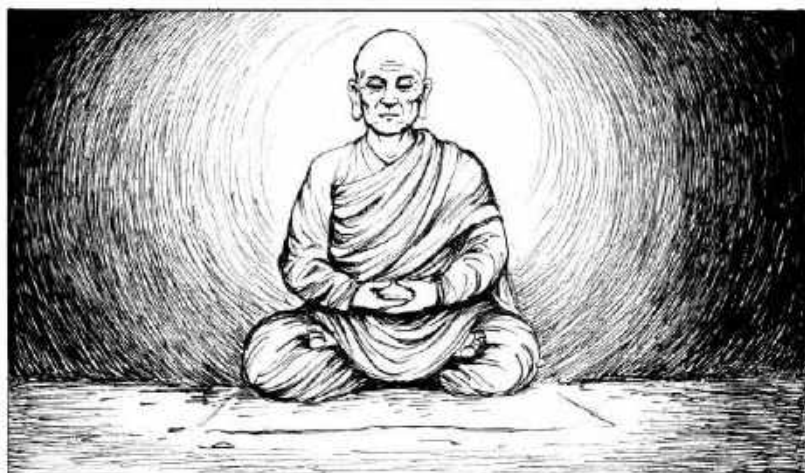
Nhập diệt : Lìa bỏ thân xác phàm.

VI. Sau ngày Phật nhập diệt

Sau khi lễ trà tỳ của Phật chấm dứt, trưởng lão Đại Ca-diếp trở về Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, họp các tỷ kheo lại, đề nghị mở một cuộc tổng duyệt các *kinh, luật* của giáo hội. Các tỷ kheo hoan nghênh ý kiến này và thỉnh cầu trưởng lão đứng ra chủ trì *cuộc kết tập kinh điển*.



Cùng với các lời yêu cầu này còn có nguyện vọng : “*Trong cuộc kết tập, làm sao cũng phải có tôn giả A-nan, người nhớ hết mọi lời Phật dạy*”. Nhưng, lúc đó A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Thế là tôn giả từ chối, quyết tâm tinh tấn.



Đêm trước ngày đại hội khai mạc, tôn giả tham thiền mãi.



Lúc trời gần sáng, tôn giả chứng quả, và không chờ cửa động mở ra, tôn giả dùng thần thông bay vào đại hội cùng với 499 vị Thánh tăng mở cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất của Phật giáo.

1. Trong một buổi họp, tôn giả A-nan nhắc rằng : Trước lúc nhập Niết bàn, Thế Tôn có dặn *"Này A-nan, sau khi Ta nhập diệt, nếu chúng Tăng muốn, thì có thể huỷ bỏ những học giới nhỏ nhặt"*. Vừa nghe vậy, trưởng lão Đại Ca-diếp liền hỏi :

— Hiền giả A-nan, lúc đó hiền giả có hỏi Thế Tôn rằng *"những học giới nhỏ nhặt"* là học giới nào không ?

— Thưa tôn giả, bản tăng không có hỏi. — A-nan trả lời.

Thế là một cuộc thảo luận sôi nổi diễn ra ngay tức khắc. Cuối cùng đại hội đưa ra quyết định :

— **"Hội đồng Tăng chúng quyết định duy trì tất cả mọi giới luật, không bỏ bất cứ một điều nào cả".***

Tiếp đó là việc tôn giả A-nan làm lễ sám hối về lỗi lầm "quên hỏi" của mình.

2. Cũng trong kỳ đại hội này, tôn giả A-nan còn bị chất vấn thêm vài việc.

— Trong các lần vá áo cho Phật, *tôn giả có đặt chân lên áo*.

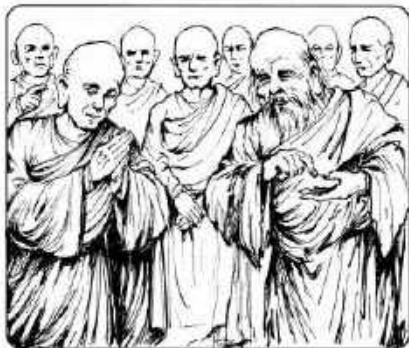
— Trong chuyến đi với Phật từ Vương Xá về Kusinara, *tôn giả không thỉnh Phật sống thêm*.

Tôn giả A-nan từ tốn giải thích :

* Trong lúc vá áo cho Thế Tôn, sờ dĩ bản tăng phải đứng lên áo là để vá cho tiện, cho đẹp ; bản tăng không hề có một chút bất kính với Thế Tôn. Nay được chư hiền giả nhắc nhở, bản tăng xin sám hối.

* Lúc Thế Tôn bị bệnh ở Tỳ-xá-ly, chính Ác Ma đã làm cho bản tăng bối rối, nên đã không thấy sự gợi ý của Thế Tôn. Nay bản tăng xin sám hối.

Sau khi tôn giả A-nan dứt lời, các Thánh tăng có mặt hôm ấy nhận rõ sự thành thật của A-nan nên đã tha thứ lỗi lầm của Ngài.



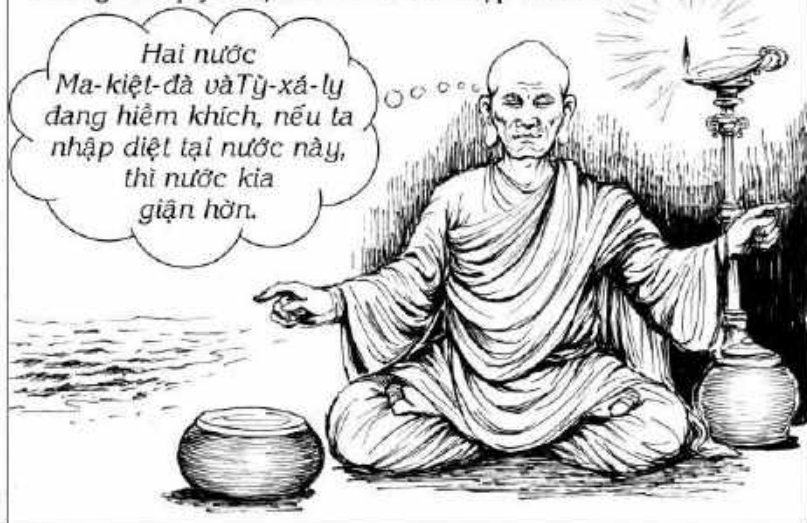
* Việc làm này cốt để cho giới cư sĩ thấy rằng sau ngày Phật nhập diệt, Giáo hội không hề bị lỏng lẻo.

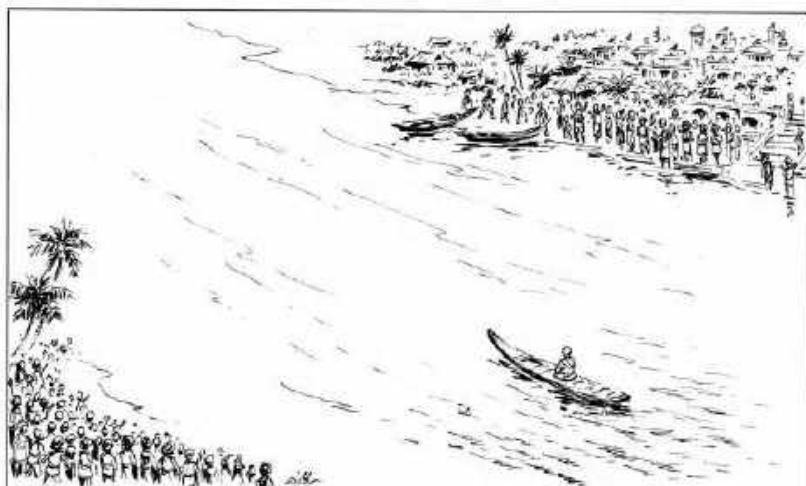


Hai mươi năm sau, trưởng lão A-nan 80 tuổi, được trưởng lão Đại Ca-diếp truyền y bát. Từ đó Ngài đứng ra diu dắt giáo hội.

Bốn mươi năm nữa lại trôi qua. Ở tuổi đời 120, một hôm trưởng lão quyết định tìm nơi để nhập Niết bàn.

Hai nước
Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly
đang hiềm khích, nếu ta
nhập diệt tại nước này,
thì nước kia
giận hờn.





Thế rồi một hôm tôn giả ngồi thuyền ra giữa sông Hằng để nhập diệt. Dân chúng hai nước hay tin ấy, kéo nhau ra đây hai bờ sông, cầu khẩn trưởng lão trở về nước mình.

Đứng trước mũi thuyền, tôn giả nói :

Ta ra
giữa sông nhập
diệt, là muốn cho hai
nước đẹp bỏ
oán thù.





Nói xong, tôn giả bay thẳng lên không gian, dùng lửa tam muội tự thiêu xác thân mình rồi để cho xá lợi rơi dạt vào hai bờ sông.



Dân hai nước nhặt xá lợi đem về thờ.
Hai nước cùng thờ một người mình kính yêu nên cảm thông nhau và thân thương nhau.

* **Lửa tam muội** : Chữ samadhi trong tiếng Sanscrit được dịch âm là tam ma đề, hoặc tam muội. Tam muội là phép “giữ lòng an định, không để cho tâm bị tán loạn”. Phép này giúp cho tâm được sáng suốt và có sức mạnh. **Lửa tam muội** là loại lửa sinh ra từ bên trong cơ thể của mình.

CA - CHIÊN - DIÊN

(Luận nghĩa đệ nhất)



Ca-chiên-diên
(Luận nghĩa đệ nhất)

I. Thi tài diễn giảng với anh cả



Ca-chiên-diên tên là Na-la-dà, con thứ nhì của quốc sư nước Avanti. Vì ông rất nổi tiếng nên được người dân tôn kính : họ không gọi ông bằng tên mà bằng họ : Ông Ca-chiên-diên



Người anh của Ca-chiên-diên là Ca Ca, rất thông minh, đã đi du học tại nhiều quốc gia, thông hiểu nhiều học thuật. Khi trở về quê nhà, Ca Ca lập một giảng đài để diễn giảng kinh Vệ-dà.



Ca-chiên-diên cũng lập một giảng đài đối diện với giảng đài của Ca Ca. Người thanh niên tự học này rất hùng biện và rất thông minh.

Sau buổi diễn thuyết, Ca Ca đến nói với cha.

Thưa cha,
con đang diễn thuyết
thì em con cũng đang đàn,
kéo hết các thỉnh
giả của con.

Thưa cha,
anh con đi học ở nước
ngoài, con tự học nên con
không biết kiến thức của con
tới đâu. Con làm như vậy là
để thử nghiệm, chờ đâu
có ý làm nhục
anh con.



Vị quốc sư bối rối. Cuối cùng ông bàn với vợ, gởi Ca-chiên-diên đi xa.

Ca-chiên-diên,
con sẽ đến học với
cậu con. Đất này
dành cho anh
con.

Con
xin vâng lời
cha.



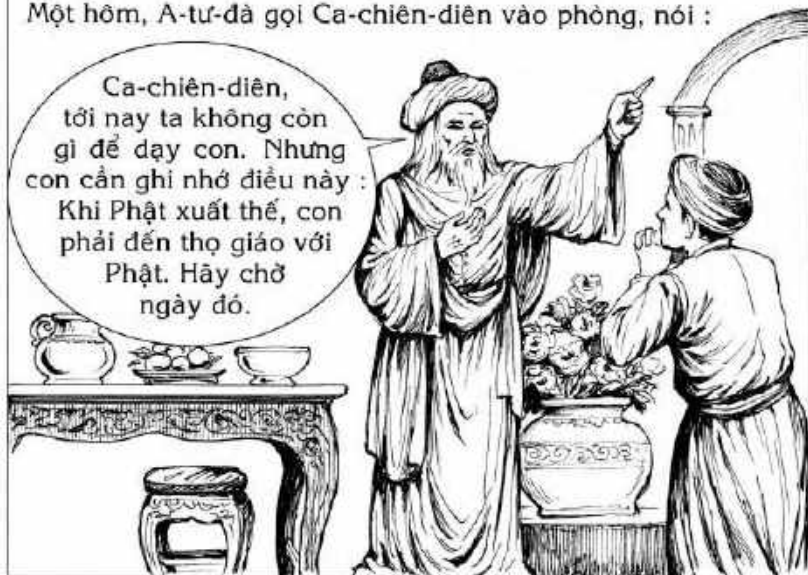
Đạo sĩ A-tư-dã là anh ruột của mẹ ông Ca-chiên-diên. Khi được đến thọ giáo với cậu mình, Ca-chiên-diên tiến bộ rất nhanh. Chẳng bao lâu đã có thần thông. Bấy giờ quốc sư sai người đến rước con.

Các
người về đi ! Ta
muốn sống riêng
trong thế giới
của ta.



Một hôm, A-tư-đà gọi Ca-chiên-diên vào phòng, nói :

Ca-chiên-diên,
tối nay ta không còn
gì để dạy con. Nhưng
con cần ghi nhớ điều này :
Khi Phật xuất thế, con
phải đến thọ giáo với
Phật. Hãy chờ
ngày đó.

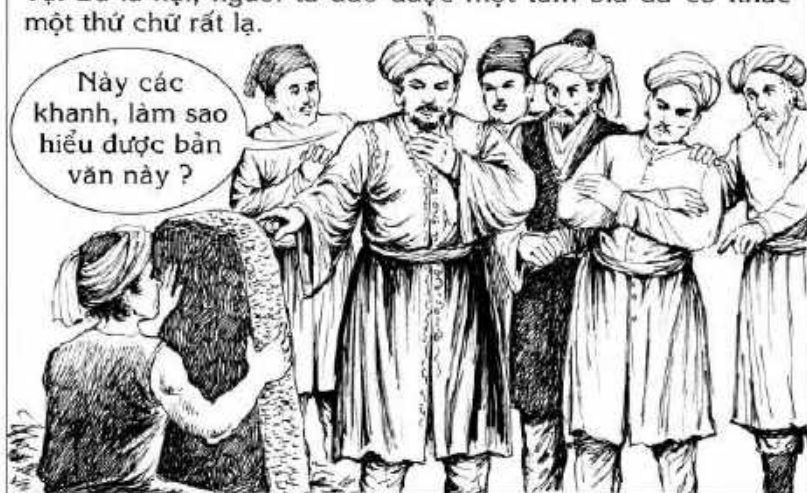


Hai thầy trò xuống núi, tới vườn Lộc Uyển dựng một tinh xá và ở luôn tại đó. Ít lâu sau, A-tư-đà viên tịch, nhưng lúc ấy Ca-chiên-diên đã có nhiều danh vọng, quên mất lời thầy.

II. Bài kệ trên tấm bia đá

Tại Ba-la-nại, người ta đào được một tấm bia đá có khắc một thứ chữ rất lạ.

Này các
khanh, làm sao
hiểu được bản
văn này ?



Tâu đại vương,
ta treo bảng thông
báo cho dân chúng biết :
"Sẽ thưởng cho người
nào đọc được".

Hay lắm !



Ca-chiên-diên nghe rõ tin
này, nhớ lại rằng trước đây
thấy mình nói rằng mình
đã học xong mọi thứ chữ.

Nhất
định ta sẽ
đọc được. Phải
đi gỡ bảng
thôi.



Chàng khệ nệ mang tấm bia vào giữa triều đình.

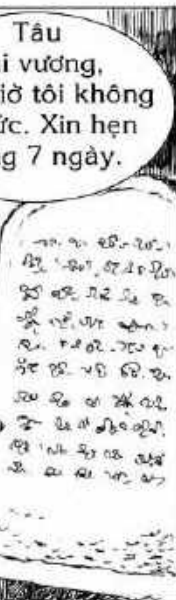
Thưa đại
vương, đây là
văn tự của Phạm
Thiên. Nội dung
như sau :



Ai là vua trong các vị vua ?
Ai là thánh trong các thánh ?
Thế nào là người ngu ?
Thế nào là bậc trí ?
Làm sao lia cầu ước ?
Làm sao đạt được Niết Bàn ?
Ai bị chìm trong biển sanh tử ?
Ai dạo chơi trong cõi giải thoát ?

Tôn giả
hãy trả lời
đi !

Tâu
đại vương,
hiện giờ tôi không
đủ sức. Xin hẹn
trong 7 ngày.



Ca-chiên-diên trở về tỉnh
thất, mệt mỏi nghiên cứu,
nhưng...

Sáu
ngày đã trôi
qua rồi !



Có lẽ
chỉ có Đức Phật
mới giải đáp
được.



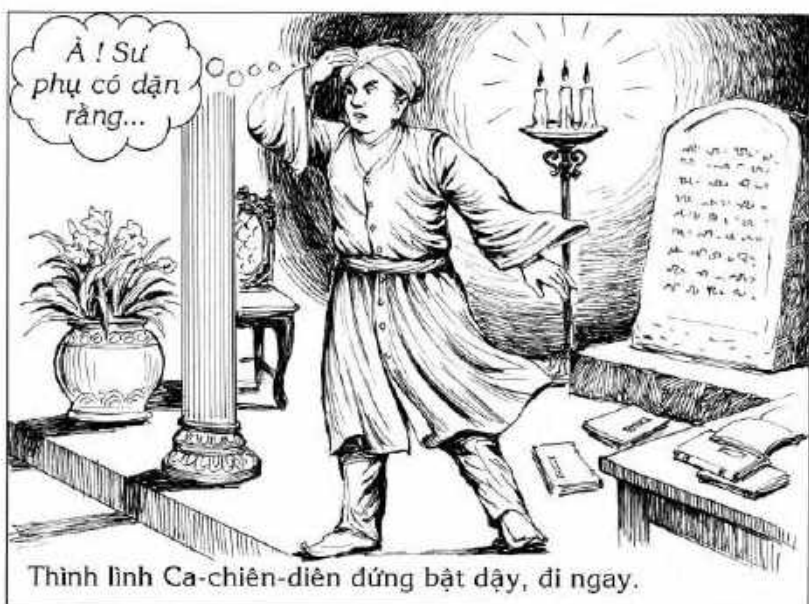
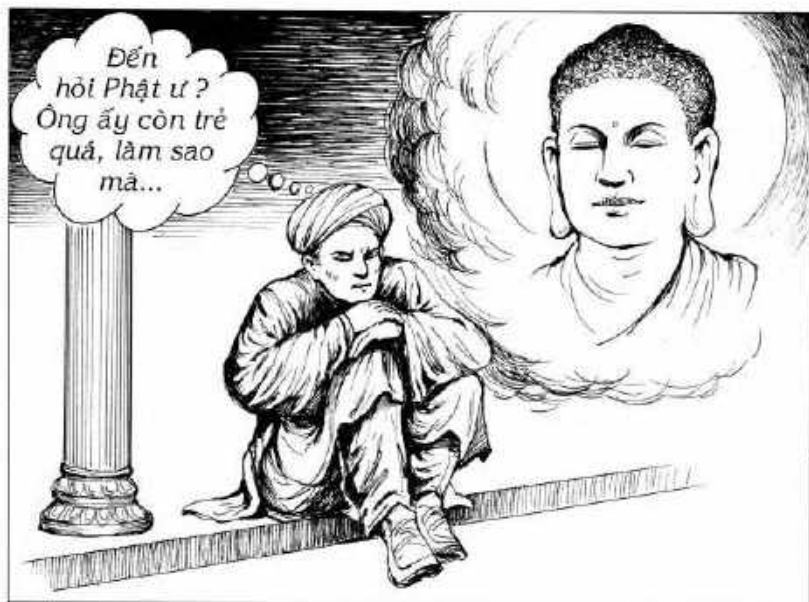
Tuy đã nghĩ thầm như thế,
nhưng Ca-chiên-diên vẫn đi
thỉnh giáo các ngoại đạo.

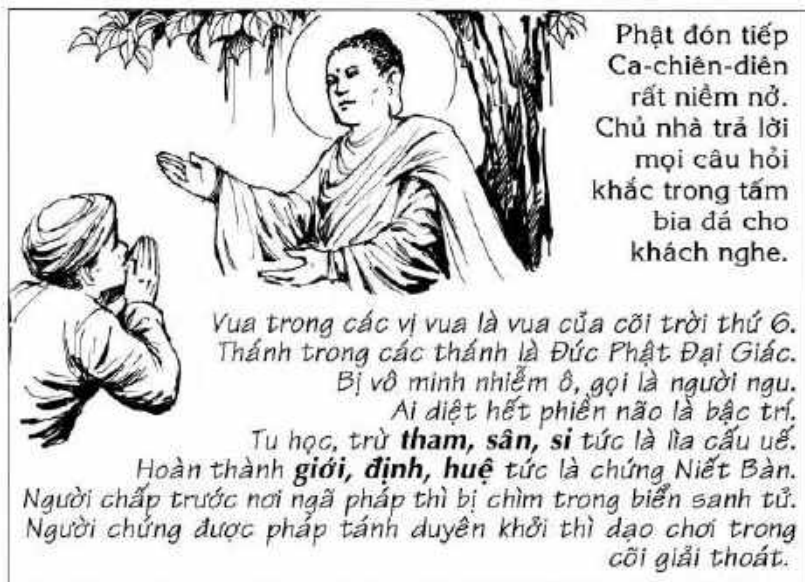


Nhưng những lời giải thích
của họ không làm cho tôn
giả hài lòng.

Không ổn
chút nào.







Tại hoàng cung, Ca-chiên-diên đọc lại những lời giải thích bài kệ cho mọi người nghe, rồi nói :

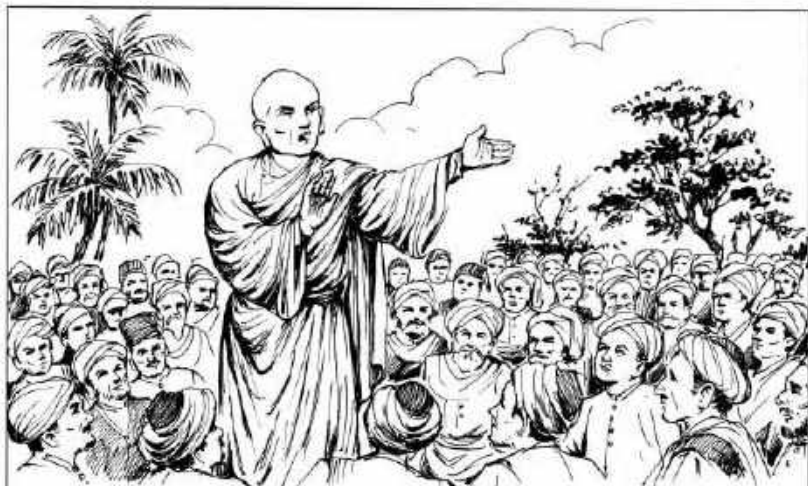
Tâu đại vương,
đó là những lời giải
thích của Phật chứ không
phải của tôi. Sáng mai
tôi sẽ quy y với
Phật.



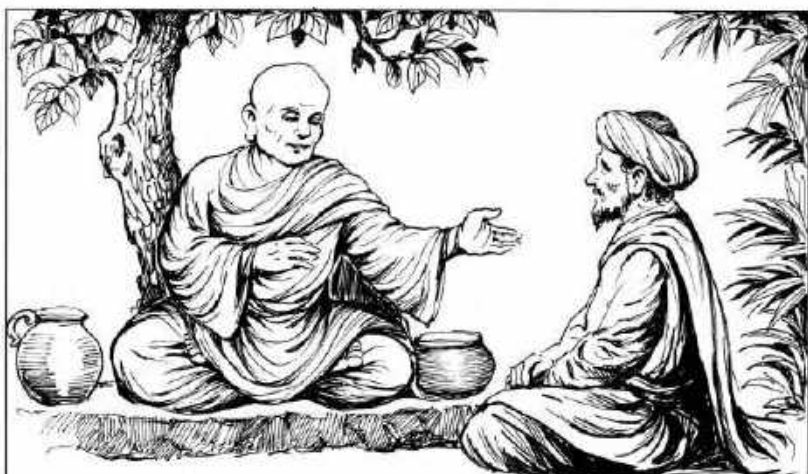
Sau ngày quy y, Ca-chiên-diên phát nguyện sẽ cảm hoá những người bạn ngoại đạo của mình.

Giới, định, huệ là 3 môn học cơ bản của đạo Phật. Có giữ **giới** thì tâm mới **định**, nghĩa là tâm sẽ không bị các vọng niệm làm xao động. Khi tâm đã **định** thì **trí huệ** mới chiếu sáng, giúp cho người tu hành thấu đạt sự lý.

Pháp tánh duyên khởi : Bản tánh của các vật chất là do nhân duyên tạo ra. Chiếc lá "vốn không có", nhưng nó có, khi có các nhân duyên sau đây hội tụ lại : nước, ánh nắng, đất, hạt giống, người làm vườn... Như vậy chiếc lá là điểm hội tụ của những cái không phải là lá. Ai hiểu được cái lý không này thì lòng họ sẽ "không còn chấp, không còn giữ chặt" mọi vật nữa : Người ấy sẽ dạo chơi trong cõi giải thoát.



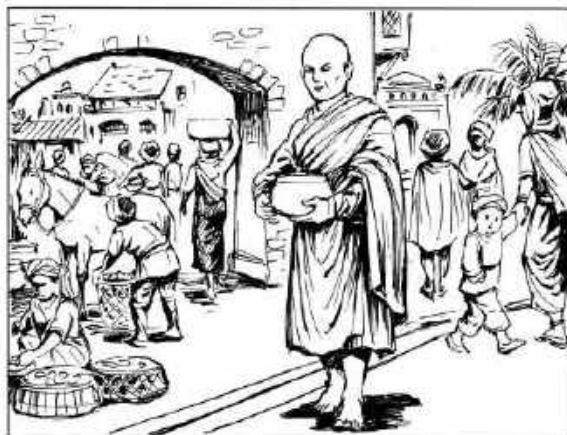
Phương pháp giáo hoá của Ca-chiên-diên và của Phú-lâu-na có chỗ khác nhau. Phú-lâu-na thuyết pháp cho nhiều người cùng nghe.



Còn Ca-chiên-diên thuyết pháp cho từng người. Người thỉnh giả độc nhất ấy chỉ cần nghe Ca-chiên-diên nói vắn tắt vài câu là có ấn tượng đẹp và tin nơi lời tôn giả ngay.

III. Mong muốn các giai cấp trong xã hội được bình đẳng với nhau.

Một hôm Ca-chiên-diên đến nước Mathura ở phía Tây của Ấn-Độ. Tại đây tôn giả quan sát cách sinh hoạt, phong tục tập quán của dân chúng...

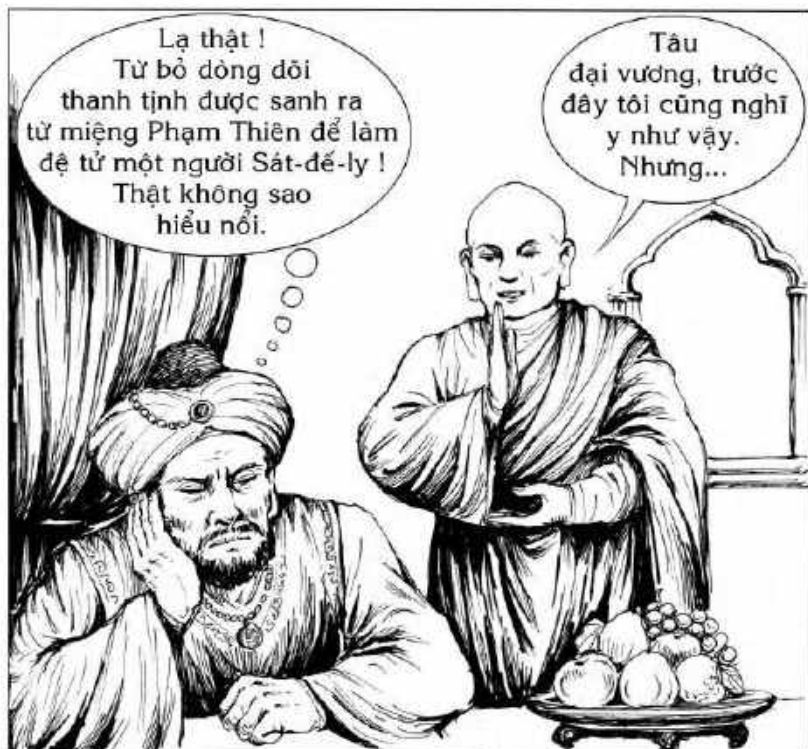


...rồi sau đó mới vào yết kiến quốc vương. Vua trách.

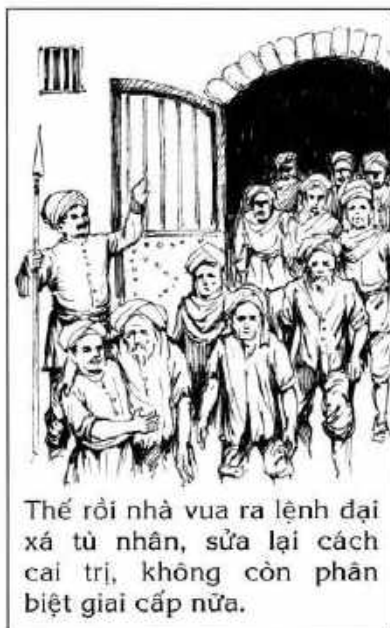
Tôn giả thuộc dòng dõi Bà-la-môn, còn sa môn Gotama là dòng dõi Sát-đế-ly. Vậy tại sao tôn giả lại chịu làm đệ tử ông ấy ?

Tâu đại vương, tôi không thấy khó chịu về điều này. Trái lại tôi coi đây là một vinh dự.





... sau khi
gặp sa môn Gotama,
tôi mới biết mình đã lầm.
Phân biệt giai cấp là không
công bằng, bởi vì trong giai cấp
Bà-la-môn cũng có người làm điều
quấy. Một người gọi là cao quý hay hạ tiện
không phải do dòng họ hoặc do giai cấp.
Những người tu hành, làm các điều
thiện hoặc đã chứng quả... đều
đáng được tôn kính, bất kể
họ thuộc giai cấp hoặc
dòng họ nào.



IV. Luận về tư cách của bậc trưởng thượng

Vì chủ trương các chủng tộc cần được bình đẳng nên Ca-chiên-diên thường bị người Bà-la-môn chống đối.

Không
triệt hạ được
con người đó, chúng ta
không thể cất đầu
lên được.

Phải lắm !



● Một hôm, Ca-chiên-diên đang thọ thực trong trai đường thì một người Bà-la-môn lớn tuổi đến đứng bên cạnh tôn giả, im lặng.

Chúng nó sẽ
đứng dậy chào
hỏi ta chăng ?



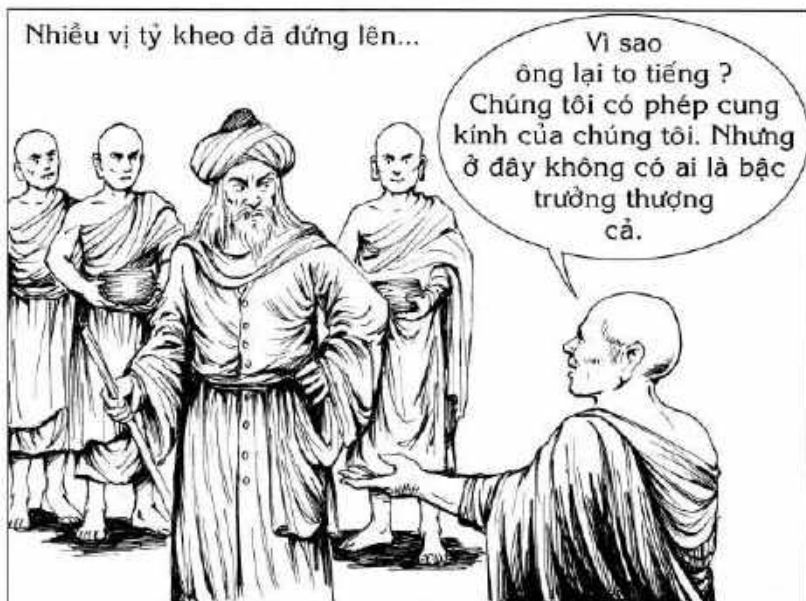
Nhưng Ca-chiên-diên vẫn thản nhiên. Người Bà-la-môn nổi giận, nói lớn tiếng :

Tại sao
các người không
đứng dậy chào bậc
trưởng thượng ?



Nhiều vị tỷ kheo đã đứng lên...

Vì sao
ông lại to tiếng ?
Chúng tôi có phép cung
kính của chúng tôi. Nhưng
ở đây không có ai là bậc
trưởng thượng
cả.



Người Bà-la-môn lấy gậy chỉ vào mái tóc của mình, quát :

Già cả
như ta không
phải là bậc trưởng
thượng sao ?

Ông
không đáng
nhận được sự cung
kính của chúng
tôi.



Tại sao
người khi người
quá vậy ?

Cử chỉ
và lời nói của ông
cho thấy ông không đáng
được kính trọng. Hãy nhìn đây !
Các tỷ kheo trẻ này đã thoát khỏi
sự trói buộc của ái dục và không
còn sân hận. Đây mới là những
người đáng được
cung kính.



Ông lão Bà-la-môn không nói gì nữa, lẳng lặng bỏ đi.

● Một người Bà-la-môn khác, nổi tiếng là giỏi biện luận, nghe được câu chuyện trên, hầm hầm đến Ba-la-nại. Vừa chạm mặt, ông ta nói oang oang.

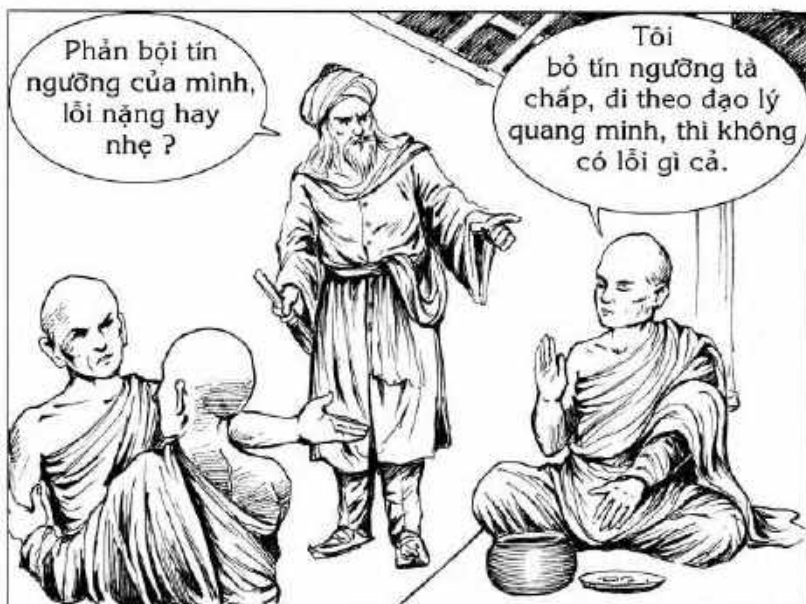
Này
Ca-chiên-diên,
tôi nghe nói ông đã
bỏ gốc Bà-la-môn, cái
giáo làm sa môn.
Phải không ?

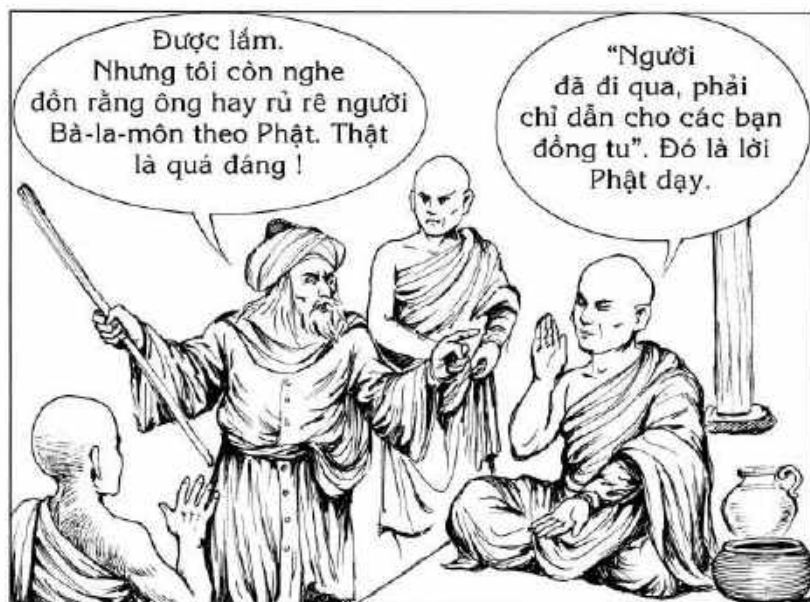
Ông đã
nhìn thấy cái
áo này mà !



Phản bội tín
ngưỡng của mình,
lỗi nặng hay
nhẹ ?

Tôi
bỏ tín ngưỡng tà
chấp, đi theo đạo lý
quang minh, thì không
có lỗi gì cả.





V. Giải đáp các nguyên nhân của việc tranh cãi



Tham dục : Ham muốn vật chất ★ **Ngã** là mình, là ta ★ **Kiến** là thấy. **Ngã kiến** là thấy có cái ta riêng biệt, khác hẳn với mọi người và vạn vật ★ **Pháp** là muôn sự, muôn vật ★ **Chấp trước** là giữ chặt lấy ★ **Pháp chấp** là giữ chặt lấy tư tưởng phân biệt rằng có cái ta khác hẳn với mọi người, rằng vạn vật là thường-còn-như-thế, rằng các cảm thụ của mình là thật-có, là hơn hết.

Đạo sĩ Bà-la-môn nhắm mắt, vô đầu, khiến cho dân chúng hai bên đường lấy làm lạ. Rồi ông mở mắt, hỏi :

Tôn giả có lý, nhưng thử hỏi trên đời này có ai từ bỏ được tham dục, ngã kiến và pháp chấp ?



Có.
Đức Phật
là người không
còn phiền não, tham
dục, ngã kiến và
pháp chấp.

Tôn giả
có thể giới thiệu
tôi đến gặp Phật
được không ?



Ít lâu sau đạo sĩ Bà-la-môn này trở thành cư sĩ.

VI. Giúp cô gái nghèo

Ngày kia trên đường đi hoằng hoá, Ca-chiên-diên trông thấy một cô gái ngồi khóc bên bờ sông.

Vì sao
cô khóc ?

Ông
không thể hiểu
được nỗi buồn
này đâu !



Nói xong cô gái toan nhảy xuống sông. Ca-chiên-diên chạy tới, ngăn cản.

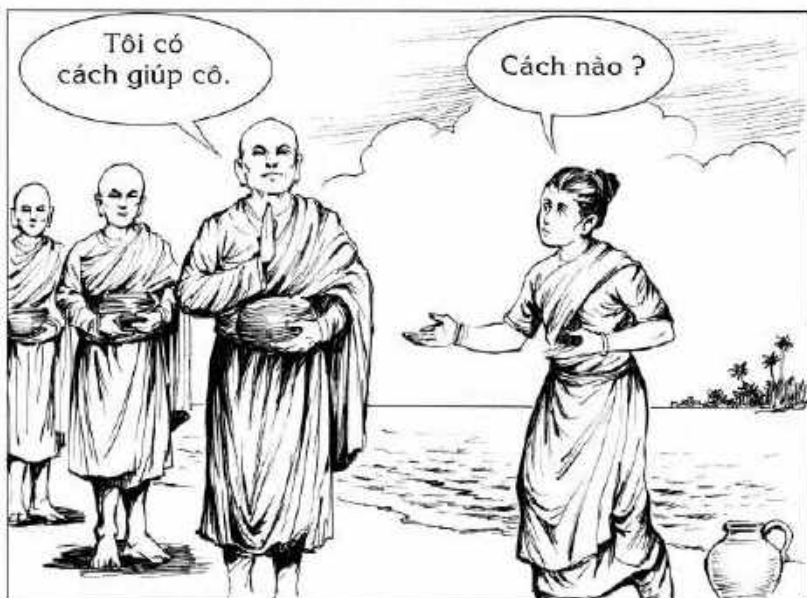
Trên
đời này có
rất nhiều người nghèo,
chớ nào phải một mình cô.
Vấn đề là làm sao cho
tâm hồn được
an lạc.

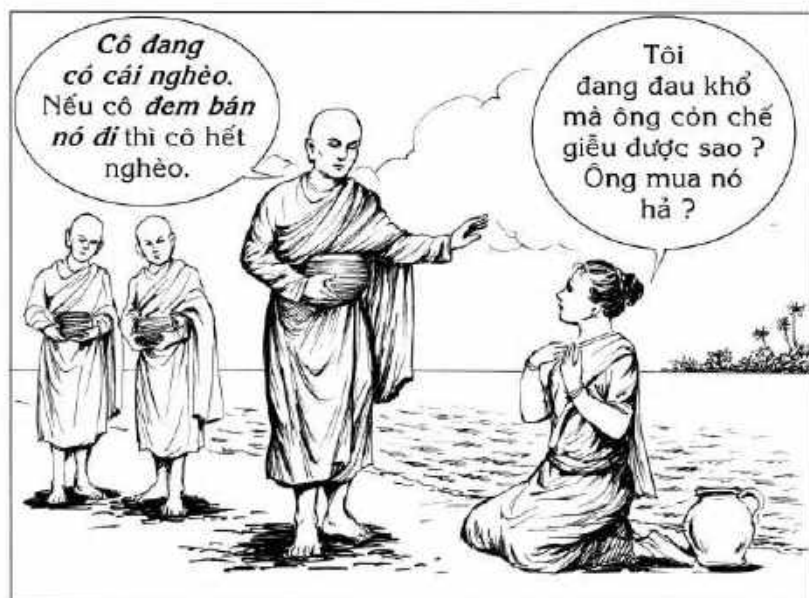
Làm sao
an lạc được khi
mà tôi không có một
đồng xu ! Còn bị
đánh, bị chửi
nữa !



Tôi có
cách giúp cô.

Cách nào ?









Cô nữ tỳ đã hiểu ý nghĩa của việc bố thí.



Nhờ công đức đó, sau khi mệnh chung, cô được sanh lên cõi Trời Đạo Lợi.

VII. Trái rộng tình yêu ra khắp nơi



Có lần đi giáo hoá tại một nước xa xôi, tôn giả Ca-chiên-diên cư trú trong rừng tre của một vị trưởng giả.



Bấy giờ hoàng hậu của nước này qua đời. Vua bỏ ăn uống, bỏ cả việc triều chính, cho ướp xác vợ rồi đặt trong cung.

Các đại thần lo ngại, cố gắng tìm cách giải quyết chuyện này.

Tôi nhớ ra rồi ! Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở đây.

À ! Hay lắm.
Ta vào gặp đại vương.



Tâu đại vương, tôn giả Ca-chiên-diên đang ở nước ta. Vị ấy có thần thông...

Ta đi ngay !



Vua lên xe, mang theo nhiều lễ vật.

Thưa tôn giả,
quả nhân mong
tôn giả dùng thần thông
làm cho hoàng hậu
sống lại.



Tôn giả Ca-chiên-diên bẻ một nhánh cây đưa cho nhà vua.

Dại vương
đem vật này về cung,
đặt kể bên hoàng hậu. Nhớ
phải giữ cho lá xanh tươi
y như vậy. Chỉ trong
vài tháng...

Cành đã
lìa khỏi thân cây,
làm sao lá còn xanh
tối vài tháng...

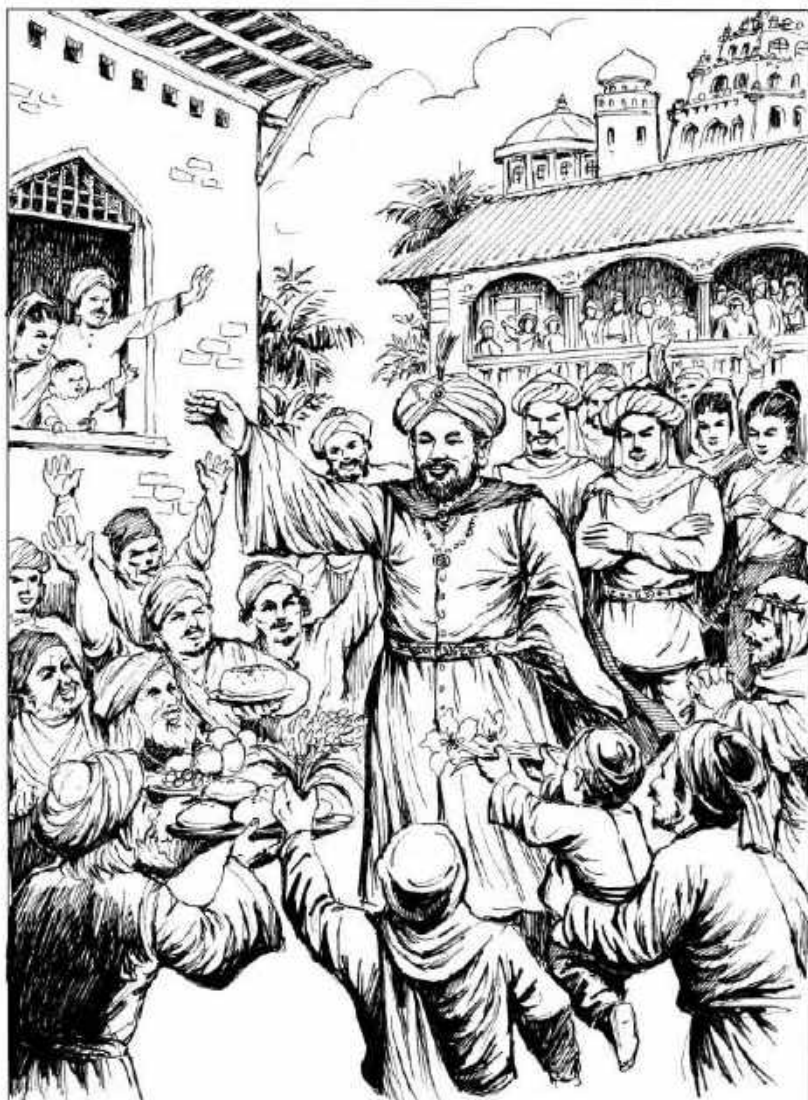




Nhà vua sững sốt, như vừa chợt tỉnh sau một cơn mê dài.

Dại vương là người có nhiệm vụ lo cho toàn dân chớ nào phải chỉ riêng cho hoàng hậu. Nếu đại vương đem "cái tấm lòng thương yêu hoàng hậu" đến với mọi người thì quốc độ của đại vương luôn vững bền.





Nhà vua tạ ơn Ca-chiên-diên rồi trở về hoàng cung, hoá táng hoàng hậu, chỉnh đốn việc triều chính và yêu thương toàn dân như yêu thương người vợ quá cố.

ĐẠI CA-DIỆP

(Đầu đà đệ nhất)



Đại Ca-diếp
(Đầu đà đệ nhất)

I. Pho tượng thiêu nữ bằng vàng

Ông Kapila Kassapa là người giàu nhất nước Ma-kiệt-đà. Con trai duy nhất của ông là *Pippali* Kassapa* được nuôi dưỡng như một hoàng tử. Năm 8 tuổi, cậu thọ giáo với các vị giáo sư Bà-la-môn giỏi nhất.



Lớn lên, chàng có một kiến thức bao la về môn đạo học và các môn về đời. Có điều rất lạ, là chàng rất muốn xuất gia, còn cha mẹ thì cứ ép lập gia đình.

Thưa mẹ,
con muốn sống
độc thân để phụng
dưỡng cha mẹ.



* Một hôm, phu nhân của ông Kapila Kassapa đang đi dạo trong vườn thì cảm thấy mệt mỏi liền ngồi nghỉ dưới một gốc cây *Pippali* rồi sanh con tại đó. Vì vậy hài nhi được đặt tên là *Pippali*.

Bị thúc hối quá, chàng nhờ các nhà điêu khắc đúc một thiếu nữ bằng vàng tuyệt đẹp, cho ăn mặc lộng lẫy, đeo các nữ trang đắt giá nhất.

Thưa cha,
đây là cô gái
mà con sẽ chọn làm
vợ. Nếu cha tìm không
ra thì xin cho con
sống đời độc
thân.

Trời ơi !
Khó biết bao !
Nhưng mẹ sẽ cố gắng
làm vừa ý con.



Ông Kapila bèn cầu cứu tới các thầy Bà-la-môn. Các vị này làm ra một nhà dự lưu động – trong đó có pho tượng bằng vàng – chuyển từ làng này sang làng khác. Tới đâu các thầy cũng rao âm lên.

Nữ thần này
rất linh thiêng với
phái nữ. Cô gái nào có
ước nguyện gì, hãy
đến đây !



Đoàn người đã đi khắp nước Ma-kiệt-đà mà vẫn chưa gặp người trong tượng. Ngày nọ, họ vào thành Tỳ-xá-ly của nước Licchavi. Tại đây, một gia đình Bà-la-môn có cô gái tên là Bhadra Kapilani.*



Khi Thiện Tâm cùng các tỷ nữ đến gần pho tượng thì mọi khán giả đều kinh ngạc : *Thiện Tâm và pho tượng như được đúc từ một khuôn.*



* Tạm gọi là Thiện Tâm.

Các “ông mai” hết sức vui mừng, đến gặp cha nàng, thuật lại mọi chuyện trong gia đình của triệu phú xứ Ma-kiệt-đa, rồi ngỏ ý xin cầu hôn cho cậu chủ.



Ít lâu sau, một đám cưới được tổ chức long trọng. Trong đêm động phòng, chàng rể và cô dâu, mỗi người ngồi cù rú tại một góc, mặt ngó vào vách... cho tới sáng.



Thiên Tâm khóc. Lát sau mới nói được, giọng đứt quãng.



Nghe vậy, mắt Kassapa (Ca-diếp) sáng rực.

Lành thay !
Đó cũng là
hạnh nguyện
của tôi.

Vậy thì
từ nay đôi ta sẽ
sống như những người
bạn mà thôi.



Thế là từ giây phút đó, hai người trẻ tuổi không hề chạm tay nhau, một cái nhìn lưu luyến cũng không có. Dĩ nhiên là họ không hề ngủ chung một giường.

Song thân của Ca-diếp biết được chuyện đó, sai người dọn bớt một cái giường.



Một hôm, có một con rắn độc bò qua phòng giữa lúc cánh tay của cô gái thông xuống sát đất.



Ca-diếp vội vàng nắm tay áo của Thiện Tâm, đặt lên giường. Vừa lúc đó người phụ nữ thức giấc.

Hiển huynh
đã hứa như thế
nào mà hôm nay lại
chạm vào tay
muội.



II. Hai vợ chồng cùng xuất gia



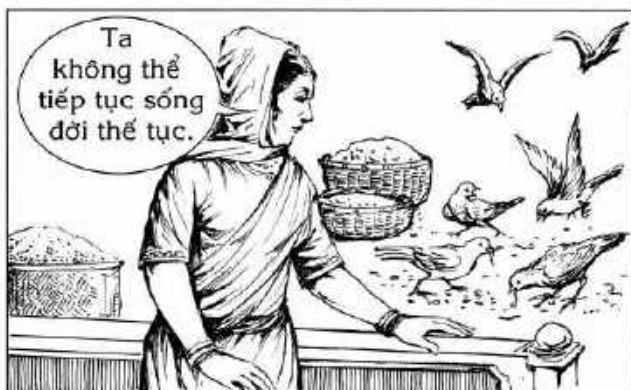
Sau khi nghe Ca-diếp kể chuyện, Thiện Tâm càng kính phục bạn mình. Mười hai năm lặng lẽ trôi qua. Bấy giờ cha mẹ Ca-diếp đều qua đời. Hai vị phải cai quản gia tài.

Tại đồng ruộng, lần đầu tiên Ca-diếp được chứng kiến cảnh “mạnh được yếu thua” rất đau lòng.

Đời thật là
khổ. Loài vật khổ
đã đành mà con người
có sướng gì đâu !



Trong khi đó ở tại nhà, Thiện Tâm nhìn thấy bầy chim bay xuống mổ ngũ cốc trên sân, tìm ăn các con sâu.



CHIỀU HÔM ĐÓ

Hiền huynh, giờ đây là lúc chúng ta xuất gia



Hiền muội ở lại trông coi nhà, sau khi tìm thấy đạo, huynh trở về đón muội.

Không, muội cũng đi cùng một lúc với huynh.





Hai người chia của cải cho bà con thân tộc, gia nhân, dân nghèo, rồi cắt tóc, cạo râu, mang bình bát, mặc áo nhà tu, đi trên hai ngã đường khác nhau.



Theo truyền thuyết, sa môn Ca-diếp rời khỏi nhà trùng với ngày thứ 49 mà Phật ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Bồ đề bên bờ sông Ni-liên-thiền. Ca-diếp đã đi rất nhiều nơi nhưng không gặp thầy vừa ý. Ba năm đã trôi qua, một hôm...

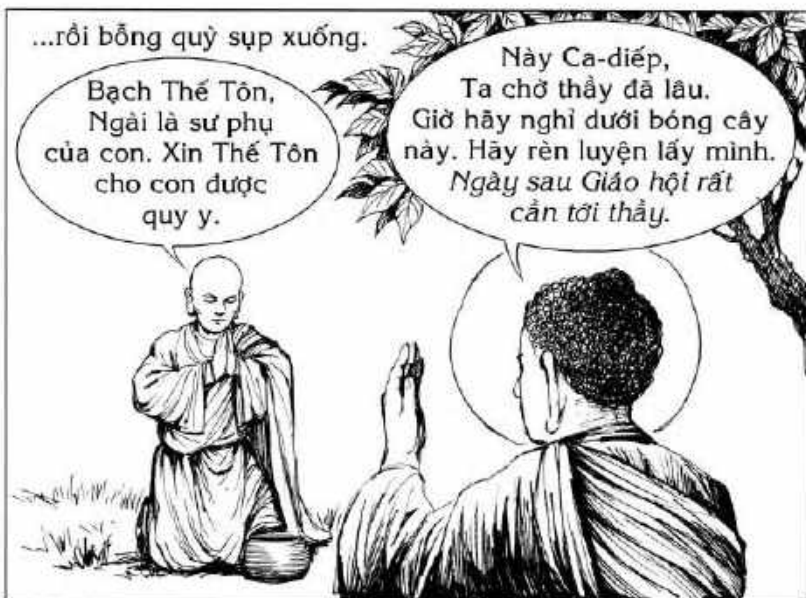
...Phật âm thầm rời khỏi tinh xá Trúc Lâm, đi về hướng Bắc của thành Vương Xá được 3 dặm thì dừng lại bên một gốc cây đại thọ. Kia ! Một người đang đi tới ! Khi đến sát bên Phật, người ấy hơi ngập ngừng...



...rồi bỗng quỳ sụp xuống.

Bạch Thế Tôn,
Ngài là sư phụ
của con. Xin Thế Tôn
cho con được
quy y.

Này Ca-diếp,
Ta chờ thầy đã lâu.
Giờ hãy nghỉ dưới bóng cây
này. Hãy rèn luyện lấy mình.
Ngày sau Giáo hội rất
cần tới thầy.



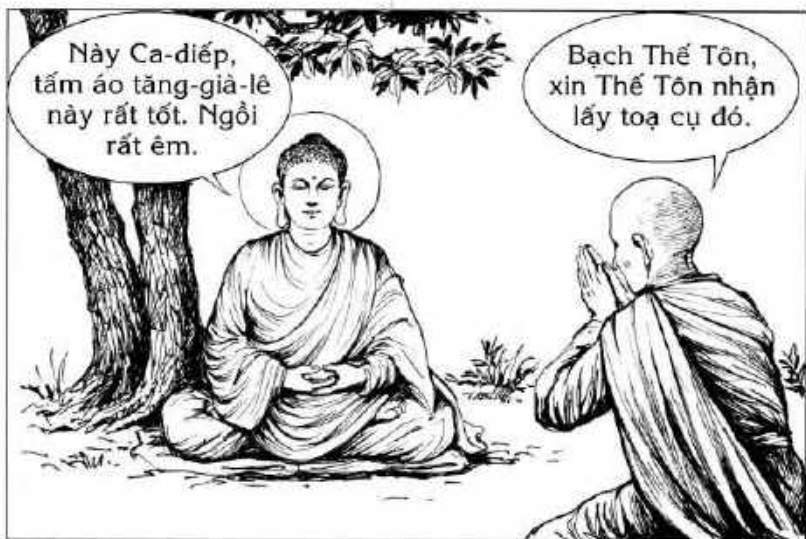
Một lát sau, Phật và Ca-diếp trở về tinh xá Trúc Lâm. Đi được một quãng, tới một gốc cây, Phật dừng chân nghỉ. Ca-diếp xếp áo của mình, mời Phật.

Bạch Thế Tôn,
xin Thế Tôn hãy
ngồi trên toạ
cụ này.

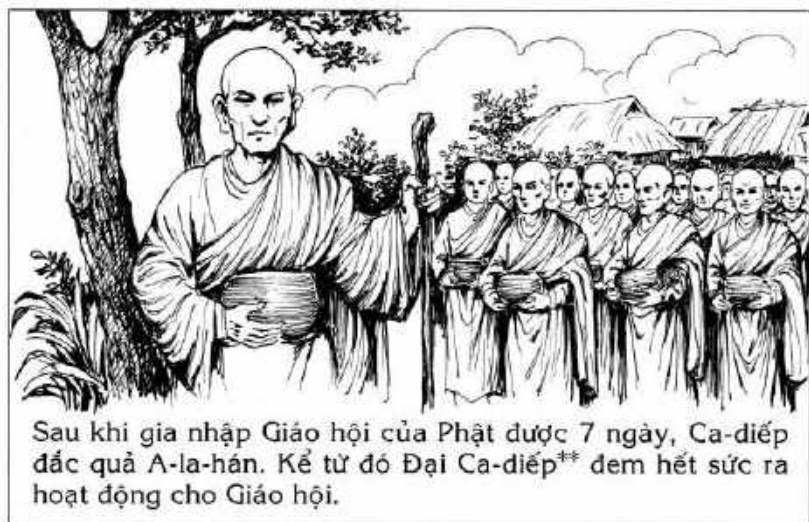
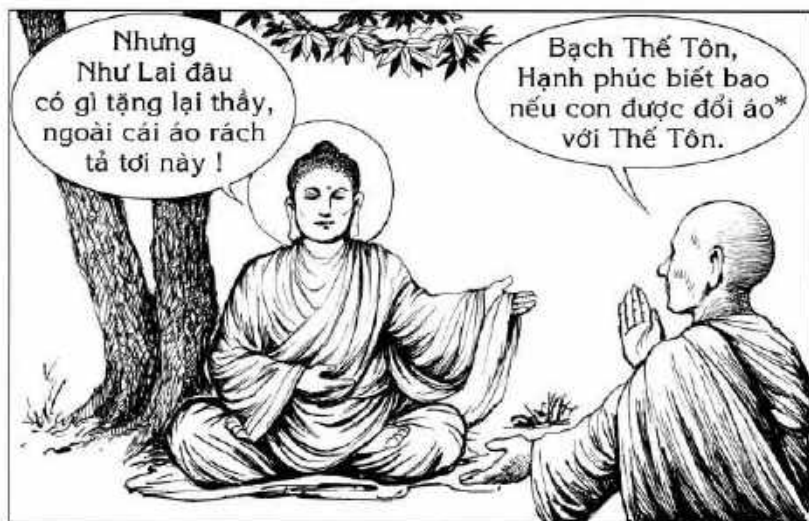


Này Ca-diếp,
tấm áo tăng-già-lê
này rất tốt. Ngồi
rất êm.

Bạch Thế Tôn,
xin Thế Tôn nhận
lấy toạ cụ đó.



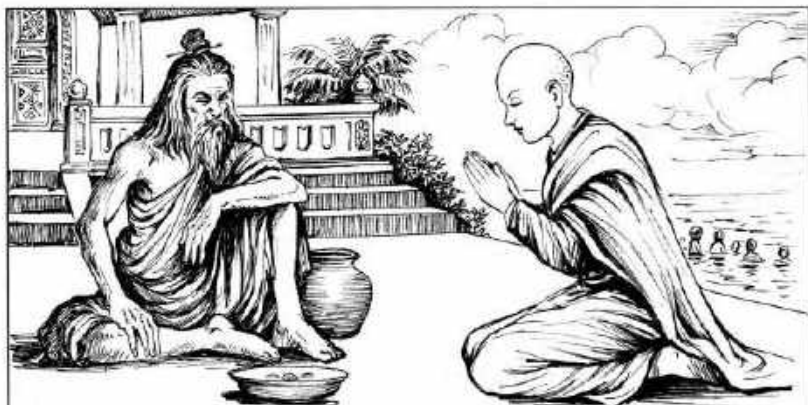
Toạ cụ : Miếng vải lớn được gấp lại, dùng để lót chỗ ngồi ★ **Áo tăng già lê** (sanghati, tiếng Sanscrit) : Một áo trong 3 y của các tỷ kheo. Đó là cái áo trắng ở phía ngoài, dùng để mặc khi đi khất thực hoặc thuyết pháp, thường được gọi là *đại y*.



* Do việc đổi áo, Ca-diếp được xem là "người con đích thực của Thế Tôn". Về sau lúc Phật nhập diệt, chính Ca-diếp đứng ra tổ chức tang lễ.

** Vì lúc đó có nhiều vị tỷ kheo đặc quả A-la-hán cùng mang họ Kassapa, như Uruvela-Kassapa, Nadi-Kassapa và Gaya-Kassapa... cho nên "ông Kassapa mới vào" này, được gọi là Maha-Kassapa (Đại Ca-diếp).

III. Đại Ca-diếp giúp đỡ Thiện Tâm



Về phần Thiện Tâm, sau khi chia tay với Ca-diếp, bà cũng đi tìm đạo. Ngày nọ bà đến sông Hằng lễ bái một nhóm ngoại đạo.

Thấm thoát mà đã 5 năm rồi ! Bấy giờ là năm 585 trước Tây lịch, bà Mahapajapati được phép thành lập Giáo hội tỷ-kheo-ni. Đại Ca-diếp nhờ một tỷ-kheo-ni đi rước Thiện Tâm về với ni trưởng Mahapajapati. Nhưng chính cái sắc đẹp rực rỡ của Thiện Tâm đã khiến nhiều người trong ni viện xầm xì. Thiện Tâm phiền muộn, không ra ngoài khát thực, xa lánh nơi đông người. Đại Ca-diếp xin phép Phật được chia phần nửa phần khát thực của mình cho Thiện Tâm.



Nhưng bà bị một tỷ-kheo-ni nhiều chuyện nói xiên nói xỏ.

Hử ! Đã xuất gia mà còn thân mật đến thế ! Vậy chuyện 12 năm không ngủ chung là chuyện có thật không ?



Những lời dèm xiêm đó không làm bận lòng Đại Ca-diếp, nhưng để khuyến khích Thiền Tâm tiến nhanh trên đường tu học, ông không tiếp tế thức ăn nữa.

Về phần Thiền Tâm, bà hết sức tinh tấn và thành tâm sám hối. Sau cùng, bà đắc quả A-la-hán, được Phật khen : *"Trong số các tỷ-kheo-ni, Thiền Tâm giỏi về Túc mệnh thông* hơn cả."*



* Nhớ được các chuyện đã xảy ra trong nhiều kiếp trước.

IV. Chuyên tâm tu hạnh đầu đà

Một hôm Phật nói :

- *Này Ca-diếp, thầy nên thuyết pháp cho các tỷ kheo !*
- Bạch Thế Tôn, có nhiều tỷ kheo không chịu nghe pháp.
- Vì sao thầy nói như vậy ?
- Bạch Thế Tôn, tỷ kheo Bàn Trù (đệ tử của A-nan) và tỷ kheo A-phù-tỳ (đệ tử của Mục-kiền-liên) cứ mãi ham tranh luận để xác định coi ai hiểu nhiều hơn ai.

Bấy giờ A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, nói :

- Thưa sư huynh, lớp tỷ kheo trẻ đó kém trí huệ.
- A-nan nên im lặng. Chớ để tôi đem việc của thầy ra hỏi giữa tăng chúng. — Đại Ca-diếp nói.

A-nan liền nín thinh. Phật sai một tỷ kheo đến chỗ ở của hai tỷ kheo ưa tranh cãi. Tới nơi, người này nói :

- Thế Tôn gọi hai thầy.

Khi Bàn Trù và A-phù-tỳ đến, Phật hỏi :

- Có thật chẳng, hai thầy thường tranh luận với nhau để xem ai hiểu biết nhiều ?
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi nghe Phật giảng giải, hai tỷ kheo phạm lỗi đến lễ chân Ngài, bạch rằng :

- Bạch Thế Tôn, chúng con xin sám hối.

Một hôm khác, Phật nhắc lại với tỷ kheo Đại Ca-diếp :

- *Này Ca-diếp, thầy nên giảng pháp cho các tỷ kheo.*

— Bạch Thế Tôn, ngày nay khó thuyết pháp cho các tỷ kheo. Họ chẳng chịu nghe. Mà nếu phải “bị nghe”, lòng họ không vui.

- Vì sao thầy nói như vậy ?

— Bạch Thế Tôn, có nhiều tỷ kheo không tôn kính thiện pháp. Nếu có nghe, họ cũng thối chuyển.



— Đúng vậy, người nào không có lòng tin đối với pháp lành thì sẽ bị thối chuyển. — Phật nói :

Một dịp khác, Phật lại nhắc Đại Ca-diếp nên thuyết pháp, thì được trả lời :

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Cúi xin Thế Tôn vì các tỷ kheo mà thuyết pháp. Các tỷ kheo nghe xong, sẽ lãnh thọ và hành trì.

Từ đó Phật không mời gọi Đại Ca-diếp thuyết pháp nữa. Và cũng từ đó, Đại Ca-diếp tìm nơi thanh vắng, dốc lòng tu hạnh đầu đà*.

Những người tu hạnh đầu đà phải giữ 12 điều sau đây :

● VỀ ĂN : GIỮ 4 ĐIỀU

1. Chỉ ăn các thức ăn do chính mình đi khát thực (không ăn các thứ được mời hay được các bạn đồng tu chia sẻ).
2. Mỗi ngày *chỉ ăn một lần* trước Ngọ hoặc lúc đúng Ngọ.
3. Khi đi khát thực, phải tuân tự đi từ nhà này sang nhà kế tiếp, không bỏ sót một nhà nào cả (cốt để tránh việc chỉ đi khát thực nơi các nhà giàu để được ăn ngon).
4. Chỉ ăn các thức ăn do mình khát thực, nội trong cái bình bát của mình mà thôi (dầu chưa no cũng không được tìm cách ăn thêm)

● VỀ MẶC : GIỮ 2 ĐIỀU

1. Chỉ mặc áo may bằng vải cũ do người ta vứt đi. Áo được kết bằng nhiều mảnh vải nhỏ (gọi là *y phẩn tảo*).
2. Chỉ sử dụng ba bộ áo mà thôi.

● VỀ Ở : GIỮ 6 ĐIỀU

1. Phải sống trong rừng hoặc tại các đồi núi, xa dân cư ;
2. Phải sống dưới các gốc cây hay tại một hang động tự nhiên, không được cất lều trại ;
3. Phải sống tại các nghĩa trang hoặc nơi có mồ mả ;
4. Hoặc đến sống nơi có cỏ, có bóng cây che.
5. Nếu không tìm được những chỗ vừa nói, thì phải chịu sống nơi trống trải, không có bóng mát.
6. Phải ngồi kiết già, chớ không được nằm.

* **Đầu đà** (dhuta) : Rửa sạch các phiền não, xa lìa mọi danh lợi. Tu hạnh đầu đà là tu khổ hạnh.

V. Những mẩu chuyện đáng nhớ về Đại Ca-diếp

1. Nêu gương không ham muốn vật chất

Một chiều kia, Đại Ca-diếp đến gặp Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên.

— Nay Ca-diếp, nay thầy đã lớn tuổi, mặc y phần tảo nặng nề làm gì ! Hãy mặc chiếc áo nhẹ do các cư sĩ cúng dường đi !

— Bạch Thế Tôn, con muốn sống hạnh đầu đà, mặc y phần tảo, tự mình đi khất thực... là để trong hiện tại, con được an lạc và nêu gương “không ham muốn vật chất” cho chúng sanh đời vị lai.
— Lành thay ! Ca-diếp !



2. Đại Ca-diếp được Phật chia phân nửa chỗ ngồi

Sau một thời gian sống trong rừng, râu tóc mọc dài, Đại Ca-diếp đến Xá Vệ giữa lúc Phật đang thuyết pháp. Khi đó có một số tỳ kheo tỏ vẻ xem thường.

— Ăn mặc lôi thôi như vậy mà cũng đến đây !

Phật thấy hết, hiểu hết, bèn nói lớn :

— Nay Ca-diếp ! Thầy hãy tới đây ! Ta chia nửa toà.

Các tỳ kheo khinh mạn kinh hãi, dựng tóc gáy trong lúc Đại Ca-diếp chấp tay xá Phật.

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là thầy của con. Con là đệ tử của Thế Tôn.

— Đúng vậy. Nhưng bây giờ thầy hãy ngồi xuống cạnh Ta.

Đại Ca-diếp đánh lễ Phật rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ để cảnh tỉnh các tỳ kheo, Phật kể lại các công đức lớn lao mà Đại Ca-diếp đã chứng đắc trong quá khứ và hiện tại. Các tỳ kheo nghe xong, hết sức tán phục Đại Ca-diếp.



3. Giờ hoa mỉm cười (Niêm hoa vi tiếu)

Ngày nọ trên núi Linh Thứu, Phật cầm một cành hoa đưa lên. Tất cả mọi người đều im lặng, chưa hiểu ý nghĩa gì ; chỉ riêng Đại Ca-diếp mỉm cười *. Phật nói : Ta có *chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thực tướng, vô tướng* trao lại cho Ca-diếp.



“Sự thân nhau” từ thuở xa xưa được thấm sâu vào trong tiềm thức của Đại Ca-diếp cho tới tận kiếp này : vì vậy khi vừa mới gặp Phật là đã nhận ra Phật và khi Phật vừa đưa cành hoa lên (chưa nói gì cả) thì Đại Ca-diếp đã hiểu Phật muốn nói gì.

Song song với việc sống theo **hạnh đầu đà** đến mức **đệ nhất**, Đại Ca-diếp còn có một ngôn ngữ rất thẳng thẳng khiến cho một số người đôi lúc thấy không được êm tai. Chính vì vậy mà...

* Chuyện này và chuyện ngay phút đầu tiên gặp Phật, Đại Ca-diếp đã nhận ra “đó là sư phụ của mình” đủ cho ta thấy giữa Phật và Đại Ca-diếp đã có nhiều mối liên hệ từ bao kiếp trước ★ **Chánh pháp nhãn tạng** : Giáo pháp chứa đựng các mặt nghĩa, mặt ý, không thông qua hình thức văn tự, ngôn ngữ ★ **Niết bàn diệu tâm** : Bản thể thường trụ viên mãn, cũng có nghĩa là *pháp thân Phật* ★ **Thực tướng vô tướng** : Cái bản thể chân thật, không có màu sắc, hình dáng gì cả ★ **Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn, thực tướng vô tướng** : Giáo pháp diệu truyền từ tâm này sang tâm kia.

4. ...Đại Ca-diếp bị một đệ tử đốt cháy căn lều lá

Bấy giờ Đại Ca-diếp sống trong một căn lều lá ở gần Vương Xá, có hai chú tiểu giúp việc. Một chú siêng năng, một chú lười biếng mà lúc nào cũng làm ra vẻ các công việc trong nhà là do chính chú thực hiện. Một hôm chú mạo nhận rằng chính chú đã nấu xong một nồi nước, nhưng lời nói dối đó bị phát giác. Đại Ca-diếp rầy chú :



— Khi một người đã thọ trì giới luật, tự mình làm điều gì thì người đó mới có quyền bảo rằng : “Tôi đã làm việc đó”. Nếu không, thì đó chỉ là một lời nói dối có toan tính. Từ nay chớ có phạm ác hạnh như thế nữa.

Chú tiểu phạm lỗi đã không sám hối mà còn tỏ vẻ giận thầy mình. Hôm sau, chú không theo thầy vào Vương Xá khát thực, mà lần mò đến một gia đình thủ hộ, nói rằng thầy mình đang bệnh. Gia chủ vội vàng sửa soạn các thức ăn thích hợp cho một người bệnh, nhờ chú mang về cho trưởng lão. Chú tìm đến một nơi vắng vẻ, ăn hết. Hôm sau người thủ hộ đến thăm trưởng lão và thế là chuyện gian dối của chú bị đổ bể. Chú được thầy giảng giải điều phải điều trái. Thế nhưng chú lại đem lòng oán giận :

— Hôm nọ mình “lỡ nói đùa” rằng chính mình đã nấu nồi nước, thế mà ông la mắng ; hôm nay mình chỉ xin “tạm ứng trước” một ít trái cây mà ông cũng cần năn. Được rồi !...

Thế là hôm sau, thừa lúc Đại Ca-diếp và chú tiểu siêng năng đi khát thực, chú tiểu lười biếng đập hết các dụng cụ đựng thức ăn rồi đốt chồi lá. Chú cũng trốn luôn.



5. Bị các tỷ-kheo-ni xúc phạm

● Một hôm A-nan đề nghị với Đại Ca-diếp :

— Thưa sư huynh, hôm nay chúng ta ra khỏi núi, vào Vương Xá khát thực.

Đại Ca-diếp nhận lời. Trên đường đi, A-nan nói :

— Trời còn sớm. Chúng ta có thể ghé thăm tinh xá của tỷ-kheo-ni một chút.

Tại tinh xá, các tỷ-kheo-ni đánh lễ hai vị rồi ngồi lui một bên. Đại Ca-diếp thuyết pháp. Trong bài pháp có đoạn đề cập đến những lỗi lầm mà một số tỷ-kheo-ni có thể mắc phải. Vì vậy khi Đại Ca-diếp dứt lời, tỷ-kheo-ni Thullananda nói với một tỷ-kheo-ni khác :



— Đứng trước một thầy có dung mạo đoan nghiêm như tôn giả A-nan mà ông Đại Ca-diếp lại thuyết pháp cho các tỷ-kheo-ni nghe. Việc này có khác gì một kẻ bán kim thuyết giảng về phẩm chất của cây kim trước người sản xuất kim.

Đại Ca-diếp quay sang A-nan, nói :

— Thầy có nghe tỷ-kheo-ni ấy nói gì không ? Ta là kẻ bán kim, còn thầy là người sản xuất kim.

— Thưa sư huynh, xin hãy kham nhẫn ! Tỷ-kheo-ni ấy có trí huệ kém cỏi. — A-nan nói.

Đại Ca-diếp rầy A-nan :

— Này A-nan, từ nay thầy hãy cẩn thận trong việc giao tiếp với phái nữ. Chớ quá chiều họ mà có ngày thầy bị tăng chúng hiểu lầm.

Những ngày sau đó, tỷ-kheo-ni Thullananda thấy mình vẫn không được tôn giả A-nan “lưu tâm”, bèn hoàn tục.

● Sau ngày Phật nhập Niết bàn không lâu, nước Ma-kiệt-đà bị mất mùa. Các tỷ kheo đi khát thực gặp khó khăn. Khi đó có 30 tỷ kheo trẻ không chịu đựng nổi nên đã hoàn tục. Bên cạnh A-nan chỉ còn lèo tèo mấy chú tiểu.

Khi trở về núi Linh Thứu, vừa gặp Đại Ca-diếp, A-nan thuật lại chuyện này và bị rầy.

— Vì sao giữa lúc đói kém mà thầy lại dẫn nhiều tỷ kheo trẻ đi khát thực tại một vùng đất bị mất mùa, để đến nỗi nhiều tỷ kheo phải hoàn tục ? Việc này chứng tỏ thầy không biết tính biết toán gì cả. *Thầy chưa trưởng thành.*



Tôn giả từ tốn đáp :

— Thưa sư huynh, tiểu đệ trên 60 tuổi, đầu đã hai thứ tóc mà chưa trưởng thành hay sao ?

— Này A-nan, bất cứ ai làm hư việc thì cũng đều chưa trưởng thành, bởi vì người đó không biết tính toán.

Tỷ-kheo-ni Thullatissa nghe được những lời Đại Ca-diếp quả trách A-nan, bèn thốt ra một câu rất khiếm nhã :

— Đại Ca-diếp là người ngoại đạo mà lại dám trách một vị dòng dõi Thích Ca có dung mạo đoan trang.

Thế rồi tỷ-kheo-ni này loan tin đó cho nhiều người biết.

Đại Ca-diếp nghe được, nói với A-nan :

— Này A-nan, từ khi ta xuất gia đến nay, ta chỉ lạy có một mình Thế Tôn. Vậy mà tỷ-kheo-ni kia lại gọi ta là người ngoại đạo !

Từ đó A-nan lo chấn chỉnh lại các nữ đệ tử của mình. Nhờ vậy vị “Tăng thống đầu tiên của Phật giáo” không cần phải áp dụng kỷ luật đối với tỷ-kheo-ni Thullatissa, bởi vì tỷ-kheo-ni này thấy khó bề lay chuyển được A-nan, cũng hoàn tục theo Thullananda.

VI. Đại Ca-diếp độ bà lão nghèo

Trong thành Vương Xá có một bà lão cực kỳ nghèo khổ, sống độc thân, ngủ tại các chỗ vắng người. Bà không có đủ quần áo, phải lấy lá che thân. Một hôm bà đau nặng, đang nằm trên gò đất thì một nữ tì đem nước cơm đi đổ. Bà hỏi xin và lấy một cái chén mẻ ra đựng, định bụng sẽ uống cho đỡ đói.

Từ lâu, trưởng lão đã thấy và đã biết bà lão. Hôm nay trưởng lão đến đây thăm viếng bà. Bà lão nhướng cặp mắt mỗi một nhìn người đang đứng kế bên mình, nghĩ thầm : “Trời ơi ! Một sa môn ! Vị này nghèo hơn ta hay sao mà lại đứng đây khát thực ?” Bà nói, giọng mỗi một :

— Thưa sa môn, con không có gì để cúng dường.

— Hôm nay tôi muốn cứu bà ra khỏi cảnh khổ sở cùng cực nên mới tới đây khát thực. Dĩ nhiên tôi cũng có thể tặng bà vài món nho nhỏ, nhưng điều này chỉ giúp bà khỏi khổ trong nhất thời thôi. *Bây giờ, bà hãy bố thí cho tôi bất cứ thứ gì bà có. Với công đức đó, kiếp sau bà sẽ được tái sinh vào các gia đình giàu có, hoặc được sanh lên cõi Trời.*

Tim hoài vẫn không thấy món gì có thể cúng dường cho sa môn, bà lão ôm mặt khóc nức nở, nói với giọng nghẹn ngào :

— Thưa sa môn, quả thật con không có gì cả.

— Nay bà lão, *ai khởi tâm bố thí thì người đó không còn là người nghèo nữa ; ai biết hổ thẹn thì người đó đã mặc pháp y. Bà đã có hai thứ đó rồi, vậy bà đâu còn nghèo. Trong thành Vương Xá này, biết bao người rất giàu có, nhưng họ không hề bố thí và cũng không biết hổ thẹn về việc đó. Đó mới là những người bần cùng vậy.*



Nghe vị sa môn giảng đến đây, lòng bà lão tràn đầy hy vọng vào kiếp sau. Bà mạnh dạn bưng chén nước cơm dâng lên. Đại Ca-diếp cung kính nhận vật cúng dường và uống cạn.

Một lát sau, bà lão mệnh chung, được sanh lên cõi Trời Đạo-Lợi và trở thành một thiên nữ xinh đẹp. Ngày nọ, thiên nữ nhìn lại phước nghiệp đời trước, nhớ đến Đại Ca-diếp, bèn bay xuống trần, dùng thiên hoa rải cúng dường Ngài.

VII. Gây dựng lòng tin trong dân chúng

Một ngày kia, Đại Ca-diếp vào Alavi khát thực. Vừa trông thấy ngài, dân chúng liền ùn ùn bỏ chạy. Đi tiếp nhiều con đường khác và cả vùng ngoại ô, nơi nào ngài cũng được chứng kiến quang cảnh kỳ lạ đó.

Trên đường về, Đại Ca-diếp hỏi một số cư sĩ :

— Này các cư sĩ, xưa kia nơi này dễ nhận đồ khát thực. Nay sao lại khó khăn vậy ?

— Thưa tôn giả, từ khi Thế Tôn rời khỏi nơi này, mấy năm qua các tỷ kheo ở đây, người nào cũng muốn tự cất phòng ốc cho riêng mình. Muốn có đủ vật liệu và tiền bạc để xây dựng, các tỷ kheo đã đến từng nhà kêu gọi chúng tôi cúng dường. Các vị kêu gọi mãi đến nỗi dân chúng hết chịu đựng nổi, nên mỗi khi thấy bóng dáng một tỷ kheo là họ chạy trốn.



Nghe xong, Đại Ca-diếp trở về Vương Xá, bạch với Phật. Phật họp các tỷ kheo ở Alavi lại, nói :

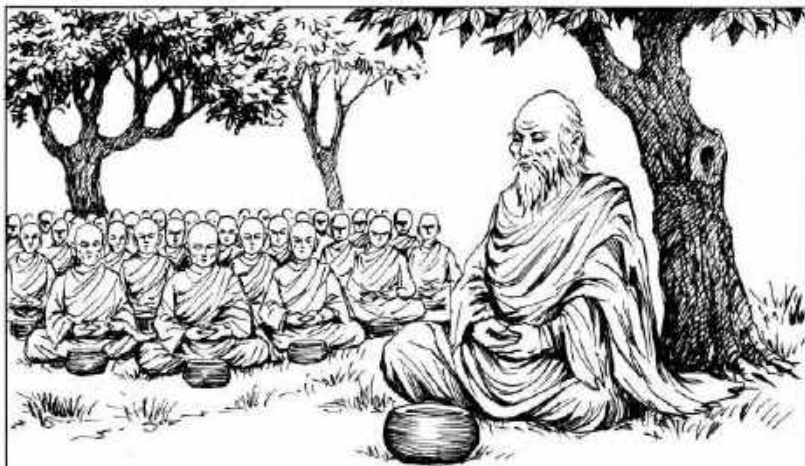
— “Này các tỷ kheo, các thầy không được đòi hỏi chúng sanh, trái lại các thầy phải là người cống hiến cho chúng sanh. Nhiệm vụ của các thầy là hoằng pháp độ sanh, chứ không phải là việc lo lắng chỗ ăn, chỗ ở. Nếu các thầy xây cất giảng đường để thuyết pháp cho tín đồ, hoặc thiết lập tinh xá để tu chung với nhau, thì Ta cho phép. Còn nếu làm nhiều tinh thất lẻ tẻ, thiếu số người trong đó hưởng thọ cúng dường, đó là làm phân tán lực lượng tăng đoàn. Am thất này tranh với am thất kia, ai cũng cho mình là hay, là giỏi nhất, lại càng dễ sanh tâm riêng tư”.

Đức Phật dạy các tỷ kheo ở Alavi xong, trở về Vương Xá. Trưởng lão Đại Ca-diếp ở lại Alavi, gây dựng lại lòng tin trong dân chúng.

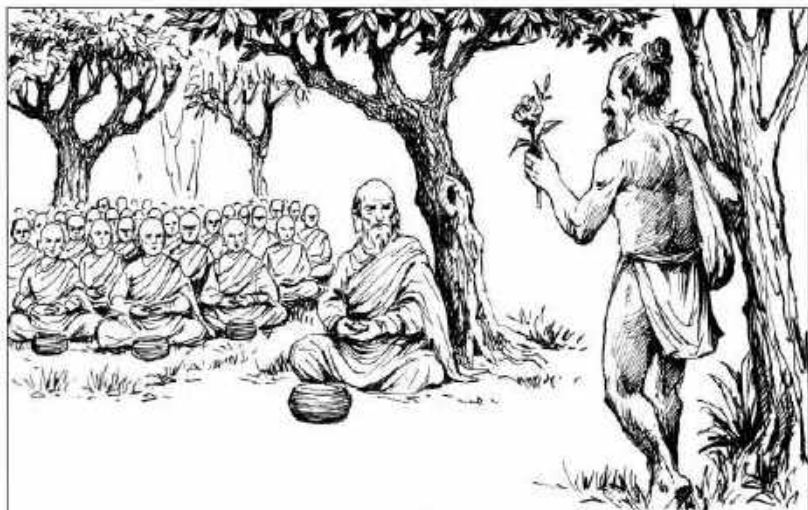
VIII. Vị Tổ đầu tiên của Phật giáo



Lúc Phật nhập diệt tại Kusinara, trong số Thập đại đệ tử của Phật chỉ có A-na-luật và A-nan bên cạnh Phật. Trước đó Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và La-hầu-la đều đã mệnh chung.



Bấy giờ, Đại Ca-diếp đang dẫn 500 tỷ kheo đi từ Pava đến Kusinara. Dọc đường, tôn giả ngồi nghỉ dưới một tán cây.



Vừa khi đó một người ngoại đạo cầm một cánh hoa sa la, đang từ phía Kusinara đi về Pava.

Biết các vị loa thể rất rành tin tức của thế gian, Đại Ca-diếp hỏi :

Này
hiền giả,
hiền giả có biết
sa môn Gotama
không ?

Ngài
Gotama diệt độ
tại Kusinara cách đây
7 hôm rồi. Tôi lượm
cánh hoa này tại
chỗ đó.



Rồi trong khi một số tỷ kheo vẫn bình tĩnh, một số khóc than thì tỷ kheo Subhadda nói oang oang :

Thôi các hiền giả !
Chớ có sầu não ! Chúng ta
đã thoát khỏi vị sa môn ấy rồi. Từ
bấy lâu nay, chúng ta đã bị ông ấy
quấy rầy với những lời tương tự như :
"Các thầy không được làm như vậy,
các thầy phải làm như vậy".
Nay thì chúng ta có thể
muốn làm gì thì
làm !



Tôn giả Đại Ca-diếp nghe rõ những lời đó nhưng vẫn im lặng. Ngài chỉ thúc hối mọi người nhanh chân đi đến Kusinara.



Trong khi đó, tại Kusinara, bốn vị tộc trưởng Malla cầm đuốc châm vào dền hoả mấy lần, nhưng vẫn không cháy.

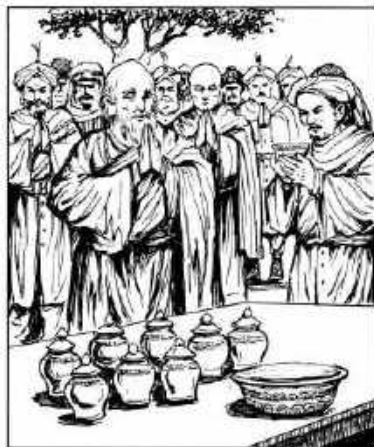


Đến khi phái đoàn Đại Ca-diếp đến, đánh lễ nhục thân Thế Tôn xong, thì dền hoả tự nhiên bốc lửa.

Xá lợi của Phật được phân làm 8 phần bằng nhau, chia cho 8 nước. Bộ tộc thứ 9 đến trễ, chỉ nhận được một mớ tro ; còn ông Dona – người có công phân chia xá lợi của Phật cho các nước – xin phép nhận cái bình dùng để đựng xá lợi, đem về thờ.

Tôn giả Đại Ca-diếp lãnh nhiệm vụ đem phần xá lợi của Phật dành cho vua A-xà-thế về Ma-kiệt-dà. Trên đường đi, ngài nhớ lại câu nói của Subhadda và lo ngại : “Nếu tư

tướng vô kỷ luật này lớn mạnh thì nó sẽ làm hại Giáo hội”.



Thế là sau khi trao xá lợi của Phật cho vua A-xà-thế, tôn giả triệu tập các tỷ kheo lại, nói :

Này các tôn giả,
nay chúng ta cần đọc
lại các KINH và LUẬT của
Thế Tôn với mục đích không để
cho một tà giáo nào, hay một tà giới
nào lọt vào Giáo hội ; cũng không
để một người tà kiến nào lớn
mạnh trong khi các bậc
đa văn, thông tuệ lại
suy yếu.





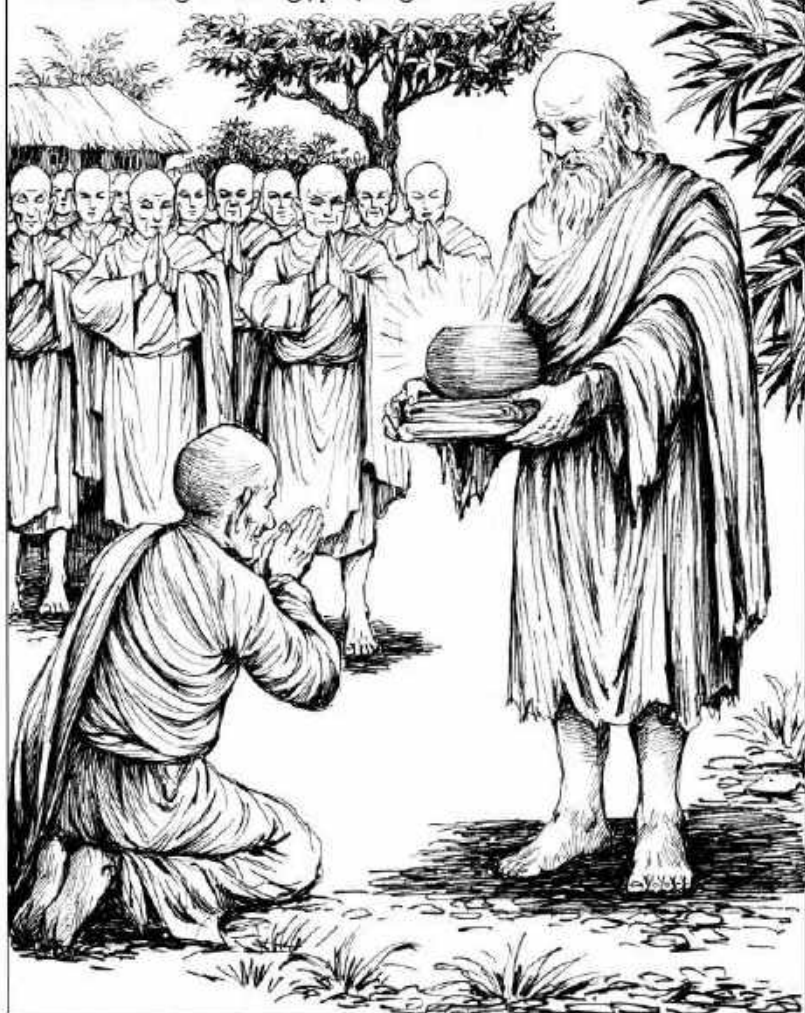
Mọi người đồng ý và yêu cầu trưởng lão sớm triệu tập một hội đồng kết tập kinh điển gồm các tỳ kheo đã đắc quả A-la-hán. Đó là cuộc kết tập kinh điển Phật giáo lần thứ nhất, được diễn ra tại nước Ma-kiệt-đà vào năm 544 tr.T.L.



Sau kỳ công đó, tôn giả Đại Ca-diếp được mọi tỳ kheo kính trọng vì tuổi hạ cao, và nhất là vì đạo hạnh của ngài. Ngài được phép nắm giữ y bát của Phật.

Hai mươi năm đã trôi qua, trưởng lão đã làm tròn nhiệm vụ của "một sư huynh" hướng dẫn Tăng chúng và giới cư sĩ, làm cho Giáo hội Phật giáo tiếp tục phát triển. Một hôm, trưởng lão đem y bát của Phật trao lại cho tôn giả A-nan... rồi vào rừng tiếp tục tu hạnh đầu đà.

Từ đó không ai còn gặp lại ngài nữa.



LA - HẦU - LA

(Mật hạnh đệ nhất)



La-hầu-la
(Mật hạnh đệ nhất)

I. Cậu bé vương giả sống thiều tình cha

Năm 608 trước Tây lịch, Thái tử Tất-Đạt-Đa kết hôn với công chúa Da-du-đà-la : lúc ấy cả hai vị đều 16 tuổi. Thế nhưng mãi đến năm 29 tuổi, bà Da-du-đà-la mới sanh con. Khi nghe tin này, vua Tịnh Phạn mừng rỡ, nghĩ rằng một khi đã có con, Thái tử sẽ vương thêm một ràng buộc : như thế, lời tiên đoán của đạo sĩ A-tư-đà có thể không thành sự thật. Do vậy, vua Tịnh Phạn đặt tên cho cháu là **Rahula**^{*}.



Nhưng chính trong ngày hôm ấy, sau khi đi dạo lần thứ tư ở cổng thành về, Thái tử quyết định xuất gia.

^{*} *Rahula* có nghĩa là một sự ràng buộc ; một sự trói chặt. *Rahula* dịch âm là *La-hầu-la*.



Trong đêm đó, Thái tử nhẹ bước đến phòng vợ, hé cửa nhìn người phụ nữ trẻ và đứa con một-ngày-tuổi. Ngài trầm ngâm khá lâu, rồi cương quyết ra đi.



Từ đó cậu bé vương giả sống trong nhung lụa nhưng thiếu tình cha. Người mẹ mỗi mắt trông chồng, âm thầm nuốt lệ buồn...



Khi nghe tin Thái tử đã đắp y vàng, bà cũng đắp y vàng.



Khi biết Thái tử đã bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, bà cũng không trang điểm gì nữa, và chỉ nằm dưới đất.



Kể từ lúc Thái tử ra đi, bà sống đời cô phụ, từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gửi đến. Lòng bà luôn luôn hướng về người đã đi xa.



Một ngày trong năm 587 trước Tây lịch, vua Tịnh Phạn nghe tin con mình đã thành Phật, đang giảng đạo tại nước Ma-kiệt-đà thì liền cử các sứ giả sang đó thỉnh Phật về. Nhưng cả 9 lần đều thất bại.

Mãi tới khi Laludayi và Xa-nặc ra đi thì mới thành công. Tại Vương Xá, Phật nói với hai sứ giả của vua Tịnh Phạn.



II. Người sa-di đầu tiên của Phật giáo



Khi mùa mưa chấm dứt, Phật lên đường trở về cố hương. Hai tháng sau, Ngài có mặt ở Ca-tỳ-la-vệ. Hôm đó thủ đô thật tưng bừng. Vua Tịnh Phạn ra khỏi thành rước Phật.

Vào lúc vua và Phật đến gần cửa hoàng cung, bà Da-du-dà-la đang đứng trên lầu, liền gọi La-hầu-la lại gần, nói :

La-hầu-la,
con có thấy ông
thầy tu đang đi bên
cạnh ông nội
không ?

Thưa mẹ,
có.





Trong chuyến Phật trở về cố hương lần này, người đầu tiên trong hoàng cung được Phật cho xuất gia là Nanda, em cùng cha khác mẹ với Thái tử Tất-Đạt-Đa. La-hầu-la thấy chú Nanda suốt ngày sống bên Phật thì cũng muốn được như vậy. Bấy giờ bà Da-du-đà-la đã dạy con gọi “ông thầy tu” y như mọi người : *Thế Tôn**.

Một hôm, tăng đoàn đến khất thực ở gần hoàng cung lúc bà Da-du-đà-la và La-hầu-la đứng trên lầu. Bà nói :
— Con xuống đi ! Nhớ xin gia tài !

La-hầu-la chạy ù một mạch tới bên Phật.

— Bạch Thế Tôn, gia tài của con đâu ?

— Khi về tới tự viện, Ta sẽ trao.



Trưa hôm ấy, tại tự viện, tỷ kheo Xá-lợi-phất chia phần ăn của mình cho La-hầu-la. Tối giờ ngủ, La-hầu-la được ngủ chung với Xá-lợi-phất. Mọi tỷ kheo ở tự viện đều yêu quý cậu. Khi La-hầu-la đòi gia tài một lần nữa, Phật bảo Xá-lợi-phất làm lễ xuất gia cho cậu.



* Người được cả thế gian tôn kính.

Tin tức *La-hầu-la xuống tóc* bay nhanh về hoàng cung. Vua Tịnh Phạn hoảng hốt, lấy xe đi đến tự viện. Hoàng hậu Gotami và bà Da-du-đà-la cũng tháp tùng theo.



Thế Tôn,
trăm đã đau xót
vô cùng khi Người bỏ
nhà. Rồi mới đây Nanda
cũng rời trăm. Bây giờ
đến lượt *La-hầu-la*.

Như vậy là
đau xót quá ! Thế Tôn,
đối với một người tại gia
như trăm, tình cha con và tình
ông cháu rất nặng. Niềm đau
xa cách cũng giống như
những nhát dao cắt
vào da, vào thịt.

Vậy, xin
Thế Tôn nghĩ lại !
Từ nay đừng cho người
còn nhỏ tuổi xuất gia, nếu
cha mẹ chúng chưa
đồng ý.



Phật an ủi vua Tịnh Phạn, giảng cho vua nghe về cái vô thường và vô ngã. Ngài nói đến công phu tu tập, tinh tấn hàng ngày như là một cách giúp thoát khỏi các khổ đau.

Thưa đại vương, Nanda và La-hầu-la đang sống trong chánh pháp. Đó là một điều may mắn.

Đại vương hãy tinh tấn lên trong sự tu tập đạo giải thoát, tìm thấy niềm vui chân thật trong nếp sống hàng ngày.





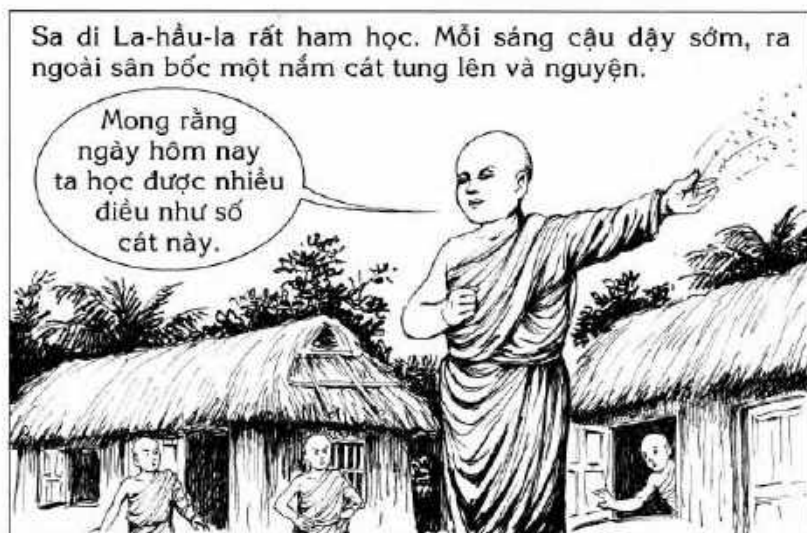
Càng nghe Phật nói, vua càng cảm thấy nhẹ nhõm và cuối cùng thì vui lên. Hai người phụ nữ cũng vậy.

Nhân có tỳ kheo Xá-lợi-phất vừa đi ngang, Phật nói :

Này Xá-lợi-phất,
từ nay trở đi, các tỳ
kheo sẽ không làm lễ xuất
gia cho trẻ em, nếu không
có sự đồng ý của
cha mẹ chúng.



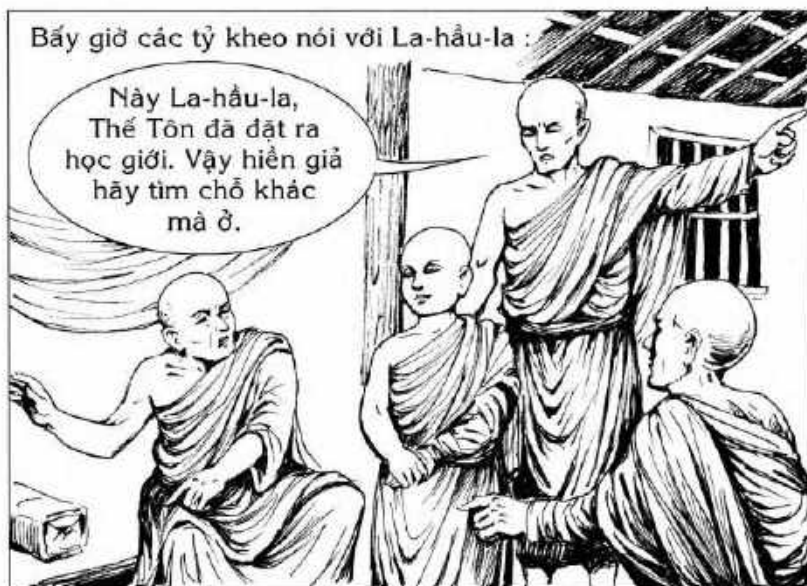
III. La-hầu-la rất ham học và nhẫn nhục



Câu chuyện La-hầu-la “không có chỗ ngủ” khá xúc động : Trong thời gian Phật ngụ ở điện Aggalava gần thành Alavi, nhiều nữ cư sĩ và tỳ-kheo-ni đến nghe pháp. Buổi thuyết pháp được tổ chức vào ban ngày nhưng chẳng bao lâu các nữ cư sĩ và tỳ-kheo-ni không đến nữa. Từ đó các cuộc thuyết pháp được tổ chức ban đêm. Sau buổi giảng, các trưởng lão đi về chỗ ở của mình, còn các tăng sĩ thì nghỉ tại đó cùng với các nam cư sĩ. Khi ngủ, một số người ngáy khò khò, thỉnh thoảng lại nghiêng rầm rền, một số khác lại mở trong lúc ngủ ; một vài người khác chỉ nằm nghỉ một lúc rồi ngồi dậy, định đi về nhà. Nhưng khi chứng kiến các cảnh tượng ấy, họ liền đến báo cho Phật biết. Ngài ra quy định như sau : “Tỳ kheo nào nằm ngủ chung với người chưa thọ đại giới, là phạm tội ba-dật-đề”.

Hôm sau Phật rời điện Aggalava, đi đến Kosambi.

* Người phạm tội ba-dật-đề sẽ bị đọa xuống địa ngục.



La-hầu-la không đến với Thế Tôn (là thân phụ của mình), không đến với Xá-lợi-phất (là giáo thọ sư của mình), không đến với Mục-kiền-liên (là a-xà-lê của mình) mà lại vào phòng vệ sinh của Phật.

Phòng vệ sinh của Phật luôn luôn đóng kín, nền làm bằng đất thơm, có các vòng hoa treo dọc theo các tấm vách, suốt đêm có đèn sáng.



★ **Giáo thọ sư** : Vị tỷ kheo có nhiệm vụ theo sát để dạy dỗ đệ tử của mình về tứ oai nghi hằng ngày : đi, đứng, nằm, ngồi... ★ **A-xà-lê** : Vị tỷ kheo "phụ trách chung" việc dạy dỗ các tăng sinh.

Sau khi La-hầu-la vào sống trong đó, thỉnh thoảng vài tỷ kheo ném một ít rác hoặc cán chổi ở phía bên ngoài cửa phòng vệ sinh ; chờ khi La-hầu-la “trở về nhà”, liền hỏi :

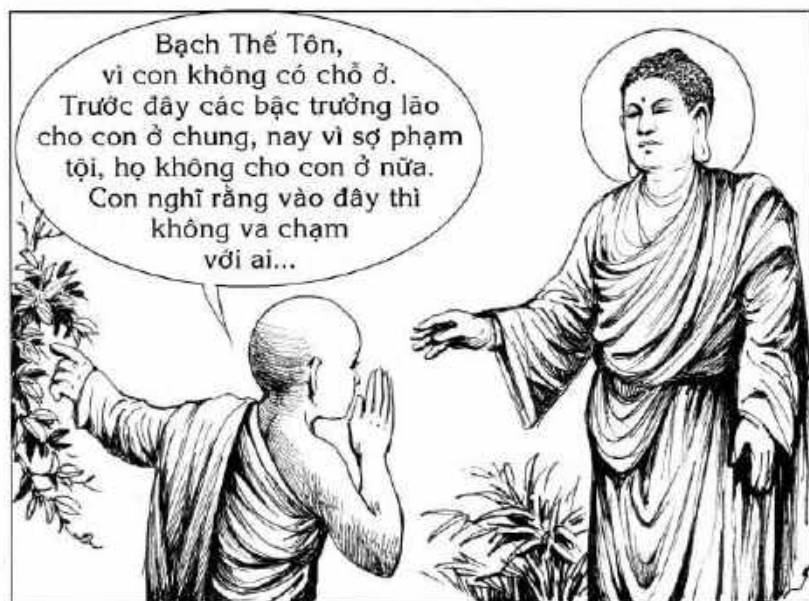
— Hiền giả La-hầu-la, ai vứt mấy thứ này ở đây ?
La-hầu-la không trả lời thẳng vào câu hỏi mà lễ phép thưa rằng :

— Chính La-hầu-la đã đi qua đây. La-hầu-la không nói : “Thưa tôn giả, La-hầu-la không biết việc này”. La-hầu-la chỉ muốn im lặng dọn hết số rác rến, khiêm tốn xin lỗi và chờ sau khi được tha lỗi mới dám bước đi.

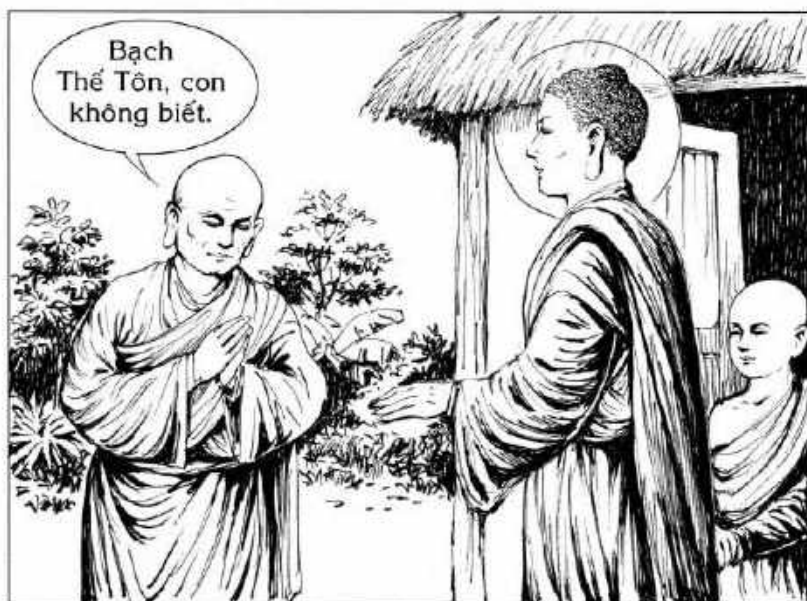


Rồi một buổi sáng kia, Phật trở về, đến đứng trước cửa nhà vệ sinh đằng hắng ! La-hầu-la ở bên trong, đằng hắng trả lời.





Khi trời đã sáng tỏ, Phật cho tập hợp các tỷ kheo lại và hỏi vị tướng quân chánh pháp.



— La-hầu-la sống trong nhà vệ sinh của Ta. Nay Xá-lợi-phất, nếu các thầy vứt bỏ La-hầu-la như vậy, thì đối với lớp trẻ, với người mới xuất gia, có gì các thầy không dám làm. Bắt đầu từ nay, các thầy được phép cho người chưa thọ đại giới sống chung trong một hoặc hai ngày. Đến ngày thứ ba, cho họ ở ngoài, sau khi đã biết chỗ ở đàng hoàng của họ.



Kể từ hôm đó, Xá-lợi-phất hết sức chú ý tới La-hầu-la. Khi đi nghe Phật giảng, Xá-lợi-phất thường dẫn La-hầu-la theo.



Khi Xá-lợi-phất tỉnh toạ, La-hầu-la ngồi kế bên.



Hai thầy trò cũng thường đi khất thực chung.

Một hôm, Xá-lợi-phất và La-hầu-la đang đi khất thực trong thành Vương Xá thì gặp một tên vô lại. Hắn ném cát vào bình bát của Xá-lợi-phất và vừa dùng gậy đánh vào đầu La-hầu-la vừa nói :

— Các người không lo làm lụng gì cả, cứ mãi xin ăn.

Miệng thì luôn luôn nói “Tu đi, nhẫn nhục”. Nay ta phá, ta các đánh người, xem các người có thật sự nhẫn nhục không ?

Trong lúc La-hầu-la tỏ vẻ tức giận thì Xá-lợi-phất nói :

— Đây La-hầu-la, chớ có nóng giận ! Thế Tôn đã từng dạy rằng phải đem lòng từ bi thương xót chúng sanh. La-hầu-la, hãy kham nhẫn !

La-hầu-la vâng lời giáo thọ sư của mình, lẳng lặng đến bên bờ ao, rửa sạch máu và xé vải băng vết thương.

Trên đường về, La-hầu-la nói với thầy mình :

— Lúc mới bị thương, con định bụng sẽ cự lại, nhưng nhớ tới những lời Phật dạy và các lời thầy vừa khuyên, lòng con trở nên bình thản. Tuy nhiên, con lấy làm lạ rằng trên đời này, vì sao lại có lắm kẻ hung dữ đến thế ? Tuân theo lời dạy của Thế Tôn, chúng ta luôn luôn giữ chữ **nhẫn** và luôn luôn có lòng **từ** lẫn lòng **bi**. Thế mà những con người quá quắc ấy lại luôn chê bai chúng ta.

Khi Xá-lợi-phất kể lại các lời nhận xét của La-hầu-la, Phật khen La-hầu-la đã có tiến bộ.



IV. La-hầu-la bị Phật rầy về tội nói dối

Trẻ em thường ham vui nên đôi khi chúng "nói gạt" người khác cốt để được những trận cười (chớ không cố ý gây hại). Cũng có khi chúng phạm lỗi rồi sợ bị rầy nên phải nói quanh co để chạy tội. Cậu bé La-hầu-la cũng không thoát khỏi những tình huống đó. Phật đã biết được việc này...

Một buổi chiều, Phật đến thăm La-hầu-la. Vừa nhìn thấy Phật từ xa đi tới, La-hầu-la sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Sau khi rửa chân xong, Phật chỉ chừa một ít nước còn lại trong chậu, hỏi :



Này La-hầu-la,
Con có thấy trong chậu
chỉ còn lại một chút
nước không ?

Thưa vâng,
bạch Thế Tôn

Cũng ít ỏi
như số nước này, là
hạnh sa môn của những
người nào hiểu, nhưng vẫn
cứ nói dối mà không
biết hổ thẹn.



Liên đó Thế Tôn đổ hết nước trong chậu ra.

Này La-hầu-la,
con có thấy một chút
nước còn lại trong
chậu đã bị đổ đi
không ?

Cũng bị đổ
bỏ như vậy, là hạnh
sa môn của những người
nào biết, nhưng vẫn cứ
nói dối mà không
hổ thẹn.

Thưa vâng,
bạch Thế Tôn

Bỗng Thế Tôn lật úp cái chậu lại.

Này La-hầu-la,
con có thấy cái chậu
bị lật úp không ?

Cũng bị lật
úp như vậy, là hạnh sa
môn của những người
nào biết, nhưng vẫn cứ nói dối
mà không hổ thẹn.

Thưa vâng,
bạch Thế Tôn

Và sau đó, Thế Tôn lật ngược cái chậu lại.

Này La-hầu-la, con có thấy rằng giờ đây trong chậu trống rỗng không ?

Cũng trống rỗng như vậy, là hạnh sa môn của những người nào biết, nhưng vẫn cứ nói dối mà không hổ thẹn.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nơi người nói dối không biết hổ thẹn, không có tội lỗi nào mà người ấy không dám làm. Do đó, này La-hầu-la, con phải cố gắng lập tâm : *"Đầu trong lúc chơi đùa, tôi cũng không nói dối."*



Sau khi nhấn mạnh tầm quan trọng của hạnh chân thật bằng những thí dụ cụ thể, Phật giải thích tiếp cho sa di La-hầu-la về giá trị của sự suy luận và các đức hạnh căn bản bằng những hình ảnh dễ hiểu.

- Này La-hầu-la, cái gương dùng để làm gì ?
- Bạch Thế Tôn, cái gương dùng để phản chiếu lại hình ảnh.
- Cũng giống như cái gương, trước khi làm một việc gì, con phải suy nghĩ cho kỹ lưỡng. Con phải “phản chiếu” lại việc con sắp làm như thế này : “Ta sắp làm việc này, nhưng việc này sẽ có hại cho ta và cho người khác. Nó là một hành động bất thiện. Vậy ta không làm”. Ngược lại, trong khi suy luận, con nhận thấy hành động đó không có hại cho con và cho người khác, nó là một hành động thiện. Bấy giờ con cứ an tâm làm việc đó.

Đối với những lời con sắp nói hay những ý nghĩ vừa xuất hiện trong đầu, con cũng phải suy nghĩ cho kỹ.

V. La-hầu-la đắc quả A-la-hán

Năm 18 tuổi, nhân dịp một tư tưởng luyến ái phát sanh có liên quan đến thân hình đẹp đẽ của mình, La-hầu-la được nghe Phật giảng một bài pháp thâm diệu về sự phát triển tinh thần.

Số là hôm ấy, La-hầu-la đi theo Phật trì bình, phong độ oai nghiêm của hai vị trông như thốt ngự tượng hùng dũng cùng đi với tượng con quý phái, như thiên-nga-vua dắt con mình lội trên mặt hồ, như hổ chúa oai phong và hùm con lăm liệt. Cả hai Ngài đều thuộc dòng vương tôn và đều từ ngai vàng mà ra đi.

Trong lúc chiêm ngưỡng dung mạo của Đức Thế Tôn, La-hầu-la nghĩ thầm : *"Ta đẹp như cha ta. Thân hình của Thế Tôn rất đẹp và thân hình của Ta cũng vậy".*

Đức Phật đang đi ở phía trước, đọc được tư tưởng đó, Ngài dừng chân, quay lại, dạy La-hầu-la :

Bất luận
hình dáng đẹp đẽ
hay xấu xí, hay thế nào đi
nữa, cũng phải được quan sát
như vậy : *"Cái (thân thể)
này không phải của ta :
cái này không phải
là ta..."*



Rồi để chỉ dẫn cho La-hầu-la tránh khỏi những tư tưởng không tốt phát sanh, Phật dạy La-hầu-la một số cách tu tập khả dĩ làm cho lòng được phẳng lặng. Ngài nói :

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập của đất* : người ta ném đủ thứ **tịnh**, hoặc **bất tịnh** lên mặt đất. Thế mà đất không lo âu, không dao động và cũng không nhàm chán.



* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập của nước* : người ta rửa trong nước những vật **tịnh** hoặc **bất tịnh**, thế mà nước vẫn không lo âu, không dao động hoặc nhàm chán.

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập của lửa* : lửa thiêu đốt các vật **tịnh** hoặc **bất tịnh**, thế mà lửa vẫn không lo âu, không dao động hoặc nhàm chán.

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập của gió* : gió thổi qua các đồ **tịnh** và đồ **bất tịnh**, thế mà gió không lo âu, không dao động và cũng không nhàm chán.

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập của hư-không* : Hư-không không hề bị trú tại một chỗ nào.

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập về lòng từ*. Do tu tập về **lòng từ**, những gì thuộc về **sân tâm** sẽ bị trừ diệt. Do tu tập về **lòng bi**, những gì thuộc **hại tâm** sẽ được trừ diệt. Do tu tập về **hỷ**, cái gì thuộc **bất lạc** sẽ được trừ diệt. Do tu tập về **xả**, cái gì thuộc **hận tâm** sẽ được trừ diệt. Do tu tập về **bất tịnh**, cái gì thuộc **tham ái** sẽ bị trừ diệt. Do tu tập về **vô thường**, cái gì thuộc **ngã mạn** sẽ bị trừ diệt.

* Nay La-hầu-la, *con hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô và hơi thở ra* để cho cơ thể được mạnh lành.

Thực hành đúng theo những lời dạy của Phật, La-hầu-la tiến bộ rất nhanh. Năm 20 tuổi, La-hầu-la được thọ cụ túc giới, trở thành tỷ kheo và chẳng bao lâu, đắc quả A-la-hán và được Phật khen là người có **mật hạnh đệ nhất**.

La-hầu-la nhập Niết bàn sớm hơn bà Da-du-đa-la và Phật. Lúc ấy Ngài chưa tới 50 tuổi.

Mật hạnh : Giữ giới một cách nghiêm túc và kín đáo.

MỤC - KIỀN - LIÊN

(Thần thông đệ nhất)



Mục-kiền-liên
(Thần thông đệ nhất)

I. Do đâu

Mục-kiền-liên có được thần thông

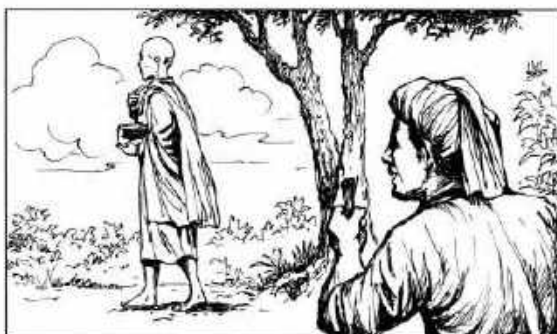
Trong một tiền kiếp xa xưa, Mục-kiền-liên là ngư phủ, hàng ngày thả lưới ở ven biển, bắt cá tôm đem ra chợ bán.



Nhưng một sáng kia, chàng trai khỏe mạnh này quyết định bỏ nghề.



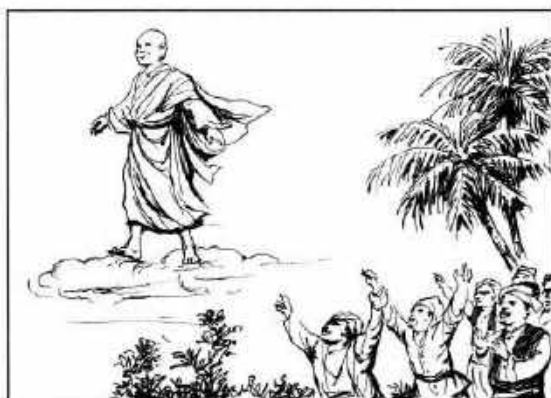
Trong khi đi tìm nghề khác, chàng trông thấy một vị Độc Giác Phật đang thong thả bước trên đường với dáng điệu uy nghi, liền đến thỉnh về nhà, cúng dường.



Vị Độc Giác Phật này không có tài hùng biện, thuyết pháp không khéo. Ông thường dùng thần thông để hoá độ chúng sanh. Mỗi lần thọ thực xong, ông ném bình bát vào không gian và phóng mình lên, bắt lại.



Rồi đi tới đi lui trên các tầng mây thấp, trước mắt mọi người.



Chàng trai thần phục, phát nguyện.

Mong rằng trong các kiếp sau, tôi sẽ được như vị Phật này.



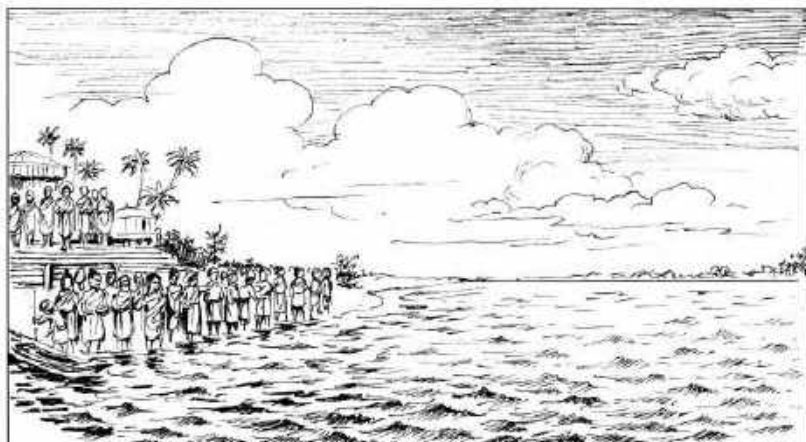
Do lời nguyện đó, trong kiếp sống đồng thời với Phật tại thế gian, Mục-kiền-liên được mọi người công nhận là Thần Thông Đệ Nhất.

II. Thần thông đệ nhất

● 1. Bắt cầu đưa khách sang sông.



Hôm đó thành Xá Vệ tổ chức một buổi cúng dường các giáo phái với sự có mặt của vua Ba-tư-nặc. Buổi lễ diễn ra tại bờ sông. Mục-kiền-liên là vị khách đến sớm nhất.



Ở bên kia sông, các ngoại đạo lần lượt kéo đến, nhưng lúc đó thủy triều lên cao, mặt sông rộng mênh mông, thuyền bè khó đi lại. Phía xa xa là Phật và đại chúng.

Mục-kiền-liên dùng thần thông tạo ra một cây cầu. Ngoại đạo vui mừng, bước lên.

Thế là sa môn Gotama bị chậm rồi. Ta qua trước, sẽ chiếm lấy các vị trí tốt.



Khi họ đến giữa cầu thì cầu bị gãy : nhiều người rơi xuống nước.



Nhưng lúc Phật đến bờ sông thì cây cầu xuất hiện trở lại. Phật dùng thần thông đưa mọi người bị nạn lên bờ theo Phật qua sông.



Sa môn Gotama và các Đại đệ tử của ông ấy thật là giỏi...

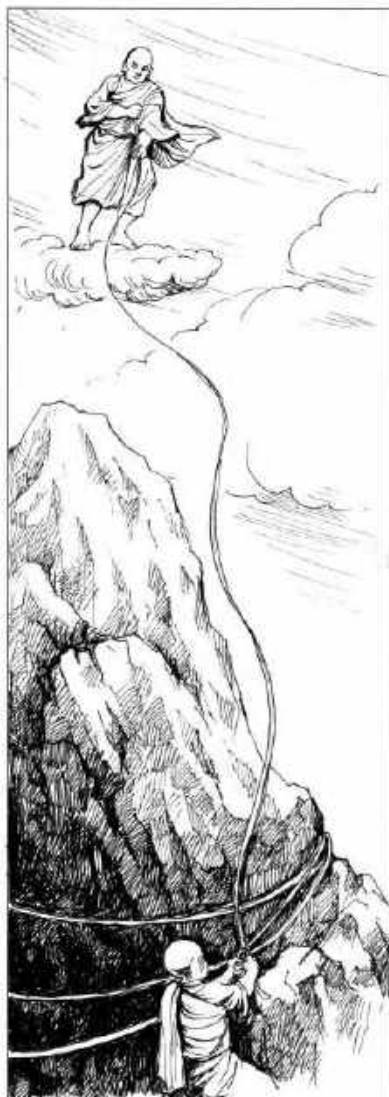
● 2. Dời núi Tu Di

Đêm đó trăng sáng vàng vạc. Tại bờ ao của tinh xá Trúc Lâm, Phật sắp sửa thuyết pháp nhưng lại chợt thấy thiếu vắng Xá-lợi-phất.

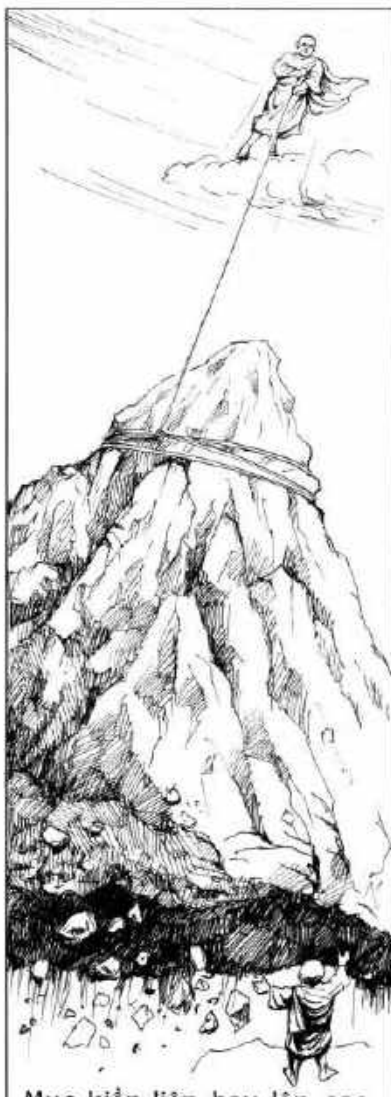
Này
Mục-kiền-liên !
Hãy đến Xá Vệ gọi
Xá-lợi-phất
về đây !



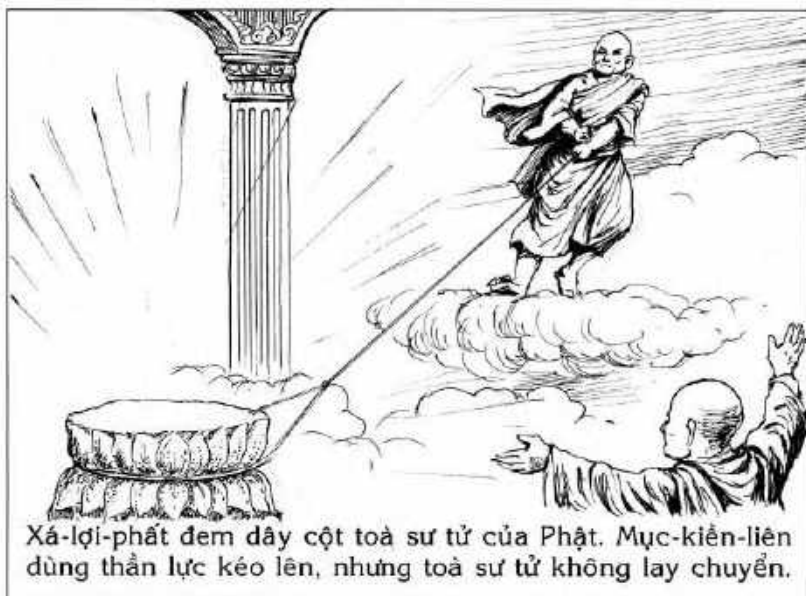




Xà-lợi-phát liền lấy dây quần nhiều vòng vào núi Tu Di.



Mục-kiền-liên bay lên cao, xách núi Tu Di nhẹ nhàng như một người phụ nữ xách viên gạch.

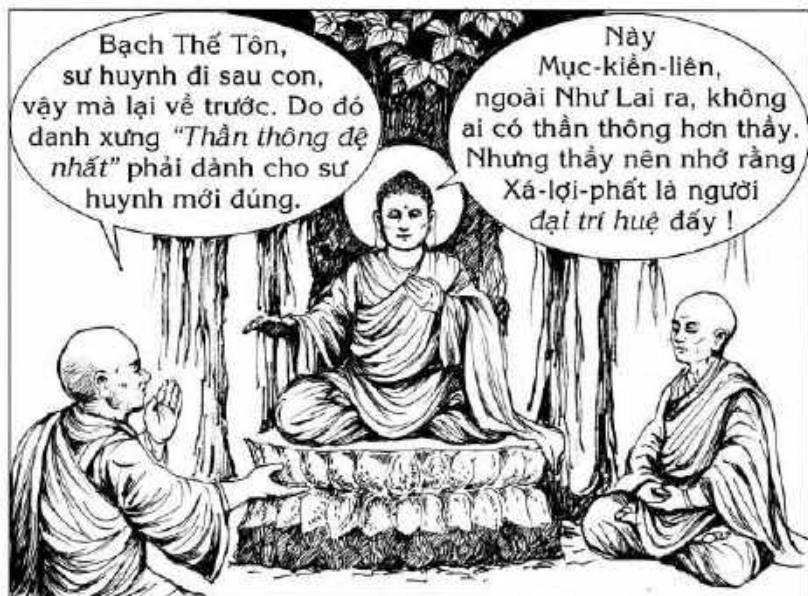




Mục-kiền-liên chào Xá-lợi-phất rồi bay nhanh về nơi Phật đang thuyết pháp.



Nhưng khi tôn giả tới nơi thì thấy Xá-lợi-phất đang ngồi bên cạnh Phật.



Nghe vậy, Mục-kiền-liên
rất mừng cho Xá-lợi-phất ;
trong khi đó, Xá-lợi-phất
không vui, hôm sau tìm
đến Phật, nói :

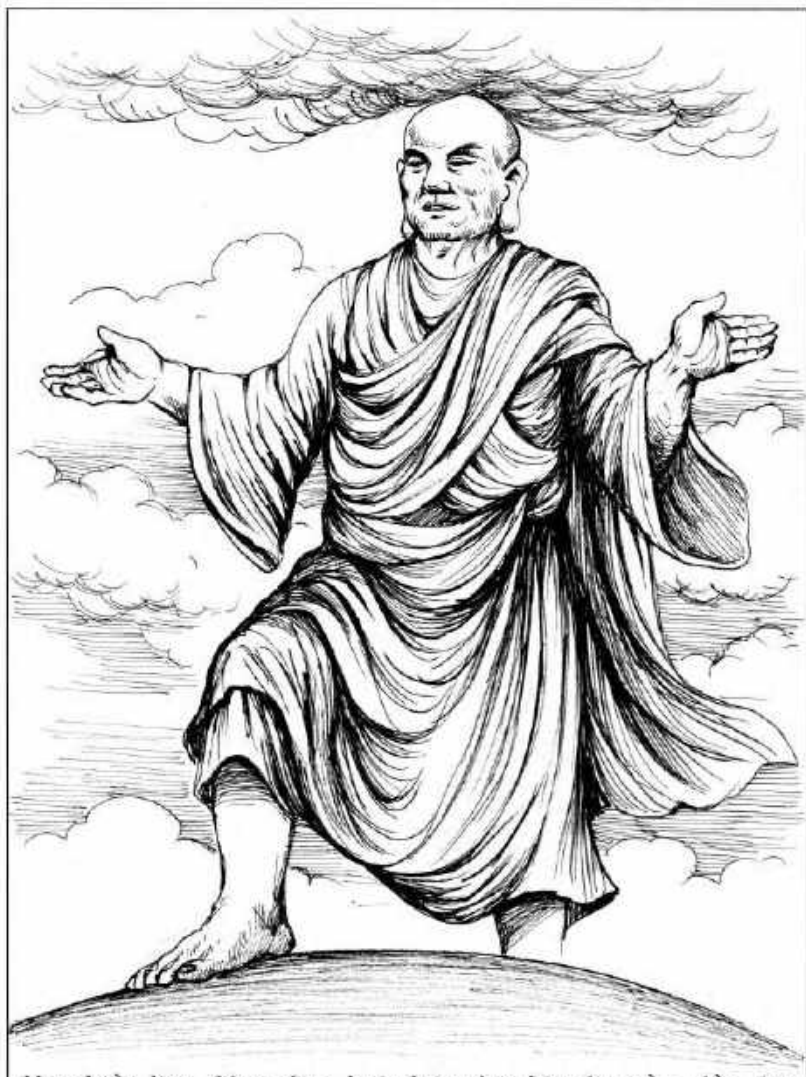
Bạch Thế Tôn,
đêm qua mọi người bàn
tán rằng "*Xá-lợi-phất có
thần thông hơn Mục-kiền-
liên*". Xin Thế Tôn giải
trừ lời phê bình bất
công đó.



Vài ngày sau, tại giảng
đường, Phật nói :

Này
Mục-kiền-liên,
hãy thể hiện thần thông
để cho hàng sơ học
phát tâm.





Mục-kiền-liên đứng dậy, hai chân đạp lên địa cầu, đầu đội cõi trời Phạm Thiên, dùng Phạm âm thuyết pháp...

Từ đó mọi người đều công nhận Mục-kiền-liên là **thần thông đệ nhất**.

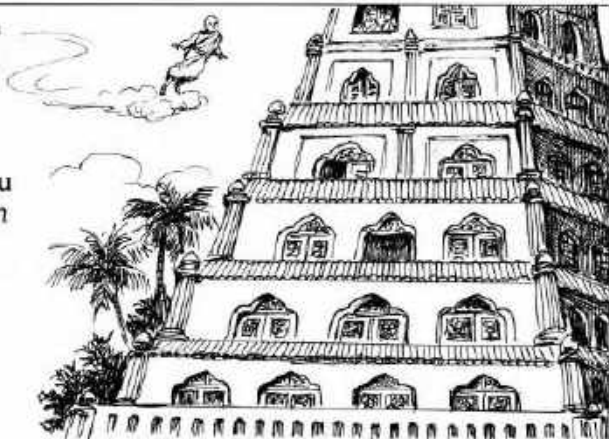
III. Mục-kiền-liên được phép sử dụng thần thông

Trong số các đệ tử của Phật, rất nhiều người có thần thông, nhưng Phật không cho họ sử dụng, ngoại trừ Mục-kiền-liên. Đối với vị này, Phật chẳng những không cấm mà còn bảo “trở tài”.



● 1. Một hôm, Phật nhìn khắp thế gian, thấy đã đến lúc cần phải độ cho một triệu phú keo kiệt ở thị trấn Sakkhara. Ngài bảo Mục-kiền-liên đến đó “đem” hai vợ chồng người ấy về Kỳ Viên.

Mục-kiền-liên bay ngay đến đó, biểu diễn thần thông trước mặt hai vợ chồng triệu phú : *đứng im trước cửa sổ của tầng thứ 7, đi qua đi lại, ngồi kiết già, phun khói, làm cho các*



*bánh chiên dính liền nhau...** Một lát sau, hai vợ chồng ông này theo Mục-kiền-liên về tinh xá Kỳ Viên, xin quy y.

* Xem Tiền Thân Đức Phật, số 78.

● 2. Có lần Thế Tôn và các tỷ kheo ngồi thiền tại Đông Viên Trùng Các ở Xá Vệ. Sau canh một, A-nan đến vái chào Phật, nói :

— Bạch Thế Tôn, đã sang canh hai, xin Thế Tôn đọc giới bốn cho các tỷ kheo.

Phật im lặng.

A-nan nhắc lại lời yêu cầu tới lần thứ 3. Phật nói :

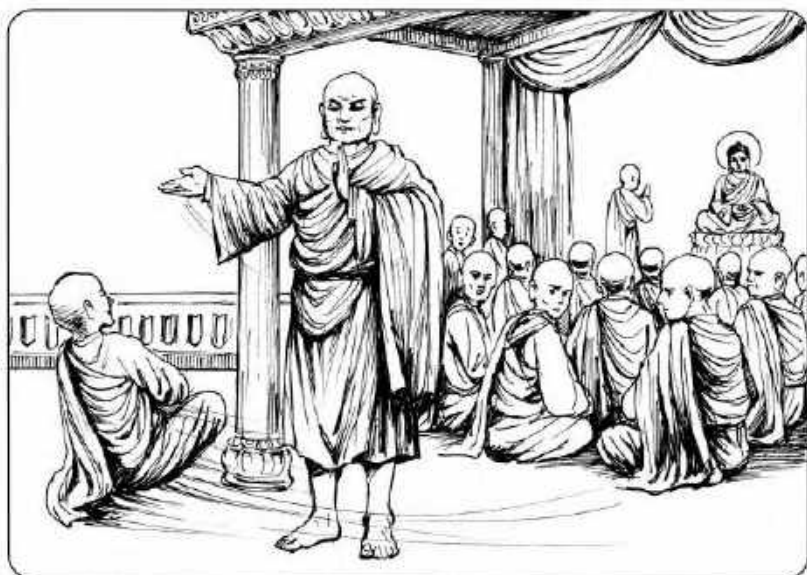
— Này A-nan, hiện giờ hội chúng không được thanh tịnh.

Mục-kiền-liên nghe vậy, dùng thần thông nhìn khắp các tỷ kheo đang hiện diện, thấy rõ một tỷ kheo có “nội tâm không sạch”, liền đến trước mặt người đó, nói :

— Này hiền giả, hiền giả hãy đi ra ngoài ! Thế Tôn không muốn hiền giả ngồi đây.

Sau khi nhắc lại câu nói này tới lần thứ 3 mà tỷ kheo bất tịnh vẫn ngồi yên, Mục-kiền-liên bèn dùng thần thông nhắc bổng vị đó lên, đem ra ngoài, rồi vào đóng cửa phòng lại. Phật nói :

— Này các tỷ kheo, bắt đầu từ nay, Như Lai không đọc giới bốn trong một hội chúng không thanh tịnh.

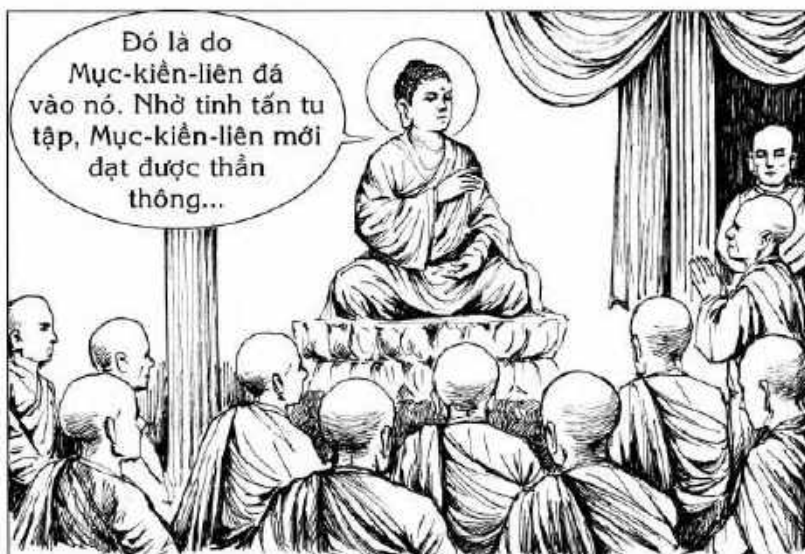


● 3. Cũng tại Đông Viên Trùng Các, có lần Phật nói :
— Nay Mục-kiền-liên, các tỷ kheo ngụ ở dưới lầu ồn ào quá. Hãy làm cho họ bớt lời.

Mục-kiền-liên bay lên, lấy chân khổng lồ của mình đá vào lầu dài, khiến nó rung rinh. Các tỷ kheo khiếp đảm, không biết vì sao có chuyện này.



Đó là do
Mục-kiền-liên đá
vào nó. Nhờ tinh tấn tu
tập, Mục-kiền-liên mới
đạt được thần
thông...



Từ đó các tỷ kheo siêng năng tu hành, không lảm lời nữa.

● 4. Sau khi triệu phú Cấp Cô Độc nêu ý kiến rằng những lúc Thế Tôn đi du hoá, tình xá Kỳ Viên không được cúng dường và ở đây cũng không có nơi nào khác để cho các Phật tử dâng hoa, Phật dạy : “*Nên trồng một cây Bồ đề*”.



A-nan nhờ Mục-kiền-liên đi tìm hạt giống. Mục-kiền-liên dùng thần thông bay thẳng đến đất Uruvela của nước Ma-kiệt-đà cách đó nhiều trăm cây số... vừa kịp hứng lấy một trái Bồ đề đang rụng.

● 5. Thuở đó, các ngoại đạo cũng có thần thông, nhưng họ không tin Phật pháp. Một hôm, Phật nói :

— Này Mục-kiền-liên, hãy ra biên giới vận dụng thần thông làm cho vua quan nơi đó bỏ tà, theo chánh.

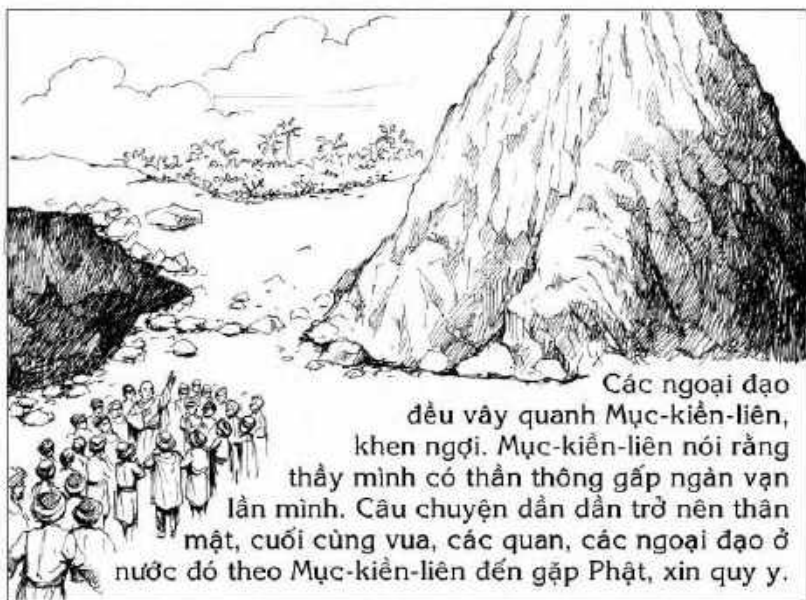
Mục-kiền-liên bay trong không gian tới nơi, nhìn thấy các ngoại đạo đứng đầy nghệt quanh ngọn núi.





Thấy họ cứ hì hục mãi mà không có kết quả, Mục-kiền-liên nói lớn :

Các vị
hãy xem đây !
Ngọn núi sẽ được
đời đi nơi
khác.



Các ngoại đạo
đều vây quanh Mục-kiền-liên,
khen ngợi. Mục-kiền-liên nói rằng
thầy mình có thần thông gấp ngàn vạn
lần mình. Câu chuyện dần dần trở nên thân
mật, cuối cùng vua, các quan, các ngoại đạo ở
nước đó theo Mục-kiền-liên đến gặp Phật, xin quy y.

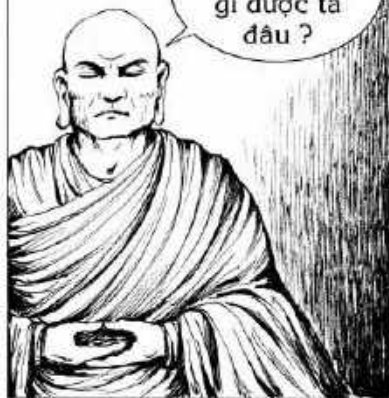
● **6.** Năm 578 trước Tây lịch, ở Xá Vệ có nạn đói nên Phật và các tỷ kheo gặp khó khăn khi đi khất thực : có nhiều ngày họ phải về với tay không. Bấy giờ Mục-kiền-liên xin Phật cho phép mình dùng thần thông để giải quyết nạn đói.

Phật không đồng ý.*



● **7.** Ngày kia trên đường đi hoang hoá, Mục-kiền-liên bị một con quỷ dùng thần thông chui vào người. Tôn giả bị đau bụng, liền quay về thất, ngồi tham thiền.

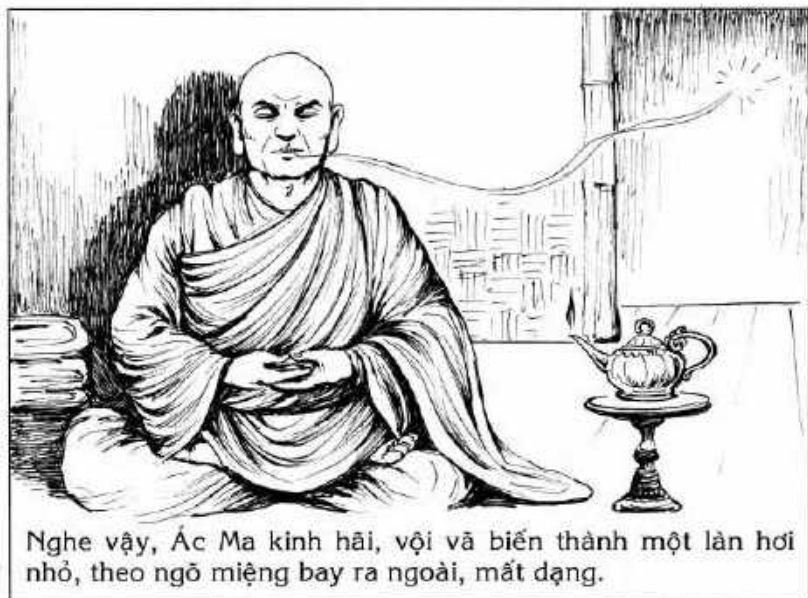
Ác Ma !
Mì không làm
gì được ta
đâu ?



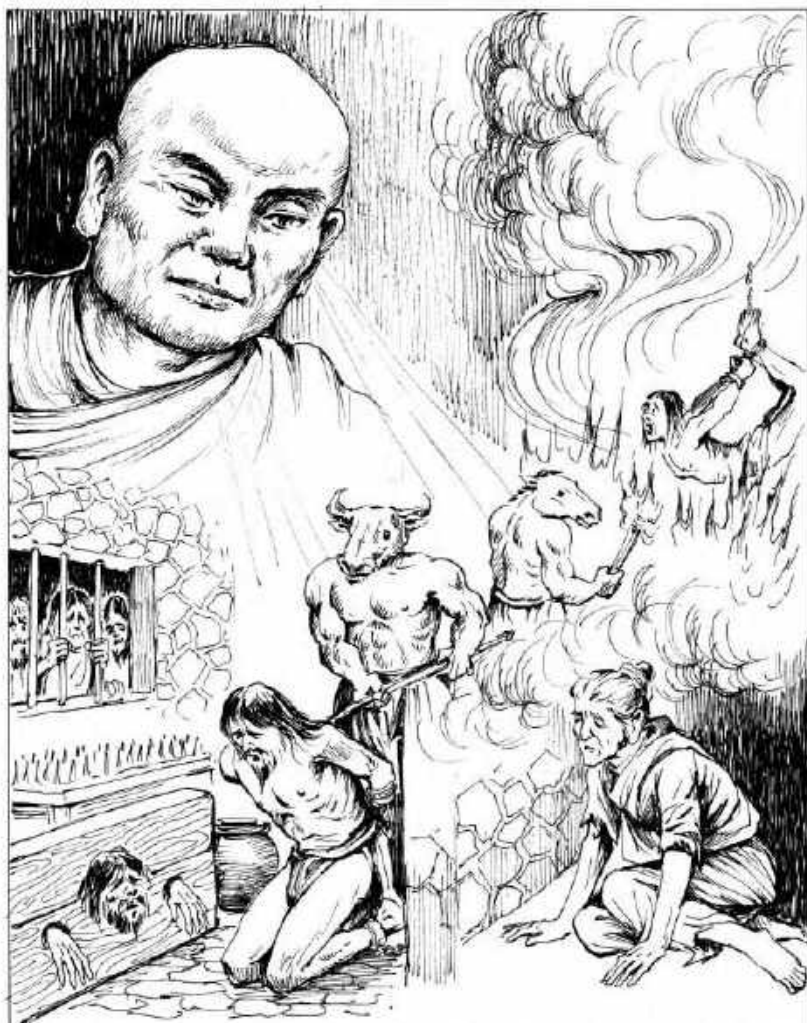
Hay thật !
Ông ta đã biết đến
mình ! Nhưng làm sao
ông ta biết mình
đang ở đâu ?



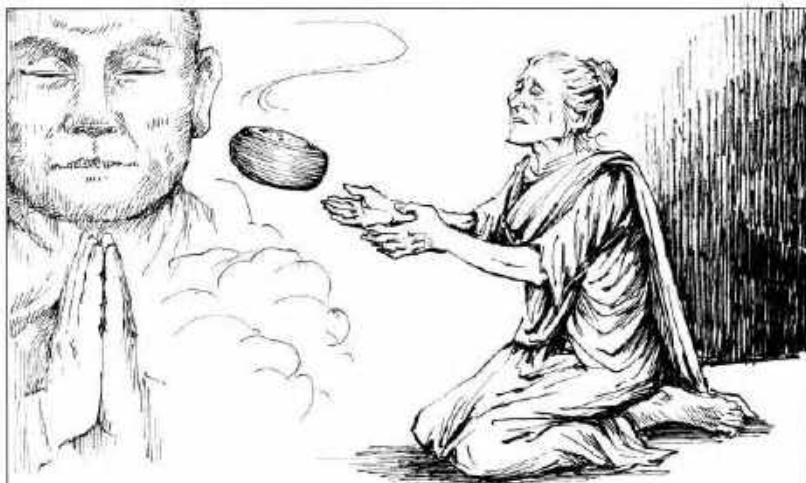
* Xem A-nan.



IV. Mục-kiền-liên và lễ Vu lan



Trong lúc dùng thiên nhãn nhìn vào địa ngục xem các loài quý thọ phạt, Mục-kiền-liên bỗng nhớ tới mẹ, liền đưa mắt tìm kiếm thì thấy thân mẫu ốm như một bộ xương.



Tôn giả dùng thần thông đưa một bình bát đầy cơm đến cho mẹ.



Nhưng khi bà vừa định ăn thì cơm biến thành than đỏ rực. Tôn giả rơi lệ, đến than thở với Phật.

Phật nói :

— Nay Mục-kiền-liên, tấm lòng hiếu thảo của thầy rất đáng khen, nhưng lúc còn sanh tiền, mẹ thầy không sợ luật nhân quả. Tham, sân, si đều có đủ ; lại còn dối gạt nhiều người.

Tội ấy không thể dùng sức của một cá nhân mà cứu được. Thầy hãy nương oai thần của nhiều vị tăng mà giúp mẹ : Vào ngày rằm tháng 7 – cũng là ngày lễ tự tử của chư tăng – thầy hãy tổ chức một buổi lễ để chư tăng chú nguyện, hộ niệm cho cứu huyền thất tổ và mẹ thầy.

Mục-kiền-liên làm theo lời Phật dạy. Ngày rằm tháng 7 năm đó, thân mẫu của Mục-kiền-liên thoát nạn.



Mục-kiền-liên cảm kích ân Phật, khuyến khích người thế gian hàng năm tổ chức lễ Vu lan, báo hiếu với cha mẹ.

V. Muốn nghe tiếng nói của Phật từ xa

Lúc đó Phật ở tinh xá Kỳ Viên, trong thành Xá Vệ của nước Kosala, còn Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất thì ở vườn Trúc Lâm trong thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà. Hai thủ đồ này cách nhau hơn vài trăm cây số theo đường chim bay.

Một sáng kia, Xá-lợi-phất đến thăm Mục-kiền-liên, hỏi :

— Này huynh, hôm nay sắc mặt của huynh rất tươi sáng. Có việc gì vậy ?

— Đêm qua, tiểu đệ đã nói chuyện với Thế Tôn.

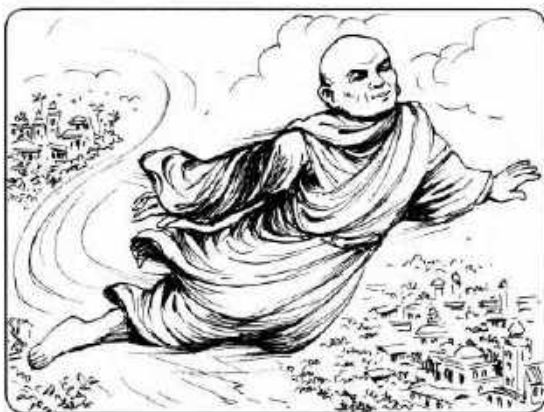
— Thế Tôn đến với huynh hay huynh đến với Thế Tôn ?

— Không ai đến với ai cả. Thế Tôn nói chuyện cùng tiểu đệ, nhìn nhau bằng thiên lý nhĩ và thiên lý nhân.

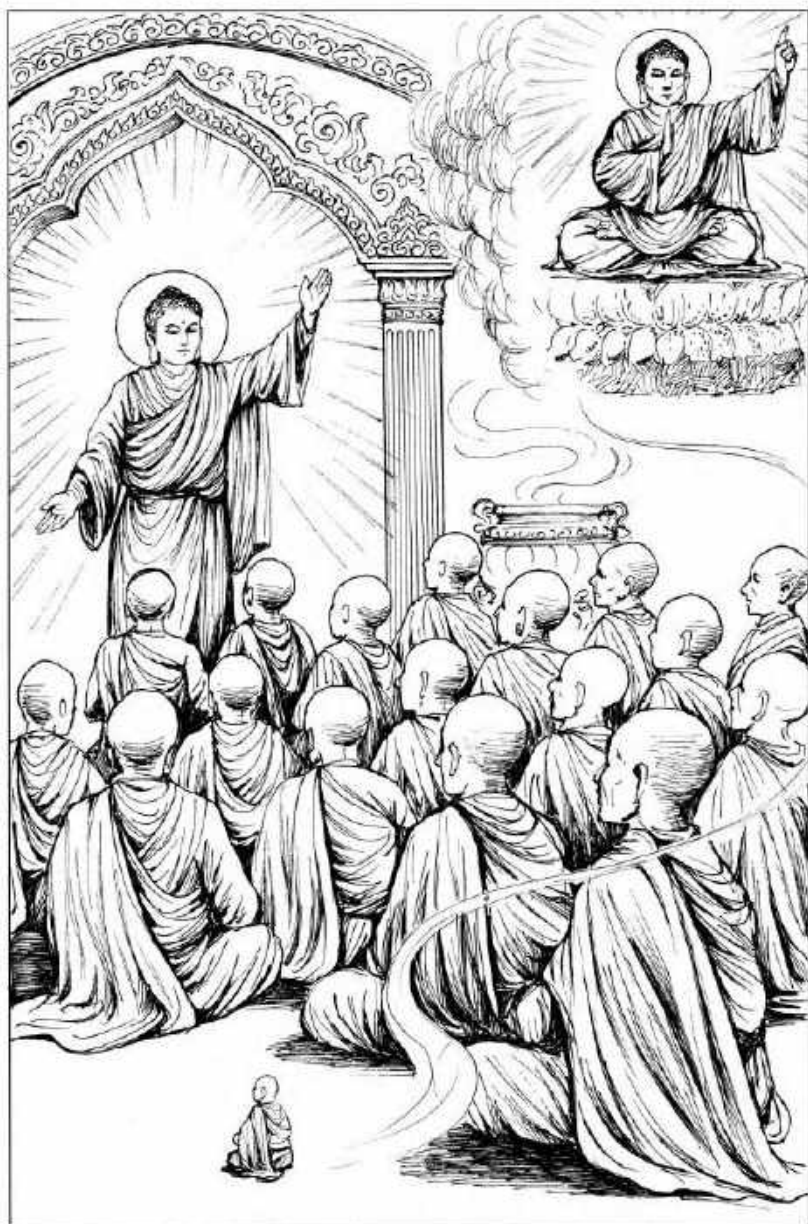
Xá-lợi-phất chúc mừng người bạn đạo của mình đã tiến bộ cực kỳ nhanh.



Một ngày kia, Mục-kiền-liên muốn đi xa hơn nữa để xem thiên lý nhĩ của mình còn nghe được tiếng nói của Phật không ? Tôn giả bay qua mười ức cõi Phật, đến quốc độ của Phật Thế Tự Tại Vương. Khi đó vị Phật này đang



thuyết pháp, Mục-kiền-liên nhanh chân tìm chỗ ngồi trong pháp hội. Lạ thay ! Mục-kiền-liên nghe rõ âm thanh của Phật Tự Tại và của cả Phật Thích Ca từ cõi Ta Bà nữa.



Sau khi Đức Thế TỰ Tại Vương thuyết pháp xong, một vị Bồ Tát hướng về phía Ngài đánh lễ rồi nói :

Bạch Như Lai,
trong khi Ngài thuyết
pháp, có một người nhỏ
xấu đã vào đây.

Đó là
Mục-kiền-liên,
đệ tử của Phật Thích Ca
ở cõi Ta Bà, là người
có thần thông
rất lớn.

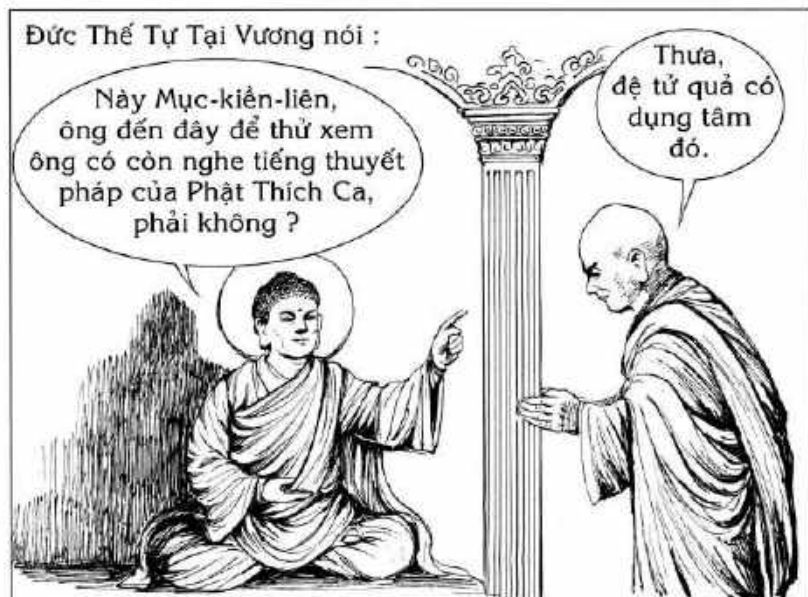


Này
Mục-kiền-liên,
ông hãy sử dụng thần
thông để cho các Bồ
Tát ở đây không
còn nghi ngờ
ông.

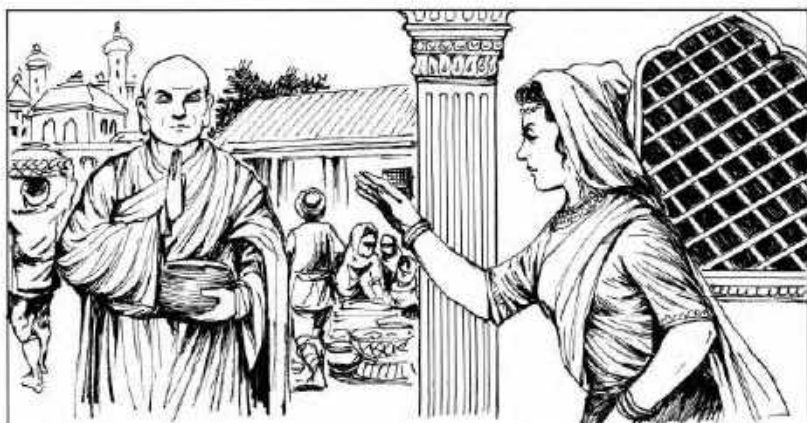


Mục-kiền-liên hoá hiện
mình to lớn ngang bằng
với các vị Bồ Tát và thực
hiện nhiều chuyện thần
thông khác.





VI. Mục-kiền-liên và Liên Hoa Sắc



Ngày kia khi đi ngang qua thành phố, Đại đức Mục-kiền-liên bị một phụ nữ ăn mặc sang trọng chặn đường, mời gọi. Đó là Uppalavanna, có biệt danh là Liên Hoa Sắc.*

Mục-kiền-liên nhìn kỹ Liên Hoa Sắc, nói :

Cô rất xinh đẹp, nhưng trong lòng có nhiều nỗi buồn phiền và oán hận. Nghiệp chướng của cô nặng lắm. Hãy thức tỉnh đi !

Đại đức nói đúng, nhưng tôi không có cách nào khác.



* Do nàng đẹp như một đóa hoa sen.



Chờ cơn xúc động đi qua, Liên Hoa Sắc nhỏ nhẹ kể :

— “Thưa Đại đức, con tên là Uppalavanna, con của một triệu phú, lấy chồng lúc 16 tuổi. Sau khi con sanh đứa con gái thì cha chồng con chết. Mẹ chồng còn trẻ, đã ăn nằm với chồng con, con buồn bã rời khỏi nhà với hai bàn tay trắng, bỏ luôn đứa con gái cho nhà chồng nuôi.

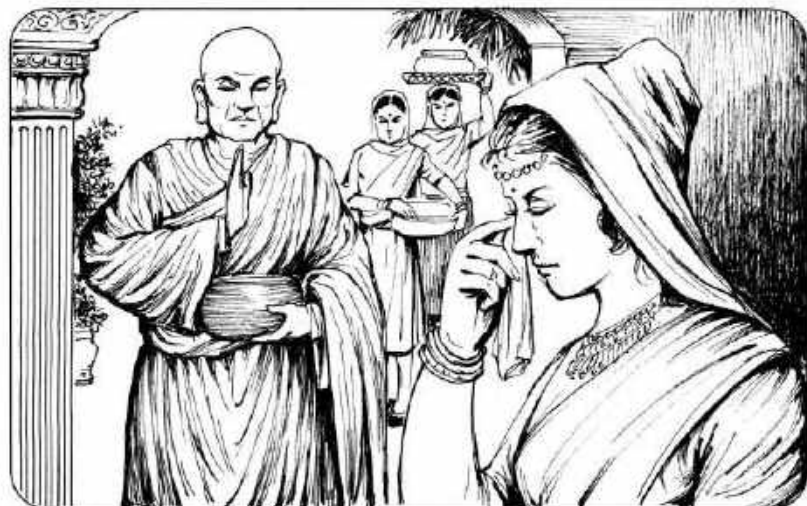
Mấy năm sau, con tái giá với một thương gia giàu có. Nhiều năm nữa lại trôi qua. Lúc đó có tiếng đồn rằng chồng thứ nhì của con có mua một nàng hầu xinh đẹp và cả hai đang sống tại một căn nhà ở ngoại ô. Con tìm đến đó để biết hư thật thì... hỡi ôi ! Nàng hầu đó, chính là con gái của con.

Chán nản cùng cực, con quyết định theo nghề vũ nữ để vừa kiếm tiền vừa trả thù đàn ông, kể cả những người tu hành. Và hôm nay con gặp Đại đức”.

Liên Hoa Sắc ngưng nói, lấy khăn lau những dòng lệ đang tuôn trào.

*
* *

Sau đó, nghe theo lời khuyên của Mục-kiền-liên, Liên Hoa Sắc về tinh xá Kỳ Viên gặp Phật, xin xuất gia. Bốn năm sau, Liên Hoa Sắc là một ni sư gương mẫu và là người có *thần thông đệ nhất bên phái nữ*.



VII. Trả hết mọi nghiệp xưa

Sau khi giáo chủ phái Loã thể mệnh chung, các đệ tử của vị này xem xét lại giáo hội của mình, thấy số tín đồ bị sút giảm nghiêm trọng.

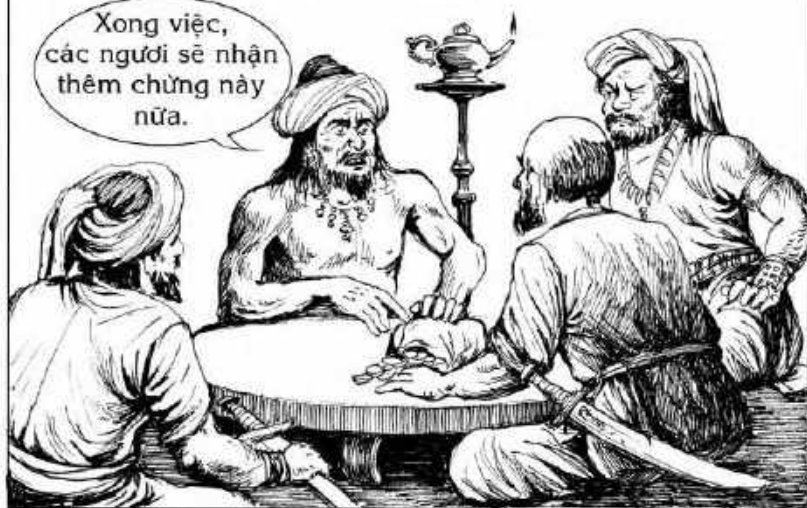
Mục-kiền-liên rêu rao rằng khi lên thiên giới giảng pháp, ông ta gặp toàn tín đồ của sa môn Gotama, còn các tín đồ đạo khác thì tái sinh ở cõi thấp.

Chính những lời tầm bậy đó đã khiến ta mất nhiều đệ tử.



Các ngoại đạo Loã thể bèn đi gặp một số tay “đâm thuê chém mướn”, nhờ họ giết Mục-kiền-liên.

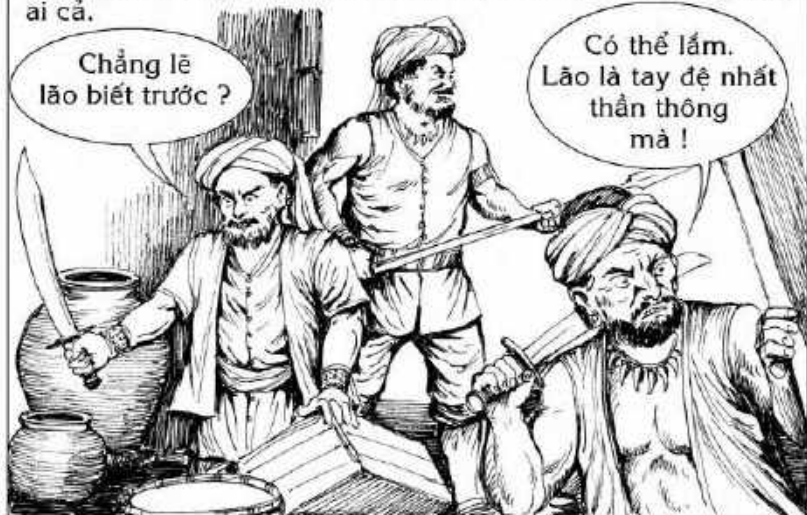
Xong việc,
các người sẽ nhận
thêm chừng này
nữa.

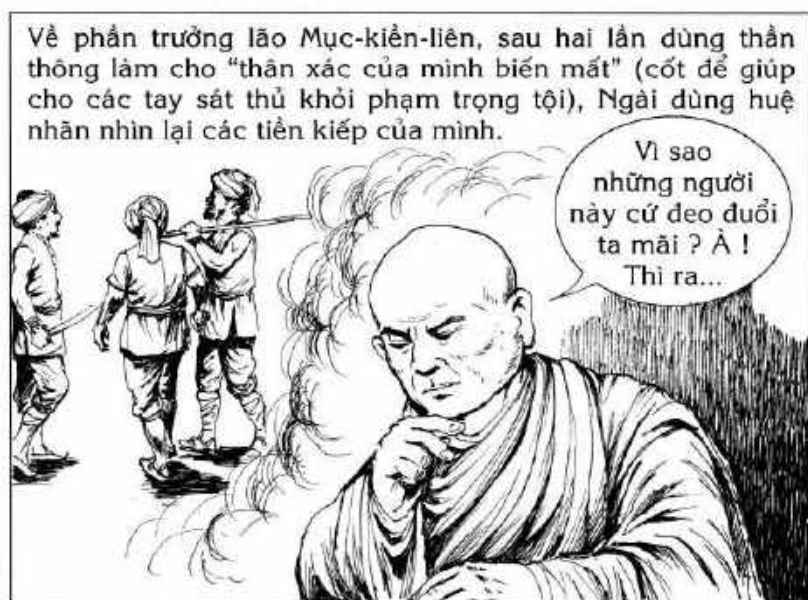


Khi đến tịnh thất của trưởng lão Mục-kiền-liên tại một khu rừng gần biên giới nước Ma-kiệt-đà, bốn sát thủ không gặp ai cả.

Chẳng lẽ
lão biết trước ?

Có thể lắm.
Lão là tay đệ nhất
thần thông
mà !



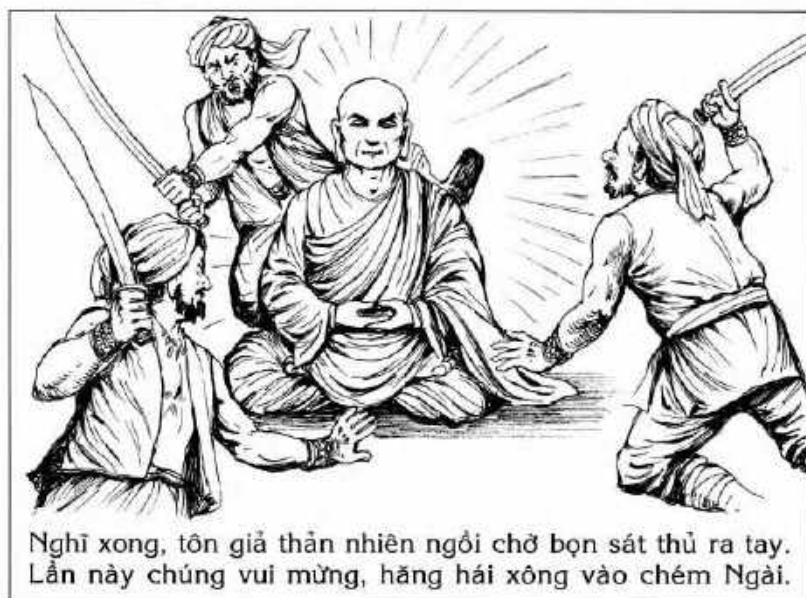
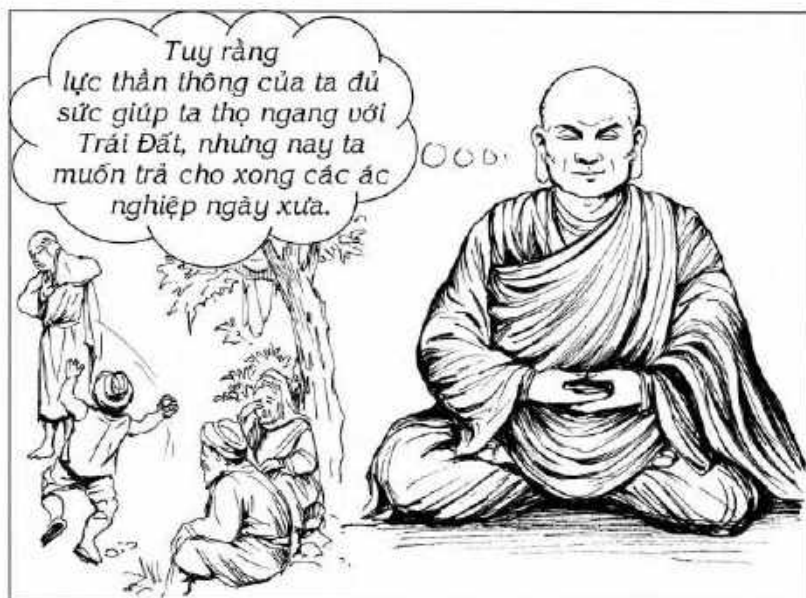




Tôn giả thấy trong một kiếp quá khứ xa xưa, Ngài làm một Ma Vương, có lần biến thành đứa bé, lấy đá ném vào đầu một nhà sư đến chảy máu.



Và trong một kiếp khác, Ngài làm một người đàn ông nhu nhược, nghe lời vợ, đem cha mẹ già đang bệnh bỏ vào một cánh rừng hoang...





Rồi vì khiếp sợ sức thần thông của Ngài, chúng băm xác Ngài thành nhiều mảnh nhỏ và đem bỏ tại nhiều chỗ khác nhau.



Sau khi bọn sát thủ đi xa, Mục-kiền-liên dùng thần thông gom các mảnh vụn của thân thể mình lại, trở thành người lành lặn rồi đến gặp Thế Tôn lúc ấy đang ở Xá Vệ.

Bạch Thế Tôn,
hôm nay con đến đây
xin phép Thế Tôn cho
con nhập Niết bàn

Này
Mục-kiền-liên,
con định nhập Niết
bàn ở đâu ?

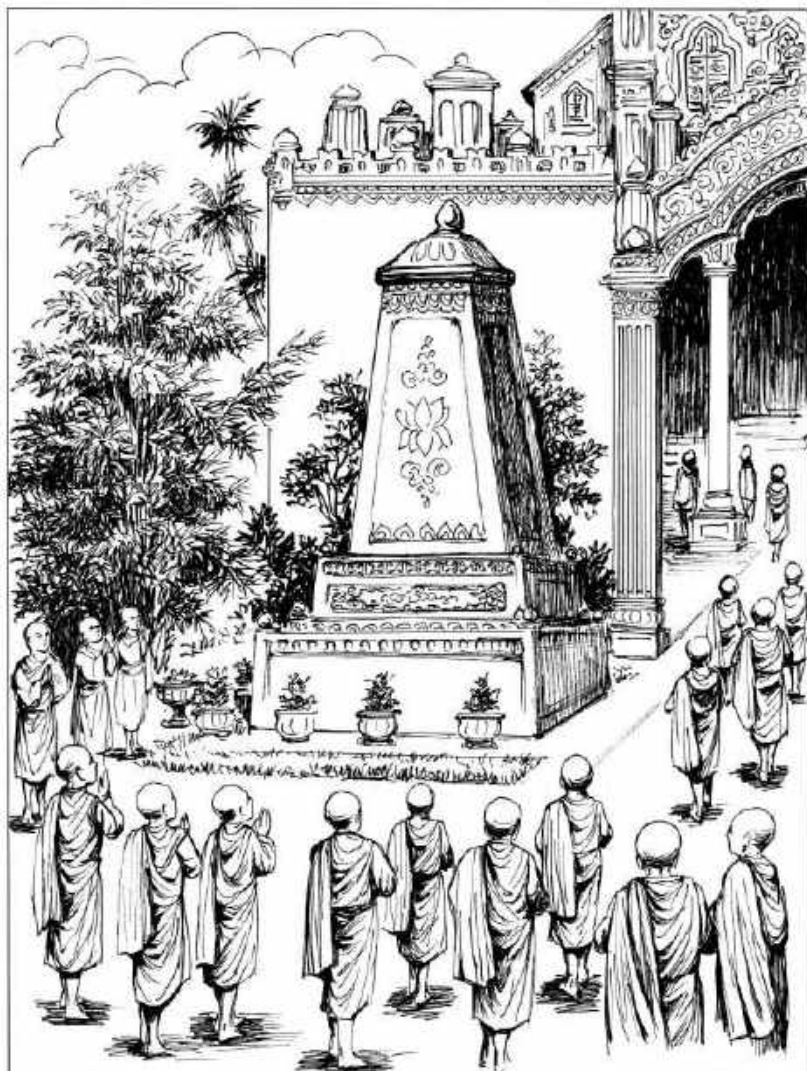


Con trở
về nơi con
bị giết.

Thưa vâng,
bạch Thế Tôn.

Này
Mục-kiền-liên,
hãy thuyết pháp lần
chót cho các tỷ kheo
nghe đi !





Sau khi thuyết pháp xong, trưởng lão Mục-kiền-liên đánh lễ Thế Tôn rồi trở về nước Ma-kiệt-đà...

Sau lễ hỏa táng, xá lợi của Ngài được lập tháp thờ gần cửa tịnh xá Kỳ Viên.

PHÚ - LÂU - NA

(Thuyết pháp đệ nhất)



Phú-lâu-na
[Thuyết pháp đệ nhất.]

I. Phú-lâu-na được Phật thọ ký



Phú-lâu-na sanh trong một gia đình giàu có ở Ấn-Độ, được cha mẹ thương yêu, nhưng ngài sớm biết rằng đến một lúc nào đó, mọi vật chất trên đời đều bị huỷ hoại.



Vì vậy khi lớn lên, ngài quy y Phật và đắc quả A-la-hán.



Một hôm trong pháp đường, Đức Phật giảng về *bốn sự nhân duyên tức thể*. Phú-lâu-na nghe xong, rất cảm động, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang áo cà sa,...



... rồi đi tới trước mặt Phật, dâng lễ sát đất.

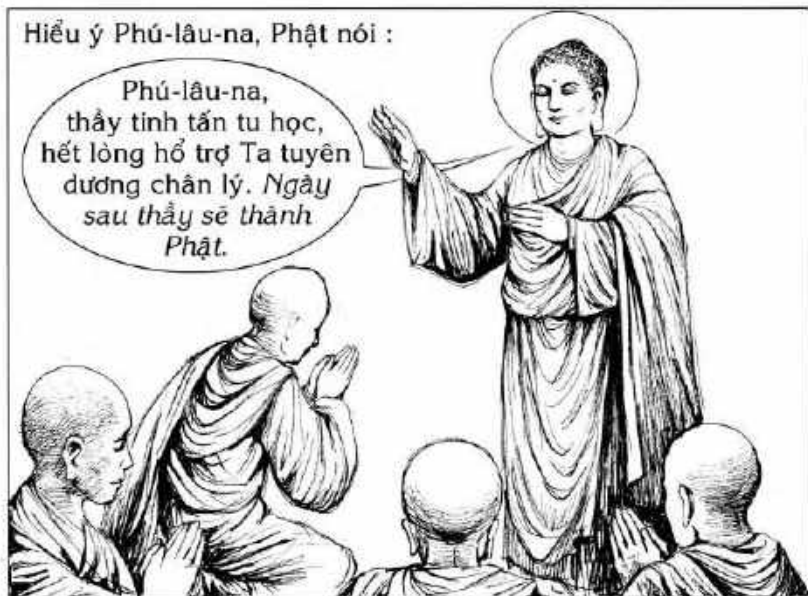
Bốn sự : Chuyện của bản thân mình ★ **Tức thể** : Kiếp quá khứ ★ **Bốn sự nhân duyên tức thể** : Các nhân duyên ở đời trước của mỗi người.



Tôn giả không dùng lời để phát biểu mà vỗ hai tay vào ngực của mình.

Hiếu ý Phú-lâu-na, Phật nói :

Phú-lâu-na,
thầy tinh tấn tu học,
hết lòng hỗ trợ Ta tuyên
dương chân lý. *Ngày
sau thầy sẽ thành
Phật.*





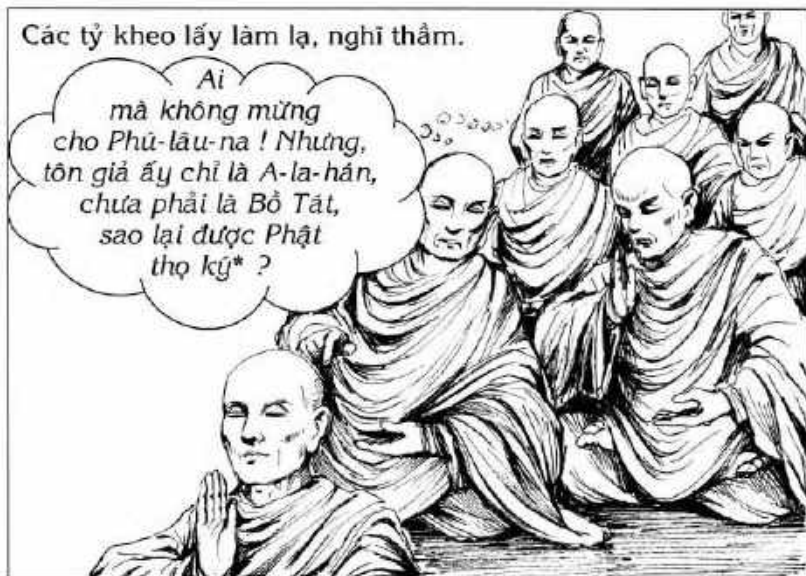
Phú-lâu-na cung kính đánh lễ Phật rồi đi nhiễu bên hữu 3 vòng...



... và trở về chỗ ngồi, rời lệt.

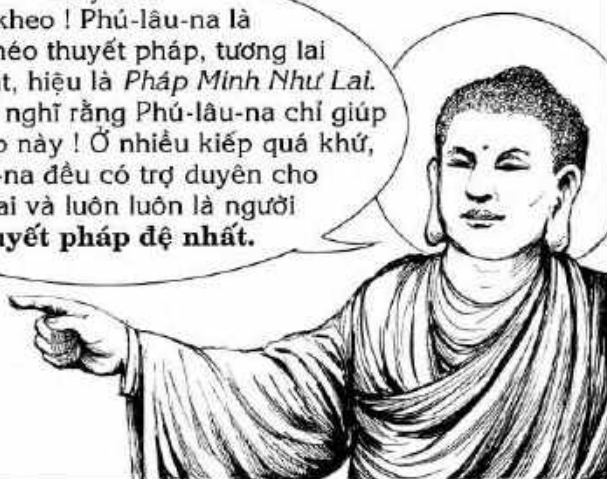
Các tỷ kheo lấy làm lạ, nghĩ thầm.

Ai
mà không mừng
cho Phú-lâu-na ! Nhưng,
tôn giả ấy chỉ là A-la-hán,
chưa phải là Bồ Tát,
sao lại được Phật
thọ ký* ?



Để giải đáp các thắc mắc ấy, Phật nói tiếp :

Này các
tỷ kheo ! Phú-lâu-na là
người khéo thuyết pháp, tương lai
sẽ thành Phật, hiệu là *Pháp Minh Như Lai*.
Các thầy chớ nghĩ rằng Phú-lâu-na chỉ giúp
Ta trong kiếp này ! Ở nhiều kiếp quá khứ,
Phú-lâu-na đều có trợ duyên cho
Như Lai và luôn luôn là người
thuyết pháp đệ nhất.



* Thọ ký : Dự ghi, dự báo những điều sẽ được nhận thấy trong tương lai.

II. Vị tỷ kheo ưa nói thẳng

Phú-lâu-na không ưa những người mặc áo cà sa, xưng là đệ tử Phật nhưng làm việc gì cũng vì mình, chớ không vì Phật pháp. Ngài thường nói thẳng với họ những gì ngài suy nghĩ.



Các vị không nên làm những việc trái với lời dạy của Thế Tôn ! Không nên khuyên người khác bỏ thí mà mình lại ưa cất giữ tiền bạc ; giảng rằng ngũ dục là có hại mà mình lại đắm chìm trong ngũ dục. Thế Tôn từng dạy ai có lỗi mà biết sửa lỗi, thì đó là người đại thiện. Tôi và các vị cùng học một thầy, vì lòng mong muốn Phật pháp được hưng thịnh, tôi mới có những lời này. Hy vọng rằng từ nay về sau, chúng ta đừng mãnh phát tâm tu học.



Những lời trung thực của tôn giả đã làm cho các tỷ kheo cảm động...

Hôm đó Phú-lâu-na đi ngang qua một vùng rừng núi, nơi có một số tỷ kheo đang ẩn cư, bèn đến hỏi thăm :

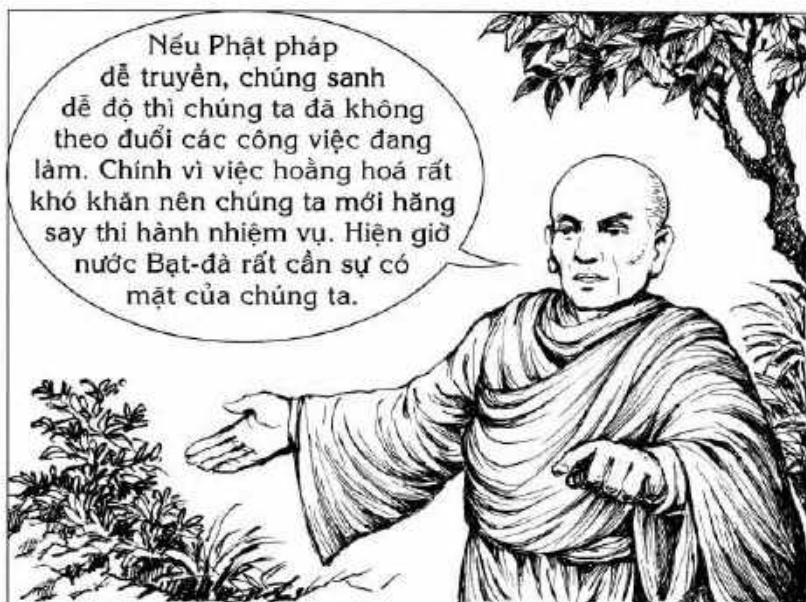
Các vị
vâng lời Phật đi
giáo hoá, sao không
vào xóm làng mà
độ chúng sanh ?



Thưa tôn giả,
chúng tôi đã đi rồi,
nhưng dân ở đây không
nghe theo. Hãy để cho họ
khổ sở hết mức rồi họ
sẽ tự quay lại.

Sao
lại nghĩ như
vậy ?





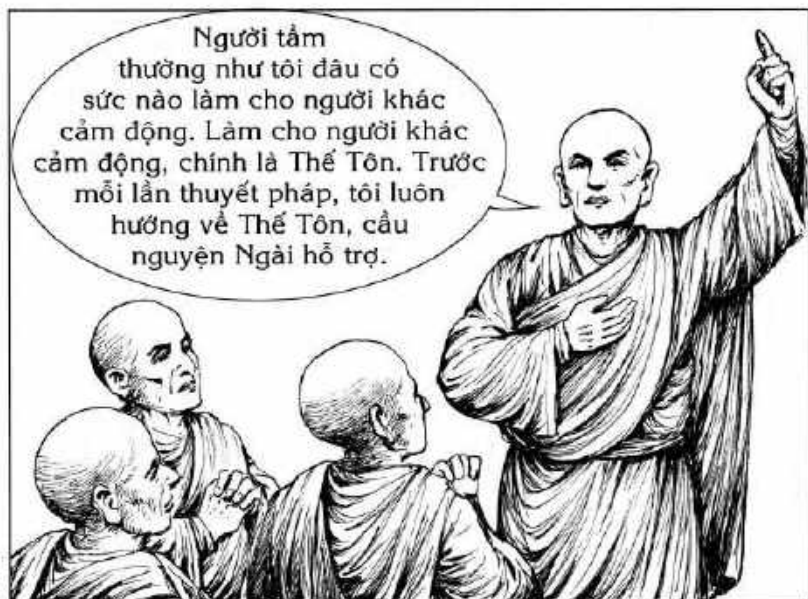
Các tỷ kheo ẩn cư xúc động trước những lời chí tình của Phú-lâu-na, liền cùng đi với tôn giả...

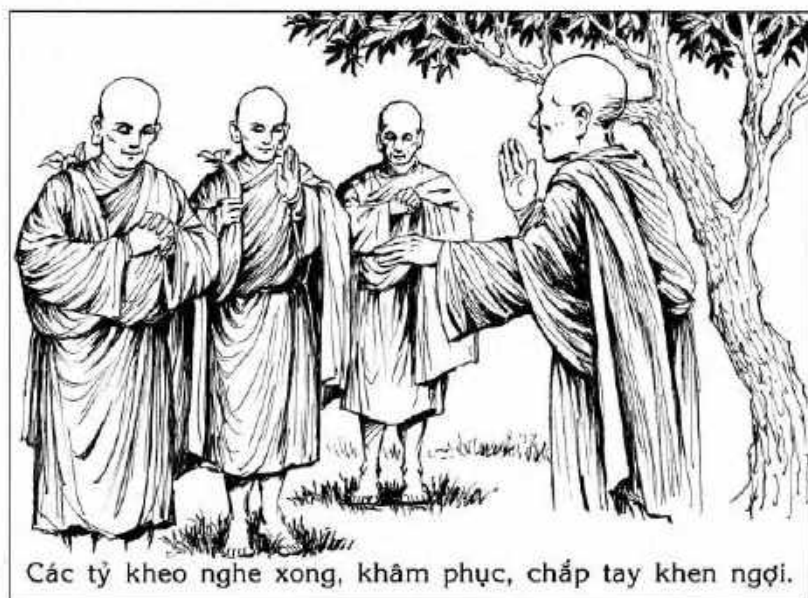
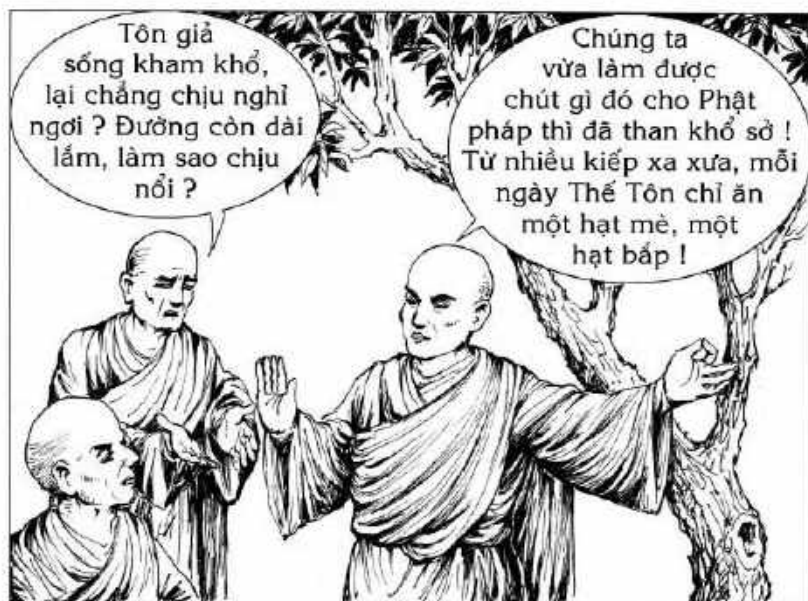
Ngày nọ, một tỷ kheo hỏi Phú-lâu-na :

Tôn giả đến
nơi nào thì ở đó cỏ
rậm, rừng hoang biến thành
thánh địa ; người cứng đầu, cứng
cổ trở thành thiện nhân. Ngoài Thế
Tôn ra, **không ai thuyết pháp
thành công như tôn giả.**
Ngài làm sao được
như vậy ?

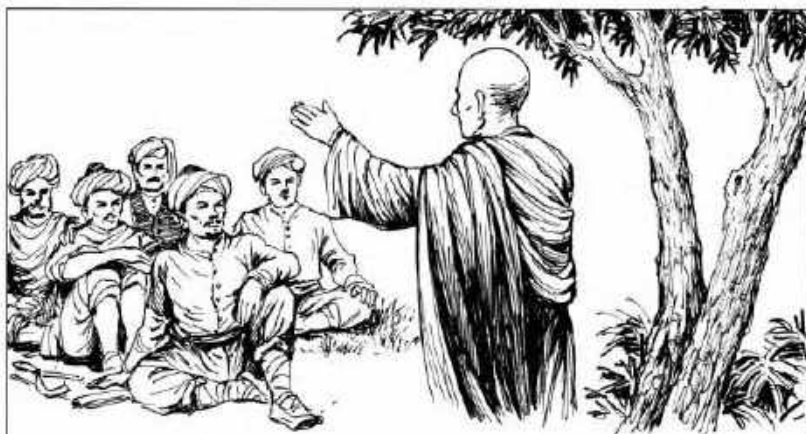


Người tâm
thường như tôi đâu có
sức nào làm cho người khác
cảm động. Làm cho người khác
cảm động, chính là Thế Tôn. Trước
mỗi lần thuyết pháp, tôi luôn
hướng về Thế Tôn, cầu
nguyện Ngài hỗ trợ.





III. Nơi đâu cũng là quê hương



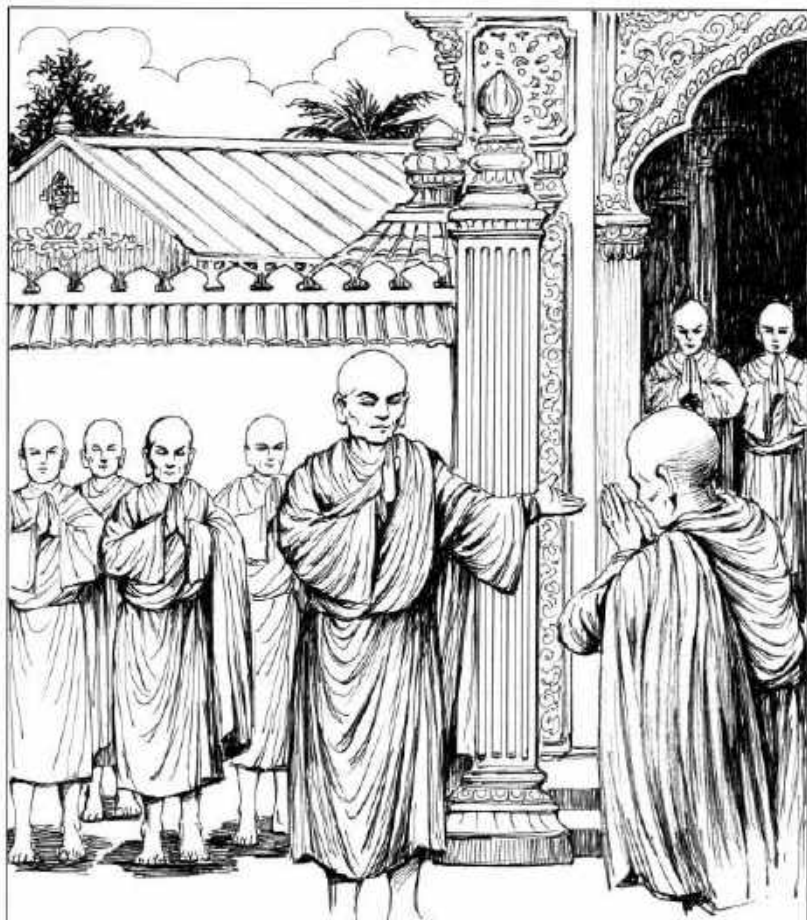
Phú-lâu-na không trú cố định tại một nơi mà phiêu bạt như cánh chim. Ban ngày ngài ở đại lộ, đường núi, tùy duyên mà thuyết pháp...



Chiều đến, ngài toạ thiền bên cội cây, bờ suối.



Ngài xem nơi nào cũng là quê hương của mình. Đôi khi vì muốn Phật pháp có mặt lâu dài, ngài vận động dân chúng xây tinh xá, giảng đường.



Nhưng sau khi xây cất xong, ngài thành một vị tỷ kheo tài đức đến đó trụ trì, còn mình thì lại như áng mây. Ngài chưa từng xem một tinh xá hay một giảng đường nào là tài sản của riêng mình.

Ngài thường phát biểu : **“Nói pháp là để cho chúng sanh nghe, chứ không phải để cho mình nghe.**

Vì vậy, bằng những lời rõ ràng, ngài giảng rất dễ hiểu, các thánh giả tiếp thu nhanh. *Gặp hạng người nào nên nói pháp nào là sở trường của Phú-lâu-na.*

● Trước một thầy thuốc, tôn giả nói :

— Quý thầy trị lành những bệnh về thân nhưng các bệnh THAM, SÂN, SI ở trong lòng người, quý thầy trị như thế nào ?

— Thưa tôn giả, chúng tôi không trị được các loại bệnh đó. Ngài có cách nào không ? — Các thầy thuốc hỏi lại.

— Có. Giáo pháp của Thế Tôn như nước cam lồ, đủ sức rửa sạch mọi cấu uế trong lòng người, trị dứt các bệnh Tham, Sân, Si.



● Khi gặp các quan chức, tôn giả hỏi :

— Các ngài trị tội những kẻ phạm pháp, nhưng có cách nào trị tội những người vô tội không ?

— Thưa tôn giả, không ai có thể bắt tội những người vô tội.

— Ngoài việc tôn trọng luật pháp, chư vị và dân chúng cũng nên phụng hành Phật pháp, vì nếu mọi người giữ được 5 giới cấm và 10 điều thiện thì đâu còn ai phạm lỗi. Khi đó công việc của chư vị rất nhàn



● Gặp các nhà nông, tôn giả nói :

— Trồng ruộng lúa là để nuôi thân, còn trồng ruộng phước là để nuôi huệ mạng.

— Thưa tôn giả, làm sao trồng được ruộng phước ?

— Tín Phật, phụng sự tam bảo, cung kính các sa môn, chăm sóc người bệnh, nhiệt tâm đối với các việc từ thiện, hiếu thảo với cha mẹ và hoà thuận với xóm làng... là những cách trồng ruộng phước.

Sau buổi đó, các nông dân đều làm theo lời tôn giả.



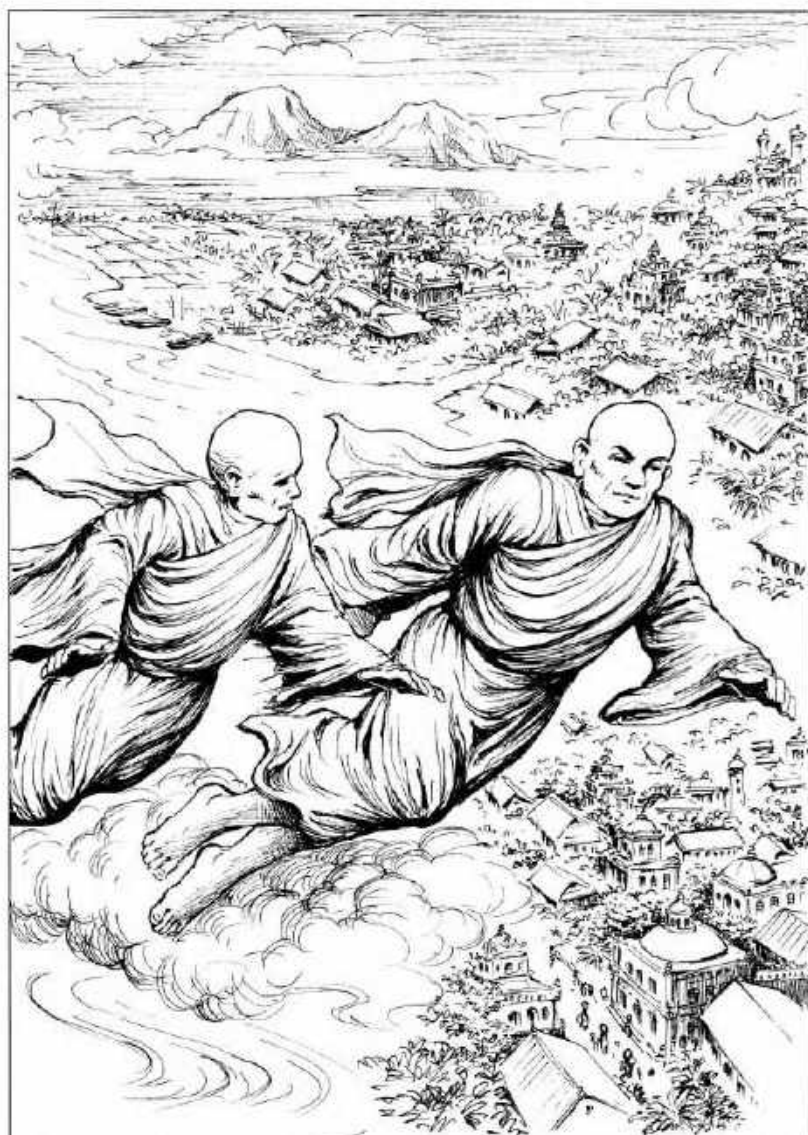
IV. Thuyết pháp cho vua Tân-bà-sa



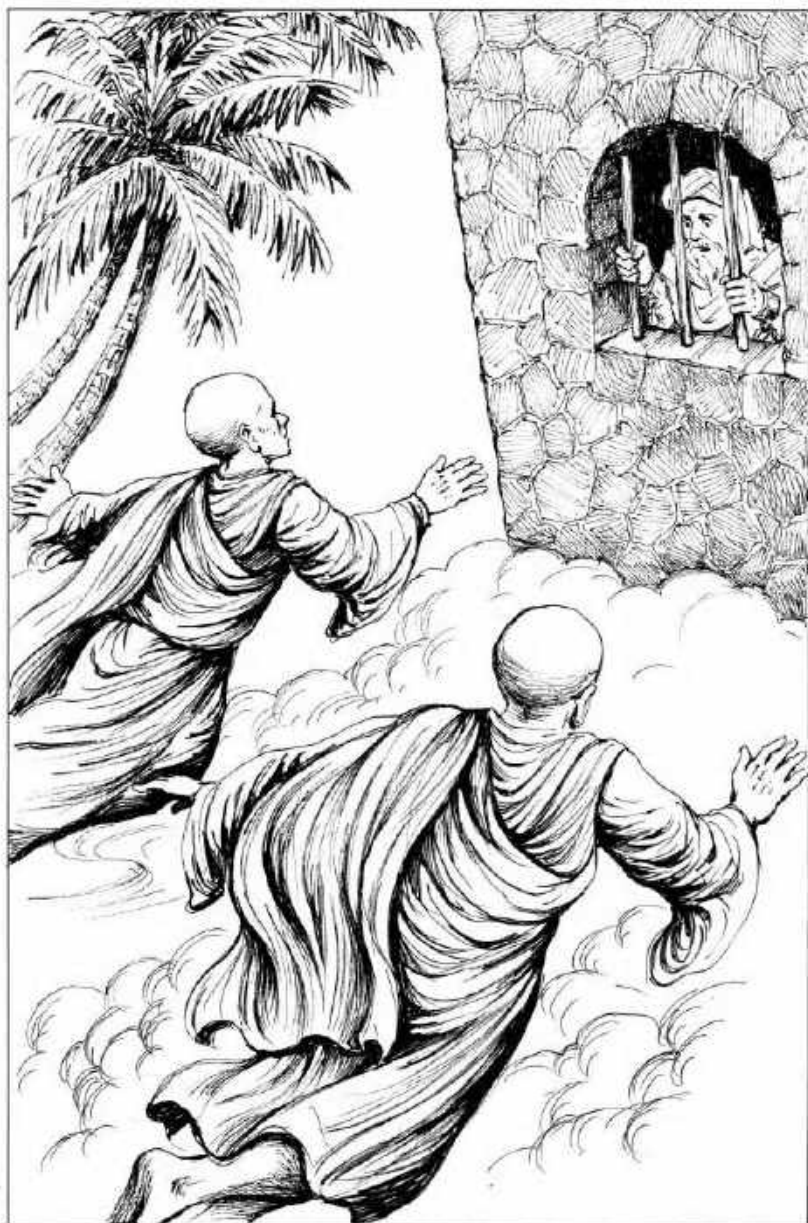
Nghe lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa, thái tử A-xà-thế mang gươm đi hành thích vua Tân-bà-sa, nhưng bị bại lộ và bị bắt. Vua Tân-bà-sa không kết tội Đề-bà-đạt-đa và nhường ngôi cho con mình.

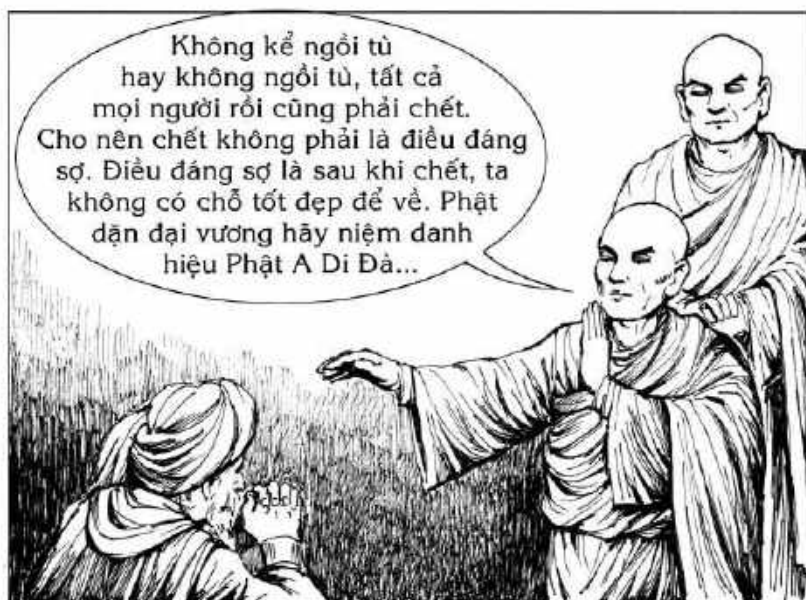


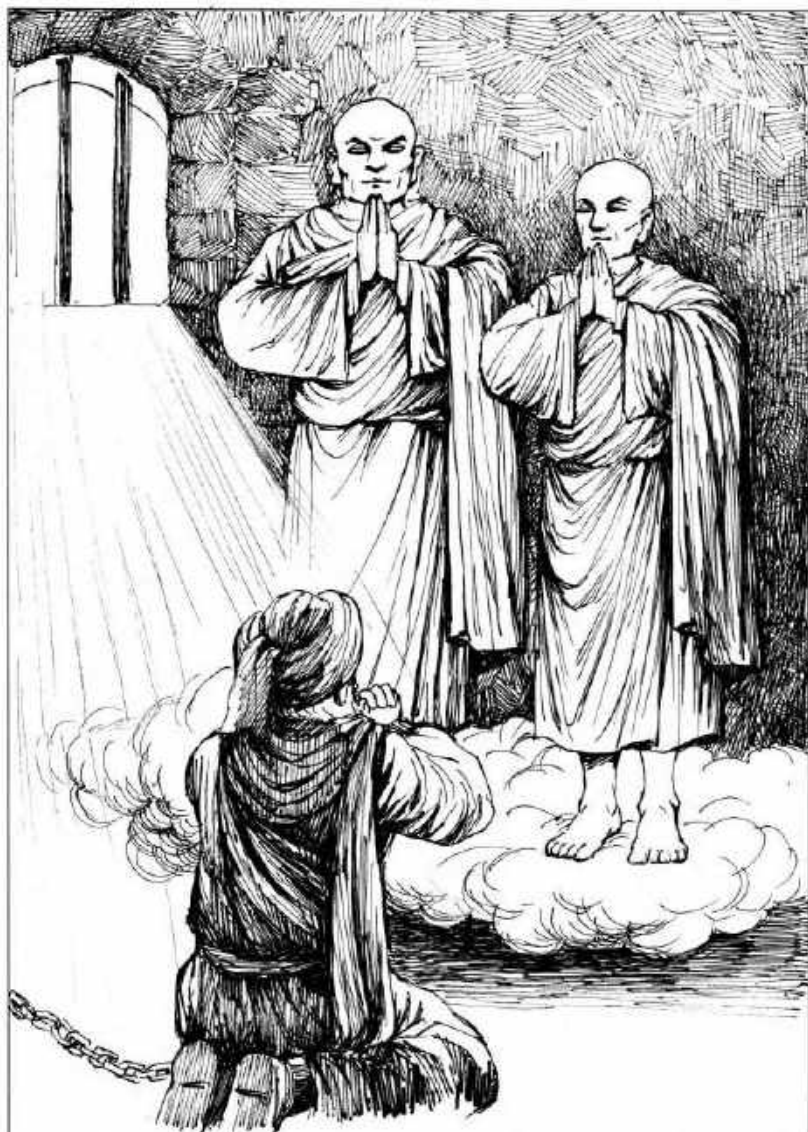
Nhưng ngay lúc lên ngôi, A-xà-thế hạ lệnh nhốt cha mình vào ngục tối, cấm mẹ mình mang thức ăn vào đó.



Bấy giờ Phật sai Mục-kiền-liên và Phú-lâu-na vào nhà giam thăm vua Tần-bà-sa.







Vua Tần-bà-sa nghe xong, trong lòng rất yên ổn. Một thời gian sau, ngài vãng sanh.

V. Một tỷ kheo dũng cảm

Có lần sau một mùa an cư, Phú-lâu-na đến gặp Phật.

— Bạch Thế Tôn, xin cho con đến nước Du-lô-na.

— Này Phú-lâu-na, đi hoàng pháp là rất tốt, nhưng thầy không nhất thiết phải đến đó. Hãy chọn nơi khác.

— Bạch Thế Tôn, hễ nơi nào có chúng sanh đáng độ, thì con cần phải đến đó.

— Du-lô-na là nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, đường giao thông không thuận tiện, dân chúng hung bạo. Thầy không sợ ư ?

— Bạch Thế Tôn, con muốn hiến thân cho chánh pháp. Chính vì Du-lô-na ở nơi quá xa xôi nên mãi tới bây giờ vẫn chưa có ai đến đó giáo hoá dân. Con biết khi đến đó, con có thể gặp nhiều hiểm nguy, nhưng con nghĩ rằng thân xác này có gì đáng kể.

— Này Phú-lâu-na, nếu dân tại đó không chấp nhận thầy, họ lớn tiếng mắng chửi, thì thầy làm sao ?

— Bạch Thế Tôn, nếu chuyện đó xảy ra, *con thấy họ tốt*, vì họ chưa dùng gậy đánh con.

— Nếu họ dùng gậy thì sao ?

— *Con vẫn thấy họ tốt*, vì họ chưa đâm chém con.

— Nếu họ đâm chém ?

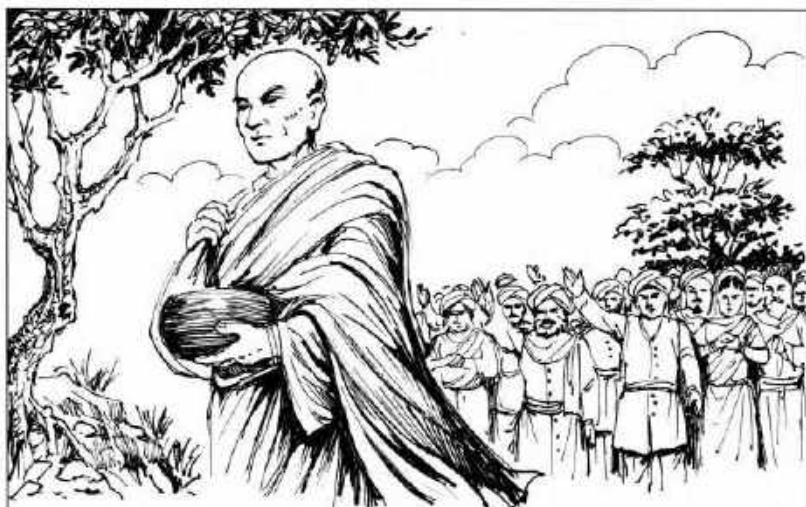
— *Con cho họ còn tình người*, vì họ chưa giết chết con.

— Nếu họ giết thầy ?

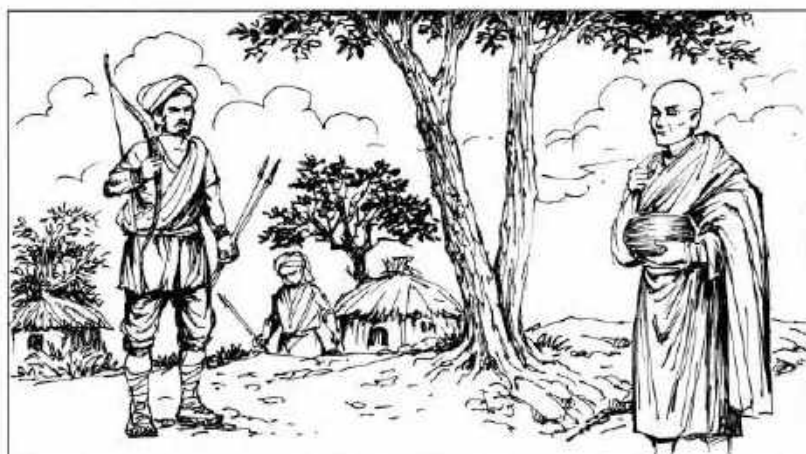
— Nếu vậy, *con cảm ơn họ đã vô tình hỗ trợ cho đạo nghiệp của con*, giúp con đem sanh mạng báo đáp ân đức của Thế Tôn. Chỉ sợ rằng việc đó sẽ mang lại cho họ nhiều điều không tốt.

Phật khen ngợi Phú-lâu-na và bằng lòng cho tôn giả ra đi theo ý nguyện.

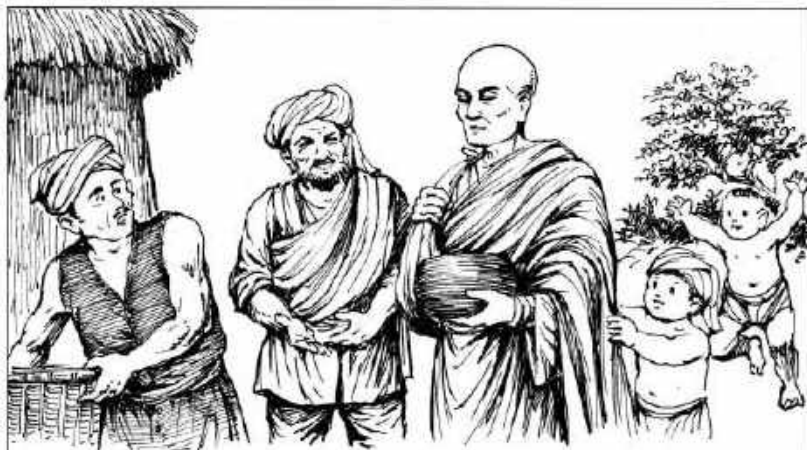




Sau khi đánh lễ Phật, Phú-lâu-na đi về hướng nước Du-lô-na giữa đoàn người tiễn đưa đông đảo.



Nước Du-lô-na đất xấu dân nghèo, không có các đô thị lớn hoặc xóm làng đông đúc. Phần lớn dân chúng sinh sống bằng nghề săn bắn. Tại đó, việc đầu tiên mà Phú-lâu-na làm, là học nói tiếng của nước này.



Nhờ vậy, tuy dân chúng nhìn tôn giả với “cặp mắt lạ lùng” trước cái áo cà sa và bình bát, nhưng khi được tiếp xúc với ngài, họ thích thú khi thấy “người này biết nói tiếng của mình”. Thế là hai bên nhanh chóng thân thiện nhau.



Tôn giả không thuyết pháp, không cho ai biết lai lịch của mình, chỉ im lặng hốt thuốc trị bệnh cho dân mà không nhận thù lao.



Hễ nghe nơi nào có người bị bệnh là tôn giả lên đường, không kể ngày hay đêm. Người bệnh thấy ngài như thấy vị cứu tinh, bởi vì ngài chữa bệnh rất “mát tay”.



Dần dần, dân chúng coi ngài như là dân Du-lô-na vậy. Bấy giờ, ban ngày, ngài dạy họ cách trồng trọt ; chiều đến, ngài giảng về sự lợi ích của việc ăn chay, làm các điều lành, lánh các điều dữ, bố thí...
Chẳng bao lâu, dân nước Du-lô-na đều quy y Phật.

VI. Kháng nghị với trưởng lão Đại Ca-diếp



Một hôm đang đi giáo hoá tại một nước xa xôi, Phú-lâu-na nghe tin Phật nhập Niết bàn, liền trở về thọ tang.

Khi ngài đến Kusinara thì lễ trà tỳ đã xong từ lâu, trưởng lão Đại Ca-diếp vui mừng, nói :



Tôn giả
Phú-lâu-na, đại hội
kết tập kinh điển sắp kết
thúc. Chúng tôi đang
chờ ý kiến của
tôn giả.



Phú-lâu-na lắng nghe. Cuối cùng ngài nói :

— Các tôn giả kết tập kinh điển như thế này, ai mà không thần phục. Riêng tôi, tôi có một ý nhỏ về 8 phép ăn uống. Hiện giờ chư vị đã cấm các việc này :

1. Chứa thức ăn trong phòng ;
2. Nấu nước trong tự viện ;
3. Tự nấu ;
4. Tự đi lấy thức ăn ;
5. Đem thức ăn từ nơi khác đến ;
6. Ăn các thứ trái cây ;
7. Ăn các thứ có trong ao hồ ;
8. Ăn thịt cá.

Điều đó sẽ gây khó khăn cho các Tăng, Ni. Lúc thất mùa, thức ăn khan hiếm thì làm sao ?

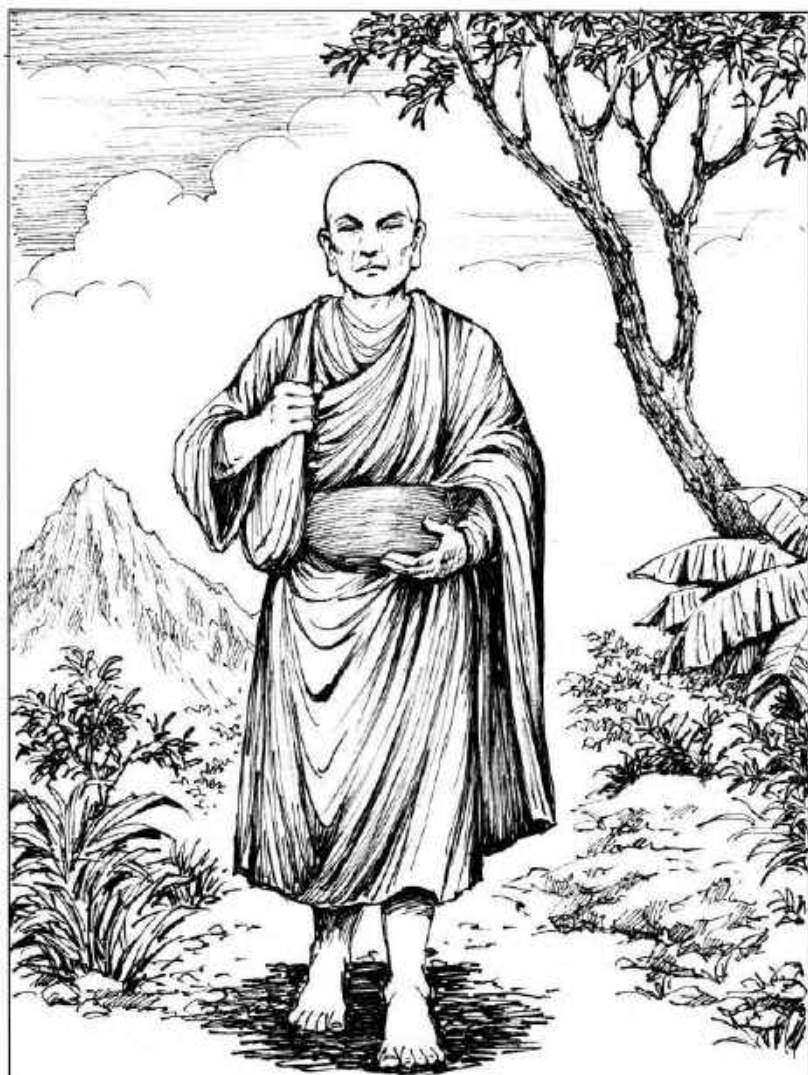


Dại Ca-diếp nói :

— Tôn giả nói đúng. Trước đây Thế Tôn có cho phép làm 8 việc đó, nhưng chỉ trong các trường hợp đặc biệt mà thôi.

Rồi vì hai vị trưởng lão đều giữ ý kiến của mình nên vấn đề bị bế tắc. Cuối cùng Phú-lâu-na nói :

— Chư vị đã quyết định như vậy thì tôi còn nói gì nữa ? Nhưng riêng tôi, từ nay tôi vẫn giữ theo những điều mà chính tôi đã nghe Thế Tôn nói.



Phú-lâu-na nhập Niết bàn lúc nào, ở đâu, không thấy kinh sách ghi lại, nhưng chắc chắn là sau khi Phật nhập diệt, Phú-lâu-na vẫn nhiệt tâm đi hoằng hoá khắp nơi...

TU - BỒ - ĐỀ

(Giải không đệ nhất)



Tu-bồ-đề
(Giải không đệ nhất)

I. Chuyện lạ lúc Tu-bồ-đề chào đời

Truyện kể rằng vào ngày Tu-bồ-đề chào đời, tất cả đồ đạc trong nhà bỗng nhiên như bị biến mất. Mọi người rất lo lắng.

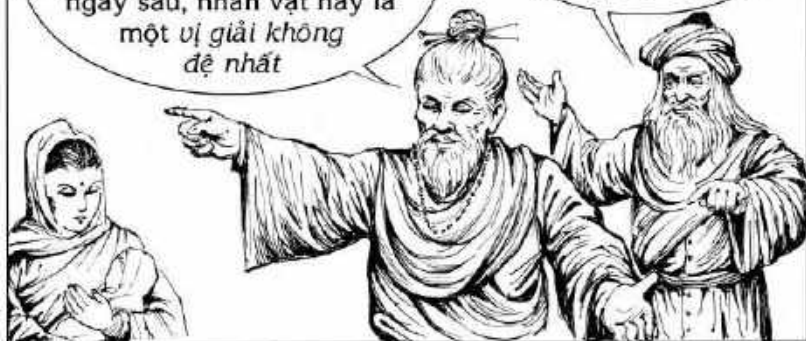
Đi mời
thầy đi ! Sao lạ
vậy nè ?



Các vị Bà-la-môn đến xem quẻ, nói :

Đây là điềm
lành. Việc đồ đạc
trong nhà biến mất lúc
hài nhi vừa chào đời cho biết
ngày sau, nhân vật này là
một vị giải không
đệ nhất

Vì vậy,
chúng ta nên
đặt tên cho cậu bé là
KHÔNG SANH hoặc
Thiện Cát.





Tuy sanh trong một gia đình giàu có, nhưng ngay từ thuở nhỏ, Tu-bồ-đề đã không xem trọng tiền bạc, ngọc ngà. Có được đồng nào, cậu đem tặng cho người nghèo đồng nấy.



Khi gặp các hành khất ăn mặc rách rưới, cậu liền cời đồ đang mặc tặng họ.



Này con,
tại sao con cứ
đem đồ đặc của
con cho người
khác vậy.

Thưa mẹ, tự
nhiên trong lòng con
muốn như vậy. Con thấy thân
thể họ cũng chính là thân thể con.
Khi sinh ra, con đâu có quần áo,
bây giờ có rất nhiều. Bỏ bớt
vài cái có sao đâu?



Bà mẹ đã làm y như lời bà nói. Nhưng, việc bị nhốt trong nhà chưa hẳn là điều xấu : nhân dịp này, Tu-bồ-đề nghiền ngẫm các sách vở viết về triết học và tôn giáo, nhanh chóng trở thành một thanh niên có kiến thức sâu rộng.

II. Quy y Phật



Thân phụ Tu-bồ-đề hiểu ý con, nói :

Cha định
thỉnh Phật về nhà
cúng dường. Trước mặt
Ngài, con chớ có tỏ
vẻ tự đắc nhé !



Thưa cha,
mọi người coi Phật là
bậc thánh, nhưng với con,
ông ấy cũng chỉ là một
người bình thường
thôi.



Tuy nói cứng nhưng lòng
Tu-bồ-đề đã nao núng.

Gặp mặt
ông ấy cũng tốt. À !
Lỡ ông không tới đây thì
sao ? Hay là mình
lên đi...





Đêm đó gió reo vui với ngàn lá, trăng chăm chú đếm từng bước chân của Tu-bồ-đề...

Chàng trai đến nơi, lòng rộn lên một tình cảm chưa từng có. Phật đang thuyết pháp. Đèn đuốc sáng loà.





Tu-bồ-đề chen vào giữa đám đông lúc nào không hay. Chàng len lén chấp tay trước ngực.



Thuyết pháp xong, Phật trở về tịnh thất. Các thánh giả đã ra về, chỉ riêng chàng trai vẫn còn đứng trước cửa thất, lòng bồn chồn. Chàng muốn vào, nhưng lại ngại.



Thình lình có tiếng Phật từ trong phòng vọng ra.

Tu-bồ-đề,
hãy vào đi !



Sau một hồi trò chuyện, Tu-bồ-đề nói :

Bạch
Thế Tôn, con xin
Thế Tôn nhận con làm
đệ tử xuất gia.

III. Chỉ khất thực nơi nhà giàu



Trong phép khất thực, các tỷ kheo đều phải tuần tự đi từng nhà một, không được bỏ sót một nhà nào.



Nhưng Tu-bồ-đề không làm như vậy : ông lặng lẽ rời khỏi nhóm và chỉ khi gặp nhà vừa ý thì mới vào.

Ban đầu không ai lưu tâm tới việc đó, nhưng lâu ngày có người nhận ra rằng tôn giả Tu-bồ-đề chỉ khát thực nơi các gia đình giàu có ; ông chẳng bao giờ ôm bát đứng trước một căn nhà lụp xụp. Nếu phải đi thật xa mới gặp nhà giàu, ông cũng sẵn lòng. Nếu “không tìm gặp”, ông đành nhịn đói.

Một hôm, có một tỷ kheo mỉm cười, nói với tôn giả :

— Trong thành Tỳ-xá-ly này có rất nhiều triệu phú, điền chủ,... hôm nay tôn giả chọn được nhà nào chưa ?

Tu-bồ-đề nhìn kỹ vị này rồi nói :

— Quả thật tôi có phát nguyện *chỉ đến với những gia đình khá giả*. Đó là điều làm tôi khổ tâm.

— Hèn gì mà thân thể của tôn giả không hồng hào sao được !

— Xin tôn giả đừng nghĩ như vậy. Nếu là người tham ăn, tôi đã không xuất gia. Tôi không đến các gia đình khó khăn, vì biết họ không dư dả. Nếu khiến họ phát tâm thì họ sẽ gặp cảnh lòng dư mà sức thiếu.

Trong tăng đoàn có một tỷ kheo có quan niệm khác hẳn Tu-bồ-đề. Đó là Đại Ca-diếp. Trong một buổi nói chuyện, Tu-bồ-đề hỏi Đại Ca-diếp về vấn đề khát thực :

— Tôn giả, vì sao ngài làm vậy ?

— *Tôi đến với các gia đình nghèo là để tạo cho họ những cơ hội tu phước, giúp họ khá hơn trong tương lai. Người giàu là người đã có nhiều phước báu, chúng ta cần gì thêm hoa trên gấm.* — Đại Ca-diếp trả lời.

Tu-bồ-đề gật đầu, nói :

— *Khát bản hay khát phú cũng đều vì lợi ích của chúng sanh. Phật pháp có rất nhiều phương tiện, mỗi người có thể làm theo cách của mình.*

Khi được biết chuyện này, Phật giảng cho hai vị nghe :

— *Khát thực chân chính là không lựa chọn nhà nào giàu, nhà nào nghèo, không được chê khen dơ, sạch. Cử oai nghi, nghiêm túc mà đi từng nhà một.*

Tu-bồ-đề liền sửa lại quan niệm của mình.



IV. Rơi lệ trên hội Bát nhã

Một hôm tại tinh xá Kỳ Viên, Phật dự định thuyết giảng Kim Cang Bát Nhã cho các đệ tử vừa trở về sau buổi khát thực. Tất cả các tỷ kheo tuân tự đi nhiều quanh Phật. Phật đang nhắm mắt tĩnh tọa, không ai dám hỏi điều gì.



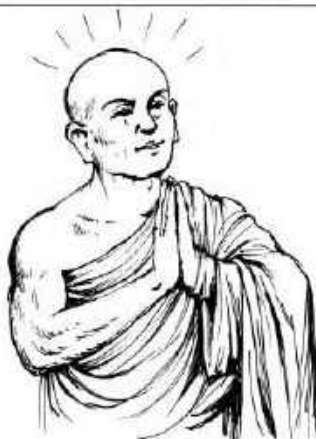
Tu-bồ-đề hiểu ý Phật, liền trích áo, bày vai hữu, đánh lễ Phật rồi cung kính nói :

Bạch Thế Tôn, đối với các thiện nam, tín nữ phát tâm Bồ đề, làm thế nào để được an trụ ?

Muốn được an trụ, muốn không bị vọng niệm quấy rối thì **khí bố thí**, nên **hành bố thí không trụ tướng*** ; *khí độ sanh* nên hành **độ sanh vô ngã****.



* **Bố thí không trụ tướng** (còn gọi là *bố thí vô tướng*) : Việc bố thí có 3 cái không : *không thấy có ta (bố thí)* ; *không thấy có người (được bố thí)* ; *không thấy có pháp bố thí*. ** **Độ sanh vô ngã** (vô ngã là không có cái-ta-chân-thật) : Việc độ sanh có 3 cái không : *không thấy có người mình độ* ; *không thấy có mình độ (kẻ khác)* ; *không có pháp độ ai cả*.



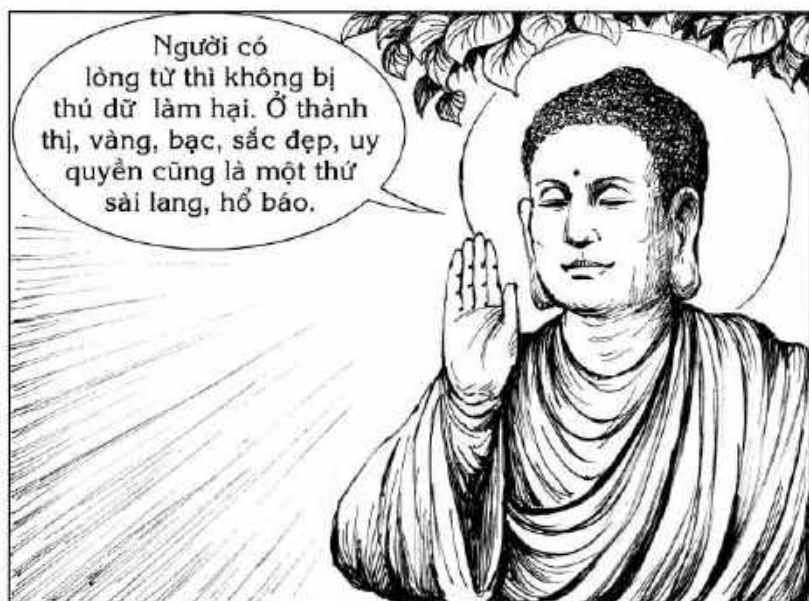
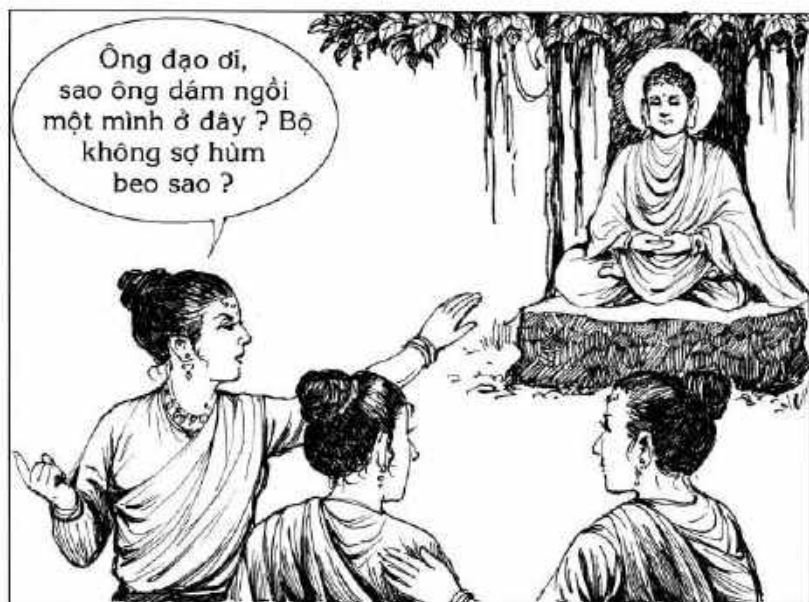
“Vô tướng bồ thí, vô ngã độ sanh !”

Tu-bồ-đề đã hiểu được nghĩa lý này, lòng mừng rỡ, rơi nước mắt. Từ đó Tu-bồ-đề được tôn xưng là bậc **Giải không đệ nhất**.

Vì muốn cho Tu-bồ-đề thêm tin tưởng vào sự bồ thí vô tướng và độ sanh vô ngã, Phật kể cho Tu-bồ-đề nghe một câu chuyện quá khứ của Phật.

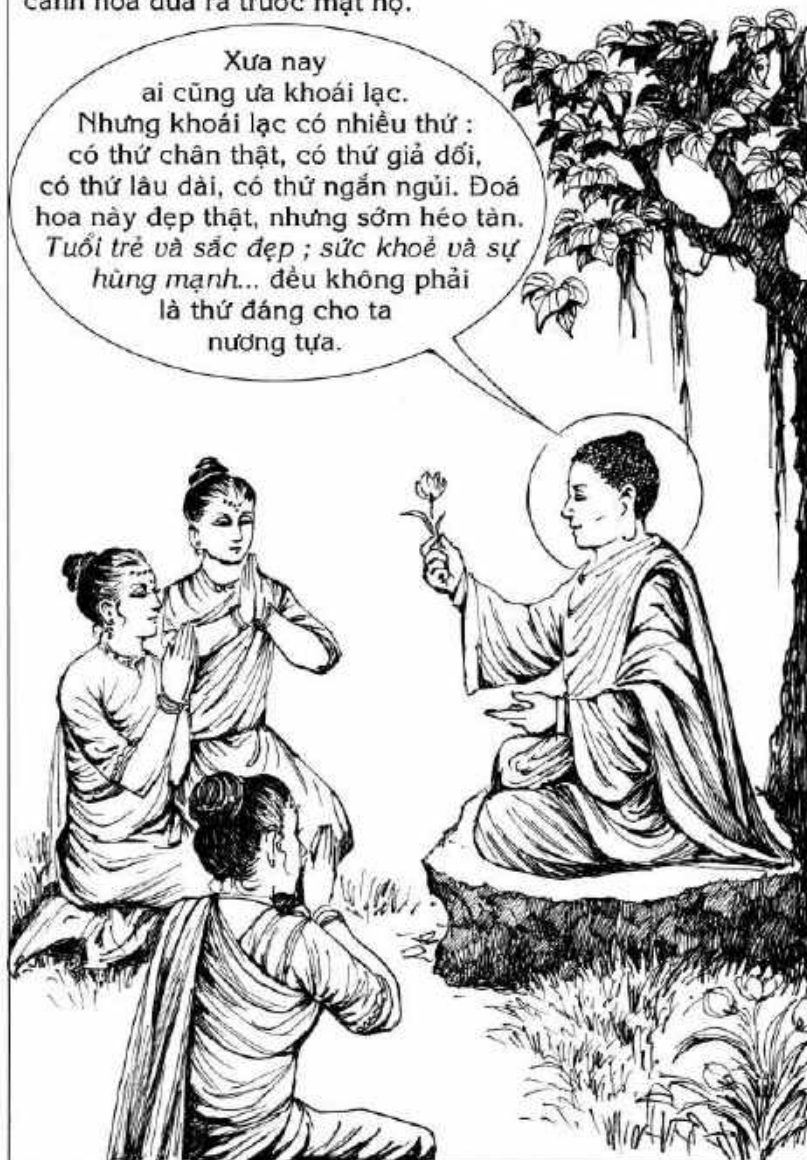
Thuở xưa, tại vùng rừng núi kia, Ta đang ngồi dưới cội Bồ đề, nhắm mắt tĩnh tọa thì bỗng tai nghe rõ một chuỗi cười lạnh lạnh. Ta mở mắt, thấy một bảy con gái đang đứng trước mặt. Họ xinh đẹp như các vương phi.





Nghe vậy, các cung nữ thỉnh Ta thuyết pháp. Ta ngắt một cành hoa đưa ra trước mặt họ.

Xưa nay
ai cũng ưa khoái lạc.
Nhưng khoái lạc có nhiều thứ :
có thứ chân thật, có thứ giả dối,
có thứ lâu dài, có thứ ngắn ngủi. Đoá
hoa này đẹp thật, nhưng sớm héo tàn.
*Tuổi trẻ và sắc đẹp ; sức khoẻ và sự
hùng mạnh... đều không phải
là thứ đáng cho ta
nương tựa.*



Ta vừa nói tới đó thì một người mặc sắc phục vương giả, tay cầm gươm từ trong rừng bước ra, đến bên Ta, nói lớn :

Mi là ai
mà dám đùa cợt
với các cung phi
của ta ?

Xin được
hỏi quý danh
của ngài.



Chẳng lẽ
người không biết ta
là Cát Lợi Vương
hay sao ?

À !
Nhẫn nhục !
Để xem người nhẫn
nhục đến mức
nào ?

Đại vương,
người tu hành rất
nhẫn nhục, không
dám tranh cãi với
đại vương.





Nói xong Cát Lợi Vương lấy gươm xẻo tai, chặt tay, chặt chân Ta. Vì muốn độ chúng sanh, lúc ấy Ta không có một chút sân hận. Ta theo tinh thần vô sanh, vô ngã.

Sau khi nghe Phật kể xong câu chuyện, Tu-bồ-đề lãnh hội được chân lý vô ngã tối cao.

V. “Cái KHÔNG” là cái gì ?

Một người Bà-la-môn trí thức hỏi Tu-bồ-đề.

Nghe nói ngài là người giải không đệ nhất. Vậy xin hỏi : “Tại sao tất cả mọi đồ vật trên thế gian đều tồn tại trước mắt mà ngài cứ cho là KHÔNG ; cứ giải thích là KHÔNG ?



Tu-bồ-đề đưa tay chỉ căn phòng.

“Gian phòng này do 4 yếu tố : Đất, Nước, Gió, Lửa và vài nhân duyên khác hợp lại mà thành.





“Từ việc ‘Tất cả đều do hoà hợp mà có, ta có thể thấy được cái - lý **KHÔNG**’ (Căn nhà đang **CÓ**, nhưng nếu nó bị hoạ hoạn thì ta **KHÔNG** còn căn nhà nữa).

Tóm lại, **Cái - KHÔNG** không có nghĩa là *không có* mà là *không thật-có như ta đã nhận thức*.

Cái-CÓ và cái-KHÔNG chẳng khác nhau, mà hợp với nhau như là **MỘT**. Vì thế ta có thể nói : “*Sắc bất dị không, không tức thị sắc*”. (Sắc chẳng khác với không ; không chẳng khác với sắc. Sắc tức là không ; không tức là sắc)

Nhìn người Bà-la-môn đang trầm ngâm, Tu-bồ-đề tiếp :

— “Ông đang thấy *một trái xoài vừa rơi xuống đất*. Hột xoài sẽ nảy mầm, rồi lớn lên thành cây xoài, trở hoa, kết trái. *Một khi có đủ nhân duyên (hột xoài, đất, nước, phân bón, nhà nông...)* thì ta **CÓ** cả một rừng xoài. Còn nếu không hội đủ nhân duyên thì ta **KHÔNG** thấy bóng dáng một cây xoài nào cả.

Xin ngài nhớ cho : **Đó là KHÔNG !**”

Hai người chia tay nhau, ai cũng hoan hỷ.



VI. Người đầu tiên nghênh đón Đức Phật trở về từ cõi Trời Đạo Lợi

Đầu mùa mưa năm 583 trước Tây lịch, mọi người không thấy Phật trong tăng đoàn. A-na-luật dùng thiên nhãn nhìn khắp bốn phương, rồi nói với các tỷ kheo.

Thế Tôn
đang giảng kinh cho
thánh mẫu Maha Maya tại
cõi Trời Đạo Lợi.



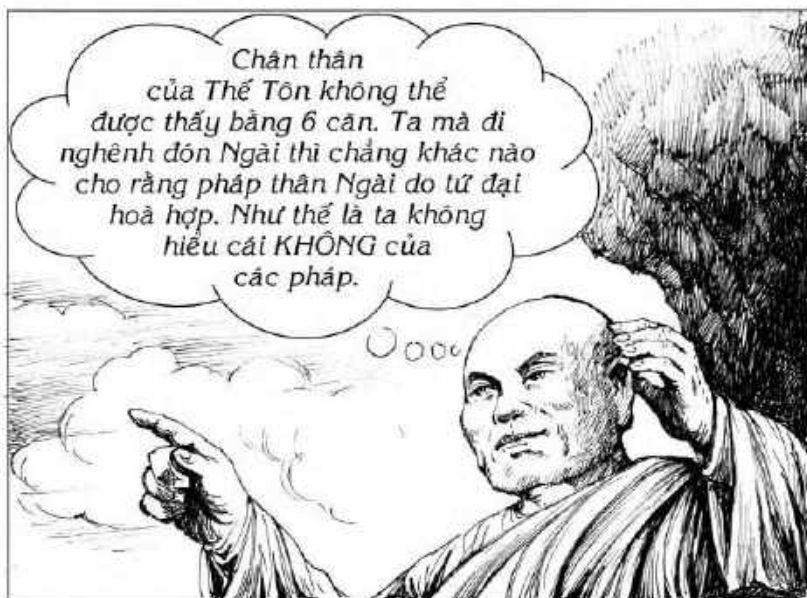
Ba tháng sau, Thế Tôn trở về. Các đệ tử biết tin, tranh nhau đi nghênh đón Ngài.

Lúc đó Tu-bồ-đề đang vá áo trong một hang động tại núi Linh Thứu, nghe tin Phật trở về, ngài buông kim, định đi nghênh đón Phật ; nhưng rồi lại ngồi xuống.

Đi đón
Thế Tôn để làm
gì nhỉ ?



Chân thân
của Thế Tôn không thể
được thấy bằng 6 căn. Ta mà đi
nghênh đón Ngài thì chẳng khác nào
cho rằng pháp thân Ngài do tứ đại
hoà hợp. Như thế là ta không
hiểu cái KHÔNG của
các pháp.





Suy nghĩ xong, tôn giả thân nhiên ngồi vả áo.

Là người có thần thông bậc nhất trong phái nữ, Liên Hoa Sắc đi nhanh đến bên Phật, hành diện nói :

Bạch Thế Tôn,
con là người thứ
nhất nghênh đón
Thế Tôn.

Liên Hoa Sắc
không phải là người
đầu tiên nghênh đón
Ta trong chuyến
trở về này.



Liên Hoa Sắc ngạc nhiên, nhìn chung quanh : phái đoàn chư tăng còn đang ở phía xa xa.

Bạch
Thế Tôn, ai là
người đầu tiên nghênh
đón Thế Tôn ?



Vừa khi đó tất cả đã đến bên Phật.

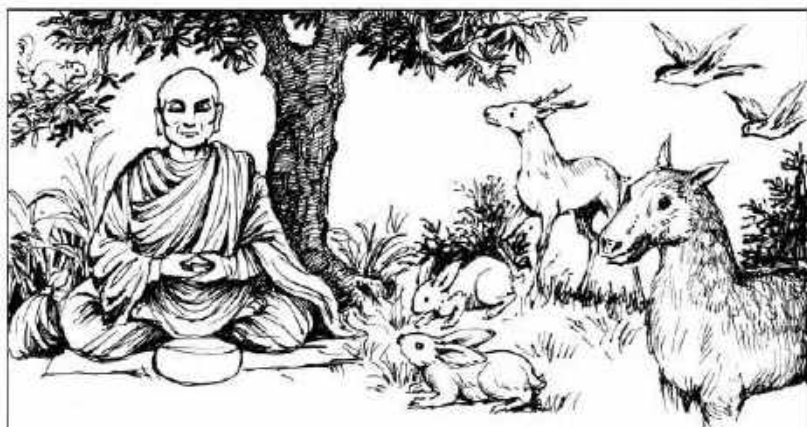
Hôm nay
người gặp Ta trước
nhất, chính là
Tu-bồ-đề.

Hiện giờ
Tu-bồ-đề đang quan sát
tánh KHÔNG của các pháp.
*Người thấy pháp trước nhất
mới là người thứ nhất
nghênh tiếp Phật*



VII. Mưa hoa trong động đá

Cảnh vật ở
núi Linh Thửu
rất hợp với
người tu hành.
Tu-bồ-đề
thích sống
nơi này.
Gặp lúc trời
quang mây
tạnh, ngài
toạ thiền
dưới gốc cây,
bên sườn núi.



Đối với tôn giả, núi rừng là một đạo tràng* tốt. Ban ngày
chim thú tìm đến, ban đêm có trăng sáng, gió lành.

* **Đạo tràng** (tràng là trường) : Nơi Phật thành đạo. Đạo tràng của Phật Thích Ca ở tại rừng Gaya, dưới gốc cây Bồ đề, trong nước Ma-kiệt-đà. Về sau hai chữ đạo tràng có nghĩa rộng hơn : nơi chánh điện thờ Phật, nơi tụng kinh hằng ngày, nơi thuyết pháp, giảng kinh, nơi thanh tịnh vắng vẻ để người ta hành tham thiền, nhập định



Một hôm tôn giả toạ thiền trong động, ánh sáng oai đức của Ngài chiếu tới tận Thiên cung.

Nhiều vị Trời xuất hiện, rải thiên hoa quanh tôn giả.

Tu-bồ-đề,
tuy ở cõi người nhưng
Ngài rất đáng thọ sự cúng
dường của cõi Trời.
Chúng tôi xin
dành lễ.



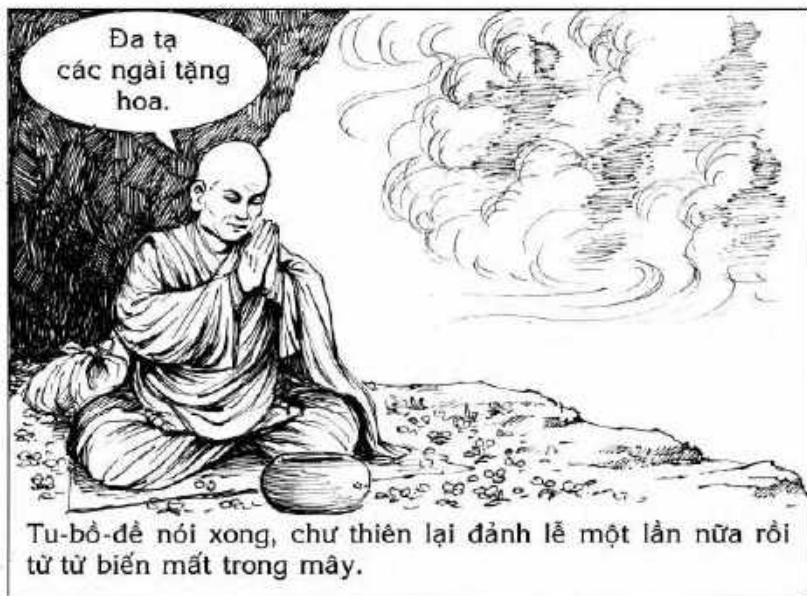
Sự xuất hiện của thiên nhân, hoa trời... đã khiến cho Tu-bồ-đề xuất định.

Các ngài
là ai ? Vì sao
đến đây rải hoa,
khen ngợi bản
tăng ?

Tôi là
Đế Thích. Các vị
kia là thiên
nhân.



Đa tạ
các ngài tặng
hoa.



Tu-bồ-đề nói xong, chư thiên lại đánh lễ một lần nữa rồi từ từ biến mất trong mây.

VIII. Chư thiên thăm bệnh

Một hôm Tu-bồ-đề cảm thấy trong người mỗi mệt, bèn trải toạ cụ, ngồi kiết già.

Đã đến
lúc ta phải trả các
nghiệp báo của
quá khứ, mà...

...thuốc men
không thể trừ tận
gốc ; chỉ có thể tin vào
luật nhân quả, sám hối
về các *lội* và các
ngiệp....



Ngay lúc ấy Đế Thích dẫn 500 thiên nhân và nhiều nhạc thần từ Thiên cung bay xuống.

Các nhạc thần đến trước tôn giả, khấu đầu và hát :

Tôn giả Tu-bồ-đề,
Qua khỏi bể sanh tử
Tiêu dứt lửa hữu vi
Già, bệnh, thống khổ đều đoạn trừ
Tôn giả,
Thân người được lành bệnh.

Bản nhạc chấm dứt,
Đế Thích mang cả
quyển thuộc đến
đánh lễ Tu-bồ-đề.
Tôn giả đáp lễ, khen
rằng lời ca và nhạc
diệu thật là vi diệu.



Tôn giả,
hiện giờ bệnh
của ngài như
thế nào ?

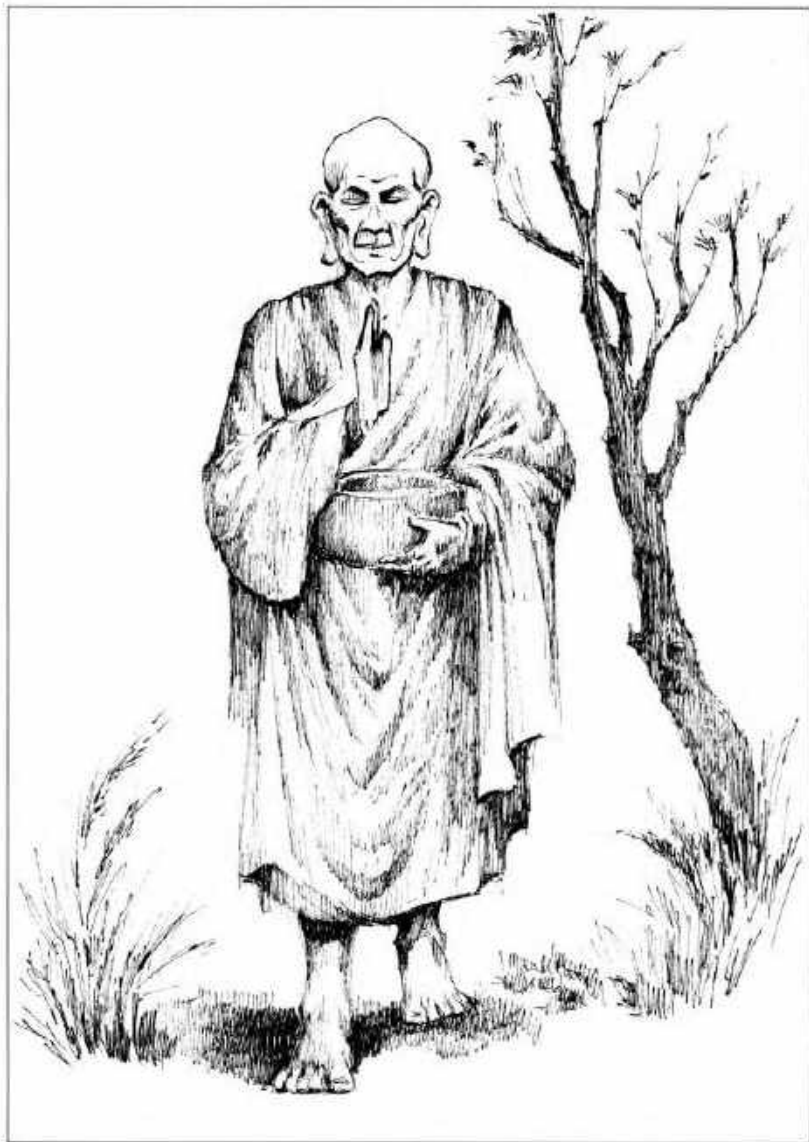
Bệnh của
bản tăng có thể
dùng pháp thủy cam lồ
của Thế Tôn và pháp thiên
quán... chữa lành. Hiện
tại thân tâm đã
yên ổn.



Đế Thích hoan hỷ, đánh lễ tôn giả rồi cùng các thiên nhân
trở lại cõi Trời. Tu-bồ-đề nhìn theo cho tới lúc các vị đó
mất dạng.

UPALI

(Trì luật đệ nhất)

**Upali**

[Tri luật đệ nhất]

I. Các giai cấp ở Ấn Độ

Thuở xưa xã hội Ấn Độ chia ra làm 4 giai cấp.

● Đứng đầu là *giai cấp Bà-la-môn*; theo truyền thuyết, họ được sinh ra từ *miệng* của Phạm Thiên. Đó là các giáo sĩ lâu thông kinh Vệ-dà, giữ việc cúng tế và có khả năng nói chuyện thẳng với các thần linh.



● *Giai cấp Sát-đế-ly* được sinh ra từ *hai tay* của Phạm Thiên. Người Sát-đế-ly thường làm vua, làm quan, làm tướng.



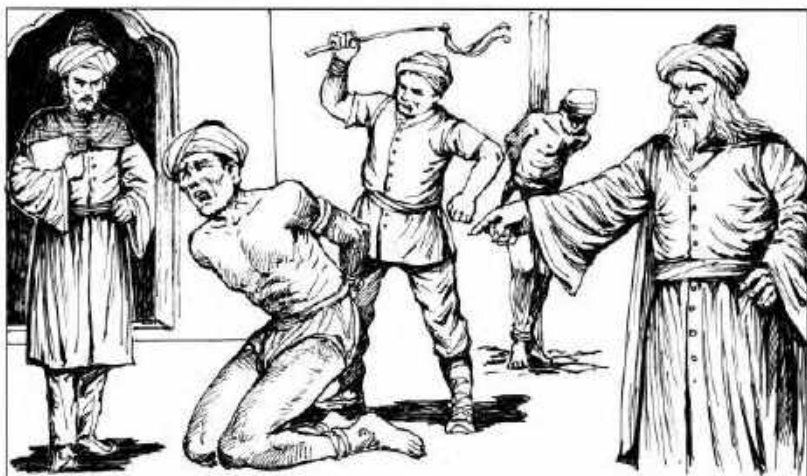
● Giai cấp Phê-dà được sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên. Họ là các thương nhân, điền chủ, đại phú gia.



● Giai cấp Thủ-dà-la được sinh ra từ hai bàn chân của Phạm Thiên. Họ rất nghèo khổ, làm những nghề cực nhọc : trồng trọt, làm thợ.



Ngoài 4 giai cấp nói trên, còn một *giai cấp ngoại hạng*, là *giai cấp Chiên-dà-la*. Họ làm nghề đồ thùng, nuôi súc vật, giữ trâu...



Một người sinh ra ở giai cấp nào thì phải ở yên trong giai cấp đó : may nhờ rũi chịu. Người Chiên-dà-la lỡ chạm vào người thuộc giai cấp đầu tiên thì sẽ bị trừng phạt.



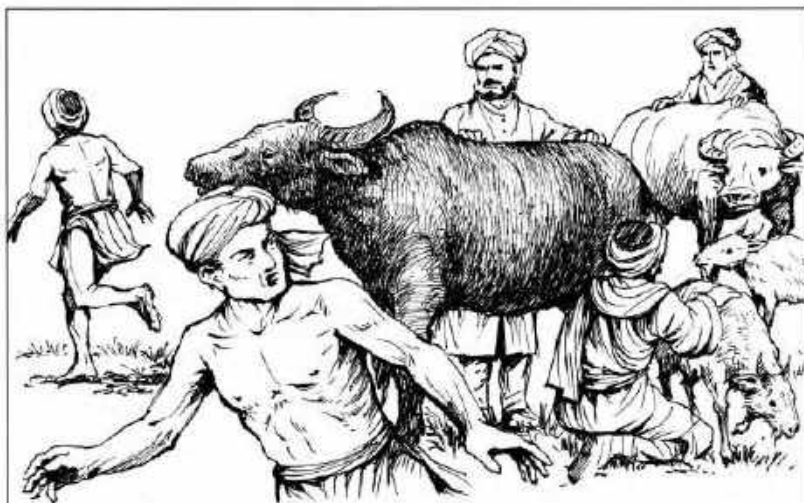
Còn “người bị chạm” phải về nhà sám hối nhiều tuần lễ mới được trong sạch trở lại.



Nếu chỉ “bị nhìn thấy” thôi, người Bà-la-môn phải về nhà rửa mắt nhiều lần.



Giá trị của những người cùng-khổ trong xã hội Ấn Độ thời cổ còn thua cả loài vật : một người Bà-la-môn có thể sờ vào thân một con trâu, con dê.



Nhưng những "người hạ tiện" thì không được như vậy. Họ phải tránh xa hai giai cấp cao quý.

Upali sinh ra trong một gia đình thuộc giai cấp Thủ-dà-la, tuy cao hơn giai cấp ngoại hạng một bậc, nhưng cũng bị đối xử phân biệt. Từ nhỏ, Upali không được đi học.

Này ông, hãy tìm một nghề cho con đi ! Upali đã lớn rồi.

Tôi thấy nó không làm ruộng được. Nó ốm yếu quá.



Cho nó làm nghề đánh xe hoặc giữ ngựa được không ?

Cũng không được. Làm nghề đó phải đi sớm, về khuya, lao lực không kém làm ruộng.





II. Ngay ngày xuất gia, đã là sư huynh của 6 thanh niên thuộc dòng họ Thích Ca

Năm 587 trước Tây lịch, sau khi về thăm nhà xong, Phật sang nước Kosala rồi đến trú tại làng Anupiya của bộ tộc Malla. Bấy giờ có 6 thanh niên hoàng tộc quyết định xuất gia. Đó là A-na-luật, A-nan, Bhagu, Kimbia, Bhaddiya và Đề-bà-đạt-đa. Họ dùng xe ngựa đi nhanh tới biên thủy nước Kosala, dồn các vật trang sức vào một cái túi, định bụng sẽ tặng cho một người nghèo khổ nào đó. Khi gặp một người thợ hớt tóc, họ nói :

— Chào bạn, xin bạn vui lòng cho chúng tôi biết : đường nào đi qua nước Kosala.

— Upali này sẽ đưa các ngài tới tận biên giới.

Tại biên giới, A-na-luật nói với Upali :

— Này Upali, rất cảm ơn huynh đã giúp chúng tôi đi tìm Phật. Xin gởi tặng huynh món quà nhỏ này. Xin giã từ.

Nhìn các chàng trai đang xa dần, Upali suy nghĩ :

— Với món quà này, ta sống sung sướng suốt đời. Nhưng tại sao ta không xuất gia ?

Thế là chàng treo gói tiền dưới một cành cây, trầm nghĩ :

— Ai thấy trước thì cứ lấy.

Đoạn, Upali đi nhanh về phía trước. Một lát sau thì gặp lại những người khách quý tộc. Họ hỏi :

— Upali ! Gói tiền đâu ? Vì sao huynh tới đây ?

— Tôi mắc nó vào cành cây. Tôi xin theo các ngài.

— Tốt lắm ! Đi nhanh lên.

Hôm sau, đoàn người gặp Phật. A-na-luật nói :

— Bạch Thế Tôn, xin hãy cho Upali xuất gia trước để Upali làm sư huynh của chúng con. *Được như vậy, một chút phân biệt tầng lớp xã hội còn sót lại trong lòng chúng con sẽ tan biến luôn.*





Phật chấp nhận lời yêu cầu này.

III. Phật khuyên Upali sống giữa tăng chúng

Tỷ kheo Upali rất siêng năng trong việc tu học. Một hôm Đại đức đến đánh lễ Phật rồi nói :

Bạch
Thế Tôn, con
muốn sống trong rừng
hoặc tại các trú xứ
xa xôi.

Này
Upali, có một
con voi đến bên hồ
nước, suy nghĩ
như vậy...



Ta xuống hồ này
một lát. Ta sẽ rửa tai,
rửa lưng, uống
nước no nê...



Nghĩ xong, voi làm liền...



Lát sau voi lên bờ, thân thể sạch sẽ và tâm tư sáng khoái. Một con mèo nhìn thấy tất cả.

Voi tắm được thì ta cũng tắm được.

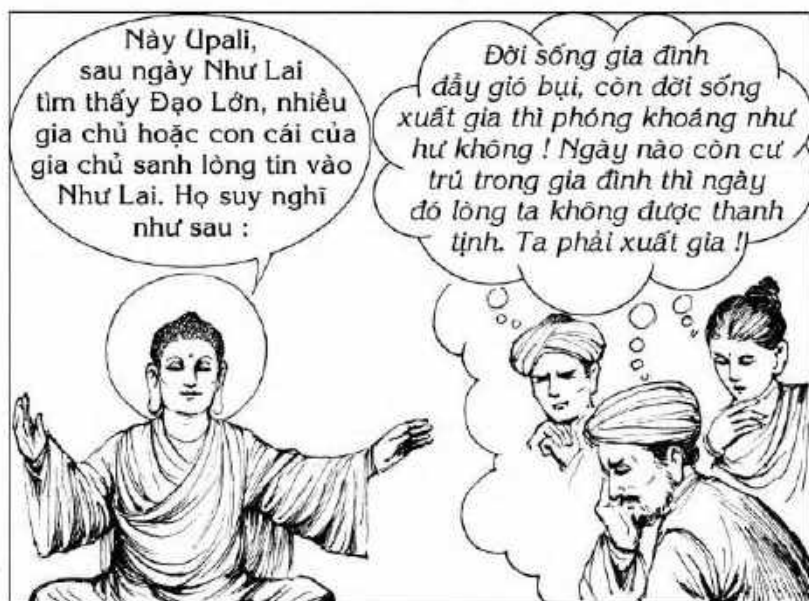


Con mèo phóng xuống hồ. Nhưng, nó không có thời giờ rửa tai, rửa lưng mà cảm thấy sắp chết ngộp...



Lên bờ, con mèo run rẩy, tâm tư khổ não chớ đâu có được sáng khoái. Trong trường hợp thứ nhất, con voi thành công là nhờ nó cao lớn, bốn chân "đủ dài" để đứng được trên đáy hồ ; còn con mèo thì bị "hụt chân".





"Một con chim bay tới nơi nào cũng chỉ mang theo đôi cánh, người xuất gia đi đến đâu cũng chỉ có một bình bát và 3 bộ y.

Về phương diện vật chất, người đó đã từ bỏ tiền bạc, trâu bò, ruộng vườn, đất đai, nhà cửa, bỏ cả đàn bà, con gái, tù nữ. Về phương diện tinh thần, họ sống đời hiền lành, bỏ sát sanh, bỏ tâm dâm dục, chỉ nói lời chân thật và sống hoà hợp với mọi người.



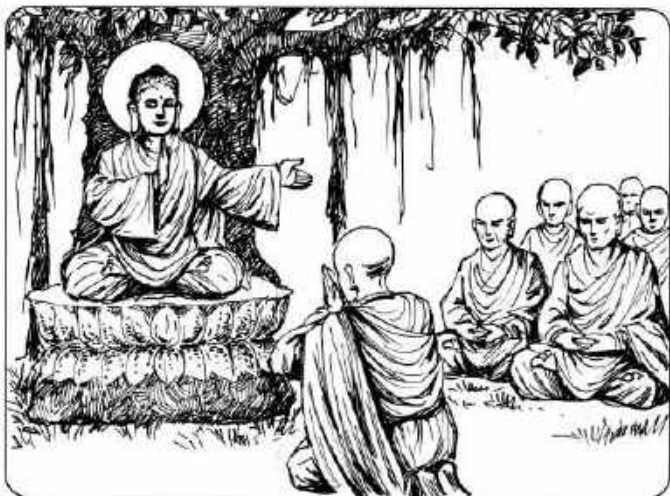
"Lánh mình nơi vắng vẻ, cả ngày lẫn đêm, người ấy chỉ lo tu tâm dưỡng tánh, cố đạt đến quả vị cao nhất để thoát khỏi vòng luân hồi sanh-lão-bệnh-tử".

Này Upali, sánh với các an trú trước, sự an trú này có cao diệu hơn không ?

Thưa có, bạch Thế Tôn.



— Nhưng này Upali, các đệ tử của Như Lai, ai có thể để cho lòng mình hoàn toàn thanh tịnh thì mới nên đến sống tại các vùng rừng núi, các trú xứ xa xôi. Còn không, thì chớ đến. Các khu rừng sẽ làm loạn ý những tỷ kheo chưa đạt được thiền định. Nước hồ kia chỉ làm lợi cho con voi mà không giúp gì cho con mèo ! Vậy này Upali, Thầy hãy sống giữa Tăng chúng ! Sống giữa Tăng chúng, Thầy được yên ổn.



— Vào thời Đức Phật, hầu hết các nhà tu đều muốn tìm nơi vắng vẻ với hy vọng sẽ sớm chứng Niết bàn (tức là sẽ hoàn toàn đạt được trạng thái thanh tịnh, an lạc của thân và tâm). Không riêng gì Upali, nhiều đại đệ tử của Phật cũng thích ẩn cư tại các vùng hoang vu : Đại Ca-diếp, A-na-luật và cả Xá-lợi-phất nữa ! Ở đây, phải chăng Phật muốn ngăn cản Upali, vì sợ rằng tôn giả không đủ sức chống trả với “sự bạc đãi” của núi rừng ?

— Chúng ta được biết Upali là người chấp hành các giới luật do Phật nêu ra. Phật đặt ra bao nhiêu giới luật thì Upali chấp hành bấy nhiêu, không bỏ sót một giới luật nhỏ nhặt nào. Một con người như vậy, nếu vào rừng ẩn cư, lẽ đâu không chịu đựng được các khắc nghiệt của núi rừng ?

— Vậy phải chăng, chúng ta sẽ hiểu rằng Phật rất cần một người chấp hành “y chang” các giới luật của Ngài (người đó PHẢI là Upali, chớ không ai khác) nên Ngài mới nói như vậy. Hơn nữa, khi câu chuyện đối đáp này được loan truyền ra, nó rất có lợi cho Upali : uy tín của tôn giả tăng cao, vì tôn giả là người đã được Phật “bổ nhiệm” vào chức vụ nắm giữ giới luật.

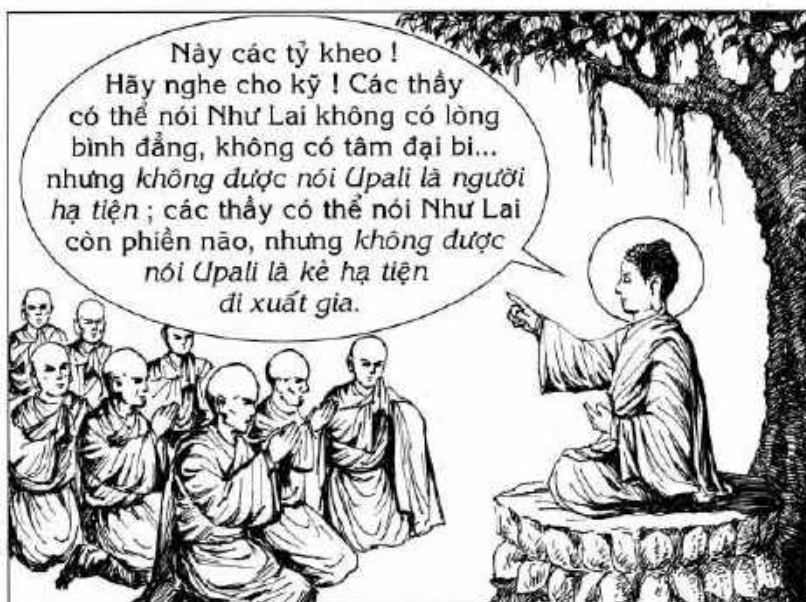
Ít lâu sau Upali trở thành một trong các tỷ kheo thượng thủ của giáo hội. "Nhiều người nghi ngờ tài và đức của Upali nhưng không dám nói ra. Tôn giả A-nan thấy thế, đứng ra nêu các thắc mắc đó giùm họ.

Bạch

Thế Tôn, vì sao
Thế Tôn lại cho Upali
gia nhập Giáo hội ? Việc đó
khiến cho các dòng vương tôn,
quý tộc sinh lòng bất kính,
còn tỷ kheo Nanda thì
sinh lòng khinh
mạn.



Này các tỷ kheo !
Hãy nghe cho kỹ ! Các thầy
có thể nói Như Lai không có lòng
bình đẳng, không có tâm đại bi...
nhưng không được nói Upali là người
hạ tiện ; các thầy có thể nói Như Lai
còn phiền não, nhưng không được
nói Upali là kẻ hạ tiện
đi xuất gia.



Ở những kiếp quá khứ xa xưa, trong giáo pháp của các vị Phật, Upali cũng là người trì luật thứ nhất.

Khi nghe Phật khen ngợi ngài Upali, *tỷ kheo Nanda* mới *khởi tâm cung kính*, liền đứng dậy đến lễ ngài Kiều-trần-như và lần lượt lễ các đệ tử khác ! Nhưng khi đến trước mặt ngài Upali thì Nanda *chỉ cúi đầu rồi ngẩng lên và chấp tay đứng nhìn mà thôi*. Lúc đó Phật nói bài kệ :

Nanda, người nên biết,
Chớ khinh người nghèo cùng.
Đừng cậy mình giàu sang,
Xuất gia không phân biệt.



Tỷ kheo Nanda nghe Phật chỉ dạy thì *sinh lòng vui mừng*, liền sửa lại y phục rồi *cúi đầu lễ chân ngài Upali*. Lúc ấy, trời đất đều **rung động**. Nanda thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàng, tức thì chứng được đạo quả A-la-hán mà vào địa vị của bậc vô-học." *



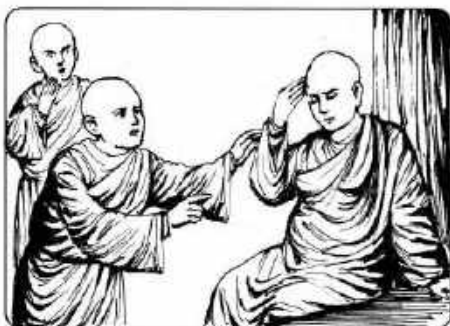
* Đoạn này chép trong quyển Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

IV. Một lời nói đủ sức cứu lầy danh giá của một phụ nữ bị hàm oan

Năm 554 trước Tây lịch, ở Xá Vệ có một thiếu nữ xin mẹ cho xuất gia nhưng bị từ chối ! Mẹ nàng ép nàng phải lấy chồng. Sau một thời gian chung sống, nàng ngộ ý với chồng, xin xuất gia. Người chồng bằng lòng, đưa nàng đến với các tỳ-kheo-ni thuộc phái Đề-bà-đạt-đa. Kể từ đó nàng sống rất hoan hỷ, nhưng cái bào thai trong bụng mỗi ngày một lớn. Các tỳ-kheo-ni hỏi :

— Hiền muội, hình như hiền muội có thai ?

— Thưa các hiền tỳ, tiểu muội không biết. Giới hạnh tiểu muội đầy đủ.



Các tỳ-kheo-ni đưa nàng đến gặp Đề-bà-đạt-đa, nói :

— Thưa tôn giả, thiện nữ-nhân này được phép chồng cho xuất gia. Nàng có thai. Chúng tôi không biết cái thai được hình thành vào lúc nàng hãy còn là cư sĩ hay sau khi đã vào đây.

Một tỳ-kheo-ni thuộc phái Đề-bà-đạt-đa đã có thai ! Ta sẽ bị chỉ trích.

Hãy đuổi người này ra khỏi đây ngay !



Các tỳ-kheo-ni đánh lễ Đê-bà-đạt-đa, rồi đưa nàng về phòng mình.

Thưa các
hiền tỳ, trưởng lão
Đê-bà-đạt-đa không phải
là Đức Phật. Tiểu muội xuất
gia không phải với Đê-bà-đạt-
đa mà với bậc Chánh Đẳng
Chánh Giác. Hãy đưa
tiểu muội đến
Kỳ Viên.



Các tỳ-kheo-ni làm theo lời yêu cầu đó. Sau khi nghe hai bên trình bày, Thế Tôn nghĩ thầm : "Cái thai được tượng thành lúc nữ nhân còn là cư sĩ, nhưng đây vẫn là dịp tốt để kẻ ngoại đạo xuyên tạc ta : *Sa môn Gotama đã thu nhận một tỳ-kheo-ni bị Đê-bà-đạt-đa đuổi*. Chuyện này phải do Upali giải quyết trước mặt nhà vua mới được".



Visakha nhận lệnh, cho treo một cái màn lớn. Đứng sau màn, bà cẩn thận quan sát tay chân, lỗ rốn, bụng và các phần khác của tỳ-kheo-ni. Sau đó bà đến báo cáo với trưởng lão Upali.



Với nét mặt rạng rỡ, trưởng lão Upali đứng dậy, nói trước đại hội :

NGƯỜI
NỮ NÀY
THANH TỊNH



Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Những hạt lệ tuôn chảy trên gương mặt của tỳ-kheo-ni.

Gần một năm sau, vua Ba-tư-nặc đi ngang qua chỗ cư ngụ của tỳ-kheo-ni, nghe có tiếng trẻ thơ khóc, bèn hỏi tả hữu :

Tiếng
gì vậy ?

Ta sẽ
nuôi đứa bé
để mẹ nó an tâm
tu học.

Tâu
đại vương, con
trai của tỳ-kheo-ni
đang khóc.



Đứa bé được vua đặt tên là Kassapa, về sau trở thành một nhà thuyết pháp giỏi.



Còn tỳ-kheo-ni, nhờ phát triển thiền quán, đã chứng quả A-la-hán.

V. Upali, người trì luật đệ nhất

Upali rất chú trọng tới *tứ oai nghi** hàng ngày ; đối với các giới điều do Phật đặt ra, tôn giả đều nhất nhất tuân thủ, được các tỷ kheo đồng học tôn là bậc **trì luật đệ nhất**.

Tại tự viện, một tỷ kheo giữ giới sẽ được cung kính, nhưng khi ra đường, không chắc vị đó sẽ được hoan nghênh. Có lần Upali cùng đi hoằng hoá : tại vài địa phương, một số tỷ kheo nghe tin Upali đến, liền bàn :

— Ông ấy tới thì sẽ nói với ta như vậy : *"Chuyện này nên làm, chuyện này không nên làm. Làm sao cho ông ấy đừng ghé qua đây nhỉ ?"*

— Thì mình đóng cửa lại, đem toạ cụ treo ngoài cửa.

— Cần gì phải làm thế. Ông vừa tới thì mình đi nơi khác.

Tôn giả Upali vẫn thường gặp những cảnh ngộ như thế nên không muốn đi hoằng hoá, nhưng ở tại tự viện, tôn giả cũng chẳng được yên thân. Một ngày kia, tỷ-kheo-ni Thullananda sầm sầm đi đến, nói sắn sả :

— Ông Upali, ông không phải là một người chân tu. Ông chuyên môn tạo ra sóng ra gió. Tại sao ông cứ theo hỏi Thế Tôn chuyện này nên làm không, chuyện kia nên làm không... khiến cho cuộc sống của chúng tôi thêm rối rắm và khổ sở ?

Gặp các trường hợp như vậy, Upali nhẫn nhục trả lời từ tốn.



* *Tứ oai nghi* là đi, đứng, nằm, ngồi. Đó là bốn tư thế mà lúc nào người tu hành cũng phải gìn giữ.

Thế Tôn rất lưu tâm đến Upali. Mỗi khi gặp các tỷ kheo đi hoằng pháp tại các nơi trở về, Ngài thường hỏi thăm :

— Các thầy có gặp Upali không ?

— Bạch Thế Tôn, con có gặp. Tôn giả đang giáo hoá tại làng kế bên làng con ở.

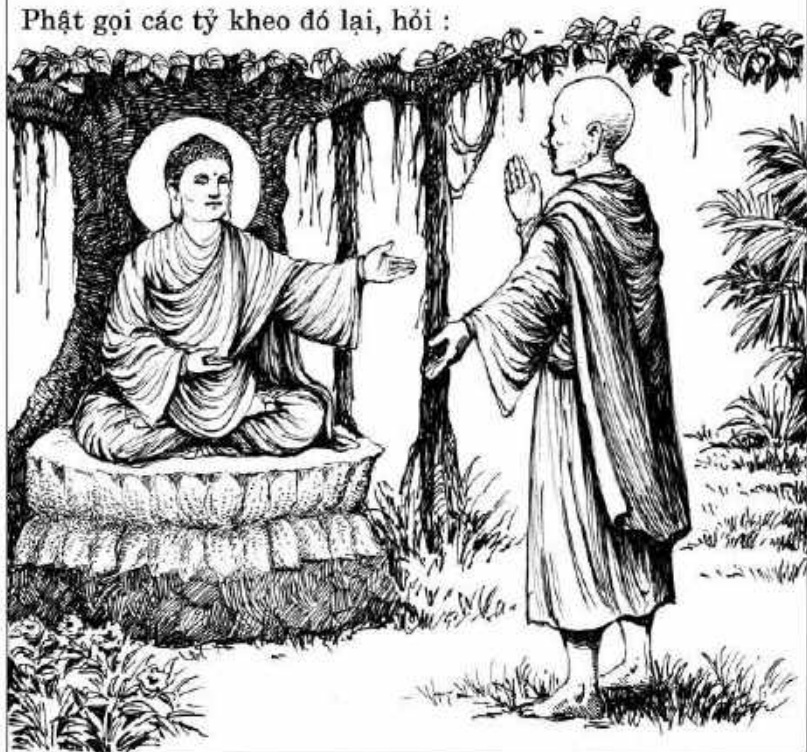
— Tại các nơi Upali đi qua, mọi người có cung kính, cúng dường không ?

— Bạch Thế Tôn, có nhiều địa phương chẳng đủ lễ với tôn giả, còn người tại gia thì không biết tôn giả là bậc trí giả ; một vài tỷ kheo lại chẳng muốn gặp, thậm chí có vài tỷ-kheo-ni nổi giận với tôn giả.

— Sự việc đến như vậy ư ?

— Những vị đó nói rằng : *"Thật rất bất tiện khi phải sống với một tỷ kheo trí giới"*.

Phật gọi các tỷ kheo đó lại, hỏi :



— Này các tỷ kheo ! Các thầy lánh mặt Upali và ác khẩu với thầy ấy ? Có thật như vậy không ?

— Bạch Thế Tôn, quả có như vậy.

— Này các tỷ kheo ! *Người trì giới được ví với ngọn đèn sáng. Những người có phẩm hạnh tốt thì thích chỗ sáng ; chỉ có người thường làm điều quấy mới ưa bóng tối. Các thầy không cung kính người trì giới thì còn cung kính ai ? GIỚI là THẦY của người tu học. Giới ở nơi nào thì pháp ở nơi đó. Giới còn thì pháp mới còn. Ai không cung kính tỷ kheo trì giới, thì người đó đã có ý đồ phi pháp.*



VI. Upali hỏi Phật về giới luật



Ở Sakya, phụ nữ dòng họ Thích Ca không được kết hôn với người ngoài hoàng tộc. Thuở đó có cô Hắc-xa-ly goá chồng rất sớm.



Ít lâu sau, có người đến xin cưới Hắc-xa-ly. Nàng bằng lòng nhưng cậu em chồng ngăn cản: anh ta muốn kết hôn với chị dâu.

Bị cự tuyệt, hấn lén bỏ thuốc vào thức ăn khiến người goá phụ bị mê man.





Khi tỉnh dậy, Hắc-xa-ly hiểu rằng dù có kêu oan thế mấy, nàng cũng chết.



Nửa đêm hôm đó, thừa dịp quân canh lơ đãng, nàng trốn thoát...



... chạy đến thành Xá Vệ...



...và xuất gia.



Trong khi đó ở Ca-tỳ-la-vệ, quan quân ra sức truy lùng cô gái. Khi biết tử tội đã sang nước Kosala, vua nước Sakya viết thư yêu cầu vua Ba-tư-nặc, trả Hắc-xa-ly về.

Vị vua to con xem thư xong, hỏi các quan.

Chuyện này có thật không?

Tâu đại vương, có.



Vua Ba-tư-nặc sai người viết thư trả lời.

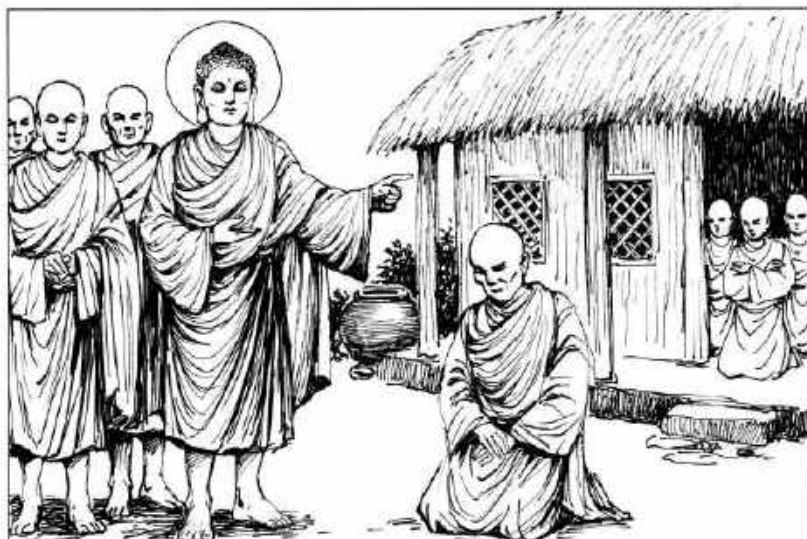
Hắc-xa-ly đang ở Kosala nhưng đã xuất gia rồi, không thể kết tội được.



Vua nước Sakya giận dữ và mối bang giao giữa hai quốc gia trở nên căng thẳng. Upali đến hỏi Phật :

Bạch
Thế Tôn, người
đã phạm quốc pháp,
được phép xuất
gia không ?

Ai đã phạm
quốc pháp mà chưa
được ân xá, thì tăng đoàn
không nên làm lễ
xuất gia.



Thế là vị tỷ-kheo-ni thụ nhận Hắc-xa -ly bị quả trách.

VII. Upali và phép thăm nuôi bệnh nhân

Một ngày kia Upali theo sau Thế Tôn, trông thấy một tỷ kheo bị bệnh, nằm ở nơi ô uế, không thể tự ngồi dậy được. Lần khác, một tỷ kheo bị bệnh, nằm bên đường. Mọi người có trông thấy, nhưng vì Thế Tôn chưa đưa ra quy chế khám bệnh nên các vị tỷ kheo chỉ nhiễu quanh người bệnh rồi bỏ đi. Lại có nhiều tỷ kheo cho rằng khi bị bệnh thì không cần giữ giới, bèn tự ý buông lung.

Tôn giả Upali bèn đến gặp Phật trình bày về vấn đề này.
— Bạch Thế Tôn, nếu có vị tỷ kheo đại đức bệnh thì nên chăm sóc như thế nào ?

— Hãy để bệnh nhân nằm tại phòng chính, thoáng khí. Đệ tử của thầy ấy đứng hầu ở hai bên. Phải quét dọn phòng, cắm hoa, đốt hương tùy thời, theo dõi hơi thở của thầy mình. Nếu có tỷ kheo đồng học đến thăm thì rót nước mời. Khách có hỏi điều gì mà người bệnh muốn đáp nhưng không đủ sức thì người thị giả có thể trả lời thay. Phải cung cấp đủ thuốc men, thực phẩm cho người bệnh.

Nếu có các cư sĩ đến thăm, hãy mời ngồi ở phía sau bệnh nhân và vì họ mà thuyết pháp. Nếu họ có cúng dường, nên niệm Phật, chú nguyện rồi mới tiếp nhận. Khi người bệnh muốn đi tiểu tiện, người thăm bệnh hãy lè lẹ rút lui. Trong phòng, trừ người thị giả nuôi bệnh, ngoài cửa cũng cần có người : Không nên để cho người lạ đột nhập vào phòng.



— Bạch Thế Tôn, nếu *tỳ kheo tiểu đức* bị bệnh, thì nên thăm nom như thế nào ?

— Trong trường hợp này, không nên để bệnh nhân nằm ở phòng chính. Sư trưởng hoặc đệ tử hoặc các vị đồng trú xứ sẽ cử người đến nuôi bệnh, đôi ba người thay phiên nhau. Nếu bệnh nhân cần thuốc men, thực phẩm, người nuôi bệnh nên cung cấp đầy đủ. Nếu không có, thì đại chúng sẽ cấp cho. Nếu đại chúng cũng không có thì lấy y bát đáng giá của người bệnh mà đổi lấy. Nếu người bệnh không muốn đổi, hãy bạch với vị trưởng lão để vị này miễn cưỡng khuyên người bệnh vui lòng xả bỏ vật chất rồi sau đó mới đem đổi. Nếu không có cách gì thì hãy lựa thức ăn thượng vị của chúng tăng đem cho. Nếu chúng tăng cũng không có, người nuôi bệnh nên đem hai bát vào làng khát thực : thức ăn ngon dành cho người bệnh.

Người đã xuất gia sống xa gia đình, bị đau yếu thì rất khổ sở nên cần được săn sóc. Sau khi Upali trình lên Phật về cách thăm nuôi bệnh thì việc đó được ổn định.



VIII. Kết tập tạng Luật

Là tỷ kheo trì luật, hằng ngày tôn giả giải quyết các rắc rối trong tăng đoàn, làm *phép yết ma sám hối* cho các tỷ kheo phạm giới, bàn luận với Phật về các chỗ tế nhị của giới luật. Về phương diện giới luật, tôn giả Upali có đầy đủ quyền hạn. *Đức Phật từng khen tôn giả là người trì luật đệ nhất*. Các vị tỷ kheo trong tăng đoàn cũng công nhận như vậy.

Sau ngày Phật nhập Niết bàn, Upali khoảng 70 tuổi. Trong cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất, nhiều trưởng lão đã đề cử Upali giữ việc kết tập tạng LUẬT. Tôn giả từ chối :

— Bần tăng không dám đảm nhận trách nhiệm lớn lao đó. Xin chư huynh đệ hãy mời trưởng lão khác.

— Tôn giả Upali, xin đừng khách sáo ! Trong tăng đoàn – trừ đức Thế Tôn ra – tôn giả là bậc trì luật đệ nhất. Vậy tạng Luật phải do tôn giả đọc tụng. — Đại Ca-diếp nói.

Upali nhận lời, trước tiên đưa ra nhiều nguyên tắc, yêu cầu đại hội tuân theo, rồi sau đó mới tụng.

Trước đại hội, tôn giả lần lượt nói rõ từng giới luật một : giới luật này được Phật đưa ra vào lúc nào, ở đâu, nói với ai, do nhân duyên gì mà nói ; người phạm giới ấy có tội như thế nào.

Các trưởng lão có tham dự cuộc kết tập đều thần phục trí nhớ của tôn giả Upali.



Yết ma là dịch âm của chữ Karma có nghĩa là *hành động tạo nghiệp, dẫn tới quả báo trong tương lai*. **Phép yết ma sám hối** là buổi lễ thi hành kỷ luật đối với các tỷ kheo hoặc tỷ-kheo-ni phạm giới.

XÁ - LỢI - PHÁT

(Trí huệ đệ nhất)



Xá-lợi-phất
[Trí huệ đệ nhất]

I. Từ thời niên thiếu tới lúc đắc quả A-la-hán

Sariputta*
sinh trong
một gia đình
quý tộc của
làng Upatissa
nên được dân
làng gọi là
“cậu Upatissa”.



Cha là
luận sư nổi
tiếng trong
giáo đoàn
Bà-la-môn.



* Sariputta là con của ông Vanganta và bà Rūpasāri. Chữ sariputta có nghĩa là “con của bà Rupasari” (dịch nghĩa là Xá Lợi Tử và dịch âm là Xá lợi phát).



Lúc 8 tuổi, Xá-lợi-phất ăn nói lanh lợi và đã đọc nhiều kinh, sách. Thuở đó các triệu phú ở Vương Xá thường mở tiệc khoản đãi các đại thần, thái tử, luận sư.



Trong dịp này, cậu bé đến ngồi trên các chiếc ghế dành cho các luận sư. Nhiều vị đại thần cho rằng đó là đứa con ngỗ nghịch của luận sư Vanganta nên không chấp nhất, chỉ sai người đến đuổi đi.



Những người đi làm nhiệm vụ đã gặp phải một đứa bé có tài ứng đối. Họ ngạc nhiên, trở về báo với các đại thần : mọi người đều khen cậu bé là một thần đồng.



Xá-lợi-phát có một người bạn cùng tuổi, tên là Moggallana,* sinh ở làng Kolitagama và cũng được người đương thời gọi theo tên làng : cậu Kolita. Hai người rất thân nhau.

* Moggallana được đặt theo tên mẹ (là bà Moggallini), dịch âm là Mục-kiền-liên.



Ngày kia, Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên đến dự lễ-hội hàng năm được tổ chức trên đỉnh núi. Hội chợ rất vui, nhưng sau những giờ náo nhiệt, cảnh vật lại hoang vắng như cũ.

Điều này làm cho cả hai nhận ra rằng mọi thú vui vật chất đều không kéo dài.

Nếu mọi thú vui vật chất là tạm bợ thì ta hãy đi tìm một cách nào đó để thoát ra khỏi các nỗi khổ.

Huynh có lý ! Vậy ta cùng đi !





Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên liền đến thọ giáo với đạo sĩ Sanjaya.

Chỉ trong một thời gian ngắn, hai chàng trai đạt được một trình độ y như sư phụ. Khi đó họ không hài lòng về các kiến thức mà mình vừa có.



Lại phiêu bạt nhiều nơi. Lại tìm các đạo sĩ Bà-la-môn danh tiếng để học hỏi. Nhưng tất cả đều không làm hài lòng họ.

Thế này thì ta về nhà thôi.

Tất nhiên !

Phải.

Nhưng ta sẽ tiếp tục tìm ra con đường giải thoát. Hãy hứa với nhau rằng ai thấy ĐẠO trước thì phải báo ngay cho người kia.



Buổi chia tay đó diễn ra trong khoảng thời gian gần 60 đệ tử của Phật rời Vườn Lộc Uyển để đi truyền-bá Đạo Phật. Một trong 5 tỷ kheo trong nhóm ông Kiều-trần-như đi về nước Ma-kiệt-đà.

Nhờ vậy mà một hôm Xá-lợi-phất có dịp nhìn thấy các cử chỉ thanh cao của một tỷ kheo lạ đang đi khát thực trong thành Vương Xá

Ta chờ
tới lúc thuận tiện...

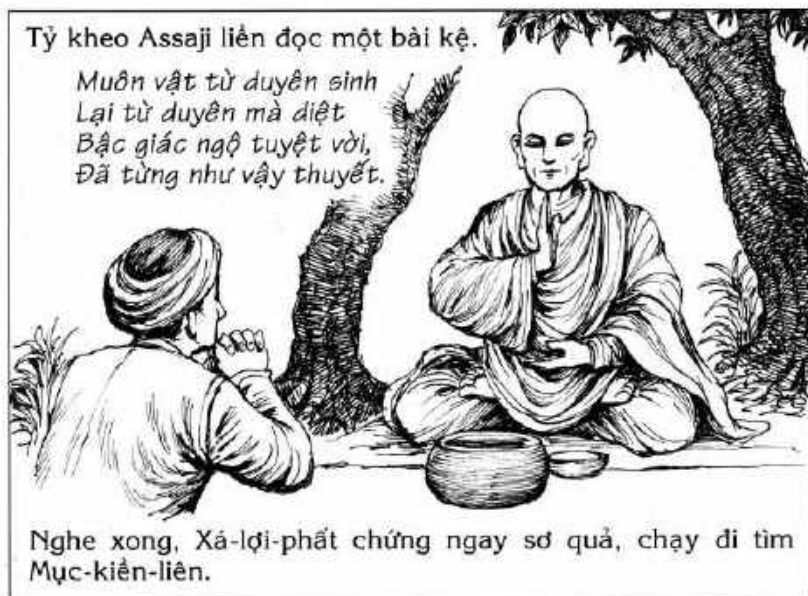
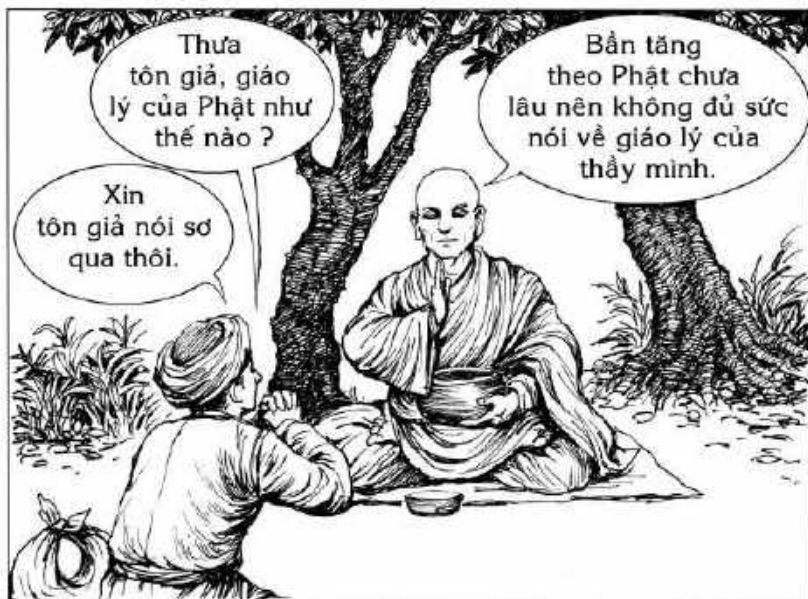


Một lát sau, tỷ kheo Assaji khát thực xong, đến một địa điểm thuận tiện để thọ thực. Xá-lợi-phất liền tiến đến, dâng một chén nước.

Thưa tôn giả,
dáng điệu của ngài thật
là thanh tịnh. Xin ngài
cho biết tôn sư của
ngài là ai ?

Sư phụ
của bản tăng là sa
môn Gotama, mà các
đệ tử của Ngài gọi
là Phật.









Đôi bạn trẻ đến thăm thầy, thuật lại chuyện gặp một tỷ kheo và mời thầy cùng đi tìm Phật. Đạo sĩ Sanjaya từ chối.



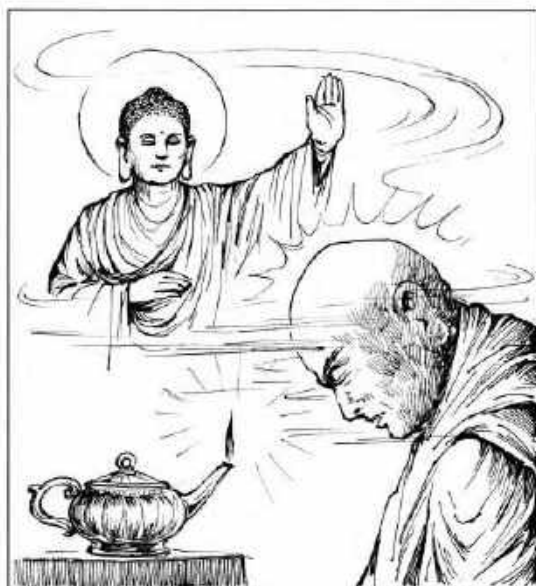
Khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ già 250 bạn đồng tu thì tất cả đều muốn theo hai sư huynh của họ. Thế là mọi người vào lạy tạ Sanjaya, rồi đi gặp Phật.

Lúc đó Phật đang thuyết pháp. Vừa trông thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Ngài liền ngưng giảng, nói :

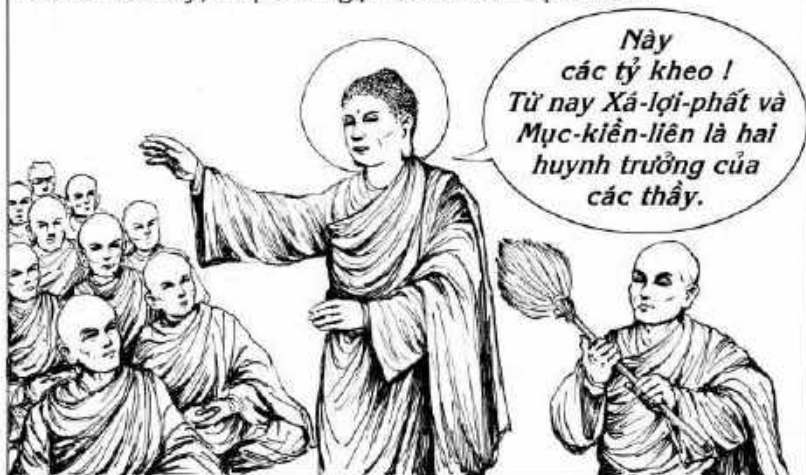
Đôi bạn
Upatissa và Kolita
đã đến kia rồi ! Đó
sẽ là những đệ tử
xuất sắc của
Như Lai.

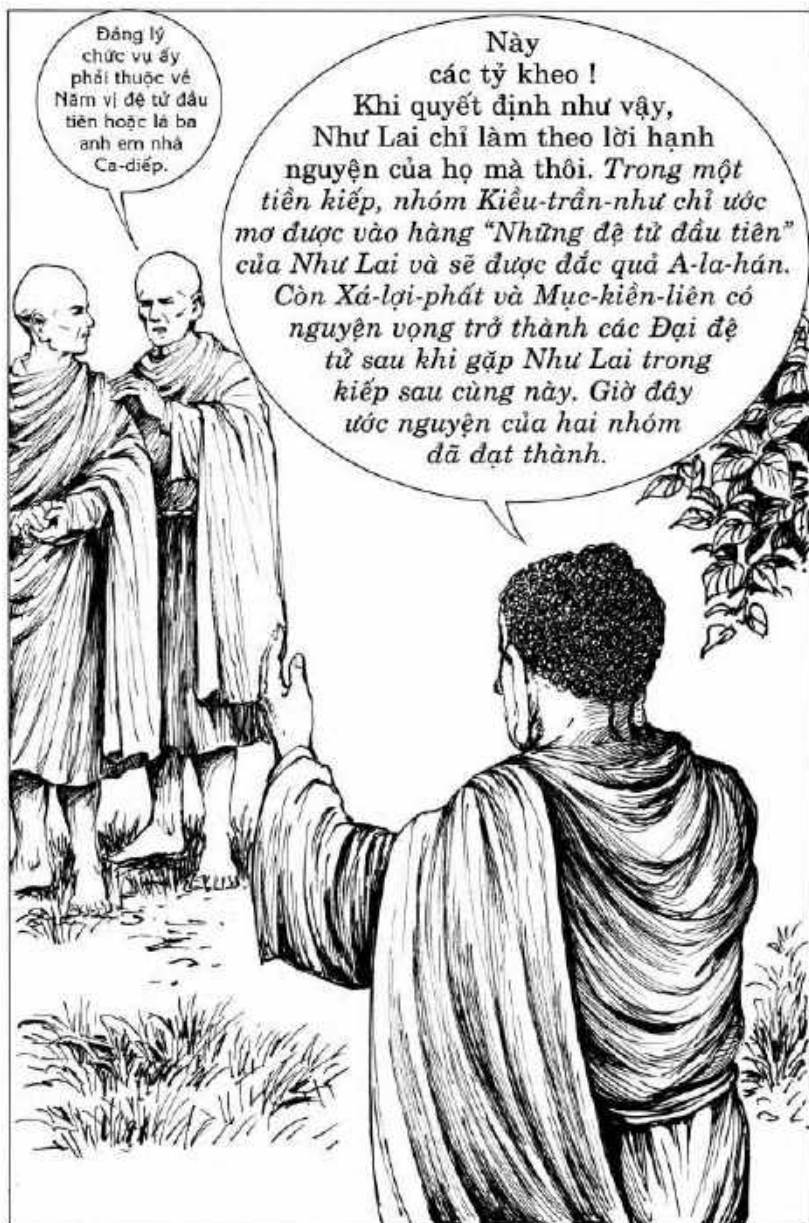


Phật nhận hai người vào Giáo hội. Mục-kiền-liên đến trú tại một ngôi làng trong xứ Ma-kiệt-đà. Sáu ngày đã trôi qua, một cơn buồn ngủ kéo đến khiến tôn giả không chú tâm được. Từ xa, Phật dùng thần thông hiện đến bên cạnh Mục-kiền-liên, dạy cách chống lại cơn hôn trầm. Sau ngày thứ 7, Mục-kiền-liên đắc quả A-la-hán.



Một tuần nữa lại trôi qua. Trong khi đứng hầu quạt Phật lúc Phật đang giảng cho cậu ruột của mình là Dighanakha nghe, Xá-lợi-phất hiểu được và đắc quả A-la-hán. Ngay chiều hôm ấy, Phật cho gọi tất cả các đệ tử đến.





II. Cung kính thầy, hết lòng với bạn đồng tu và tận tâm với đệ tử

A. Cung kính thầy

♦ Khi được sống chung với Assaji trong cùng một tinh xá, mỗi lần đánh lễ Thế Tôn xong, Xá-lợi-phất nghiêng mình đánh lễ trưởng lão Assaji với ý nghĩa *đây là người thầy đầu tiên của mình.*



♦ Còn những lúc hai vị sống tại hai nơi khác nhau, Xá-lợi-phất quay mặt về phía Assaji đang cư trú mà lễ bái.



B. Hết lòng với bạn đồng tu

Là tỷ kheo đầu đàn của tăng đoàn, Xá-lợi-phất luôn luôn làm tròn nhiệm vụ đối với các bạn đồng tu.

♦ Các tỷ kheo ở phương xa đến trọ học tại Kỳ Viên, lúc sắp sửa trở về trú xứ cũ đều đến từ giã Phật. Phật khuyên họ tới thăm Xá-lợi-phất.

♦ Xá-lợi-phất đi khất thực trễ hơn các tỷ kheo khác : sáng nào tôn giả cũng đi quanh tinh xá, thấy chỗ nào chưa sạch, chưa gọn thì quét dọn, sắp xếp lại.

♦ Tôn giả còn đến bệnh xá an ủi bệnh nhân, xem họ cần gì rồi tìm cách cung ứng, sau đó mới đến nhà người thí chủ đã mời ngài trước đó.



♦ Câu chuyện Xá-lợi-phất đến thăm triệu phú Cấp Cô Độc lúc lâm chung là câu chuyện khá cảm động.*

♦ Sau khi đã có thiên nhãn mà vẫn còn bị vài phiền não nhỏ nhặt, A-na-luật liền đến hỏi Xá-lợi-phất và được chỉ cách hoá giải.**

♦ Khi hay tin tỷ kheo Channa*** bị bệnh nặng, Xá-lợi-phất đến thăm, ngỏ lời sẽ đi tìm thuốc và thức ăn thích hợp cho Channa. Nhưng Channa nói rằng mình đang đau đớn và biết rằng không thể hết bệnh, nên đã quyết định chấm dứt thọ mạng. Ngay khi Xá-lợi-phất ra về, Channa chấm dứt mạng sống của mình.

Về việc này, Phật nói rằng Channa không có sai lầm vì trước đó Channa đã đắc quả A-la-hán.

♦ A-nan là người rất quý trọng Xá-lợi-phất và Xá-lợi-phất cũng rất cảm mến A-nan. Người huynh trưởng thường nghĩ rằng : *"A-nan luôn luôn hầu cận Phật. Đó là việc mà đáng lý mình phải làm"*.

* Xem Cấp Cô Độc.

** Xem A-na-luật.

*** Ông này trùng tên chứ không phải là Channa (Xa-nặc), người đánh xe cho Thái tử Tất Đạt Đa.

C. Tận tâm với đệ tử

● 1. Giúp một tỷ kheo được ăn no một lần duy nhất trong đời

Có một đứa bé bị mẹ bỏ rơi, sống lang thang, đói khát. Lúc 7 tuổi cậu ta phải lượm từng hạt cơm mà ăn. Một hôm tôn giả Xá-lợi-phất đi khất thực ở Xá Vệ trông thấy, gọi lại và cho xuất gia. Lớn lên, Losaka trở thành tỷ kheo Losakatissa, luôn luôn nhận rất ít đồ cúng*.

Sau một thời gian tu học, Losakatissa đắc quả A-la-hán, song vẫn không nhận được nhiều thực phẩm cúng dường. Losakatissa yếu dần và ngày nhập Niết bàn đã cận kề.

Hôm ấy Xá-lợi-phất hướng tâm đến người đệ tử này, biết tối đó Losakatissa sẽ nhập Niết bàn, bèn đưa đệ tử của mình vào thành khất thực. Nhưng *hai vị không nhận được gì cả*. Xá-lợi-phất bảo Losakatissa quay lại tinh xá, còn ngài tiếp tục đi khất thực. Nhưng những người được giao nhiệm vụ đem thức ăn về, đều quên trao lại cho Losakatissa.



Khi trở về, Xá-lợi-phất hỏi :

— Này hiền giả, hiền giả đã nhận được thức ăn chưa ?

— Thưa tôn giả, con sẽ nhận được. — Losakatissa đáp.

Trưởng lão Xá-lợi-phất giạt mình, đưa mắt nhìn lên trời : đã quá giờ ăn rồi. Ngài nói với Losakatissa :

— Này hiền giả, hãy đợi ở đây.

Nói xong, trưởng lão đi vào hoàng cung.

Nhà vua sai người cầm lấy bình bát, bỏ vào đó bốn loại bánh ngọt, nói :

— Đây là thức ăn phi thời.

* Bởi vì trong một tiền kiếp, ông này là một nhà tu có lòng hẹp hòi : đã “ngăn cản” một tín chủ bố thí cho một nhà sư khác.

Trở về tinh xá, Xá-lợi-phất chia bát ra trước mặt tỷ kheo Losakatissa, nói :

— Đây hiền giả ! Ăn bánh đi !

Nhưng Losakatissa ngại ngùng, không dám ăn.

— Hãy ăn đi ! Một khi tay bần tăng còn cầm bình bát thì thức ăn vẫn còn ở trên đó.

Do thần lực của Xá-lợi-phất, các bánh ngọt không bị biến mất*. Thế là trong suốt cuộc đời của mình, đây là lần duy nhất Losakatissa được ăn no.

Cần lấy đi !
Không sao đâu !



* Truyền thuyết nói rằng khi một người đưa cho Losakatissa nguyên một mâm đầy bánh trái, khi vị này cầm lấy một món thì tất cả những gì còn lại trên mâm đều biến mất.

● 2. Giúp một bà lão thoát cảnh nghèo.

Dân chúng sống tại Xá Vệ đến nhờ một tỷ kheo truyền-pháp giới-thiệu các tỷ kheo để họ cúng dường. Có một bà lão sửa soạn được một ít quà. Bà rụt rè đi gặp vị tỷ-kheo truyền-pháp, nói :

— Thưa thầy, nhờ thầy giới thiệu cho con một tỷ kheo.

— Thưa nữ thí chủ, tất cả các tỷ kheo đã được bản tăng giới thiệu rồi. Nay ở tỉnh xá chỉ còn có trưởng lão Xá-lợi-phất. Hãy cúng phần ăn cho vị ấy.

— Lành thay ! — Bà lão hoan hỷ nói, rồi đứng chờ.

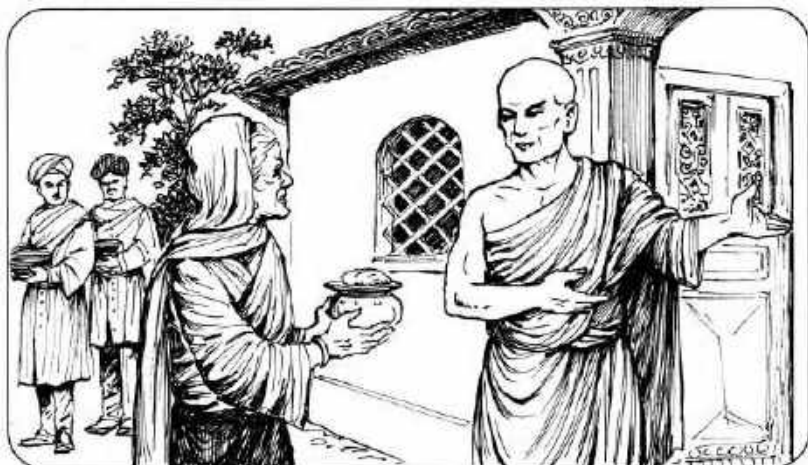
Khi Xá-lợi-phất đến, bà đánh lễ, tay cầm lấy bình bát, đưa trưởng lão về nhà mình, mời ngồi.

Tin tức về việc này được loan truyền đến vua Ba-tư-nặc. Ngài cho mang nhiều loại thức ăn, một cái áo, một túi tiền 1000 đồng... đến cho bà lão, nhắn rằng :

— Quả nhân tặng bà cái áo và số tiền nhỏ mọn kèm theo để bà tiêu dùng trong khi tiếp đón đại trưởng lão.

Rồi ông Cấp Cô Độc, bà Visakha cũng gởi quà đến, còn các gia đình khác, người này gởi 100, người kia tặng 200 đồng...

Trưởng lão Xá-lợi-phất dùng xong một chén cháo, ăn một cái bánh do bà lão nấu, an trú bà trong quả Dự lưu rồi trở về tỉnh xá.



III. Độ cho một người làm công quả trong chùa



Ở Xá Vệ có một người Bà-la-môn nghèo khổ, vào sống trong chùa, làm công quả : quét dọn, dâng nước...



Ít lâu sau, ông xin xuất gia, nhưng chư tăng không đồng ý. Vì thế ông buồn bã, gầy mòn.

Một sáng kia, Phật nhìn khắp thế gian, thấy người Bà-la-môn này đủ duyên lành để đắc quả A-la-hán. Ngài hỏi :

Này các tỷ
kheo, trong các thầy,
có ai nhớ rằng mình đã thọ
bát của người Bà-la-môn
này không ?

Bạch
Thế Tôn, ông này
đã có lần cúng dường
cho con một vá
cơm.





Liên sau đó, Xá-lợi-phất làm lễ xuất gia cho người Bà-la-môn. Một thời gian sau, vị này đắc quả A-la-hán. Đó là tỷ kheo Radha.

IV. Gương nhẫn nhục và khiêm tốn

A. Nhẫn nhục

● 1. Bị đoạt chỗ ngủ mà không giận.

Sau khi xây xong một ngôi tinh xá ở Xá Vệ và sau khi gởi các sứ giả đi khắp nơi báo tin, Phật rời Vương Xá đến sống tại Tỳ-xá-ly một thời gian rồi sau đó mới tới Xá Vệ.

Trong cuộc hành trình này, các đệ tử của “Nhóm 6 tỷ kheo ưa tranh cãi” đã tranh lấy các căn nhà chưa có người ở. Vì vậy các trưởng lão đến sau không có nơi trú ngụ : các đệ tử của tôn giả Xá-lợi-phất không tìm được một căn nhà nào cho thấy mình. Thế là tôn giả đành phải ngủ hoặc phải đi kinh hành suốt đêm dưới một gốc cây.

Trời tờ mờ sáng, Phật thức dậy, đi ra, đảnh hăng. Xá-lợi-phất đảnh hăng trả lời.

— Ai đó ?

— Bạch Thế Tôn, con là Xá-lợi-phất.

— Thấy làm gì ở đây ?

Xá-lợi-phất bèn kể lại mọi việc với vẻ mặt bình thản, không một chút buồn phiền.



● 2. Bị vu cáo mà vẫn không giận.

Một hôm, tại Kỳ Viên, Xá-lợi-phất đến xin phép Phật cho mình đi du hành trong quốc độ. Phật bằng lòng và tôn giả về phòng sửa soạn đồ đạc. Liền sau đó một tỷ kheo đến bên Phật, nói :

— Bạch Thế Tôn, Xá-lợi-phất đã làm nhục con, nay bỏ đi để khỏi phải xin lỗi con, chớ không phải đi vì Phật pháp.

Phật cho gọi Xá-lợi-phất, nói cho tôn giả biết câu chuyện vừa rồi. Xá-lợi-phất ôn tồn giải thích :

— Bạch Thế Tôn, từ khi theo Thế Tôn đến nay, con chưa hề sát sanh, chưa hề nói vọng ngữ. Suốt ba tháng an cư kiết hạ, ngày nào con cũng sám hối. Từ lâu con nguyện làm như đất, như nước.* Con không hề phạm lỗi với vị huynh đệ kia. Con biết những việc con đã làm, còn huynh đệ kia hẳn biết việc làm của vị ấy. Nhưng nếu con có lỗi thì con xin hướng về vị huynh đệ mà xin được tha thứ. Mong Thế Tôn minh xét.

Nghe đến đây, tỷ kheo vu cáo quỳ xuống, nói :

— Bạch Thế Tôn, tôn giả Xá-lợi-phất không phạm lỗi. Con đã có lòng đổ kỵ. Xin Thế Tôn tha thứ, con xin sám hối.

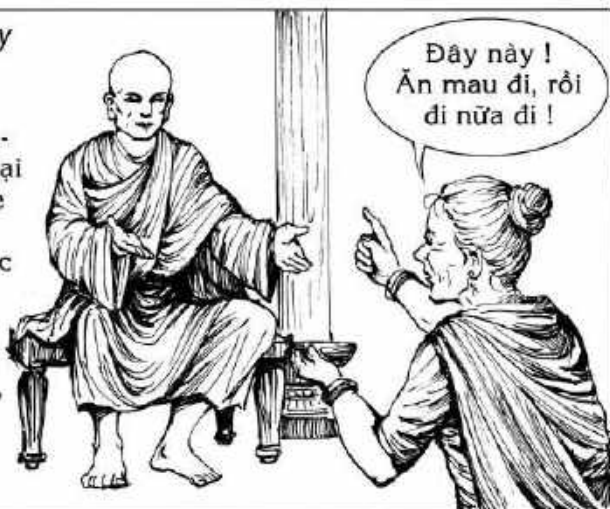


* **Hiển như đất** : Ai muốn ném bất cứ thứ ô uế nào lên đất, đất cũng không giận hờn. ** **Hiển như nước** : Ai muốn ném bất cứ thứ dơ bẩn nào xuống nước, nước cũng không phản đối, chỉ lặng lẽ mang các thứ đó đi xa... (xem La-hầu-la)

● 3. Bị mẹ rầy

Khi đi khất thực tại làng cũ, có lần Xá-lợi-phất ghé lại nhà, được mẹ mời ngồi. Bà vừa dâng thức ăn vừa căn nhắc :

— Sao lại bỏ nhà đi hoang, bỏ gia tài lớn để làm người ăn xin ?*



Trước sau, Xá-lợi-phất vẫn làm tỉnh, tay ôm bình bát đầy thức ăn, lặng lẽ đi chỗ khác. Được nghe kể lại chuyện này, Phật khen.



* Các tỷ kheo đến đây khất thực cũng được bà tặng thức ăn và bà cũng căn nhắc gọi họ là bà con của "những kẻ bất cóc" (con trai của bà).

B. Khiêm tốn.

Một hôm, vì vội vàng, Xá-lợi-phất mặc áo không kỳ, một chéo áo bị xộc xệch, chú tiểu 7 tuổi báo cho tôn giả thấy. Tôn giả lập tức sửa lại nội y, ngoại y rồi bước tới trước mặt chú sa di này, nói :

— Sư ạ ! Bây giờ y phục của bản tăng đã chỉnh tề rồi.



V. Bị đánh mà cũng không giận

● Một hôm Xá-lợi-phất và La-hầu-la đi khất thực trong thành Vương Xá thì có một tên vô lại ném cát vào bình bát của tôn giả và dùng gậy đánh La-hầu-la :

— Các người không lo làm ăn gì cả. Miệng thì luôn luôn nói “tu đi, nhẫn nhục”. Nay ta phá, ta đánh các người, xem các người có thật sự nhẫn nhục không ?

Trong lúc La-hầu-la tỏ vẻ tức giận thì Xá-lợi-phất nói :

— La-hầu-la, chớ có nóng giận ! Thế Tôn đã từng dạy rằng : *“Phải đem lòng từ bi thương xót chúng sanh”*.

● Thấy nhiều người khen Xá-lợi-phất về sự nhẫn nại, một người Bà-la-môn nói :

— “Ông ấy không nóng giận là vì không có ai khiêu khích.

Thế rồi một hôm, trong lúc Xá-lợi-phất đang vào thành, người này bước nhanh tới, đánh một thoi như trời giáng vào lưng tôn giả. Tôn giả bình thản, tiếp tục đi, không quay về phía sau, chỉ hỏi :

— Cái gì vậy ?

Người Bà-la-môn vừa kinh ngạc vừa hối hận, liền chạy tới phía trước, quỳ xuống.

— Ông làm gì vậy ? — Xá-lợi-phất hỏi.

— Thưa tôn giả, tôi muốn thử tính nhẫn nhục của ngài. Giờ đây xin ngài tha lỗi cho. Và nếu ngài sẵn lòng tha lỗi, mong ngài đến nhà tôi để tôi được hân hạnh dâng cúng.

Thế rồi người Bà-la-môn cung kính ôm lấy bình bát của Xá-lợi-phất. Hai người đi về nhà.



Trong khi đó một đám đông đã bao vây nhà "kẻ răn mắt". Khi Xá-lợi-phất bước ra cùng với người Bà-la-môn, đám đông la lớn :

Chúng tôi
đến trị tội người
Bà-la-môn đã
đánh tôn giả.

Ông
ấy đánh
tôn giả.

Người này
đánh bản tăng
hay đánh các
đạo hữu ?

Người này
đánh bản tăng và
đã sám hối với bản tăng
rồi. Thế thì còn gì
phải trị tội.





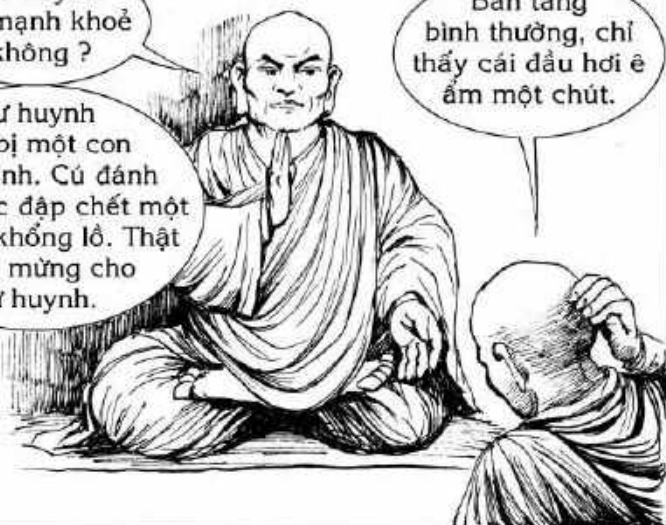
Một hôm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đang ngồi tham thiền thì một con quỷ đến đánh vào đầu Xá-lợi-phất.

May thay ! Lúc ấy tôn giả đang nhập định nên không thấy đau. Mục-kiền-liên thấy rõ, đến bên Xá-lợi-phất, hỏi :

Sư huynh
có mạnh khỏe
không ?

Sư huynh
vừa bị một con
quỷ đánh. Cú đánh
ấy đủ sức đập chết một
con voi khổng lồ. Thật
đáng mừng cho
sư huynh.

Bản tăng
bình thường, chỉ
thấy cái đầu hơi ê
ấm một chút.



VI. Bị Phạt rầy

Tại Xá Vệ, có lần Phật nói với Thiên tử Susima về Xá-lợi-phất như sau :

*Về Xá-lợi-phất,
Mọi người đều xác nhận :
Là bậc đại hiền trí,
Không phần hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuận thực.*

Tuy nhiên người học trò Đại trí huệ này cũng có lần “bị rầy”.

● Năm 554 trước Tây lịch, thấy sức khỏe của Phật yếu nhiều, tỷ kheo Đề-bà-đạt-đa đòi Phật giao quyền lãnh đạo Giáo hội lại cho ông ta. Phật không đồng ý. Thế là Đề-bà-đạt-đa thành lập *Giáo hội ly khai*. Bấy giờ Phật bảo trưởng lão Xá-lợi-phất vào Vương Xá nói với mọi người rằng : “*Giáo hội đã bất tín nhiệm tỷ kheo Đề-bà-đạt-đa. Từ nay vị này có làm hoặc tuyên bố bất cứ điều gì, thì đó là với tư cách cá nhân của ông ấy.*”

— Bạch Thế Tôn, trước đây con từng khen Đề-bà-đạt-đa là người đã đạt nhiều quyền năng vĩ đại. Bấy giờ vào đó, con sẽ nói như thế nào ? — Xá-lợi-phất nói.

— *Này Xá-lợi-phất, trước đây, lúc khen Đề-bà-đạt-đa, thầy có nói một cách trung thực không ?*

— Thưa có, bạch Thế Tôn.

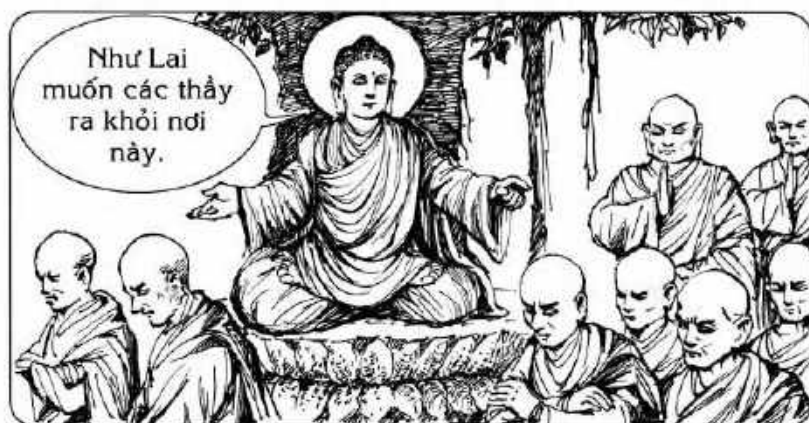
— *Vậy bây giờ vào thành, thầy cũng cứ nói các sự thật về Đề-bà-đạt-đa !*

Thế là Xá-lợi-phất cùng với vài vị trưởng lão khác vào Vương Xá báo tin rằng : “*Đề-bà-đạt-đa đã ra khỏi Giáo hội.*”

Một thời gian sau, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến Tượng Đầu Sơn thuyết giảng cho 500 tỷ kheo — đã theo Đề-bà-đạt-đa — trở về tinh xá Kỳ Viên.

● Có một số cư sĩ vừa được Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cho xuất gia. Họ kéo đến gặp Phật để lễ bái, nhưng trong khi chờ gặp Phật, họ nói chuyện huyền thuyên.

Nghe ồn ào, Phật hỏi các tỷ kheo và được trả lời rằng chính các “đệ tử của sư huynh Xá-lợi-phất và của sư huynh Mục-kiền-liên làm mất trật tự”. Phật cho gọi tất cả đến, rầy :



Sau khi những người làm ồn đi khỏi, Phật hỏi :

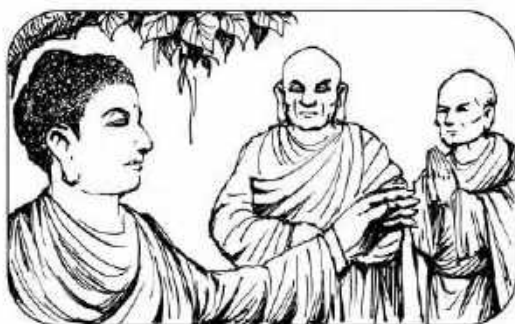
— Này Xá-lợi-phất. Thầy nghĩ như thế nào về việc Như Lai đuổi các tỷ kheo ấy ?

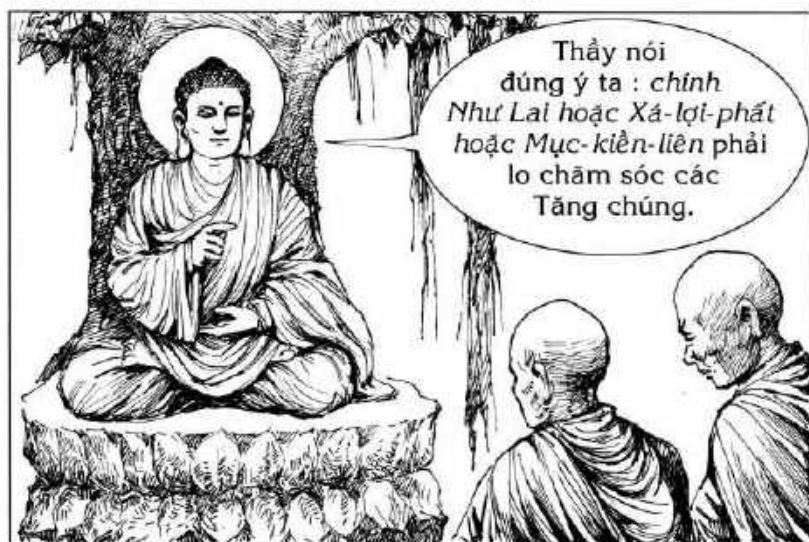
— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn muốn nơi này luôn luôn được trang nghiêm, thanh tịnh. — Xá-lợi-phất trả lời.

— *Này Xá-lợi-phất ! Thầy chớ có để các ý nghĩ như vậy phát sinh trong đầu thầy !* — Phật nói.

Rồi quay sang Mục-kiền-liên, Phật lặp lại câu hỏi đó.

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn muốn con và sư huynh Xá-lợi-phất phải mau mau trở về lo chăm sóc các Tăng chúng. — Mục-kiền-liên đáp.





● Có lần Xá-lợi-phất đến thăm một bệnh nhân đang hấp hối ! Biết người Bà-la-môn rất tôn kính Phạm Thiên, trưởng lão liền chỉ dẫn cho họ một con đường đạt đến cõi Trời. Khi trưởng lão trở về tịnh xá, Phật hỏi :

— *Này Xá-lợi-phất, sao thầy không chỉ dẫn những quả vị cao hơn cõi Phạm Thiên cho người bệnh ấy ?*

— Bạch Thế Tôn, do các Bà-la-môn rất tôn kính Phạm Thiên nên con chiều ý họ trong giây phút cuối.

— Chính vì vậy mà giờ này người Bà-la-môn đó đã sanh lên cõi Phạm Thiên.

Điều này khiến cho ông ta phải tốn một thời gian dài nữa, rồi phải sanh làm người trở lại và cuối cùng mới đắc quả cao nhất.



VII. Những giây phút sau cùng

Cuối mùa mưa năm 546 trước Tây lịch, Xá-lợi-phất dẫn dò tỷ kheo Cunda.*

— Này Cunda, hãy báo tin cho 500 tỷ kheo trong nhóm, rằng họ sẽ theo ta về quê.

Sau đó Xá-lợi-phất đến gặp Phật, nói :

— Bạch Thế Tôn, nay tới lúc con từ bỏ cõi trần. Mong Thế Tôn cho phép.

— Này Xá-lợi-phất, nếu Như Lai nói : *“Cho phép nhập diệt”* thì người ngoại đạo sẽ cho rằng Như Lai ca ngợi sự chết ; còn Như Lai nói *“Hãy khoan nhập diệt”* thì họ nói rằng Như Lai ca ngợi vòng sanh diệt. Nhưng, con muốn nhập diệt tại đâu ?

— Bạch Thế Tôn, tại căn phòng thuở con chào đời.

— Này Xá-lợi-phất ! Hãy thuyết pháp lần cuối cùng cho các tỷ kheo nghe đi !

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi làm theo lời dạy của Thế Tôn, Xá-lợi-phất nói :

— Bạch Thế Tôn, lát nữa đây con sẽ giã từ Thế Tôn mà không còn dịp gặp lại. Trước phút chia ly này, con mong Thế Tôn hãy tha thứ cho con về những lời nói, việc làm hoặc các cử chỉ nào không thích đáng trong 40 năm qua.

— Này Xá-lợi-phất, Như Lai rất hài lòng về con. Trong bao năm qua, con không có một lời nói, một hành động hoặc một cử chỉ nào trái ý Như Lai. Mà dầu cho có đi nữa, Như Lai cũng bỏ qua hết. Thôi, hãy đi lo công việc đi, Xá-lợi-phất !



* Đây là em ruột của trưởng lão Xá-lợi-phất, trùng tên với người thợ rèn sẽ cúng dường Phật một đĩa nấm độc trong 2 năm tới.



Nói xong, Phật rời chỗ ngồi, đến đứng trên tấm thảm trong Hương phòng. Trưởng lão Xá-lợi-phất đi ba vòng chung quanh Phật, luôn hướng về bên phải, mắt nhìn về phía Phật.



Rồi thỉnh linh, tôn giả chấp tay đưa lên cao với một dáng điệu hết sức tôn kính, chân bước thụt lùi. Cứ thế trưởng lão lui dần, lui dần... Hình ảnh Phật càng lúc càng nhỏ hơn trong đôi mắt đầy lệ của vị tỷ kheo đáng kính.

Mãi cho đến khi không còn nhìn thấy Phật nữa, tôn giả mới quay lại, đi bình thường. Phật nói :

— Nay các tỷ kheo, hãy đi theo Xá-lợi-phất !

Sau lời phán uy nghiêm và cảm động đó, hết thấy mọi người chạy theo vị đại sư huynh của họ. Biết bao dòng lệ đã chảy, biết bao tiếng khóc...

Khi hai bên gặp nhau, trưởng lão nói :

— Chư huynh đệ hãy dừng lại nơi đây ! Hãy trở về tinh tấn tu học. Xin chớ quá bi thương ! Thế Tôn đã từng dạy rằng mọi vật là vô thường. Núi còn mòn, sông còn cạn thì thân xác của bản tăng làm sao được trường tồn ?

Nhưng mọi người vẫn đứng im phăng phắc. Không ai nói một lời. Chỉ có những tiếng nấc không kèm chế được...

Đại trưởng lão lại lên tiếng thúc giục nhiều lần. Cuối cùng họ mới chịu rút lui, từng nhóm một.

Xá-lợi-phất đến đầu làng vào một buổi chiều, ngài ngồi nghỉ bên đường, ngắm lại làng cũ. Thình lình có một người cháu nhận ra ngài, đến lễ.

Này cháu,
bà nội có nhà
không ?

Cháu mau
về nhà, nói rằng
bác đang trở về. Nhờ bà
nội cho người quét dọn
căn phòng ngày xưa
của bác.

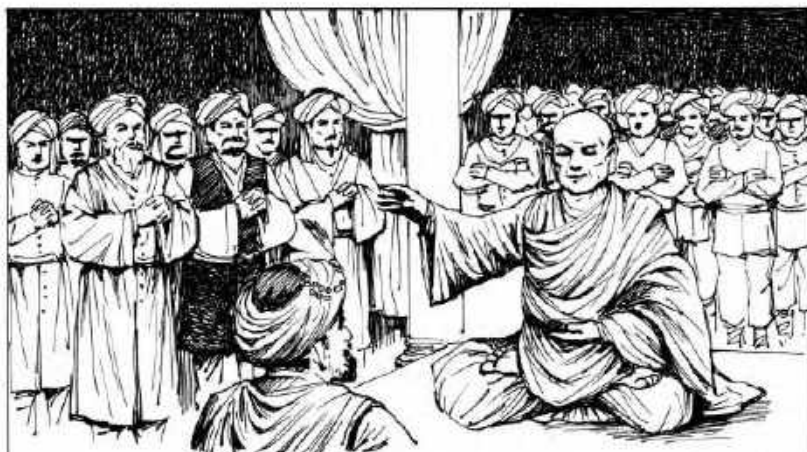
Thưa có

Chàng trai chạy nhanh như gió !





Xá-lợi-phất mời chư tăng đến chỗ dành riêng cho họ, còn ngài vào phòng của mình. Bấy giờ bệnh tả hoành hành ngài dữ dội. Ngài đau đớn vô cùng.



Tin tức trưởng lão Xá-lợi-phất trở về được loan truyền khắp thôn xóm. Bà con láng giềng tới thăm đông nghịt. Vua A-xà-thế và các đại thần cũng đến. Trưởng lão trò chuyện và khuyên mọi người rán tu hành.

Khi tất cả đã ra về, căn phòng trở nên vắng vẻ thì Tứ Đại Thiên Vương đến lễ bái Xá-lợi-phát.



Tứ Đại Thiên Vương vừa già tử thì Vua Trời Sakka đến, rồi tiếp đó là các vị Đại Phạm Thiên.

Lúc khách đã về hết, thân mẫu của tôn giả vào phòng, hỏi :
— Này con, bốn vị khách đầu tiên là ai vậy ? Họ có về quý trọng con lắm.

— Thưa mẹ, đó là Tứ Đại Thiên Vương.

— Ủa ? Vậy ra con ngang hàng với các vị đó sao ?

— Thưa mẹ, lúc Thế Tôn vừa dẫn sanh, bốn vị đó đã đến hầu Ngài như những người cầm gương hộ vệ một vị vua.

— Thế còn người thứ nhì ?

— Thưa, đó là vua Trời Sakka. Cách đây mấy chục năm, sau khi lên cõi trời Đạo Lợi để giảng cho Thánh mẫu Maha Maya và chư Thiên nghe, Thế Tôn trở về cõi trần. Khi đó vị Trời Sakka đã đưa tiễn Thế Tôn từ Thiên giới về thế gian. Vị Trời Sakka như chú sa di mang bát và y cho Thế Tôn vậy.

— Ô ! Còn những người đến sau cùng ?

— Đó là các vị Đại Phạm Thiên.

— Là đệ tử lớn của Phật, chắc con “cao hơn” các vị đó ? Đó là những vị mà mẹ tôn thờ.

Xá-lợi-phất không trả lời câu hỏi mà nhìn chăm chăm vào mẹ mình. Trên gương mặt già nua xuất hiện một niềm vui khó tả.

— Mẹ, mẹ đang suy nghĩ gì dữ vậy ?

— Mẹ đang tự hỏi, nếu con đã có được phước đức như thế, thì phước đức của Phật hẳn là to lớn biết dường nào !

— Thưa mẹ, *Phật là người thấy hết, biết hết mọi chuyện và có tấm lòng từ bi bao la...*

Thấy mẹ đang sẵn sàng nghe pháp, Xá-lợi-phất liền theo pháp “Thuận thứ” mà giảng.

Khi tôn giả dứt lời, bà lão đắc quả Dự lưu. Bà hân hoan, rời phòng...



Bấy giờ tôn giả hỏi em mình :

— Này Cunda, bây giờ là mấy giờ ?

— Bạch sư huynh, đã hết canh năm.

— Hãy tập trung các tỷ kheo tại phòng khách và khiêng bần tăng ra đó.

Tại phòng khách, bầu không khí cực kỳ yên lặng. Mọi người như nghe rõ cả tiếng con tim mình đang thốn thức, tất cả đang chờ đợi một cái gì trọng đại sắp xảy ra. Đại trưởng lão ôn tồn nói :

— *Chư huynh đệ, bần tăng đã sống trong giáo hội của Thế Tôn hơn 40 năm. Suốt thời gian đó, nếu bần tăng có lỗi gì với chư huynh đệ, thì hôm nay, trước lúc chia tay nhau, mong chư huynh đệ tha thứ cho bần tăng.*



Có những tiếng nấc, tiếng sụt sùi và những giọt nước mắt chảy lặng lẽ... Vài người thốt lời an ủi Xá-lợi-phát, rằng tôn giả luôn luôn rất tốt với các tiểu đệ, rằng tôn giả hãy an tâm tinh dưỡng.

Đại trưởng lão đã kiệt sức rồi. Ngài lấy các y phục của mình đắp lên mặt rồi nằm nghiêng về phía bên phải...

Vầng trăng tròn của tháng Kattika chưa chịu lặn trên bầu trời rạng sáng như muốn nhìn một lần cuối vị tỷ kheo đức hạnh vừa già từ nhân thế !

Thân mẫu của trưởng lão thức giấc, vội chạy đến phòng con, sờ chân con, rồi ngồi sụm xuống, khóc nức nở :



Upatissa, con yêu quý của mẹ ! Suốt mấy chục năm qua, mẹ đã không hiểu con, nên mẹ mới có thái độ không phải với con, với các đạo hữu của con. Đến khi mẹ hiểu thì đã quá muộn màng. Thôi, con hãy để cho mẹ chuộc lại một phần lầm lỗi của mẹ.

Bà cụ lợm khộm bước ra khỏi phòng, tay lau đôi mắt. Bà thúc hối mọi người trong nhà tiếp đãi 500 tỷ kheo thật tử tế. Sau đó bà tổ chức một tang lễ cực kỳ long trọng.

Sau lễ hoả táng, trưởng lão Cunda lấy tám vải lọc nước gói phần xá lợi của Xá-lợi-phất, gom tất cả các vật dụng hàng ngày của người quá vãng rồi đến tinh xá Kỳ Viên, vào gặp trưởng lão A-nan, nói :

— Thưa tôn giả, trưởng lão Xá-lợi-phất đã nhập diệt. Đây là những kỷ vật còn lại.

— Hiền giả, chúng ta đi thôi ! — A-nan nói.

Ngay lúc gặp Phật, A-nan than thở :

— Bạch Thế Tôn, khi nghe tin sư huynh Xá-lợi-phất nhập Niết bàn, con cảm thấy con yếu như cây sậy.

— Này A-nan, khi mệnh chung, Xá-lợi-phất có lấy đi của thầy một số phước đức nào không ?

— Bạch Thế Tôn ! Không. Nhưng sư huynh là vị giáo giới của con, là người làm cho con hoan hỷ...

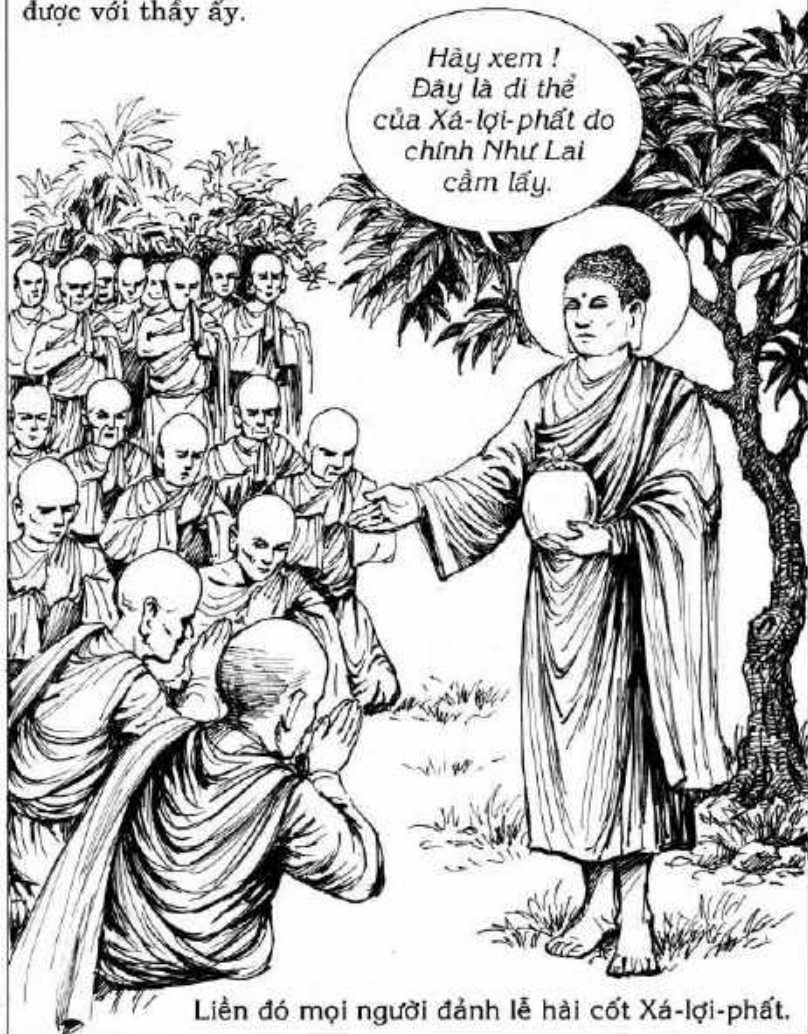
— Này A-nan, một khi không còn chịu đựng nổi sức nặng của nó, cành cây phải gãy đổ ; thân cây dù có rắn chắc như thế nào, cũng không sao giữ lại được. Trước đây Như Lai chẳng đã nói : *"Tất cả mọi thứ, hễ có sanh là có diệt"*.



Giảng đến đây, Phật đưa tay nhận hài cốt của Xá-lợi-phất rồi nói tiếp :

— Này các tỷ kheo ! Đây là linh cốt của một người mà trước đây ít lâu, còn là bậc **trí huệ đệ nhất**. Trí huệ của Xá-lợi-phất rộng vô biên, trừ Như Lai ra, không ai sánh được với thầy ấy.

Hãy xem !
Đây là di thể
của Xá-lợi-phất do
chính Như Lai
cầm lấy.



Liền đó mọi người đánh lễ hài cốt Xá-lợi-phất.

CẤP CÔ ĐỘC

(Nam cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)



Cáp Cô Độc
(Nam cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)

I. Cấp Cô Độc, người giàu nhất thời Đức Phật

Ông Sudatta*
người nước
Kosala, làm
nghề buôn
bán vàng và
trở thành nhà
đại triệu phú.



Ông rất hào phóng, thường cung cấp tiền bạc, lương thực cho những người nghèo khổ, sống cô quạnh, đơn độc; vì vậy ông được người đời tặng một mỹ danh là CẤP CÔ ĐỘC (Anathapindika). Cấp Cô Độc kết hôn với em gái của một thương gia giàu có ở thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, nên thường qua lại giữa hai thủ đô của hai đại quốc này.

Người em vợ rất quý trọng Cấp Cô Độc, luôn luôn đón rước anh rể mình một cách thân tình. Nhưng trong lần sang Vương Xá vào năm 587 trước Tây lịch, Cấp Cô Độc không được tiếp đón như các lần trước.



* Sudatta dịch âm là Tô-đạt-đa, dịch nghĩa là Thiện Thí.





Như có một mối dây thân ái từ bao kiếp trước, khi vừa nghe nói đến tiếng *Phật*, tự nhiên Cấp Cô Độc thấy lòng tràn ngập một niềm kính yêu Ngài. Trong đêm đó, nhà triệu phú trẻ tuổi đã thức giấc tới 3 lần mà trời vẫn chưa sáng.



Nhưng ông không chờ thêm được nữa : giữa bầu trời mờ tối, đầy sương lạnh, ông tiến về phía rừng *Sitavana*, nơi *Phật* đang tạm trú.

Khi gần đến nơi, ông thấy một bóng người đang đi đi lại lại. Thình lình người đó lên tiếng.

Sudatta !



Cấp Cô Độc giật mình. Xưa nay ai cũng gọi ông là *Anathapindika*. Thế mà tại đất khách xa lạ này, nhất là ở nơi rừng vắng, sao lại có người biết “tên tộc” của mình. Linh tính báo cho ông biết, đó là Phật. Ông bước tới mấy bước và chấp tay làm lễ.

Bạch Thế Tôn, Ngài có yên vui không ?

Một A-la-hán luôn luôn được an tịnh và vắng lặng.





Phật đưa Cấp Cô Độc về tịnh thất, đàm đạo. Sau buổi giảng, triệu phú thỉnh Phật và chư Tăng đến thọ trai tại nhà em vợ của mình vào ngày hôm sau, bữa cơm do ông khoản đãi. Phật im lặng nhận lời.



Trời đã sáng tỏ. Triệu phú từ già Phật để trở về nhà em vợ, phụ giúp công việc đón Phật ngày hôm ấy và cả ngày hôm sau nữa.

Hôm sau, sau buổi cơm, Phật thuyết pháp và Cấp Cô Độc
đắc quả Dự lưu.

Bạch
Thế Tôn, con
mong Thế Tôn
sang Xá Vệ.

Bạch
Thế Tôn,
con lo liệu
được.

Này Sudatta,
chư Phật thích nơi
vãng về.



Vài ngày sau, Cấp Cô Độc từ già Phật và chư Tăng để trở
về Xá Vệ tìm đất. Trong dịp này, Phật cho tỷ kheo Xá-lợi-
phất cùng đi với Cấp Cô Độc.

II. Cấp Cô Độc tặng vườn Kỳ Viên cho Giáo hội

Hai vị vượt sông Hằng, đến thành Tỳ-xá-ly, được bà Ambapali mời về tạm trú tại vườn xoài : bà Ambapali rất hân hoan khi nghe tỳ kheo Xá-lợi-phất báo tin rằng “Trên đường sang Xá Vệ, Phật sẽ ghé qua nơi này”.



Hai hôm sau, Xá-lợi-phất và Cấp Cô Độc lên đường, đi dọc theo sông Aciravati. Đến đâu Cấp Cô Độc cũng báo tin :





Khi về đến Xá Vệ, Cấp Cô Độc giới thiệu tỷ kheo Xá-lợi-phất với gia đình mình. Sau đó Xá-lợi-phất thuyết pháp.



Những ngày kế tiếp, trong lúc Xá-lợi-phất đi hằng hoá tại thủ đô...



... thì triệu phú Cấp Cô Độc đi tìm đất để lập tinh xá.

Ở Xá Vệ có nhiều ngôi vườn, nhưng không có nơi nào thanh tịnh và xinh đẹp bằng miếng vườn của Thái tử Kỳ Đà (con của vua Ba-tư-nặc). Cấp Cô Độc hỏi mua. Thái tử không muốn bán, bèn nói một giá "trên trời".

Ông có
đủ vàng lót
khắp mặt vườn
không ?

Cám ơn
Thái tử. Sáng mai
tôi mang vàng
đến.







Sáng hôm sau, Cấp Cô Độc cho xe chở vàng tới và bắt đầu lót khu vườn.



Sau khi trò chuyện suốt buổi với Cấp Cô Độc, Thái tử nói :

Ông triệu phú,
còn một ít đất chưa
lót, ta cho ngừng lại đi !
Hãy cứ xem như ông đã cúng
đất còn tôi thì cúng cây cối. Khu
vườn sẽ mang tên 2 người :
Vườn của Cấp Cô Độc
còn cây cối là của
*Thái tử Kỳ đà**

Một ý nghĩ tuyệt
vời ! Vườn này là
*vườn Kỳ Viên**



Cấp Cô Độc liền mời Thái tử đi nghe tỷ kheo Xá-lợi-phất thuyết pháp. Sau đó ba người đến thăm vườn.



Mấy tháng sau, việc xây cất tinh xá Kỳ Viên** được hoàn tất, Xá-lợi-phất từ giã mọi người, trở về Vương Xá rước Phật.

* Cấp-Cô-Độc viên, Kỳ-đà thụ (gọi tắt là **Kỳ Viên**).

** Đây là nơi Phật đã nhập hạ 19 lần và phần lớn các bài pháp được Ngài thuyết tại đây.

Ngày Phật đến Kỳ Viên là một ngày đại lễ : rất nhiều tà áo vàng thấp thoáng trong các hàng cây xanh.

Bạch Thế Tôn,
con sẽ sắp đặt mọi việc
ở Kỳ Viên như thế
nào ?

Hãy sắp đặt
nơi đây cho tăng
chúng từ bốn phương trời,
cả hiện tại lẫn
tương lai.



Lúc ấy Cấp Cô Độc không làm lễ "rót nước lên tay Phật", mà chỉ làm lễ trao quyền sử dụng Kỳ Viên cho Tăng chúng. Nhưng nhờ câu đối đáp khéo léo của Phật, ngôi vườn này tồn tại lâu dài : ông Cấp Cô Độc vẫn là sở hữu chủ hợp pháp của Kỳ Viên.





Nhưng chính Trúc Lâm tinh xá mới là tinh xá đầu tiên của Phật do vua Tần-bà-sa trao tặng. Trong buổi lễ trao tặng đó, vua có rót nước lên tay Phật. Việc này có ý nghĩa như sau : "Như nước từ trong bình chảy sang tay Thế Tôn, từ nay vườn Trúc Lâm này, thuộc về Thế Tôn".

Đó là một phiền toái cho Phật. Vì vậy “rút kinh nghiệm” ở lần trước, lần này Phật không chịu làm chủ tịch xá Kỳ Viên. Phật muốn ông Cấp Cô Độc tặng vườn này cho tăng chúng từ bốn phương trời, cả hiện tại lẫn tương lai mà không cần có nghi lễ chuyển giao tài sản (rót nước...).

Giáo hội có quyền sử dụng vĩnh viễn khu vườn Kỳ Viên mà người chủ của nó chính là ông Cấp Cô Độc. Là người chủ, triệu phú sẽ phải chịu tiền phí tổn trong việc bảo trì, phải thuê người làm vườn, thuê các nghệ nhân lo việc bảo tồn khu vườn.

Về sau, các tỉnh xá khác cũng có cùng một lệ này. Các thí chủ đã hy vọng chư Tăng sẽ tham gia vào việc chăm sóc lâm viên, tỉnh xá, nhưng Phật không đồng ý, bởi vì khi tham gia vào việc đó, các tỷ kheo phải chặt hạ các “cây thừa”, các cây mà sự hiện diện của nó sẽ làm mất vẻ đẹp của khu vườn : một tỷ kheo không thích hợp với việc đốn cây, tàn hại cỏ...

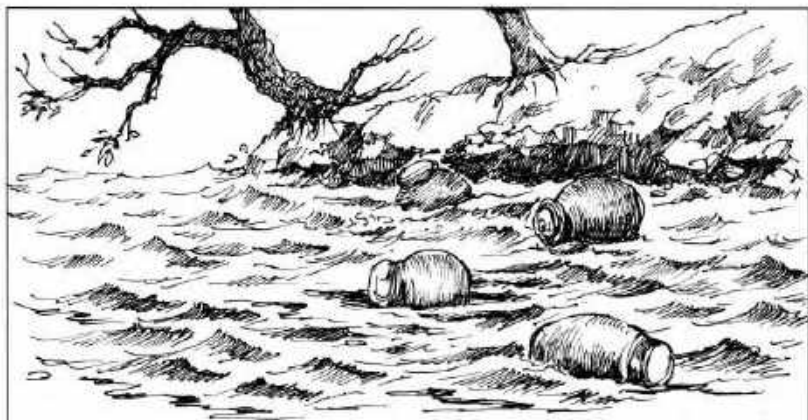
Kể từ hôm đó, Cấp Cô Độc hết lòng lo cho Giáo hội. Trong những lúc Phật trú ngụ tại Kỳ Viên, mỗi ngày triệu phú viếng tỉnh xá 3 lần : buổi sáng mang theo cháo ; buổi trưa đem đến thực tô, sanh tô, mật, đường mật ; buổi chiều chở đến hương, vòng hoa, vải vóc.



Cấp Cô Độc hết lòng lo cho giáo hội.

III. Bị khánh kiệt tài sản rồi lại giàu như cũ

Trong tình thân giúp người nghèo có phương tiện làm ăn, triệu phú cho một số người buôn bán vay 180 triệu đồng tiền vàng. Tuy họ có viết giấy nợ, nhưng họ thiếu thiện chí trong việc hoàn vốn ; nhiều người còn mắc phải “bệnh dăng trí”, quên luôn số tiền đã mượn.



Trước đó triệu phú bỏ 180 triệu đồng tiền vàng vào các ghè bằng đồng, đem chôn gần bờ sông. Tháng ngày trôi qua, sóng đánh lở bờ, các ghè rớt xuống sông, trôi ra biển.



Trong nhà triệu phú luôn luôn có đủ cơm cho 500 người ăn. Phật, 80 đại trưởng lão và các tỷ kheo cũng thường đến đây.

Căn nhà triệu phú có 7 tầng. Một thiên nữ tà kiến cư ngụ tại tầng thứ tư. Mỗi lần Phật vào nhà, thiên nữ lo sợ, đem con xuống tầng dưới cùng. Lúc 80 đại trưởng lão và các tỷ kheo khác đến, thiên nữ cũng phải dời chỗ ở.



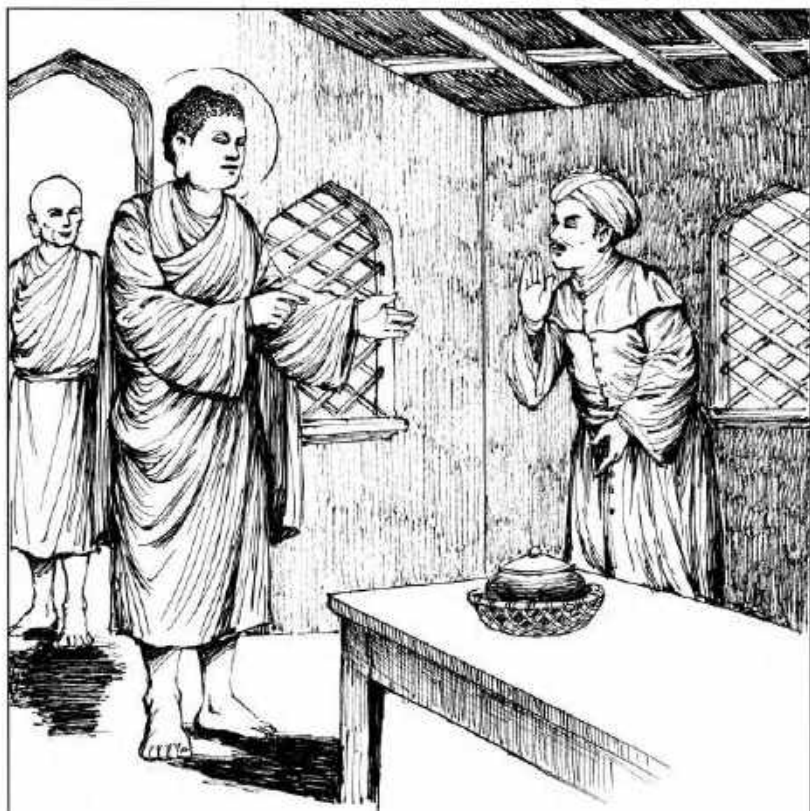
Một hôm, lúc người tổng quản của Cấp Cô Độc đi nằm nghỉ, thiên nữ – với hào quang chói sáng – tiến đến cửa phòng rồi đứng lại.

① Ai đó ?

③ Vì sao người đến đây ?

② Ta là thiên nữ sống ở tầng gác thứ tư.





Do mua đất với giá quá đắt, do không lo việc kinh doanh, Cấp Cô Độc tiêu hết 540 triệu đồng tiền vàng và bị khánh tận. Tuy “nếp sống triệu phú” không còn nữa, nhưng ông vẫn cúng dường chư tăng với tất cả khả năng còn lại của mình. Một hôm Phật hỏi Cấp Cô Độc :

- Này gia chủ, gia chủ còn gì để bố thí không ?
- Thưa còn, bạch Thế Tôn. Đó là nồi cháo nấu từ hôm qua.
- Này gia chủ, gia chủ chớ có ái ngại khi bố thí những món thô, xấu. **Khi tâm tốt thì đồ vật cúng dường nào cũng tốt cả.**

Chính lúc đó, thiên nữ tà kiến quyết định nói chuyện thẳng với Cấp Cô Độc.



Nửa đêm hôm đó, thiên nữ bước vào phòng Cấp Cô Độc, đứng trên không gian.





Thiên nữ hiểu rằng mình không thể nào ở lại đây được nữa, bèn dẫn con ra đi.

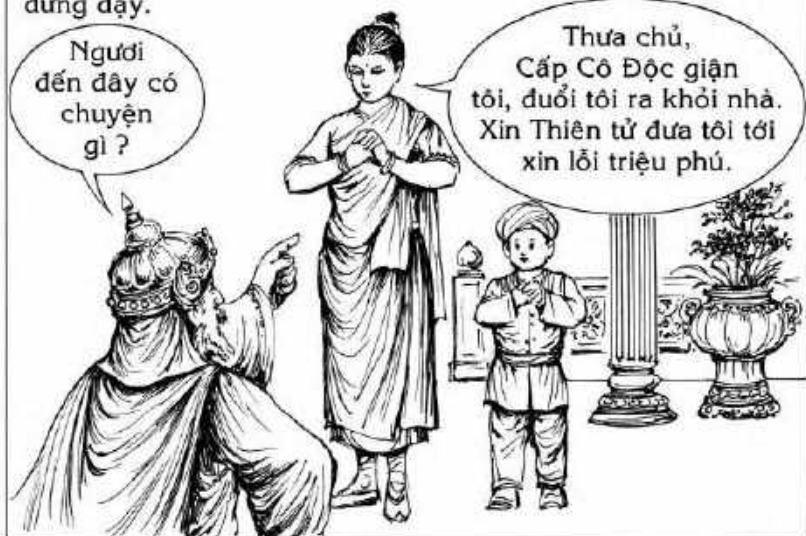
Nếu không
tìm được chỗ ở,
ta sẽ trở về xin lỗi
triệu phú để được
lưu cư.



Thiên nữ đến gặp vị Thiên tử hộ trì thành phố, đánh lễ rồi đứng dậy.

Người
đến đây có
chuyện
gì ?

Thưa chủ,
Cấp Cô Độc giận
tôi, đuổi tôi ra khỏi nhà.
Xin Thiên tử đưa tôi tới
xin lỗi triệu phú.





Đế Thích trả lời :

— Ta không nói hộ người, nhưng ta có cách khác.

— Thưa Thiên Chủ, con đang nghe.

— 1. Có một số người đã mượn của triệu phú 180 triệu đồng mà không muốn trả. Người hãy giả làm người đại diện của triệu phú, cầm giấy nợ (với một số Dạ Xoa trẻ đi theo) đến nhà chúng, đòi lại số tiền đó !

2. Triệu phú còn có 180 triệu đồng bị trôi ra biển.

3. Lại còn có 180 triệu đồng khác trong lòng đất. Đây là của vô chủ. Hãy lấy lên ! Tất cả phải được đổ vào kho của triệu phú. Sau đó người sẽ đến xin lỗi ông ấy.

Thiên nữ làm y theo lời dặn của Đế Thích rồi nửa đêm hôm đó, bà đi vào phòng của triệu phú, nói :

— Thưa triệu phú, trước đây tôi đã có những lời không thích đáng. Xin hãy tha thứ cho tôi. Theo lời dạy của Thiên Chủ Đế Thích, tôi đã mang 540 triệu đồng vào kho của ngài.

— Này thiên nữ, ta muốn người xin lỗi ta trước mặt Thế Tôn.

— Lành thay ! Tôi sẽ làm như vậy.

Lúc bấy giờ tại Kỳ Viên có một người Bà-la-môn có biệt tài xem được "dấu hiệu của vận may".

Cấp Cô Độc gặp phải vận xấu, bị khánh kiệt tài sản, rồi lại gặp vận may và giàu lại như xưa. Ta phải đến đó lấy cấp cái vận may ấy.



Ông ta đến nhà triệu phú và được chủ nhân tiếp đón niềm nở. Trong khi nói chuyện, người khách cố tìm xem vận may của Cấp Cô Độc đang nằm ở đâu.

À ! Vận may của ông ta đang nằm trong cái mồng của con gà trống trắng kia.

Thưa triệu phú, tôi đang dạy 500 môn đệ. Thật là bức mình ! Con gà ở nhà tôi gáy không đúng giờ. Con gà trống của ngài gáy đúng giờ lắm. Tôi muốn...



Người Bà-la-môn bỏ lưng câu nói, nhưng Cấp Cô Độc mau mắn tiếp lời.



Ngay lúc đó, vận may rời khỏi mông con gà, bay đến một viên ngọc gắn trên cái gối.





IV. Một số hoạt động khác của Cấp Cô Độc

● 1. Gợi ý trồng cây Bồ đề tại Kỳ Viên.

Trong những ngày Phật đi hoàng hoá ở phương xa, dân chúng ở Xá Vệ vẫn đến tinh xá Kỳ Viên, nhưng họ không gặp Phật và cũng không thấy có nơi nào khác để tỏ lòng tôn kính, bèn đặt các vòng hoa bên cổng vào của Hương phòng.

Cấp Cô Độc cũng là một trong những người đó. Vì vậy sau khi Phật trở về, triệu phú đến gặp A-nan, nói :

— Thưa tôn giả, trong lúc Thế Tôn đi du hoá, tinh xá này không được cúng dường và cũng không có nơi nào khác để cho dân chúng dâng hoa. Phải làm sao ?

Tôn giả A-nan đến trình việc này với Phật. Phật dạy :

— Cây Bồ đề rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế hay đã diệt độ.

Tôn giả A-nan nhờ đại trưởng lão Mục-kiền-liên đi tìm một hạt Bồ đề. Và chính ông Cấp Cô Độc được vinh dự đào lỗ, xới đất và thả hạt giống xuống. Vào lúc hạt rời khỏi tay Cấp Cô Độc, ngay trước mặt mọi người bỗng vọt lên một cây Bồ đề. Về sau, người ta gọi cây Bồ đề này là *cây Bồ đề của ông A-nan*.



● 2. Hướng dẫn bạn bè đi vào con đường chánh pháp

Là một nhà kinh doanh, Cấp Cô Độc kết thân với tất cả mọi người, mọi giới. Số bạn bè của ông không theo Phật cũng khá đông. Một hôm ông mời 500 người ngoại đạo đến tinh xá Kỳ Viên, đánh lễ Phật, cúng dường các vòng hoa, phân phối dược phẩm và vải mặc cho các tỷ kheo, rồi ngồi xuống nghe pháp. Sau buổi giảng, tất cả đều xin quy y và kể từ đó, họ thường xuyên đến tinh xá.

Ngày kia trong lúc Phật có việc, phải rời Xá Vệ, những người này quay lại quy y ngoại đạo. Rồi lúc Phật trở về, Cấp Cô Độc lại dẫn họ đến yết kiến Phật, báo cho Ngài biết những việc đã xảy ra. Phật nói :

— Này các cư sĩ, có thật chẳng, các ông đã phá vỡ tam quy y.

— Thật vậy, bạch Thế Tôn. — Các cư sĩ đáp.

— Này các cư sĩ, không có một người tu hành nào — dù nam hay nữ — đã quy y tam bảo mà phải bị tái sanh trong các địa ngục hay phải vào các đọa xứ. Do vậy khi phá vỡ tam quy y, các ông đã làm một việc không thích đáng.

Bấy giờ Cấp Cô Độc đứng lên, đánh lễ Thế Tôn rồi nói :

— Bạch Thế Tôn, sau khi phá vỡ tam quy y, chúng con thấy mình như rơi vào rừng rậm tà luận. Lành thay, nếu Thế Tôn làm sáng tỏ việc này.

Phật liền kể câu chuyện “Hai thương gia trẻ tuổi”^{*} cho 501 cư sĩ nghe. Sau khi Phật chấm dứt câu chuyện, tất cả bạn bè của Cấp Cô Độc đều đắc quả Dự lưu.



^{*} Xem chuyện Tiền Thân Đức Phật, bài số 1.

● 3. Giúp đỡ bạn bè cũ

Một hôm, những người bạn giàu sang của Cấp Cô Độc nói :

— Này triệu phú, chớ có để gã Đại Hoạ kề cận bên bạn. Khi vào nhà bạn, nghe các câu nói như : *"Hãy ăn đi, Đại Hoạ ! Hãy ngồi xuống đi, Đại Hoạ"* thì quý Dạ Xoa cũng phải lắc đầu. Nó không thể ngang bằng với triệu phú được. Nó nghèo khổ, thuộc giai cấp bần cùng !

— Không phải vậy đâu. Cái tên là để chỉ một người. Ta không thể đánh giá một người qua cái tên của họ được. Tôi không thể bỏ rơi một người bạn chỉ vì cái tên của ông ta.

Một hôm Cấp Cô Độc giao nhà cho Đại Hoạ trông coi rồi ra đi. Biết triệu phú đã rời nhà, bọn cướp vui mừng, chuẩn bị sẵn sàng. Nhưng trước đó, Đại Hoạ đoán biết, nên không dám ngủ. Khi bọn cướp kéo tới, Đại Hoạ đánh thức tất cả mọi người, ra lệnh cho họ thối tù-và và đánh trống. Thế là cả trang trại sáng rực với nhiều ánh đuốc. Bọn cướp hết hoảng, nói với nhau :

— Hồng rồi ! Triệu phú vẫn còn ở nhà.

Nói xong, chúng bỏ chạy, quăng đá, gạch, gây gộc và nhiều thứ khí giới khác tại chỗ chúng phục kích.

Sáng hôm sau, Cấp Cô Độc trở về, được báo cáo đầy đủ về các việc xảy ra trong đêm qua. Bấy giờ ông nói với các bạn giàu sang của mình :

— Trước đây nhiều bạn muốn tôi đuổi Đại Hoạ. Nếu lúc ấy tôi nghe theo, thì hôm nay tài sản của tôi đã bị tiêu tan rồi. Một người có cái tên tốt hay xấu chẳng có quan trọng gì. **Điều quan trọng, chính là cái tâm tốt.**

Nói xong, Cấp Cô Độc tăng lương cho Đại Hoạ.



● 4. Cấp Cô Độc bị ép mua rượu

Một hôm những người nghiện rượu bàn với nhau.

— Chúng ta hết tiền rồi. Làm sao bây giờ ?

— Đừng lo. Tôi có cách. — Một người nói.

— Cách gì.

— Mỗi lần vào châu vua, Cấp Cô Độc đều đi ngang qua đây. Bọn ta hãy mở quán bán rượu pha thuốc mê. Nhất định sẽ kiếm được một mẻ kha khá !

Vài ngày sau, vào một buổi trưa, Cấp Cô Độc đang đi về phía quán rượu mới khai trương thì bọn bất lương ủa ra đường :

— Thưa chủ, chúng tôi có rượu ngon, xin mời chủ một ly.

Cấp Cô Độc nghĩ thầm : *"Ta đã quy y, làm sao dám uống rượu ?* Dầu vậy, ta cũng phải phá cái âm mưu của bọn này".

Nghĩ xong, ông bước vào quán. Nhìn chúng làm việc, ông biết chúng đang bỏ thuốc mê vào rượu. Khi chúng đem rượu ra, ông nói :

— Các người cho khách uống rượu pha thuốc mê để chiếm đoạt của-cải của họ, phải không ?

— Thưa chủ, chúng tôi không có làm như vậy đâu.

— Vậy các người uống trước đi. Ta chờ xem.

Bọn bất lương hoảng hốt, bỏ trốn mất.

● 5. Con dâu của Cấp Cô Độc

Cấp Cô Độc có 3 con gái, một trai. Bà Cấp Cô Độc tên là Punnalakkhana, một phụ nữ đẹp, dịu dàng và nhân hậu. Ba cô gái đều đặc quả Dự lưu. Cậu út Kala là một thanh niên ham kinh doanh, không thích đi chùa lễ Phật. Tuy nhiên, nhờ sự giảng dạy khéo léo của cha, cuối cùng Kala đến nghe Phật thuyết pháp và cũng đặc quả Dự lưu. Từ đó chàng trai cũng hết lòng lo cho đạo.

Vợ của chàng là Sujata*, là một cô gái nhà giàu nhưng tánh tình thô lỗ, nóng nảy và hung dữ. Nàng từ chối các bốn phận làm dâu đối với nhà chồng và thường xuyên đánh đập, mắng chửi các tôi tớ trong nhà.

* Chỉ trùng tên thôi, chứ đây không phải là nàng thôn nữ Sujata ở Khổ Hạnh Lâm, người đã tặng bát sữa cho sa môn Gotama trước khi sa môn thành Phật.

Một hôm Phật cùng với 500 tỷ kheo đến thăm Cấp Cô Độc. Mọi người ngồi xuống. Triệu phú ngồi bên cạnh Phật, chăm chú nghe pháp. Thành linh ở nhà sau vang lên tiếng la mắng của Sujata. Phật ngừng giảng và hỏi :

— Vì sao có tiếng ồn ào vừa rồi ?

— Bạch Thế Tôn, đó là tiếng của con dâu của con. Nó đang rầy bộn tôi tớ.

Phật truyền cho gọi Sujata ra. Cô gái đến đánh lễ Phật rồi đứng một bên. Phật hỏi :

— Này Sujata, có 7 loại vợ mà một người đàn ông có thể có, người thuộc loại nào.

— Bạch Thế Tôn, Ngài dạy vấn tắt quá, con không hiểu.

Tiếp đó Phật giảng giải 7 loại vợ* và cuối cùng Sujata được đặc quả Dự lưu. Nàng đánh lễ Phật, xin Ngài tha thứ. Nàng cũng xin lỗi gia đình nhà chồng và mong được bỏ qua các lỗi lầm cũ, hứa từ nay về sau, nàng mãi mãi sẽ là “loại vợ nô tỳ”.

● 6. Người cháu của Cấp Cô Độc

Cháu của Cấp Cô Độc đã hoang phí một tài sản kế thừa là 40 thỏi vàng. Anh ta đến thăm chú mình và được tặng 1000 đồng để làm vốn buôn bán. Nhưng anh ta tiêu pha nhanh chóng và lại đến xin tiền. Lần này Cấp Cô Độc tặng 500 đồng.

Đến xin lần thứ ba, anh ta chỉ được 2 bộ quần áo cũ. Rồi lại bán. Rồi lại tiêu pha. Rồi lại xin tiền và bị đuổi ra khỏi nhà. Đau khổ, buồn rầu, đói khát, chàng trai ngã xuống chết tại một xó đường.

Triệu phú đến thuật lại chuyện này cho Phật nghe. Ngài nói :

— Trong một tiền kiếp, người này còn tệ hại hơn bây giờ**.

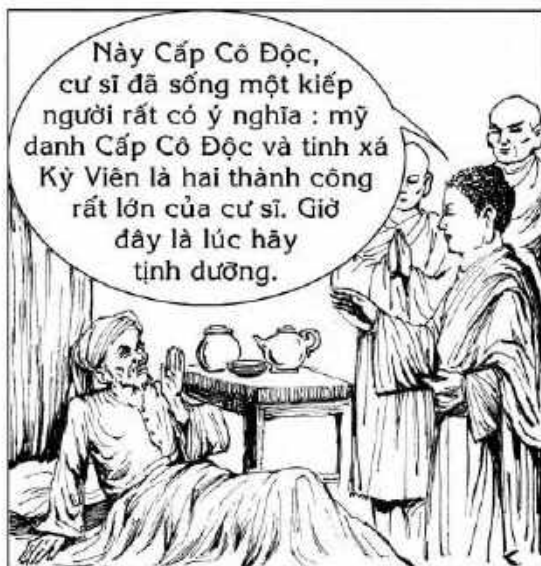


* Xem Tiền Thân Đức Phật, số 269.

** Xem Tiền Thân Đức Phật, số 291.

V. Cấp Cô Độc trở thành Đề Thích Thiên Chủ

Mùa mưa năm 552, Phật an cư tại Xá Vệ. Một hôm, nữ cư sĩ Punnalakkhana đến báo cho Phật biết rằng cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh hơn 10 ngày rồi. Hôm sau, Phật cùng với Xá-lợi-phất và A-nan đi thăm bệnh nhân. Khi thấy Phật đến, Cấp Cô Độc mừng rỡ, cố gắng ngồi dậy, gương mặt gầy gò.



Cấp Cô Độc chấp tay vái Phật, đôi mắt rưng rưng lệ. Gần một tháng sau, người nhà của Cấp Cô Độc tới tìm Xá-lợi-phất, báo tin rằng bệnh của triệu phú trở nên nặng hơn. Xá-lợi-phất và A-nan cùng đến nơi. Bệnh nhân không ngồi dậy nổi. Xá-lợi-phất nói :



Cấp Cô Độc quán tưởng xong, Xá-lợi-phất giảng :

— Cư sĩ hãy quán tưởng tiếp : *Những gì tôi thấy, không phải là tôi ; những gì tôi nghe, không phải là tôi ; những gì tôi ngửi, nếm, xúc chạm cũng không phải là tôi...*

Xá-lợi-phất nói tiếp :

— Tôi không bị sanh tử ràng buộc và hạn chế. Tôi *không sinh*, cũng *không diệt*. Sinh không làm cho tôi-có ; tử không làm cho tôi-không.

Thực tập tới đây, Cấp Cô Độc khóc. A-nan hỏi :

— Sao ? Cư sĩ có tiếc nuôi không ? Cư sĩ quán chiếu không thành công ư ?

— Thưa tôn giả, con không tiếc nuôi, con quán chiếu rất thành công. Con khóc vì con cảm động quá. Con được phụng sự Phật và gần gũi các vị khất sĩ đã hơn 30 năm nay, vậy mà con chưa bao giờ được nếm giáo lý thậm thâm, vì điều như hôm nay.

— Cư sĩ Cấp Cô Độc, giáo lý này, các vị tỷ kheo và tỷ kheo ni được nghe Thế Tôn giảng luôn. — A-nan nói.

— Thưa tôn giả, đệ tử cư sĩ chúng con có người cũng có đủ trình độ nghe, hiểu và hành được giáo lý thậm thâm này, xin tôn giả hãy bạch với Phật để Ngài cho phép chúng con được nghe và được thực hành.

Khi hai vị Đại đệ tử của Phật ra về, *Cấp Cô Độc trút hơi thở cuối cùng và tức khắc sanh vào cung Trời Đâu Xuất.*

Đêm ấy Đế Thích Thiên Chủ Cấp Cô Độc từ cung Trời Đâu Xuất trở về tinh xá Kỳ Viên, hào quang của ngài chiếu sáng cả khu vườn. Ngài đánh lễ Phật, tán dương phẩm hạnh và tài đức của trưởng lão Xá-lợi-phất và bày tỏ niềm hân hoan khi được gặp lại Phật và chư đệ tử của Phật trong tinh xá.

Trong quyển *Soạn tập bá duyên kinh*, Phật nói rằng trong 3 A-tăng-kỳ kiếp, Cấp Cô Độc sẽ thành Phật, hiệu là Abhaya-prada (Cấp cho sự yên ổn).

VISAKHA

(Nữ cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)

**Visakha**

(Nữ cư sĩ giàu nhất thời Đức Phật)

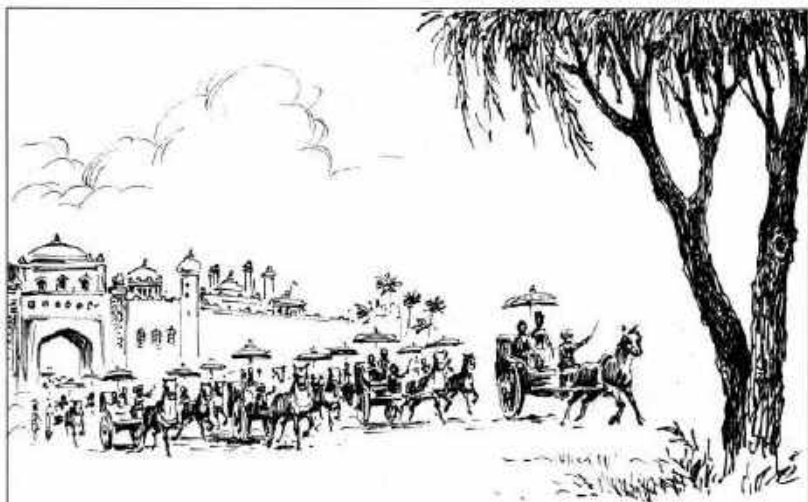
I. Cô gái hiền thực

Triều phú Mendaka ở nước Anga gả con gái là Sumana Devi cho triều phú Dhananjaya. Đôi vợ chồng hiền đức này sinh ra Visakha. Cô bé được ông ngoại hết sức thương yêu. Một hôm, tin tức "Đức Phật sang thăm Anga" được loan truyền khắp nước. Ông Mendaka nói với cháu gái 7 tuổi.

Ngày
mai ông cháu
ta đi gặp
Phật.

Ồ!
Thích quá.





Nghe lời ông ngoại, Visakha dẫn 500 thị nữ và 500 cỗ xe đi rước Phật.



Sau khi gặp Phật, cô đánh lễ Ngài rồi cung kính ngồi xuống một bên. Phật rất hài lòng về phong cách của cô. Sau buổi thuyết pháp, Visakha đặc quả Dự lưu.



Sau đó ông Dhananjaya đưa gia đình sang nước Kosala, đến sống tại Saketa. Tại đây cô gái trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, khỏe mạnh. Khi nàng xoa ra, tóc dài tới lại áo rồi cuộn trở lên. Môi nàng đỏ hồng tự nhiên. Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như hai hàng ngọc ; da mịn màng như cánh hoa sen màu vàng.



Một ngày trong năm 15 tuổi, Visakha đang cùng với các nữ tỳ ra bờ sông để tắm thì mây đen ùn ùn kéo tới. Mưa bắt đầu rơi.



Tất cả mọi người – trừ Visakha – đều nhanh chân chạy vào một căn nhà bỏ trống ; ở đó đã có sẵn vài người Bà-la-môn đang đi tìm vợ cho cậu chủ của mình.
Trong khi đó, Visakha khoan thai bước vào chỗ trú mưa.



"Một vị vua đang mặc sắc phục uy nghi của triều đình, bỗng nhiên ông xắn tay áo, xắn quần lên, hấp tấp chạy vào cung điện... phải chăng là một hình ảnh đẹp ? Một vương tượng oai phong, mình mang đầy các món trang sức mà không bước đi đường bệ, lại cầm đầu chạy ngoài đường thì cũng là cảnh tượng trái mắt. Những nhà sư khải kính cũng sẽ bị



chê bai nếu các ngài hồi hải chạy trong mưa. Cũng thế ấy, những người phụ nữ chạy xồng xộc ở ngoài đường như một người đàn ông, thì sẽ mất hết nếp đoan trang, phong nhã".



Các vị Bà-la-môn nghe nói vậy, lấy làm hoan hỷ, tin rằng cô gái này chắc chắn sẽ mang lại hạnh phúc cho chủ mình. Sau đó không lâu, chàng trai Punnavaddhana – con của nhà triệu phú Migara – đi cưới cô Visakha. Lễ cưới thật là long trọng, của hồi môn thật là nhiều.

II. Nàng dâu hiền

Trước khi về nhà chồng, Visakha được thân phụ căn dặn 10 điều sau đây :

1. Không đem lửa trong nhà ra ngoài ngõ.
2. Không đem lửa ở ngoài ngõ vào nhà.
3. Chỉ cho đến những người biết cho.
4. Không cho đến những người không biết cho.
5. Cho đến cả hai, những người biết cho và những người không biết cho.
6. Ngồi một cách an vui.
7. Ăn một cách an vui.
8. Ngủ một cách an vui.
9. Coi chừng lửa.
10. Tôn trọng các vị Trời ở trong nhà.



Những điều nói trên có nghĩa như sau :

1. Không nên nói xấu chồng và cha mẹ chồng với người ngoài. Cũng không nên đem các chuyện xấu bên nhà chồng thuật lại cho người ngoài biết.
2. Không nên nghe những lời tường thuật hay những câu chuyện của người khác.
3. Đồ đạc trong nhà chỉ cho những người nào mượn và có trả lại.
4. Không nên cho những người mượn đồ mà không trả lại.
5. Phải giúp đỡ thân bằng quyến thuộc nghèo khó, dầu họ có trả lại hay không.
6. Phải ngồi đúng chỗ thích nghi. Khi thấy cha mẹ chồng đến, thì phải đứng dậy.
7. Trước khi ăn cơm, phải coi có dọn đầy đủ cho cha mẹ chồng và chồng chưa ? Cũng phải coi chừng người làm trong nhà có được chăm sóc đầy đủ không.
8. Trước khi đi ngủ, phải quan sát nhà cửa, bàn ghế. Phải đóng cửa cài then cẩn thận, xem coi những người giúp việc trong nhà có làm đủ bốn phận của họ chưa và cha mẹ chồng đã đi ngủ chưa. Thế thường, người nội trợ phải thức khuya dậy sớm và trừ những lúc đau ốm, không nên ngủ ngày.
9. Phải xem chồng và cha mẹ chồng như lửa. Mỗi khi có việc nói với cha mẹ chồng và chồng thì phải hết sức thận trọng (cũng như luôn luôn thận trọng khi làm việc với lửa).
10. Cha mẹ chồng và chồng phải được tôn kính như những vị Trời ở trong nhà.

Vào ngày Visakha về nhà chồng tại Xá Vệ, nhiều người dân nơi đây đến tặng quà cho nàng ; nhưng nàng đã gửi quà tặng lại họ, kèm theo những lời thăm hỏi ân cần, coi họ là thân nhân của mình. Do vậy ngay trong những ngày đầu đặt chân đến xứ lạ, Visakha đã chiếm được tình cảm của gia đình bên chồng.



Nhưng tình thương của nàng nào phải chỉ dành riêng cho đồng loại : nó còn lan tỏa đến cỏ cây, muông thú. Một tối kia, khi được biết con ngựa ở sau nhà sắp sanh, nàng cùng các nô tỳ cầm đuốc ra tận chuồng, chăm sóc cho tới lúc con vật được mẹ tròn con vuông.



Nhưng, một trục trặc về tôn giáo bỗng xảy đến. Số là cha chồng của Visakha là đệ tử của ông Nigantha Nataputta*. Ngày nọ ông thỉnh nhiều tu sĩ loã thể về nhà.

Người mau
vào gọi Visakha
ra đánh lễ các vị
A-la-hán

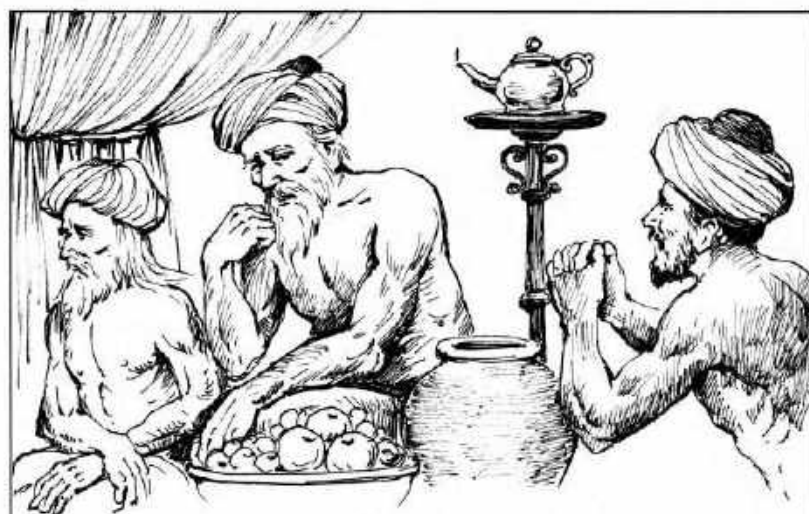


Nghe mấy tiếng A-la-hán, Visakha vui mừng, vội bước ra, nhưng liền đó nàng lui nhanh vào trong và lên tiếng khiển trách cha.

Người
như thế mà cha
nói là A-la-hán
sao ?



* Giáo chủ của Giáo phái Loã thể.



Bị các sư phụ quả trách, triệu phú phải hết lời năn nỉ, mới được bỏ qua.



Ngày khác, cha chồng Visakha đang ngồi ăn cháo thì một tỷ kheo bước vào nhà khát thực. Visakha liền đứng nép sang một bên cột để cho cha chồng trông thấy nhà sư.

Nhưng cha chồng nàng vẫn tỉnh bơ, tiếp tục ăn. Thấy vậy, Visakha nói :

Bạch thầy,
xin thầy hoan hỷ
sang nhà khác. Cha
chồng tôi đang dùng
những món ăn
thú.



Triệu phú hiểu lầm câu nói đó, rất tức giận, truyền các gia nô đuổi Visakha ra khỏi nhà.



Visakha tôn trọng kỷ luật gia đình nhưng không chấp nhận cách đối xử như thế ! Nàng lễ phép trình bày :

— Thưa cha, con về đây không phải làm một người nô lệ. Hiện giờ cha mẹ ruột của con vẫn còn sống, vì vậy con không thể tự ý rời khỏi nhà chồng. Con còn nhớ, khi con rời nhà để qua đây, cha ruột con có mời 8 người trong thân tộc và gởi gắm con cho họ. Cha con đã nói với họ : *"Nếu con gái tôi có điều gì lầm lỗi, xin các vị hãy xem xét cặn kẽ và chỉ dạy cho cháu"*. Vậy cha hãy mời các vị đó đến đây, để nghe ý kiến của họ.



Nhà triệu phú
mời 8 vị thân
tộc kia đến.
Ông phân trần :
— Hôm nọ tôi
đang ngồi ăn
cháo nấu với
sữa trong cái
chén bằng
vàng, thì con
dâu tôi nói
rằng tôi ăn
thức ăn dơ.
Xin các vị hãy
vạch ra cho nó
thấy lỗi và đuổi
nó ra khỏi nhà
này.



Visakha giải thích với 8 vị
thân nhân :

— Con không có nói như
vậy đâu. Lúc cha chồng con
đang ăn cháo thì có một tỷ
kheo bước vào nhà khát
thức. Cha chồng con nhìn
thấy, nhưng làm ngơ. Nghĩ
bụng rằng cha chồng con
không làm được điều thiện
nào trong hiện tại mà chỉ
thọ hưởng phước báu đã tạo
ra trong quá khứ nên con
đã bạch với vị tỷ kheo như
vậy : *"Bạch thấy, xin thấy
hoan hỷ bước sang nhà
khác, cha chồng tôi đang
dùng những món ăn thiêu"*.





Mọi người nhìn nhận rằng Visakha không có lỗi. Cha chồng nàng cũng đồng ý như vậy, nhưng ông chưa nguôi giận, vẫn tiếp tục bắt tội nàng: *"Giữa đêm khuya mà thấp thỏm với các nô tỳ ra sau vườn để làm gì?"*

Visakha liền giải thích lý do tại sao nàng phải làm như vậy. Tám vị thân nhân ghi nhận rằng vì tình thương một con thú đang chịu đau đớn, nàng dâu cao quý của triệu phú đã làm một việc cực nhọc mà cho tới các nô tỳ chưa chắc đã tự nguyện làm. Như vậy cô không có lỗi, mà còn đáng được khen ngợi.

Nhưng triệu phú lại kiểm chuyện, bắt lỗi rằng trước khi về nhà chồng, Visakha có học *"mười điều kỳ quái"*, thí dụ như : *"lửa trong nhà không được đem ra ngoài ngõ. Vậy, thật sự có thể sống được chăng, nếu đôi khi không đem lửa cho hàng xóm láng giềng mỗi"*.

Visakha lại nhân cơ hội này, giải thích rành rẽ ý nghĩa của mười điều mà cha nàng đã dạy trước khi nàng lên xe hoa. Cuối cùng ông cha chồng không còn gì để buộc tội nàng. Ông ngồi lặng thinh.

Chính vào lúc đó, Visakha mới “làm vừa lòng” cha chồng.





Vài ngày sau, Visakha thỉnh Phật về nhà. Thọ thực xong, Phật thuyết một bài pháp. Triệu phú ngồi sau bức rèm nghe trộm. Sau khi nghe, triệu phú đặc quả Dự lưu. Từ đó ông rất quý con dâu và hết sức tôn kính Phật.



Nhiều tháng sau, Visakha sanh con trai. Phật hay tin, đến viếng gia đình nàng và thuyết pháp. Lần này, mẹ chồng nàng đặc quả Dự lưu. Từ đó cả nhà bên chồng Visakha trở thành một gia đình Phật tử.

III. Tinh xá Đông Viên Trùng Các



Ngày kia, Visakha đến chùa trong bộ y phục đắt giá,...

...nhưng bà sức nhớ rằng ăn mặc rực rỡ trước mặt Thế Tôn là không thích nghi, bà liền mặc y phục bình thường.



Người giữ
bộ đồ này
giúp ta.

Thưa vâng.



Buổi giảng chấm dứt. Bà Visakha ra về cùng với cô nữ tỳ.



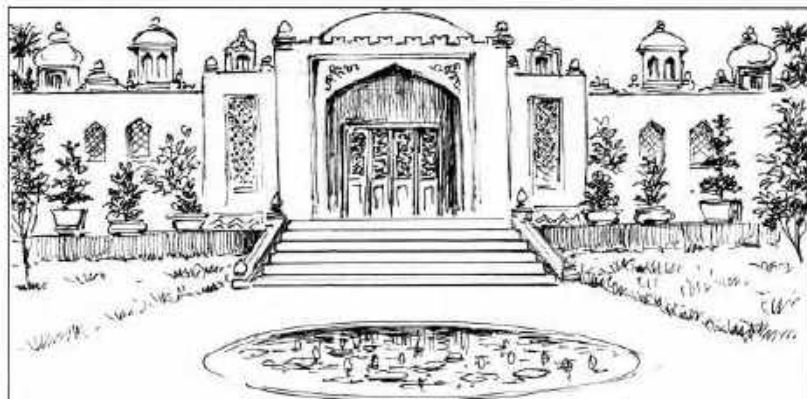
Giảng đường trở nên vắng tanh. Bảy giờ tôn giả A-nan chợt nhìn thấy gói đồ mà không biết là của ai : ông không mở ra mà đem trình với Phật.



TRONG KHI ĐÓ VISAKHA ĐÃ VỀ TỚI NHÀ



Lát sau, cô nữ tỳ trở về báo rằng tôn giả A-nan đang giữ gói đồ. Visakha trở lại gặp Phật.



Nhưng không ai có đủ tiền mua bộ y phục đắt giá đó. Thế là Visakha mua lại bộ quần áo của mình, và xây một tịnh xá rất đẹp ở phía Đông của thành Vương Xá : tịnh xá Pubbarama*.

* Đông Viên Trùng Các. Trong 45 năm hoàng pháp, Phật an cư mùa mưa tại đây 6 lần

IV. Vài mẫu chuyện về Visakha

1. Visakha và việc nữ nhân uống rượu

Thuở đó có một tửu hội được tổ chức tại Xá Vệ. Sau khi đem rượu cho các phu nhân xong, 500 nữ nhân thân tín của Visakha nghĩ thầm : “Bọn mình cũng muốn uống rượu”.

Họ tìm đến bà Visakha, nói :

— Thưa phu nhân, chúng ta đi dự hội ?

— Đây là một tửu hội, ta không muốn đến.

— Thế thì phu nhân hãy đi cúng dường Thế Tôn, còn chúng tôi đi dự hội.

Visakha đồng ý. Buổi chiều, bà cùng với các nữ nhân đó đến Kỳ Viên để nghe thuyết pháp. Nhưng vài người trong số đó đã nhảy múa, ca hát ngay trước mặt bậc Đạo sư, có người còn cãi nhau nữa. Bậc Đạo sư liền phóng ra một tia hào quang từ chân mày của Ngài khiến cho bầu trời đen kịt. Các nữ nhân hoảng hồn, tỉnh rượu ngay. Trong lúc đó bậc Đạo sư biến mất khỏi giảng đường, xuất hiện trên đỉnh núi Tu di và phóng ra một tia hào quang rực rỡ chẳng khác nào ngàn vầng trăng cùng xuất hiện. Ngài nói lên bài kệ :

*Ở đây không phải chốn vui cười,
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời.
Sao mãi chìm đắm trong bóng tối,
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi ?*

Câu kệ vừa chấm dứt, 500 nữ nhân có uống rượu đều đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư xuất hiện trở lại trên bảo tọa. Lúc ấy Visakha đánh lễ Ngài và hỏi :

— Bạch Thế Tôn, việc uống rượu xuất phát từ đâu ? Để trả lời bà, bậc Đạo sư kể một câu chuyện trong quá khứ.*



* Xem Tiền Thân Đức Phật, số 512.

2. Visakha và việc cô Sundary bị giết

Khi xảy ra câu chuyện cô Sundary bị giết gần tỉnh xá Kỳ Viên*, Visakha là người đau buồn, lo lắng nhất. Với tấm lòng kính tin lớn lao nơi Phật, bà quả quyết đây là một vụ vu cáo, nhưng bà không biết làm sao, bèn vội vã gặp ông Cấp Cô Độc. Hai triệu phú bàn luận, cuối cùng đồng ý sai người đi thám thính trong hàng ngũ của ngoại đạo. Cũng may, nhà vua đã sớm tìm ra thủ phạm.



3. Visakha than thở với Phật về chuyện nhà

Trong những lúc Phật cư ngụ tại Đông Viên Trùng Các, mỗi khi gặp chuyện buồn, bà Visakha thường tìm đến Phật để được an ủi. Có lần bà gửi quà về quê nhà Anga, nhưng quan quân đóng ở biên giới bắt đóng thuế quá cao. Bà khiêu nại lên vua Ba-tư-nặc. Vua xử bà thua kiện. Bà buồn phiền, đến than thở với Phật. Phật không bênh bên nào, chỉ an ủi rằng sự buồn phiền sẽ làm cho con người thêm đau khổ, rằng sẽ bận lòng biết bao nếu cứ đeo đuổi mãi những vụ tranh chấp. Những lời khuyên giải của Phật đã giúp bà Visakha hết ưu tư vì bị thua kiện.



* Xem Lịch Sử Đức Phật bằng tranh, trang 297.

Vài năm sau, giữa một buổi trưa hè nóng nực — thời điểm mà các nhà quý tộc ít khi ra đường — bà Visakha tìm đến Phật với quần áo, tóc tai ướt đầm vì đã dự buổi lễ tẩy trần sau một đám tang. Phật hỏi :

— Này nữ cư sĩ, vì sao cư sĩ đến đây vào giờ này ?

— Bạch Thế Tôn, con rất đau khổ. Đứa cháu gái mà con yêu quý nhất đã trừ trần.

— Này Visakha, cư sĩ có muốn sinh nhiều con bằng với số dân của thành Xá Vệ này không ?

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

— Ở Xá Vệ, mỗi ngày có mấy người chết.

— Bạch Thế Tôn, khá nhiều. Tối thiểu cũng phải có một người.

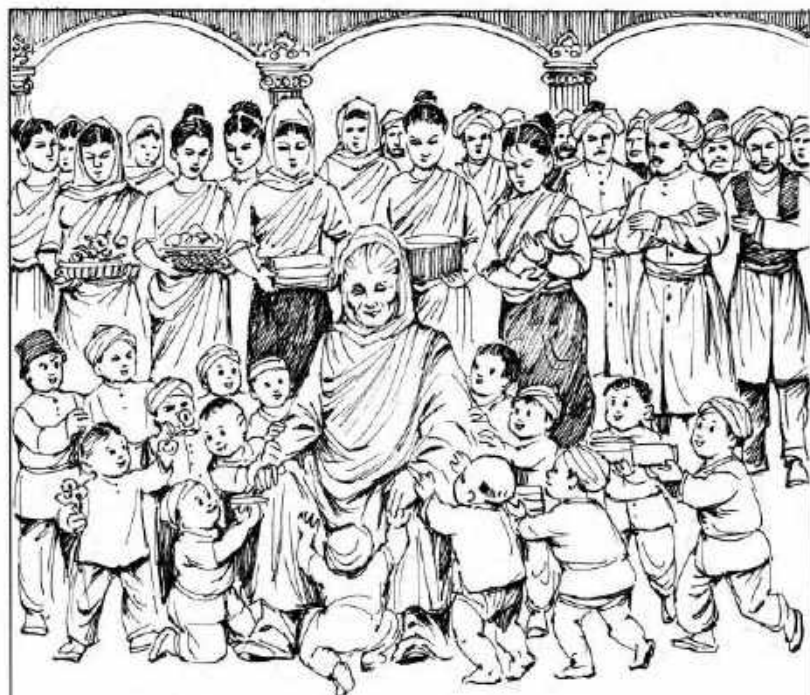
— Trong trường hợp như vậy, có ngày nào quần áo, tóc tai của cư sĩ không bị ướt vì lễ tẩy trần sau đám tang không ?

— Bạch Thế Tôn, chắc chắn là không.

— Thế đấy, này Visakha ! Ta nói cho nữ cư sĩ rõ : bất cứ ai có 100 vật yêu quý thì người đó sẽ có 100 nỗi khổ đau. Ai có 90, 60, 40, 20, 10, 5, 2 vật gì yêu quý thì đồng thời họ cũng có chừng đó nỗi khổ đau. Nhưng những người không có vật gì yêu quý thì họ không hề có một khổ đau nào.

— Bạch Thế Tôn, nay con đã hiểu.





Bà Visakha có 10 người con trai và 10 người con gái. Tất cả đều hiếu thảo. Chúng sinh ra một bảy cháu đồng đức. Bà thọ tới 120 tuổi.

1. Kinh Trường Bộ Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991.
2. Kinh Trung Bộ Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992.
3. Tăng Chi Bộ kinh Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1996.
4. Tương Ưng Bộ kinh Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993.
5. Chuyện Tiền Thân Đức Phật Hoà Thượng Thích Minh Châu,
Trần Tuấn Mẫn,
Nguyên Tâm Trần Phương Lan.
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993.
6. Thập Đại Đế Tử truyện Thích Tịnh Vân.
Người dịch : Như Đức.
7. Đức Phật Lịch Sử H.W. Schumann.
Giáo sư *Nguyên Tâm* Trần Phương Lan dịch.
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1997.
8. Đức Phật và Phật pháp Narada, Thera.
Phạm Kim Khánh dịch.
Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
9. Chú giải kinh Pháp Cú Trưởng lão Thiền sư Pháp Minh dịch.
Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
10. Phật Báo Ân
11. Phật học Tinh hoa Thu Giang Nguyễn Duy Cần
Khai Trí, 1971.
12. Phật học Từ điển Đoàn Trung Còn
Phật học Tông Thư, 1966.
13. Từ điển Phật học Việt Nam Thích Minh Châu và Minh Chi
Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1991.
14. Huệ Quang đại Tự điển Tu viện Huệ Quang, 2000.

Truyện Tranh THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ PHẬT THÍCH CA

**Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: (024) 3926 0024 Fax: (024) 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc BÙI VIỆT BẮC**

Chịu trách nhiệm nội dung: **TBT. Lý Bá Toàn**

Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**

Sửa bản in: **Lý Thái Thuận**

Bìa: **Đỗ Duy Ngọc**

Đối tác liên kết xuất bản:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

789 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP HCM

In 10.000 cuốn, khổ 13cm x 19cm tại:

Công ty CP In Người Lao Động,

195 Lê Quang Sung, Phường 6, Quận 6, TP HCM.

Số XNĐKXB: 338-2020/CXBIPH/25 - 06/HĐ

Số QĐXB của NXB: 132/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 25 tháng 02 năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-9908-47-7)